HÀ VĂN CẦU

HỀ CHÈO



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Tia Sáng

HỀ CHÈO

HÀ VĂN CẦU



Hề chèo

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HOAN NGHÊNH BẠN ĐỌC GÓP Ý PHÊ BÌNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161b Lý Chính Thắng - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 9316211 - 8465595 - 8465596 - 9316289
Fax:84.8.8437450
E-mail:nxbtre@hcm.vnn.vn

LỜI NGƯỜI SƯU TẦM

(Viết cho bản in lần thứ hai)

Bạn đọc thân mến,

Khi cuốn sách này đến tay bạn thì các nghệ nhân có tên trong sách đã "đi" gần hết. Chỉ còn một mình bác Vũ Văn Phụ, chiếng Chèo Khuốc; nhưng bác cũng đang ở trong tình trạng "răng lợi chung chiêng, ba chân, bốn mắt" rồi.

Việc các bác ra đi cũng tất yếu như trái rụng vào lúc phải rụng, song các bác đi rồi, lứa hoa thơm, quả ngọt tiếp sau chưa phải đã có nhiều.

Tôi trân trọng báo tin đó để bạn suy nghĩ với tấm lòng mong mỏi rằng: bạn sẽ góp phần tích cực vào việc tiếp nối truyền thống của cha ông, duy trì lấy một phần vốn quý của dân tộc Việt Nam ta.

Về phần tôi, trong mấy năm qua, nhiều bạn xa gần đã góp ý hoặc gợi ý cho là nên nhân vốn Hề cũ, làm nên một công trình nghiên cứu lý luận "có quy mô, có trật tự" hơn. Song "Cây đời luôn xanh tươi", tôi chỉ dám tự cho phép mình tập hợp, bổ sung thêm một số mẫu hề cũ, nhằm cung cấp thêm những tư liệu sinh động để các bạn nghiên cứu có cơ sở ngẫm về "một ngàn năm về trước để suy ra một ngàn năm về sau".

Đó mới chính là điều ao ước hàng ngày của tôi.

Mong rằng Hề chèo sẽ được các bạn làm sân khấu ngày nay cải biên và cách mạng hóa nó, để nhằm đưa tiếng cười vốn lành mạnh và khỏe khoắn ấy phục vụ cho cuộc sống xã hội chủ nghĩa đang đi lên của chúng ta.

Ngày 1 tháng 11 năm 1976

HÀ VĂN CẦU

I



DẪN LUẬN

GIÁO ĐẦU

Ăn no rồi lại nằm khoèo
Thấy giục trống chèo, bế bụng đi xem...

Không biết câu ca ấy xuất hiện từ thời nào mà nội dung đã khéo vẽ nên hình ảnh người nông dân ta ngày xưa, trong những năm phong đăng hòa cốc, khi ăn uống no nê rồi chỉ còn biết nằm khoèo một chỗ, nếu không có tiếng trống chèo giòn giã, thôi thúc đi xem.

Quả thật, từ hàng ngàn năm nay, chèo đã là món ăn tinh thần, nếu không phải là duy nhất, thì cũng là món ăn đầy thích thú không thể thiếu được trong đời sống hàng ngày của người nông dân ở đồng bằng Bắc Bộ ta xưa.

Trong nghệ thuật chèo, và ngay trong mỗi vở chèo, dù là kể về sự tích ông nào, bà nào, dù sự tích nhà Phật đi chăng nữa, vẫn cứ có mặt anh Hề thông minh quen thuộc, ra trò để cười đời và tự cười mình, để nhạo báng không kiêng nể ai, kể cả thần tiên phật thánh, vua quan cho đến xã trưởng, cường hào.

Hề chèo, trong lịch sử, đại biểu cho ý chí nguyện vọng của tất cả mọi người nông dân lao khổ, hướng tiếng cười mạnh mẽ vào cái chế độ đương thời để đả phá nó, đồng thời để tự cổ

vũ mình, để tự khẳng định mình trong cuộc đấu tranh giai cấp vô cùng ác liệt.

Hề chèo đã trở thành vốn quí dân tộc của cha ông ta để lại.

Mấy năm gần đây, nhiều tác giả chèo đang tìm về học tập vốn cũ trong đó có Hề chèo để vận dụng vào việc viết các vở chèo mới theo đề tài hiện đại. Trên báo chí, cũng đã nhiều người đề xuất việc tìm hiểu và đánh giá Hề chèo.

Song vì thiếu tư liệu cho nên các công việc nghiên cứu, đánh giá và vận dụng Hề chèo còn gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại được một sự thỏa mãn cho người xem và người đọc. Trong tình hình chống Mỹ cứu nước, việc khai thác vốn Hề xưa càng gặp nhiều khó khăn, nhất là các cụ, các bác nghệ nhân cũ, tuổi gần tròn trăm, vốn đã hiếm hoi, ngày lại càng vắng thêm.

Chúng tôi, trong vòng trên mười năm, được may mắn theo đòi, gần gũi học tập các bác, đã sưu tầm gần một trăm mẫu Hề. Chúng tôi nghĩ rằng với các bác thì: *Trăm năm đành có hạn,* còn vốn Hề xưa thì không thể đời đời theo các cụ các bác, không lưu lại dấu vết gì cho đời sau, bởi vì:

Nghệ thuật vẫn vô cùng.

Vì vậy, chúng tôi cố gắng sắp xếp, chọn lọc một số mẫu Hề tiêu biểu, bước đầu cung cấp cho bà con trong nghề một số vốn xưa và cũng mong mỏi đem đến cho các nhà nghiên cứu một số tư liệu tối thiểu và tương đối có hệ thống.

Việc làm hay hay dở đã có dư luận chung, người soạn thảo chỉ biết mình lòng thành, hết sức cố gắng và chỉ tự coi mình là một viên gạch nhỏ góp vào việc tích lũy ban đầu

cho tiếng cười của nền sân khấu xã hội chủ nghĩa sau này mà thôi.

Tuy vậy, xem Hề chèo, nếu không quen với một tập quán thưởng thức truyền thống thì chưa chắc người xem đã thích thú, nhất là các bạn trẻ ngày nay sinh ra và lớn lên trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, ít được xem chèo cổ, nên có thể còn ngỡ ngàng với vốn cũ. Vì vậy, chúng tôi đã tự cho phép viết mấy lời giới thiệu gọi là dẫn luận, với mục đích duy nhất là hướng dẫn bạn đọc làm quen với anh Hề trên sân khấu chèo của nhân dân ta xưa mà không nhằm đánh giá hoặc bình luận nhiều về nghệ thuật của Hề chèo.

MẤY NÉT LỊCH SỬ

Ngay từ khi chèo xuất hiện thì yếu tố Hề cũng ra đời.

Thật vậy, vào những buổi đầu thời Đinh, nghệ thuật chèo hình thành trên cơ sở của dân ca, dân vũ và trò nhại. Nguồn gốc xa xưa của hình thức hát múa và trò nhại đó, hiện nay chúng ta chưa đủ tài liệu để thuyết minh, nhưng rõ ràng đến thời Đinh thì các hình thức múa và nhại đó đã trở thành hình thức giải trí của nhân dân mà tổ tiên chúng ta gọi gộp là *trò*. Trong *An Nam chí nguyên*, Cao Hùng Trưng dẫn sách *Giao chỉ thông chí* cũng gọi gộp tất cả các hình thức biểu diễn như hát, múa rối, đi kheo, kéo tay v.v... là *hí*. Hí tức là trò, ngày nay vẫn còn một số người gọi các hình thức biểu diễn là *trò*: trò leo dây, trò múa rối, trò xiếc, trò đánh vật...

Trò nhại thời Đinh - Lê là hình thức trò rất phổ biến. Chẳng những nó được lưu hành rộng rãi trong dân gian mà còn được mang vào trong cung đình để phục vụ cho giai cấp thống trị. Tên hề Liêu Thủ Tâm và những tên "Hề liến thoắng" trong cung Lê Long Đĩnh chính là những diễn viên trò nhại. Chèo là nghệ thuật tổng hợp của nhiều hình thức trò, trong đó, Hề dựa vững chắc trên cơ sở trò nhại. Trò nhại, xét cho cùng, chỉ là những mảnh sinh hoạt mô phỏng cuộc sống, còn nhiều màu

sắc tự nhiên. Về nghệ thuật, chúng còn rất thô sơ, chất phác. Mục đích của những buổi trò nhại đó thực tế mới chỉ là để mua vui, cho nên ý nghĩa xã hội của chúng còn rất hạn chế. Tuy nhiên, vì trò nhại đã ít nhiều bắt nguồn từ cuộc sống lao động của nhân dân nên bên cạnh tính chất mua vui, nó cũng có tính hiện thực và tính thời sự nóng hổi. Về mặt biểu diễn, trò nhại vận dụng trong Hề chèo là hình thức biểu diễn ứng khẩu (ứng diễn), không có sự chuẩn bị sẵn từ trước về mặt nội dung. Lề lối ứng diễn ấy sống rất lâu đời và trở thành cơ sở của tính chất kịp thời của các mẫu Hề sau này (cho đến tận giữa thế kỷ XX).

Sách *Hí phường phả lục* của Lương Thế Vinh ra đời vào năm 1501, chép về một trong những vị tổ của ngành chèo là ông Đào Văn Só, có kể rõ: hằng năm ông Đào thường đến các nhà hào trưởng để diễn lại hình ảnh của các vị hào trưởng xưa, cho con cháu xem. Chúng ta ngày nay hiểu rằng "hào trưởng" vào thời Đinh chính là những người đứng đầu một công xã. Và ở công xã xưa, hằng năm thường có lễ "sùng bái tù trưởng". Ông Đào đã được triệu đến các lễ đó, làm "trò nhại" bắt chước in như thật các vị tù trưởng đã quá cố.

Sau đó, những nhân vật như ông Xốm, thằng Ngô, con Bợm, mụ Đĩ, nhiêu Oanh, nhiêu Lập, nhiêu Hiếu... mà Lê Quý Đôn trích dẫn trong *Lễ bộ Chương* (xem *Kiến Văn tiểu lục*), theo chúng tôi, đều là những nhân vật ra đời từ trò nhại.

Thời Lê Thái Tông, chèo bị bài xích ra khỏi cung đình và trở về thôn dã, sống trong sự yêu thương đùm bọc của nhân dân lao động. Do hát thi ăn giải, do hát khoán hồ hương, do nhu cầu thưởng thức những lớp trò trào lộng của khán giả mà

người trong nghề thường gọi là "khách xem ăn giễu", trở thành một thủ đoạn nghệ thuật hoàn chỉnh và phong phú.

Hình thức mô phỏng cuộc sống để mua vui trong Hề chèo sống dai dẳng rất lâu, cho mãi đến thời Lê Mạt, thời chế độ phong kiến dần dần thoái hóa, nó mới có sự chuyển biến về nội dung, song song với sự tiến triển của toàn bộ nghệ thuật chèo.

Lúc này, chế độ địa chủ tư hữu đã trở nên phản động, mâu thuẫn xã hội ngày càng ác liệt, sân khấu chèo đã phản ánh tình hình mâu thuẫn ấy; Hề chèo trở thành vũ khí đấu tranh của giai cấp.

Buổi ấy, đối tượng được phản ánh trong Hề chèo là quan hệ giữa các tầng lớp quan liêu địa chủ với người nông dân lao động. Quan hệ đó là quan hệ bất bình đẳng, phần thiệt nghiêng về phía người nông dân. Tiếng cười lúc này là tiếng cười bất bình, đả phá mãnh liệt chống đối lại bọn phong kiến áp bức, vạch trần những tệ lậu xã hội. Tiếng cười vang lên mạnh mẽ trong Hề chèo với một phong vị châm biếm sâu cay cũng như trong truyện cười dân gian. Ở đây, rõ ràng chèo và văn học dân gian đã kết hợp với nhau, tạo thành một thế liên minh vững chắc, tấn công thành trì phong kiến phản động.

Hề chèo lúc này luôn luôn bám sát thời sự, rồi từ những lớp Hề mang tính thời sự đó, Hề chèo nhờ có giá trị phổ biến, đã được bổ sung và nâng cao dần mà trở thành những màn Hề cố định. Chắc chắn điệu hát "*Cu Tí*", lúc đầu phải là một câu chuyện "Kể vè" nào đó trong dân gian được Hề chèo sử dụng. Sau đó, do ý nghĩa khái quát của nó, nó mới trở thành "vốn liếng" của người nghệ sĩ chèo. Câu chuyện về quan chấm

thi họ Bùi trong chuyện *Xôi Muối* cũng không ngoài lệ ấy. Câu hát sắp *Đặt để mà chơi* sau này cũng vậy.

Khi Tự Đức cúi đầu ký kết hiệp ước bán nước cho đế quốc Pháp, vai Hề trong Trò Kiều Tự (1870) đã mượn sân khấu để chỉ trích:

Hề: *"Trời sinh thánh " ế "*

Đế: Trời sinh thánh đế.

Hề: *Ai chả biết đế với vương, nhưng không ai hỏi đến thì chẳng ế sưng ra à? "Trị nước ngang lưng"*

Đế: Trị nước lên ngôi

Hề: *"Trị nước lên ngôi thì ngồi mà chết...!"*

Tuy vậy, tàn dư của những lớp trò nhại vẫn còn đậm đà. Cho đến đầu thế kỷ này, những lối *chơi chữ, pha trò* có tính chất tự nhiên chủ nghĩa vẫn còn sống dai dẳng. Đó là những lối xưng danh, tán ngoại của Hề mà chúng ta sẽ xét ở phần sau.

Sang đầu thế kỷ XX, với phong trào chèo văn minh và chèo cải lương, Hề chèo đã tiến được một bước khá dài. Hề chèo đả kích những yếu tố mê tín dị đoan phổ biến nhất mà giai cấp phong kiến lợi dụng để mê hoặc nhân dân. Những thổ công, thổ địa, sơn thần... được đưa lên sân khấu và cho đến tận ngày nay, trên báo chí cũng như trên sân khấu quần chúng, hình ảnh những ông thổ công không quần lên chầu trời vào dịp Tết để "báo cáo" về việc trần gian, vẫn còn được sử dụng rộng rãi.

Trong thời kỳ này, đặc biệt có hiện tượng *ít dần* những vai *hề gậy, hề mồi*, nhất là những lớp Hề ra trò và những lớp *nhiêu* xưng danh. Trong quá trình sưu tầm, chúng tôi chỉ phát

hiện được một sắp trò *Nhiêu Văn* của phong trào chèo văn minh mà thôi. Hề chèo dần dần đi vào các loại Hề tính cách. Đó cũng là do một trong ba yếu tố quan trọng của sân khấu quyết định: khán giả. Khán giả của chèo văn minh và chèo cải lương đông nhất vẫn là thị dân. Thành phần xã hội của họ khá phức tạp lại chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, cho nên đòi hỏi của họ cũng khác trước. Hề chèo không còn được phép ra vào một cách tùy tiện như trước nữa mà phải do khuynh hướng của tình tiết và cốt truyện quyết định.

Nhìn lại ngót một ngàn năm tiến hóa của Hề chèo, chúng ta thấy rõ rằng xu thế phát triển lịch sử của nó là *đi dần đến xây dựng những lớp hài tính cách*; về căn bản, hiện tượng đó phù hợp với quy luật phát triển của hài kịch nói chung.

NỘI DUNG HỀ CHÈO

Chủ nhân của nghệ thuật chèo là người nông dân lao động ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

Đó là những con người bị giai cấp phong kiến bóc lột cùng cực về mặt thể chất và đầu độc về mặt tư tưởng. Tư tưởng của giai cấp thống trị đè nén họ, ảnh hưởng đến nếp suy nghĩ, đến hành động hàng ngày của họ. Mặt khác, pháp luật phong kiến khắc nghiệt đã ngăn chặn mọi cách suy nghĩ, mọi hành động có hại cho trật tự phong kiến của họ.

Đương nhiên, cơ sở vật chất của cuộc sống xã hội luôn luôn được phản ánh vào cuộc sống ý thức của con người. Mặc dù ý thức xã hội có tính độc lập tương đối của nó, nhưng ý thức hệ của con người nông dân xưa, do quan hệ sản xuất phong kiến qui định, trong một chừng mực nhất định đã mâu thuẫn và chống đối lại với ý thức hệ phong kiến, đồng thời cũng có chỗ lặp lại ý thức phong kiến, phản ánh một cách trung thực tình trạng xã hội - lịch sử do điều kiện cuộc sống gây ra.

Vì thế, đọc Hề chèo và xem Hề chèo, chúng ta luôn luôn bắt gặp những đoạn rất hay về nội dung và nghệ thuật, nhưng liền ngay đó, lại vấp luôn ngay phải những hạt sạn, những hạn chế về mặt tư tưởng và thô sơ về hình thức.

Lần mở những trang Hề, chúng ta thấy cả một xã hội thu nhỏ: công xã nông thôn với tất cả hệ thống tục luật mạnh mẽ hơn pháp luật. "Phép vua thua lệ làng"... Theo lệ làng, mỗi khi mở đám hát chèo, anh Hề bước ra sân khấu phải có lời chúc mừng. Anh không mừng tiên thứ chỉ, anh không mừng xã quan, anh chỉ mừng chung tất cả mọi người, từ:

Đức thượng thần về giá ngự long ngai
Về đình trung phù hộ cho già trẻ, gái trai
Đều được chữ phúc lai, tai tống...

cho đến toàn dân:

Mừng dân ta quy mô nhất thống
Bốn phương đều lai giả thụ chi
Mừng các thầy nho, thầy khóa đang học đang thi
Đua trận bút cũng được lai khoa chiếm bảng.

....

Kẻ thiếu nữ ca đàn chúc hỗ
Khi thanh nhàn cuốc nguyệt, cày mây
Giai ngày ngày chân dép, chân giầy
Gái nhàn hạ đưa thoi dệt cửi.

Lệ làng trọng xỉ hơn trọng tước, tôn trọng bậc già cả hơn người làm việc làng, thì Hề chèo:

Mừng quan trùm, quan lão làng ta đây:
Đi đâu cũng lấy thi thư làm bạn
Đoạn tiệc rồi lai xuân, lai hạ, lai thủ, lai thành
Rượu khuyên mời chén chú, chén anh
Hoàng hoa tửu quần lai yến ẩm!

Hề chúc cho các bô lão thong thả, nhàn nhã, luôn luôn dư dật, luôn luôn đánh chén làm vui. Hề đến đám là đến với quần chúng, Hề chúc quần chúng, Hề không nói gì và cũng không có gì để nói với các chức sự trong làng.

Những lời chúc mừng vừa dứt, anh Hề bắt đầu làm trò, thế là tất cả cuộc sống nghèo khổ của người nông dân được diễn tả ra. Qua lời trò, người ta thấy tất cả tài sản của anh chỉ có cây mít, cây hồng, cây sung, cây khế... cùng những sinh hoạt tối thiểu: cái chĩnh, cái gáo, cái nón, cái bát, cái điếu cày,... tất cả ngần ấy thứ gộp lại chỉ đủ để nói lên một bộ đồ lề của người cùng đinh, có cái này thiếu cái nọ.

Đối lập với cuộc sống nghèo khổ của người nông dân, người ta thấy toàn bộ đồ lề của nhà quan. *Lịch triều hiến chương loại chí* đã cho ta biết hành ngơi của một viên quan to:

...... "Các chức thượng thư, ngự sử được dùng một cái dù mưa màu xanh có riềm, võng bảy đòn sơn đen, đầu đòn sơn tía......"

(Lễ nghi chí)

và đồ lề của ngài gồm có:

...... "Giường, phên nứa, cây đèn, dao quai, dao to, rổ rá, mâm và chậu gỗ sơn vẽ đều mỗi thứ một cái, chiếu tốt một đôi, dầu hai chĩnh, bấc đèn một bó, nồi đất ba cái, chum lớn chum nhỏ mỗi thứ ba cái, bát đĩa phố mỗi thứ mười lăm cái........."

(Khoa mục chí)

nhưng đấy mới chỉ là phép vua cho quan ngài được phép dùng. Còn trong thực tế, anh Hề còn cho ta biết thêm rằng quan đã có thể "mở rộng" tư liệu sinh hoạt của mình ra đến mức:

Cái võng tám đòn
Dàn hoa núc nác
Bốn mỏ bịt vàng
Bốn mỏ bịt bạc

....

Vừa đủ vừa dáo
Là tám mươi tư
Một chiếc hoả lò
Hai chiếc hoả phục
Chậu đồng khăn mặt
Nón chóp treo dây

....

Rương đã có nêm
Hòm đã có khoá
Một cũi bát đá
Hai cũi bát ngô

....

Nước mắm xứ Nghệ
Mắm tép, mắm tôm
Ba thức rõ ràng
Thức nào cũng đầy lọ
Hành thời một bó
Tỏi thời một trăm ...

Anh lính hầu cung đình bỗng nhiên trở thành anh quản kho cho quan lớn!

Cuộc sống của người nông dân nghèo khổ so với cuộc sống của ông quan đã cách biệt đến như thế nhưng nào đã yên đâu. Người nông dân còn bị áp bức nữa. Anh Hề cười một xã hội mọt rỗng. Đầu tiên là kỳ lý trong dân. Dưới con mắt của anh, tổ chức chính quyền của lãng xã chỉ là một tổ chức đục khoét, dốt nát và tham lam. Qua màn việc làng trong *Quan Âm Thị Kính,* chúng ta thấy cụ Đồ Điếc tưởng "chú sư" định "lôi đình" làng đi nơi khác và dặn mẹ mõ rằng: "Nếu không có ăn uống thì lần sau đừng có mời tao". Các đàn anh trong làng vừa câm, vừa điếc lại vừa mù. Ngay cả trong các lớp "Kể chuyện vui" như chuyện cá, chuyện cây, chúng ta cũng thấy được "đặc điểm" của các bậc đàn anh trong làng là tranh giành ngôi thứ, xôi thịt ở chốn đình trung, biển thủ công quỹ và kiện tụng liên miên:

... Cá nhớn cá bé, cá mẹ cá con
So cứng cổ cá chầy đệ nhất
Anh cá rô cùng cậu săn sắt
Trời mưa rào, rô lách rạch ngang
Anh cá trê tính khí nghênh ngang
Phải cái kiện, trê già cụt ngạnh
Vũ khoe vũ mạnh
Vũ múa vũ chơi
Anh cá trôi nhảy phắt kêu trời
Ối trời ơi! Nó đa nhân hiếp quả...

hoặc:

... Cây binh phần, cây giữ hộ phần
Chọn cây cứng lắm cành nhiều rễ...
... Vốn thị nay, to lực thị xương
Thị ra làng đây thì tha hồ "dân" bóp nặn.
... Hồng làm khán cho làng được cậy
Còn anh dứa thì chỉ nói gai
Lương lính hôm nay cho chí ngày mai
Đóng góp nặng, anh mít xơ ra cả.
Anh cau thì trễ nải
Anh chuối thì, thì sẵn tiền làng chuối lấy chuối tiêu
Quýt với cam túi múi ít nhiều
Làng tính sổ, quýt làm cam chịu...
... Làng được cậy lắm kẻ được nhờ
Lắm bổng lộc anh sung lại sướng...

Thế vẫn chưa đủ. Mỗi khi quan về, các vị "đương chức, sở tại" còn tìm cách xoay xoả để cung đốn cho quan. Họ định:

..."bổ vào đinh mỗi xuất hai quan, bổ vào điền mỗi mẫu bảy quan, sáu tiền hai mươi đồng..." nhưng không ai chịu. Thế là họ "bổ vào gái goá"! Tội nghiệp cho người phụ nữ thiệt đơn thiệt kép!

Hề chèo ngẩng nhìn lên trên cao. Quan phụ mẫu nói: "Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa", anh Hề bỗng hoảng hốt nghe trệch ra là: "Quan đồn lột da, quan phủ lột da", và anh cẩn thận gọi loa cho mọi người biết để mà đề phòng:

"Quan đã ra, ai có gà thì nhốt!"

Anh Hề tố cáo, hơn thế nữa, anh Hề chửi. Nhưng rút cục,

anh Hề vẫn chỉ thấy quan lại và hình pháp ở phía tiêu cực đầy sợ hãi. Qua tiếng cười của cả Sứt, ta thấy rõ các loại hình cụ ngày xưa thật là kinh khủng! Người phạm tội bị gông cổ, cùm tay rồi bị nhốt vào trong một cái cũi y như một con vật! Rồi vồ, rồi nọc, rồi roi đôi! *Lịch triều hiến chương loại chí* đã kể về các cực hình tra tấn một cách lạnh lùng, chúng ta đọc lại cũng chỉ thấy chế độ phong kiến tàn ác một cách lạnh lùng, còn nghe Hề thì các cực hình ấy trở nên sống động một cách tàn ác có chủ tâm, và hình như người bị cực hình còn đang giãy giụa trong máu và nước mắt ngay trước mặt ta. Tiếng cười ở đây có chen một tiếng nấc.

Thế là chức sắc trong làng không trông cậy được, vua quan - quan to quan nhỏ - cũng không trông cậy được, anh Hề phải đến gõ cửa nhà giời. Nhưng:

... *"Giời trông thấy tôi, giời xanh ngay mặt lại..."*

Giời sợ chú Hề quấy quả! Hề đến hang tiên:

... *"Thấy tiên cắn đuôi nhau kêu chí chí!"*

và ông tiên cũng chỉ lo "giữ lấy vốn nhà!". Cũng không trông cậy được.

Cuối cùng, anh Hề liều mạng chửi vung lên. Đối với anh, trời cũng không to, vua cũng không to, mèo già, chuột cống cũng không to..., trong xã hội chỉ có mẹ đĩ Hề là quyền thế nhất (xem: *Lý sự vô cùng*).

Tuy thế, vốn là con nhà làm ăn, trong khi cười, thỉnh thoảng anh Hề vẫn nhớ đến chuyện làm ăn: bừa ngả cấy chiêm, ngả chĩnh tương, trồng dàn mướp... Anh mong mỏi:

... "Giời cho lúa tốt mà lại được mùa
Một sào mười gánh, mỗi gié một trăm hột
Hột bằng quả bầu, hột bằng quả bí
Hột nào bé tí cũng bằng ông bình vôi..."

Anh chỉ mong "mỗi gié một trăm hột", thế mà vẫn không được (Vài năm trước, tôi đã đến Vũ Thắng, đã trông thấy những gié thóc xã hội chủ nghĩa nhiều hột gấp ba, bốn lần ước nguyện của anh Hề, tôi càng thương anh biết bao nhiêu!). Anh đói, anh phải đi hầu người ta, nhưng thật không may, cái ông chủ của anh cũng không no! Ông cũng thèm, cũng đói và ông cũng nhủ anh ra hàng bác đồ Trung mua chịu lòng lợn về đánh chén. Thầy ăn miếng gan, miếng tiết, lòng chay, còn tớ thì lòng già, lòng non, rau ghém, nước suýt. Thế rồi, thầy trò không có tiền trả, thầy trốn biệt, bác đồ Trung khóa áo anh Hề! Anh bị một trận đòn, bị đạp xuống ao, uống no nước, kêu cứu, nhưng nào có ai thương. Đã thế người ta còn sỉ vả: "Cho đáng kiếp cái phường thầy trò thằng ăn bửa!". Thật là oan cho anh Hề hiền lành và tội nghiệp của chúng ta biết bao!

Đọc Hề và xem Hề, ngoài bức tranh xã hội vẽ nên hai cảnh trắng đen rõ rệt ấy, chúng ta còn thích thú thấy lại phong tục tập quán, thấy hành ngơi, đời sống, cách suy nghĩ, giao thiệp của con người cổ xưa.

Xem Hề, ta biết những điều mê tín chất phác: tiết tháng bảy, ổi bị nhũn do ngâu vầy, cưới vợ lấy chồng phải tế ông Tơ bà Nguyệt, bởi vì cái duyên cái số là do trời uỷ quyền cho ông Tơ bà Nguyệt quyết định. Cúng đám thì ngoài thầy phù thủy, còn có ông đồng, bà cốt, thầy bèo... tất cả, tất cả, qua lời Hề, cứ như một cuốn phim kể lại đầy đủ, từng chi tiết, cho

chúng ta và nhất là con cháu chúng ta, những người không bao giờ trông thấy xã hội xưa được biết những cảnh ấy. Ta đọc sách, ta biết khi quan trẩy có lệ vút roi. Nhưng mấy anh lính vút roi ăn mặc, trang bị ra sao, chúng ta không biết. Hãy nghe Hề chèo rồi tưởng tượng:

......Lính tôi con nhà tông tải
Khi ra đường giữ phép nghiêm trang
Vâm vàng tôi thắng chuông bạc
Ngựa bạch tôi thắng đồ điều
Vai mang đồ đẫy
Miệng lập loè năm ba điếu thuốc...!

....

Khi ông tôi trẩy ra có tiền hô, hậu hét
Ông tôi trẩy về đốc phát quân hầu
Đánh sáng choang phủ việt xà mâu
Lau trắng toát cơi giầu, hộp thiếc...

Hề chèo chúc mừng, Hề chèo tố cáo, Hề chèo phản ánh, đồng thời Hề chèo cũng tự khẳng định.

Xem các vở chèo thì vở nào cũng thấy phản ánh cuộc đời đau thương, bị áp bức bóc lột cùng cực của người nông dân, nhất là đời sống tinh thần của người phụ nữ. Một Thị Kính, một Thị Phương... mỗi người một cảnh nhưng chung qui người nào cũng bị nhiều tầng áp bức: nào chồng, nào gia đình, nào xã hội, nào trật tự phong kiến. Họ sinh ra ở trên đời này hầu như chỉ để tuân thủ và phục tùng số mệnh do giai cấp phong kiến đặt ra. Tất cả các vở chèo, về mặt cốt truyện, đều chung một tiếng thở dài não nuột trước số phận. Nhưng nếu chỉ dừng

lại ở chỗ đó thì nghệ thuật chèo sẽ dẫn con người quay lưng lại với thực tại mà trở về quá khứ, tìm sự an ủi trong câu kinh câu kệ và cầu mong cho kiếp sau được thoát khỏi khổ nạn; cao nhất thì nghệ thuật chèo cũng chỉ dừng lại ở giá trị nhân đạo có tính chất tố cáo, lên án xã hội phong kiến và giai cấp thống trị. Nghệ thuật chèo còn có phía tích cực của nó. Đó là tiếng cười lạc quan yêu đời, tiếng cười châm biếm đả kích của vai Hề chống đối lại giai cấp thống trị, đề cao giai cấp mình.

Hề chèo phản ứng mạnh mẽ trước tư tưởng "nam tôn nữ ti", trước tình trạng đày đoạ người phụ nữ, nguỵ trang dưới khẩu hiệu "cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy":

Tôi cũng là con mẹ, con cha
Tôi lấy phải người chồng xấu thực là khó coi
Tôi ra đường trông thấy chồng người
Vừa đẹp vừa giòn
Mặt mũi vuông tròn
Tính nết cũng xinh
Tôi về trông thấy cái nợ nhà tôi như cầm con dao cắt ruột để tâm tình nó đau âm.
Tôi ngồi tôi gạt nước mắt tôi khóc thầm
Tôi trách ông Tơ bà Nguyệt xe lỗi nhầm làm sao đây?

Tình trạng tảo hôn cũng được nói lên:

Chồng thấp mà lấy vợ cao
Bóp vú chẳng được, lấy sào đâm buông.

Hề chèo bực tức trước tình trạng ngoại tình:

Tôi trách những người làm bạn với kẻ có chồng
Như tát nước ải luồng công đợi chờ
Lênh đênh bè ngổ bè dừa
Quần nâu áo vá đâu vừa thì chơi.

Bên cạnh những mẩu trò đó, chúng ta còn có thể thấy được những bài hát trào lộng hơi đặc biệt. Sở dĩ nói là hơi đặc biệt bởi vì khi trình bày lên, chúng có nhiều khả năng làm cho khán giả buồn cười, song âm điệu cơ bản của chúng lại là âm điệu buồn đau. Đó là những bài "Cu Tí", "Cơm canh", "Ba mươi Tết" nổi tiếng... Nghe những bài hát đó, người xem cười nhưng vẫn cảm thấy trong tiếng cười có tiếng nấc nghẹn ngào thông cảm của người nghệ sĩ Hề với số phận đau thương của những con người bần bĩ.

Hề chèo công khai ca ngợi và cổ động những người anh hùng áo vải đứng lên phất cờ khởi nghĩa:

...Khen những người đặt để mà chơi
Giữa năm Nhâm tuất tháng ba mới rồi
Sao tua mọc ắt điềm trời đã quải
Các tướng tài mỗi người mỗi ngả
Rủ nhau về ta hầu hạ vị quân
Khen những người tài tử văn nhân
Sắp binh mã để mà vâng sắc lệnh
Quân ba trăm làm quan chánh lãnh
Quân năm trăm giữ lấy quản cơ
Ông cai tổng Vàng trí dũng mưu thừa
Quân vô số phong làm quan nguyên suý.
Các tướng tài ngày đêm lo nghĩ

Rủ nhau về ta hạ lấy phủ Văn Giang
Cai ba Bính vất vả gian nan
Công đức ấy ai bằng ông Tú Lượng...
(Hát ngoài tích)

Ở đây, so với người viết văn thì diễn viên sân khấu đôi khi cần phải có dũng khí hơn hẳn. Bởi vì, người cầm bút luôn luôn có thể viết những bài thơ, bài văn đả kích giai cấp thống trị mà giai cấp thống trị vẫn không thể biết tác giả là ai, vì tác giả có thể giấu tên, giấu tung tích, còn diễn viên sân khấu, đã bước lên chiếu hát, thì không thể lẩn tránh vào đâu được. Hề đã hát và dám chịu trách nhiệm về bài hát của mình. Thời Gia Long, nghệ sĩ *Hoa Tiến* bị xử tử vì tội "mỉa chê chính trị" đương thời, có lẽ cũng là một diễn viên Hề mà thôi.

Tiếng cười của anh Hề ở phía này có phần nào xót xa, ngậm ngùi nhưng nó cũng ấm cúng và có nhiều phần an ủi, thông cảm với những người cùng giai cấp "bị đau âm".

Xã hội trong Hề chèo là xã hội có kẻ giàu, người khó, kẻ giàu thì lừa lọc, áp bức, còn người khó thì thiệt thòi đau đớn, không biết kêu vào đâu.

Con người trong Hề chèo trước đây thường là con người hết lối thoát, cùng đường, chửi vung lên cho hả, chửi đến mức không đoái đến thân mình.

QUAN ĐIỂM CỦA HỀ CHÈO

Nhìn chung, để đối lập lại quan điểm đạo đức của giai cấp phong kiến, Hề chèo đã đứng vững chắc trên quan điểm nhân dân lao động về nhận thức thế giới và xã hội, đồng thời đưa ra với xã hội những tiêu chuẩn đạo đức của người lao động nhằm chống lại những nguyên tắc phong kiến lạc hậu.

Quan điểm lao động tiến bộ đó của người nghệ sĩ nông dân xưa rất dễ nhận thấy vì nó được biểu hiện rõ ràng *thông qua thái độ yêu ghét* của người nghệ sĩ *đối với các loại nhân vật* mà họ miêu tả trên chiếu chèo.

Đối với những người nông dân cùng khổ - những người lao động - họ miêu tả với một thái độ trân trọng, với một niềm thông cảm thương yêu, xuất phát từ mối đồng cảm giai cấp rõ rệt. Ta hãy nghe nhân vật *Dương Thị Xuân* trong *Tham thực cực thân* nói về cuộc sống hàng ngày của nàng:

... Cơ đồ bần bĩ
Chồng mải chăm kinh sử giùi mài
Mẹ thời già tài tận lão lai
Thiếp khuya sớm tảo tần phiệt duyệt
Tay hái rau tay thời mò ốc
Chân lội bùn đạp góc, đạp gai...

... Đã từng trên thẳm, dưới sâu
Dưới chân đỉa cắn, trên đầu sương bay.

Cũng có khi họ nhìn thân phận của một người cùng khổ với một niềm tự hào, đầy lạc quan:

Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng
(Mẹ Đốp)

Trái lại, đối với những kẻ không lao động và chuyên sống bằng nghề áp bức, bóc lột, bịp bợm thì họ đả kích không tiếc lời. Ta hãy nghe một gã *phù thủy* nói về cuộc sống hàng ngày của y:

Sắc sắc nhụt nhụt
Đâm tụt xuống ao
Đánh đẫy nước vào
Mới gọi là "bồ thủy"...
Sắc sắc ninh ninh
Gió thổi đầu đình
Bao nhiêu tướng nhà thầy
Phen này chết rét...!

Đó là thái độ giễu cợt khác hẳn với thái độ trân trọng trên kia. Do gần gũi với thiên nhiên, với lao động anh Hề đã tìm cách giải thích sự vật:

Hề I: - *Con ve nó kêu ở đâu?*

Hề II: - *Con ve có cái vè mới kêu.*

Hề III: - *Con ba ba cũng có vè sao nó không kêu?*

Hề II: - *Vì nó ở dưới nước nên nó không kêu được.*

Hề I: - *Tại sao con ếch cũng ở dưới nước mà nó lại kêu được?*

Hề III: - *Vì ếch có da nên ếch mới kêu......*

Cứ thế mãi. Ưu điểm của anh Hề thân mến của ta là đi vào tìm hiểu nguồn gốc của mọi hiện tượng xã hội và tự nhiên, nhưng do nhận thức khoa học còn nhiều hạn chế, những câu hỏi "tại sao" được giải đáp theo tiến hóa luận và quyết định luận nguyên thủy. Trời sinh ra con ve để cho con bồng ngựa ăn thịt, bản thân con bồng ngựa lại bị con sẻ vàng rình chực, đến lượt con sẻ vàng lại bị người đi săn dùng cung tên bắn, rồi người đi săn lại bị loài hổ dữ vồ... Đối với anh Hề, trong nhân sinh quan, cái lý (cái qui luật) cũng là như thế. Trời sinh voi, trời sinh cỏ.

...Thiên bất sinh vô lộc chi nhân
Địa bất sinh vô căn chi thảo...

Thế là anh Hề không chỉ dừng lại ở cái vũ trụ quan luẩn quẩn đơn sơ, và nhiều khi đi tới tin hết lòng vào trời đất an bài, sinh tiêu cực, không dám đấu tranh.

Song thực tế cuộc sống của anh quá khổ cực, anh luôn luôn mong đổi đời nhưng anh vẫn bị thực tế cay nghiệt ràng buộc, anh sinh ra hoài nghi. Anh hoài nghi thần tiên, phật thánh, hoài nghi vua quan, vì anh thấy quan cũng bậy bạ, sư mô cũng bậy bạ, thần tiên cũng bậy bạ. Anh miêu tả người nông dân đi tu không phải vì sùng kính tôn giáo mà chỉ để "trốn lính, trốn sưu, trốn thuế" và để "kiếm ít oản khô về ngả chĩnh tương". Anh công khai hát:

Đèn ai thấp thoáng trên lầu
Hay đèn ông sư cụ...

....

Tay cầm dùi mõ
Tay gõ tiêu cúng
Ông niệm kinh cầu cho ai?

Phải, ông niệm kinh cầu cho ai khi chúng sinh vẫn đói khát khổ cực quá chừng?

Cũng từ quan điểm lao động và nguyện vọng được ấm no, sung túc, Hề chèo luôn luôn nhìn sự vật xuyên qua cảm hứng vợ chồng có đôi và cảm hứng ăn uống no đủ. Ngay từ câu chúc, anh đã mong cho thiên hạ:

...Nhất ấm chăn loan kề gối phượng.
...Ngoài lục súc nhàn trong tuý bão...

Đôi lúc, anh sỗ sàng kiểu tiếu lâm:

... Gái nỏ nang xuân chiếm nhị đào
Nghề ăn chơi, ai kém ai nào
Cô nào yếu đuối cũng được nhất canh tam độ!

Anh xem tướng cho tiên: "tiền vận hỏng, hậu vận cũng hỏng, may ra lấy được khúc giữa" (!)

Anh theo thầy vào chùa, anh múa "cung quăng" kiểu "đưa vào mồm", hỏi ra mới biết là kiểu "chân giò tống khẩu".

Tư tưởng phồn thực cho đông đàn dài lũ luôn luôn quán xuyến toàn bộ Hề chèo. Chuyện "nam nữ tương giao, từ vua Thiếu Hiệu" truyền lại hầu như là chuyện dĩ nhiên, cho nên

anh nhìn con rận con chấy đến việc lễ bái để "Phật độ cho vợ mau đẻ" là chuyện chi thường.

Cạnh đó, mảnh đất để sinh sống đối với anh Hề trở thành một đối tượng khao khát. Anh Hề đố bạn về thửa ruộng mà nghe như tiếng thở dài về thân phận người nông dân gắn liền với miếng đất:

...Nó đi, nó chẳng đi không
Nó lại kéo cả vợ chồng cùng đi...

Ngay cả khi không có chỗ cắm dùi, Hề chèo cũng cố nói cho vui:

... Nhà tôi giầu giẩu giầu giâu
Kém mười trâu đầy một chục
Lợn thì nhung nhúc
Kém mười chục đầy một trăm
Gà chạy lăng xăng
Kém mười lăm con đầy chục rưỡi!

Quan điểm lao động nói trên, xét cho cùng chính là biểu hiện của quan điểm giai cấp tự phát. Quan điểm đó do hoàn cảnh sống cơ cực và bị áp bức của người nông dân qui định một cách tất yếu. Trái lại, về mặt nhận thức, trong quá trình lịch sử, người nông dân lao động do bị ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng giai cấp phong kiến, thường thường chìm đắm trong thuyết định mệnh và luân hồi quả báo.

Mâu thuẫn giữa quan điểm giai cấp tự phát với nhận thức do lịch sử hạn chế của Hề chèo làm cho tiếng cười trong chèo vừa có giá trị hiện thực phản phong lại vừa mang tính chất lạc hậu.

NGHỆ THUẬT CỦA HỀ CHÈO

Xét về mặt vị trí của Hề trong kịch bản, chúng tôi thấy Hề là một bộ phận hầu như thoát ly khỏi mạch truyện.

Mỗi vở chèo đều gồm có hai phần:

Phần kịch bản, hay nói cho đúng hơn, phần *phú*, một hình thức đề cương tổ chức các tình tiết của vở do một tác giả vô danh nào đó sáng tác. Phần này chỉ ghi những đường nét chính và các lời trò chủ yếu của nhân vật và sau mỗi đoạn lời, tác giả lại ghi thêm bằng chữ song cước: *hát một câu trở về, khôi hài cho vui hoặc khôi hài tùy ý, tán ngoại v.v...*

Ở những đoạn đó, tùy theo yêu cầu của khán giả, mỗi nghệ sĩ ứng khẩu biểu diễn hoặc pha trò cho vui. Rồi những miếng Hề nào hay thì đàn em hoặc con cháu mới ghi nhớ và củng cố lại thành lớp lang nhất định (lẽ tất nhiên lớp Hề dở sẽ bị đào thải theo thời gian). Từ những sáng tạo của từng cá nhân như thế tiến tới những lớp Hề của từng phường và những lớp Hề của từng chiếng. Ví dụ lớp Hề Kim Trọng giễu thầy khi thầy tính chuyện sờm sỡ với Kiều. Theo bác Tống Văn Ngũ (tức Năm Ngũ) thì ở địa phương bác (Kỳ Bá, Thái Bình), lớp trò đó được diễn ra bằng một câu Kiều lẩy:

Người ta xem đông, xem tây
Có người phải mắng mặt ngay cán tàn

Nhưng theo bác Trần Văn Linh (Hai Sinh), thì ở lớp trò đó, Hề lại gọi Kim Trọng ra và hỏi:

- Thầy ơi, thầy có thương con không?

Thầy: - *Tao chả thương mày thì thương ai?*

Hề: - *Thầy có thương con thì thầy cho con tiền con đóng ba chiếc giầy...*

Kim Trọng: - *Đóng một đôi chứ sao lại đóng ba chiếc?*

Hề: - *Ấy... một đôi giầy để thầy đi, còn lại một chiếc thì con xin thầy cái đinh con đóng lên trán...*

Đế: *Thế là "mặt giầy" à?*

Những sáng tác đó rất lớn, lớn đến mức chúng làm cho vở do tác giả sáng tác, từ chỗ chỉ là những "mảnh đời"[1] mau chóng có "độ dài" thích hợp với yêu cầu của một tối diễn. Ví dụ: vở chèo *Từ Thức*, khi mới được sáng tác (khi còn là phú), chỉ dài chưa đầy một trăm câu, nhưng khi nghệ nhân thêm thắt bảy vai Hề vào thì vở trở nên dài, có thể nói là rất dài.

Do đó, các vai Hề đã dắt dẫn khán giả đi ra ngoài vở và thậm chí đi đến phủ định hoàn toàn chủ đề tư tưởng của vở.

Xưa kia, do hát thi ăn giải, người nghệ sĩ phải đảm bảo độ dài tối diễn theo yêu cầu của địa phương, nên thường tùy tiện ứng khẩu biểu diễn. Rồi như trên kia đã nói, những miếng trò nào hay mới được truyền thụ về sau. Và trong quá trình tiếp nối, các thế hệ sau lần lần bổ sung vào thành những miếng

1. Pháp gọi là lambeau de vie; Trung Quốc: sinh hoạt đích phiến đoạn.

hề mà chúng ta có được ngày nay. Do đó, Hề chèo vừa mang tính chất tập thể lại vừa mang tính chất truyền miệng.

So sánh phần phú với phần Hề, hay nói khác đi, so sánh phần sáng tạo của tác giả với phần sáng tạo của nghệ sĩ thì phần sau là phần quí báu nhất, quí báu ở chỗ sống động, hiện thực và thuyết phục.

Trong vốn Hề chèo, mâu thuẫn không được trình bày thông qua cốt truyện của vở mà chủ yếu là thông qua thế tương phản của tính cách và đặc biệt của ngôn ngữ.

Trong khi trình bày tính cách, quan hệ giữa các nhân vật cũng ít được chú trọng, phần lớn khi cần làm nổi bật một tính cách, các tác giả thường dùng tiếng *đế* để thay cho sự giao lưu nhân vật. Một anh phù thủy ba hoa:

... Tôi đi đến đâu quỉ khiếp, thần kinh
Người cũng sợ, ma cũng cút, cút ráo, cút hết, cút tiệt...

Thì tiếng *đế* chen vào:

- Ma không cút thì sao?

để thầy phù thủy tự lật mặt trái của mình:

- Nó không cút thì... tôi cút!

Vì vậy, tiếng *đế* ở trong chèo có một vai trò rất đặc biệt, có giá trị như một nhân vật, đồng thời lại có giá trị như một người phát ngôn của công chúng.

Tuy mâu thuẫn trong Hề chèo chỉ được trình bày thông qua tính cách nhân vật và ngôn ngữ, nhưng những thủ pháp của hài kịch đều được vận dụng một cách sắc sảo. Trong đó, chúng ta có thể thấy được những nét đặc sắc rất Việt Nam, nhất là trong ngôn ngữ.

Khi xem xét các tính cách trong Hề chèo, chúng ta có thể chia các vai diễn ra làm hai loại: một loại được trình bày dưới hình thức người đi hầu: hề đồng, hầu phòng, lính canh, hề gậy (đi đường theo thầy), hề mồi (thường là hai người đi canh đêm, tay cầm mồi lửa). Một loại khác được trình bày dưới hình thức một tính cách hài kịch (phù thủy, thầy bói, xã dốt,...) lên sân khấu để tự lột mặt nạ của mình.

Loại trên thường được miêu tả nặng về ngôn ngữ. Kết cấu hài kịch của loại này chia làm ba lối. Lối thứ nhất là lối "mai phục". Trong quan hệ với bề trên, với thầy, với bác, Hề thường mai phục những chuyện thật vẩn vơ, xa xôi nhằm thu hút sự chú ý của thầy (và cũng là của khán giả) rồi, đùng một cái, lật ngược lại vấn đề khiến cho thầy đỡ đòn không kịp. Ví dụ: trong chuyện chấy rận, Hề miêu tả cảnh trú ngụ "đẹp" của rận:

...Có một nơi thú tiểu sơn lâm
Anh có ở tôi xin hướng dẫn...

để thầy "mê". Quả nhiên, thầy buột miệng khen:

- Thú tiểu sơn lâm thì đẹp lắm nhỉ!

Khi đó, Hề đã nắm chắc phần thắng, Hề mới "hạ" thầy bằng một câu:

- Vâng, đẹp lắm ạ. Quan có thích thì con đưa quan đến ở!

Những lớp *Đánh quan, Kể chuyện Tam đại dở hơi, Lý sự vô cùng*... là thuộc về loại này.

Lối kể bỏ lửng để khêu gợi tò mò của người nghe để dẫn họ đi sâu vào thòng lọng của Hề này được gọi là phương thức "*dẫn nhân nhập thắng*". Tuy vậy, khi thưởng thức lối này nhiều khi người xem phải suy nghĩ tìm ra ẩn ý quanh co, tìm ra "ý

tại ngôn ngoại" vì người nghệ sĩ xưa ít khi được phép nói thẳng ý nghĩ của mình.

Đó là lối thứ nhất.

Lối thứ hai ít hiệu quả hài kịch hơn vì lối này nặng về kể lể (xưng danh, kể chuyện lên trời, chuyện mua chịu thịt lợn...) nặng về chơi chữ. Kết cấu thường đơn giản, xuôi chiều, ít kịch tính và không có kết thúc đột ngột. Lối này thường dẫn khán giả đến chỗ vui nhẹ nhàng, dí dỏm, cười tủm tỉm, không gây được tiếng cười lớn.

Lối thứ ba thường sử dụng các câu đố đá mua vui, dẫn bạn đồng diễn (và cả khán giả) vào chỗ bí phải suy nghĩ, rồi đến khi Hề giảng ra, thoạt nghe như vô lý, nhưng lại rất hợp lý. Lối này cũng không có kết cấu gì rắc rối nhưng cũng đưa lại cho khán giả những hiệu quả cười hể hả, vui vẻ.

Trong cả ba lối kể trên, bên cạnh những cái thông minh, sắc sảo của nhân vật, vai Hề đôi lúc được trình bày dưới hình thức một con người ngớ ngẩn, một con người "ngốc".

Xét cho kỹ thì "ngốc" ở đây không phải là *mục đích* mà chỉ là *phương tiện*. Nghệ sĩ dùng cái "ngốc" để đối lập cái "trí" của thầy, của bác, rồi trong quá trình biểu diễn, chứng minh ngược lại: ngốc thành khôn và trí hóa ra dại dột. Từ đó, khán giả thấy được cái thế tương phản giữa thầy và trò và thế tương phản trong mỗi nhân vật, nhận ra được bản chất của nhân vật *(Tranh hơn, Đánh quan).*

Nhìn chung lại, cả ba lối trình bày của loại nhân vật này hãy còn thô sơ, chất phác, còn nhiều tàn dư của lối trò nhại xa xưa, nhất là được trình bày một cách tùy tiện, cho nên nhiều khi chúng được "giậm" vào mạch kịch một cách không

đúng chỗ, khiến cho không khí chung của vở bị phá hoại nặng nề, hạn chế lớn đến hiệu quả của kịch. Về mặt nghệ thuật, cách miêu tả này còn sơ lược, chưa vận dụng được hết những thủ đoạn của hài kịch cho nên những bài học rút ra được ở chúng phần lớn chỉ hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ tài tình mà chúng ta sẽ xét riêng ở phần sau.

Loại nhân vật thứ hai (Phù thủy, thầy bói,...) là loại đáng được chú ý nhiều hơn. Đó là loại *Hề tính cách.*

Khác với loại nhân vật trên, loại này có sự giao lưu rất mật thiết với tiếng *đế*. Có thể nói nếu bỏ tiếng *đế* thì chúng sẽ sụp đổ hoàn toàn.

Ngay từ lúc bước ra sân khấu xưng danh, nhân vật đã được miêu tả từng đợt như đợt sóng, có khi khởi, khi phục, mỗi đợt có điểm bắt đầu dẫn chuyện cho đến điểm cao trào, giải quyết xong lại bắt đầu đợt khác. Trong từng đợt, tiếng *đế* góp phần giao lưu với nhân vật như một diễn viên thứ hai. *Cu Sứt* bước ra sân khấu kể lể về cuộc đi chơi chợ của mình:

Cu Sứt: - *... Tôi gặp hai ba chiếc con gái, chị em thấy tôi tất hữu ý tứ...*

Đế: Ý tứ làm sao?

Cu Sứt: - *Ái chà, cô thì nấp, cô thì nom, cô thì quăng cái này, cô thì ném cái nọ...*

Đế: Quăng tiền, quăng bạc à?

Cu Sứt: - *Làm gì có tiền bạc? Các cô ấy thích quá cầm hòn đá ném toạc môi tôi ra, ấy thế mà các chị em phải lòng tôi...*

Đế: ...

Kiểu như vậy là *kiểu kết cấu ba lan* (làn sóng). Cũng có khi nhân vật bước ra sân khấu với dáng vẻ từ bi, thái độ hiền hậu, nhưng chỉ sau một câu *đế* gợi, là nhân vật đã tự vạch ra bản chất của mình. Ví dụ: vai Tiểu.

Đế: Chú tiểu ơi, ra mà mở cửa chùa!

Tiểu: *Thảo nào mà hôm qua, thấy quạ tha, chuột rúc, đom đóm bay vào chùa.*

Ngày hôm nay bỗng gặp thấy hai cô

Đội thúng lắc vào chùa mà thụ.

Hai vãi thụ ai chứ thụ tôi thì:

Rượu một ly, tiết canh một bát

Dưa mắm, quả chanh

Củ hành, củ tỏi...

Thế là bên trong hình thức từ bi, bản chất của Tiểu được phơi bày dần dần: một con người tu hành trông thấy gái thì mắt la mày lét, ăn thì rượu, tiết canh, hành tỏi, vào nhà thí chủ thì ăn trộm cả từ cái cuốc! Con người chuyên tụng kinh niệm Phật lại phạm vào ngũ giới! *Thế tương phản* trong một con người dần dần được bộc lộ ra.

Tất cả các nhân vật *Hề tính cách* trong chèo đều được miêu tả theo hai lối đó và đều nhấn mạnh thế tương phản làm nổi bật mâu thuẫn giữa cái nghiêm trang và cái thô tục, giữa vẻ đạo đức và hành động bỉ ổi.

Trong loại nhân vật này, điều đáng chú ý là một số nhân vật cũng được miêu tả thành con người "ngốc", nhưng cái ngốc ở đây không còn là phương tiện nữa. Xã trưởng là con người đứng đầu hàng xã, vậy mà Xã Dốt thì lại ngốc vô cùng. Y u

mê, mụ mẫm đến nỗi hóa ra lẩn thẩn, nói chuyện một mình y như con trẻ chơi với đình chùa, kèo cột vậy. Hương Câm, Đồ Điếc, Thầy Mù cũng đều ngớ ngẩn quá đỗi. Sờ miệng thầy đồ mà thầy mù cứ tưởng con của Thị Mầu đã mọc răng! Ở đây, con người ngốc đã trở nên một biểu tượng để thay vì cho lớp người cường hào.

Một biện pháp chủ yếu để xây dựng tính cách khôi hài trong chèo là *sự tập trung*. Ở mỗi loại người cần chế giễu, người nghệ sĩ xưa chỉ khai thác lấy một vài nét bản chất rồi xoáy vào đó mà miêu tả. Thầy bói thì nói dựa, phù thủy thì sợ ma vv... mỗi loại người ăn bám, bịp bợm này mang trong mình một mâu thuẫn giữa bản chất và hành động, giữa bản chất và lời ăn tiếng nói, giữa con người và thuộc tính... tóm lại, giữa bản chất và hình thức giả tạo cố ý nặn ra. Người nghệ sĩ chèo khai thác một số nét chủ yếu biểu hiện cho một tính cách để dựng lên thành một nhân vật. Thầy bói nói dựa thì từ đầu đến cuối đều nói dựa: mộ để ruộng cày, hồn chết ban ngày, số có vợ có chồng, anh em trong nhà không được lấy nhau... Do đó, những hình tượng hài trong chèo mới chỉ là những diện mạo điển hình mà chưa phải là những tính cách điển hình vì tất cả các hình tượng đó đều chỉ là những nhân vật đơn điệu, không phải những cá thể đa dạng sinh động.

Sự tập trung ở trong chèo luôn luôn gắn liền với *biện pháp phóng đại*. Một anh phù thủy ế ẩm đến mức:

...Làm thầy từ năm mươi một
Đến năm nay là sáu mươi mốt mới có một người mời!

Cách phóng đại này nhiều khi đến ngoa ngoắt, xa hẳn với sự thật. Tuy vậy, người xem vẫn cảm thấy rất thật vì chưng

bản chất của sự phóng đại là thâu thái lấy tinh thần hiện thực, cường điệu lên để phản ánh bản chất của hiện thực.

Trong thực tế, không có ai "cõng thánh đi cúng rong", nhưng thực tế thì không thiếu gì thầy phù thủy ế ẩm đi "xin đám" lang thang từ cửa này qua cửa khác. Gã phù thủy thờ thánh "lửng lơ" trong chèo chính là hình ảnh tập trung và phóng đại của họ. Trong thực tế, không có thầy bói nào đoán luẩn quẩn cho người xem: *Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai...* nhưng thực ra không thiếu gì thầy bói đoán sai rồi nói chữa để chống chế. Gã thầy bói trong chèo đoán:

Lẽ ra hồn thác ban ngày

Thương con nhớ vợ, hồn rày thác đêm... chính là hình ảnh tập trung và phóng đại của họ.

Sự tập trung và sự phóng đại trong nghệ thuật khôi hài của chèo có mối liên hệ rất chặt chẽ với nhau. Sở dĩ phải tập trung vào một số nét, phải miêu tả vai kịch thành diện mạo hài mà không miêu tả thành nhân vật hài với ý nghĩa cá thể sinh động chính là vì nhân vật Hề trong chèo là nhân vật ngoài tích, nhân vật "vạn năng", mỗi nghệ sĩ có thể tùy tiện lắp vào bất cứ vở nào. Do đó, các nghệ sĩ xưa không miêu tả chúng trong những hoàn cảnh giả định cụ thể, trong những quan hệ nhân vật cụ thể mà chỉ đưa ra một số nét muôn thuở của một khía cạnh tính cách mà thôi.

Đưa những nét đó lên mà không tô đậm bằng biện pháp phóng đại thì chúng sẽ gầy guộc, sơ lược. Do đó, nghệ sĩ xưa phải nói quá lên, đẩy tính cách lên tới cực đoan, quá quất để chúng có sinh mệnh, có khả năng đứng vững trên sân khấu.

Hoàn cảnh tức cười ở trong chèo ít được sử dụng. Phần lớn các hoàn cảnh đều được ẩn đi và thay bằng tiếng *đế*. Tiếng *đế* gợi chuyện cho nhân vật kể, bắt bẻ nhân vật để giữ vững được sự chú ý theo dõi của khán giả. Tiếng *đế* lại uốn nắn lại những lời nói sai, nói quá nặng để làm vừa lòng kẻ bị đả kích. Tiếng *đế* thay mặt khán giả để phát biểu thái độ hoặc khơi gợi sự suy nghĩ cho chính ngay khán giả. Trong rất nhiều trường hợp, nếu không có tiếng *đế* thì nhân vật sụp đổ ngay, vì ở Hề chèo tiếng *đế* có giá trị như một nhân vật, nói thay cho hoàn cảnh cụ thể.

Tuy vậy, ở một số lớp hài cá biệt, chúng ta cũng thấy các tác giả xưa đặt nhân vật của mình vào những hoàn cảnh cụ thể. Đó là những hoàn cảnh trái khoáy đe dọa làm lộ bản chất tính cách. Một anh phù thủy sợ ma nhưng lại hay nói khoác: thần thánh của anh ta và bản thân anh ta đã từng đi qua những "chín lần địa võng, thiên la" hoặc được "Phật bà ban cho ba mươi sáu tay ấn quyết, thầy Đường Tăng cho chín chục pho kinh...". Giữa lúc đang ba hoa như vậy thì nhà chủ đến mời anh đi cúng mộc, một thứ ma mộc biết nuốt người, nuốt cả người "râu ria, kềnh càng" như anh ta! Thầy lấy cớ bận, từ chối nhưng không xong, tiếng *đế* xúi thầy thách to lễ, thầy đòi "lật trái lòng mâm" làm cữ đóng oản, đòi đóng những nghìn tư phẩm, tưởng nhà chủ thấy lễ thách quá to sẽ không lo nổi mà bỏ đi mời thầy khác, nhưng không ngờ nhà chủ lại thuận tình lo đủ một nghìn tư phẩm oản khiến cho thầy phải nhắm mắt đưa chân. Hoàn cảnh trái khoáy đó giúp tác giả dễ dàng rất nhiều trong việc hoàn chỉnh tính cách nhân vật và đem lại cho khán giả những trận cười nổ phá.

Trạng huống bất ngờ trong Hề chèo được trình bày theo biện pháp đốn toả. Đốn toả có nghĩa là chặt cắt, bẻ gãy đi. Mạch kịch đương chạy xuôi chiều, người xem có thể đồ chừng là câu chuyện ngả theo hướng này hay hướng khác. Nhưng đùng một cái, câu chuyện đột ngột chuyển sang một hướng mà người xem không ngờ tới. Hiệu quả ở đây thật to lớn. Ví dụ: Khi phù thủy gặp cô đồng, bị cô đồng hỏi:

Cô đồng: - *Thầy nào thầy này?*

Phù thủy: - *Cô nào cô ấy?*

Cô đồng: - *Bác nào đứng đấy?*

Phù thủy: - *Thím nào đứng kia?*

Cô đồng: - *Anh nào đứng bên ấy?*

Phù thủy: - *Chị nào đứng bên ấy?*

Cô đồng: *(quát)* - *Thằng nào mà nói bậy?*

Sau những vế hỏi đáp từng cặp chữ đối ý nhau "thầy, cô, bác, thím, anh, chị"... khán giả thấy xu hướng tất yếu là để đối lại với "thằng nào" thì thầy sẽ trả lời "con nào" nhưng không, đến đây phù thủy hoảng, không dám thi tài nữa mà lại khép nép lùi lại, thưa:

- *Bẩm, thế bà là bà gì ạ?*

Trong lớp Tuần Ty gặp Đào Huế (vở *Chu Mãi Thần*), khi Tuần Ty bảo vợ hai:

- *Nào con mụ hai đâu, mi xắn quần lên... mi cứ xắn quần lên cho tau...*

Đào Huế liền túm ngực Tuần Ty mà hỏi dồn:

- *Xắn quần lên đánh tui chăng?*

thì Tuần Ty vội vàng nói chữa:

- *À, à... tau biểu hắn xắn quần lên, hễ tau chạy mô thì hắn chạy đó...*

Biện pháp *đốn toả* là biện pháp chủ yếu và thường gặp ở tất cả các vai Hề trong chèo.

Khi nói đến tính quần chúng và tính dân tộc trong chèo, không một ai có thể bỏ qua được ngôn ngữ của Hề chèo.

Ngôn ngữ ấy là ngôn ngữ quần chúng, là khẩu ngữ hàng ngày được nâng lên. Chúng được trình bày theo cảm nghĩ của nhân dân lao động. Giữa Hề chèo và nền văn học dân gian xưa có một mối quan hệ mật thiết. Chẳng những Hề chèo sử dụng những câu ca dao, tục ngữ, những câu chuyện tiếu lâm, Trạng Quỳnh, những câu chuyện cổ tích thần thoại mà còn tiếp thu cả những bài văn, những câu thơ bác học được lưu truyền rộng rãi trong dân gian. Ví dụ bài thơ "*Thằng mõ*" của Lê Thánh Tông, bài thơ tả đền Hạng Võ của Hồ Tông Thốc trong *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. Để cho lời văn có tác dụng sâu sắc, nghệ sĩ xưa còn dùng câu nói tạm để giải thích nội dung các câu chữ Hán hoặc các điển cố để quần chúng cơ bản có thể hiểu được. Đôi chỗ, nghệ sĩ còn dùng cách "giễu hình" mà trình bày những câu thơ cổ một cách nghịch ngợm theo quan điểm của nhân dân lao động.

Thường thường trong hình thức hài kịch ở nhiều nước, ngôn ngữ phổ biến được trình bày như một thứ ngôn ngữ đặc biệt giàu tính khái niệm. Người biểu diễn lại trình bày chúng bằng nhiều cách phát âm khác với cách phát âm bình thường của nhân dân, khiến cho lời trò lúc mới đập vào tai, người nghe

tưởng như xa lạ cả về mặt nội dung và cách nói. Nhưng sau một lúc suy nghĩ, khán giả mới nhận ra ý nghĩa của câu nói ẩn trong cách nói kỳ dị. Lúc ấy, khán giả mới thấy thú vị như người vừa khám phá ra đáp số của một bài toán khó. Đó là lối làm trò hài trí tuệ phổ biến ở nhiều nước. Đặc biệt là trong tiếng cười và trong tiếng kêu tán thán ở Hề xiếc. Trái lại, trong Hề chèo, nội dung khôi hài được trình bày một cách rất bình dị và rõ rệt. Cách nói cũng là cách nói bình thường, hàng ngày của quần chúng. Những bài hát của Hề chèo thường là những bài hát hay và diễn cảm. Khán giả không cần phải suy nghĩ, không cần đến một chút vất vả như người làm toán. Tuy vậy, khán giả vẫn cười, cười đến nôn ruột.

Xét cho kỹ, ngoài những thủ pháp khôi hài dân tộc như cách sử dụng tiếng *để*, cách pha trò, biện pháp *đồn toả*... đã trình bày ở phần trên, thì Hề chèo đã vận dụng tất cả mọi khả năng phong phú của ngôn ngữ dân gian, lối nói vần vè, các lối chơi chữ, các câu nói lái... Ở đây, chúng tôi chỉ phân tích một số nét chính:

Đặc sắc thứ nhất của ngôn ngữ Hề chèo là rất gần gũi với tục ngữ, ca dao.

Có khi nghệ sĩ dùng nguyên một câu tục ngữ:

Có ngọt mới lọt đến xương

Hoặc một câu ca dao:

Có lá lốt, anh tình phụ xương xông
Có chùa bên Bắc để miếu bên Đông tồi tàn.

Có khi các nghệ sĩ dựa vào một câu ca dao làm đà rồi phát triển ý để miêu tả tính cách nhân vật:

Mối nhi,
Miếng giầu là đầu câu chuyện
Mỗi câu chuyện ta lại nghiện một miếng giầu.

Hoặc là dựa vào đặc sắc vần vè của ca dao tục ngữ mà "vận" ra những câu nói có vần lưng:

Quan đã ra, ai có gà thì nhốt!

hoặc: *Bán áo tơi, mua áo bị*
Bán con chị, mua con em
Bán nem, mua chả
Bán sả, mua gừng.

Hoặc có khi dùng câu hai vế đối ý:

Cô đầu Tiền còn hát ở cổng Hậu.

Cũng có khi chỉ dùng ý của ca dao, tục ngữ mà phát triển lên. Ví dụ từ lời nói cửa miệng "nát như băm bầu", Hề chèo phát triển:

... Ông Ba Bầu thương cha ái ngại
Trong ruột bầu nát bét như băm

Đặc sắc thứ hai của ngôn ngữ trong Hề chèo là nói ngoa, nói phóng đại. Ví dụ: thầy phù thủy nói về việc ăn uống của mình:

... Nhà chủ sắp cháo cúng, tôi chẳng cần đũa bát gì cả, cứ dùi trống tôi chấm, tôi mút cũng hết nồi ba mươi...

Đặc sắc thứ ba của ngôn ngữ trong Hề chèo là chơi chữ, bỡn chữ. Cách chơi chữ, bỡn chữ trong Hề chèo rất phong phú, có khi Hề dùng các từ gợi hình ảnh, gợi cảm:

... Con gái mà lấy ông lão
Lão xe bằng giây cà leo
Chị nào trốn cưới, trốn cheo
Lão xe bằng dây cà nhót
Ông đồng mà lấy bà cốt
Lão xe bằng dây mướp ma...

Có khi Hề nói xuyên tạc chữ của thầy (lối này rất thông dụng). Thầy nói:

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa

thì trò nhắc:

Quan đồn lột da, quan phủ lột da.

Có khi bản thân Hề nói sai để thể hiện ý đồ đả kích của mình:

Bẩm quan,
Quan là quan thì quan quản dân
Còn chúng con là dân thì chúng con giản quan
***Đế:** Gàn quan chứ!*

Hoặc Tiểu, khi vào cúng Phật, thấy mất phần oản, liền đọc sai cả kinh kệ:

Nam vô khốn khổ, khốn nạn Quan thế âm bồ tát!

Có khi thầy nói chữ, trò hiểu ra Nôm. Ví dụ: khi thầy nói:

Ngã đổ kỳ vật
Tắc tư kỳ nhân
Ngã tư kỳ nhân
Tắc đổ kỳ vật...

thì Hề dạ dài rồi "xe đài" để đánh vật:

Bẩm thầy vật ai ạ?

Có khi Hề lại giễu người hay nói chữ Hán:

Lão Say: - *Tôi ngần này tuổi đầu, còn thiếu gì cái chết mà anh lại còn sang "bán tử" là bán cái chết cho tôi?*

Thiện Sĩ: - *Dạ, bán tử chi tình, do tình như tử, con xin sang làm cho con, làm cái, làm rể cửa cụ kia ạ!*

Lão Say: - *Ơ, thế thì anh cứ nói là anh muốn lấy con gái tôi, việc gì mà bán tử, bán tôn, dài dòng lôi thôi...*

Có khi Hề nhại người nói chữ:

...con "chiến quốc" đa nhi phúc đại tự vâm vâm, sa "lao" thượng bất đắc...

Ta phải hiểu là:

...Con "đánh nước" vào nhiều nên bụng to như vâm, cát bò lên chẳng được...

vì Hề hiểu *chiến quốc* là đánh nước và *lao* là bò lên bò xuống (chứ không phải chiến quốc *thời Chiến quốc* và lao là *con bò* như các nhà nho hiểu).

Có khi Hề vận dụng chữ của từng hạng người làm nghề nghiệp khác nhau trong xã hội để ứng dụng vào một hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ: khi một cô gái đi đánh đố bằng cách chỉ phía trước, chỉ phía sau, chỉ bên phải, chỉ bên trái thì thầy địa lý đoán là:

Tả thanh long
Hữu bạch hổ...

và thầy lang đoán là:

Tiền hồ, hậu phác...

còn Hề thì reo lên:

Tả cua... Tả cua là của ta!

rồi ôm tuột lấy cô gái.

Có khi Hề dùng chữ hai nghĩa. Ví dụ khi mẹ Mõ vào mời cụ Đồ Điếc:

... Mời cụ ra ăn khoán cô Màu... Cô ấy "chửa ra"

Cụ đồ: *- Ờ nó "chửa ra" thì ta hẵng về đã hử!*

Có khi Hề cố ý lặp đi lặp lại một điệp khúc để quan trọng hóa một sự việc thường:

Tôi ra đằng trước
Chẳng thấy bà đâu
Tôi ra đằng sau
Bà đâu chẳng thấy
Hỏi chị đi cấy
Chẳng thấy bà đâu
Hỏi chú chăn trâu
Bà đâu chẳng thấy
Hỏi anh hàng giấy
Chẳng thấy bà đâu
Hỏi chị buôn nâu
Bà đâu chẳng thấy...

Có khi Hề nhắc đi nhắc lại một tiếng rất nhiều lần, mỗi lần lại dùng một nghĩa khác. Đó là trường hợp các vai Nhiêu xưng danh: Nhất, Lạc, Đồng, Xuân, Tam, Thập...

Có khi Hề dùng chữ cùng một chủng loại ghép thành một tập danh vào các câu để diễn tả một ý. Ví dụ: Chủng loại chim:

Tôi Cống Cốc ở huyện La Trà
Đi chợ Chân Rang mua sách Sếu
Vào thi trong trường Phượng
Văn tôi làm tốt hay đã lạ
Dẫu anh Vịt cũng chẳng dám le
Thượng Chèo bẻo hạ chí Chích choè
Thơ thất luật lủi ra như Cuốc...

Chủng loại bầu bí:

Ông Ba Bầu thương cha ái ngại
Trong ruột bầu nát bét như băm
Trên trường thi trống giục ầm ầm
Bầu sợ Bí cho nên Bầu sượng
Bầu cũng rắp lên ngôi tế tướng
Bầu sa cơ Bầu tếch sang Lào
Vì Bầu, Bí phải lao đao
Những như thân Bí làm sao được Mướp?

Có khi Hề nói lái. Ví dụ:

... Người thế này mà "vơ bạ" à? (ba vợ)

hoặc:

... Thánh tôi thờ "lửng lơ" (ở lưng)

đôi khi nhờ nói lái mà có hiệu quả thật bất ngờ, khiến cho cái nghiêm trang trở thành thô tục: "Cô Bích Ngọc" nói lái thành ra cô "Ngóc bịch". Cũng có khi một ý thô tục nhờ nói lái, lại trở thành rất bình thường:

...Bói không trúng, tôi "bói bù" quẻ khác.

Nói lái còn được vận dụng cả vào trong câu đối:

Mài kéo cắt tai con mèo cái

Rón kim xỏ mũi con rím con

Có khi Hề dùng lối giải thích dây chuyền kết hợp với nói lái:

... Đây là cái "Ngũ nghè"!

Đế: *- Ngũ nghè là thế nào?*

Hề: *- Ngũ nghè là năm miếu, năm miếu là "niêu mắm"!*

Lối này cũng gần với phong vị của truyện Trạng Quỳnh (đại phong, ngọa sơn...)

Ngoài những lối chơi chữ, bỡn chữ kể trên, Hề chèo còn sử dụng nhiều biến cách tu từ khác. Ví dụ: nhân cách hóa, ẩn dụ, hoán dụ, ám tỉ v.v...

BIỂU DIỄN CỦA HỀ CHÈO

Yếu tố biểu hiện trong Hề chèo cũng là một vấn đề quan trọng vì Hề chèo được sáng tác ra không phải để đọc. Nhiều đoạn Hề, nếu không thông qua *giễu hình* thì có thể xem là chưa hoàn chỉnh. Ví dụ câu:

Xây nền nhân vạn cổ trường tồn
Trồng cây đức, ối chao ôi, thiên niên bất dịch!

Nhất thiết phải thông qua "ối chao ôi" và tiếng cười chua chát của Hề mới thấy được cái ý nghĩa mỉa mai châm biếm của Hề đối với cái trật tự "thiên niên bất dịch" của giai cấp phong kiến.

Những câu hát *Đêm ba mươi Tết, Cu lớn cu bé, Cơm canh* v.v... vốn là những âm điệu buồn bã phải thông qua lối hát "Hề" mới bật lên được cái thái độ dửng dưng của xã hội đối với những người đàn bà goá bụa muốn bước đi bước nữa.

Trong các cách giễu hình, người nghệ sĩ xưa rất quan tâm đến cách hóa trang.

... "Đốt nhọ bôi môi, bôi mồm đốt nhọ..."

Một chút muội đèn dầu ta, một chút phấn, mỗi nghệ nhân vẽ mặt một khác nhưng đều gặp nhau ở một điểm: làm thế nào để bộ mặt của mình, khi bước ra chiếu diễn, mang một vẻ ngộ nghĩnh, nghịch ngợm, trái với những bộ mặt bình thường.

Một anh Hề, với hai chấm trắng ở đầu mắt bằng hạt ngô, một vệt trắng từ mũi vắt qua môi, hai má đỏ tròn xoe có giới hạn bằng đồng bạc, bước ra sân khấu với bộ quần áo lôi thôi, ngút ngoát, đã đủ đem đến cho khán giả một tiếng cười rồi. Hơn thế nữa, lẹm cằm lại đánh cằm trắng cho cằm lẹm hơn, người vẩu môi lại làm răng khểnh thêm ra thì càng thêm ngộ nghĩnh. Cái "thái quá" thường vẫn là một cách gây cười.

Bộ râu của Hề cũng rất quan trọng. Đây không phải là râu vẽ mà là râu đeo. Râu đeo nhưng quay được. Tùy từng lúc, người diễn viên nhếch một bên mép hay nhếch cả hai mép, một bên râu hay cả hai bên râu cùng nhấp nhổm, chỉ thiên, chỉ địa, hoặc vẩy lên vẩy xuống như cánh chim bay.

Dáng đi của Hề rất nhiều kiểu. Ví dụ: Lão Mốc đi khuyu người, hai gối đưa về phía trước, thằng Khoèo đi thì chân duỗi chân co, cu Sứt đi văng mình...

Trong cuộc sống, con người bình thường bước đi thì luôn luôn tay nọ chân kia, cùng đưa về đằng sau, tạo nên một thế cân bằng, ổn định cho thân thể con người. Hề bước lên sân khấu thì trái lại, tay nào chân ấy, tạo nên một thế nghịch mắt rất ngộ nghĩnh.

Trong giễu hình của Hề chèo, rất ít khi ôm nhầm như trong sân khấu Tây Phương, nhưng cũng có lúc vập vào nhau giữa sân khấu để cùng "phà" lên một tiếng và cùng nói:

- *Ô kìa bác!*

- *Ô kìa chú!*

- *Anh em ta ra đây chú bác chi tình!*

Trong biểu diễn, Hề có thể ra trò một mình *(Hề một)* có thể

hai Hề cùng ra một lúc *(Hề đôi)* cũng có thể ra để hầu thầy *(Hề cặp xảu).* Thầy ở đây có thể là quan to, là cậu ấm, là thư sinh... nghĩa là toàn bộ những nhân vật đứng đắn. Muốn khỏi nhạt trò, người diễn viên phải tìm cách đột xuất ngay nhân vật của mình. Nếu là Hề cặp xảu, thì dựa vào lời thầy gọi:

Thầy: *- Đi một mình chắc là buồn bã*

(hát) Bắt thằng Hề bạn cùng tài tử văn nhân chơi bời, tầm phương hảo địa ta chơi.

(gọi) Bớ Hề con!

Hề: *(ra) - Dạ, bác gọi con còn mắc dở...*

Thầy: *- Mắc dở làm gì?...*

Thế là Hề có thể cắt nghĩa bằng chuyện "rút rạ thui bò", hoặc "khai đao vợ chồng con chẫu chuộc" hoặc "đốt nhọ bôi môi"... làm cho không khí nhộn hẳn lên. Cũng có thể Hề làm nũng:

- Dạ, thưa bác,
Lúc còn bé bác gọi con là Hề thì con mừng, con sướng con reo
Nay con cả lớn khôn mười tám, đôi mươi
Bác gọi con là Hề, con xú diện ố nga mi, con không đi hầu bác được...

Nếu là Hề đôi, thì cùng vập cùng "phà" ngoài sân khấu rồi đi vào chuyện đố đá, hoặc kể chuyện "hôm qua" hoặc "sáng ngày" "tôi gặp một người đàn bà" hoặc "tôi gặp một cô gái...". Ở đây, người nghệ sĩ có thể đưa một câu chuyện thời sự khai thác tại nơi biểu diễn vào chuyện kể.

Ở vai Hề một, cách ra trò thật phong phú. Có thể là nhân vật tự đưa mình ra bằng một câu nói:

- Anh em ơi, kiếm câu ra quét cung đình nhá!

hoặc câu gọi:

- Nào là thằng Cam, nào là thằng Quýt!

Tiếng dạ ran làm không khí bừng lên.

Cũng có thể dân *đế* gọi:

- Chú tiểu đâu ra mở cửa chùa!

hoặc:

- Mời ông xã ra nhà ngoài có khách!

hoặc gọi:

- Trong buồng trò có thầy Qui cốc tiên sinh
Mời một thầy ra cho làng xem mặt!

Ở đây, tiếng *đế* vô cùng quan trọng, nó góp phần nâng cao diễn xuất của các diễn viên. Người *đế* cũng phải theo dõi nhân vật và pha phách vào trò như một diễn viên thứ hai, không được phút nào ngưng nghỉ. Lời *đế* là tùy tiện tung hứng với lời diễn, không thể ghi chép được hết.

Nhưng bao trùm lên trên tất cả, vẫn là tài năng độc đáo của diễn viên. Bác Tư Liên (mất năm 1958) không bao giờ quan tâm quá nhiều đến cách hóa trang, không ỷ lại vào tiếng *đế*, cũng không cần đến các thủ đoạn giễu hình, bác chỉ dùng phong cách độc đáo trong diễn xuất bằng ngữ khí, ngữ điệu, tiết tấu phát âm, cử chỉ, điệu bộ... luôn luôn bác gây được những trận cười bất ngờ và đầy hứng thú trong khán giả.

Các bậc đàn anh trong Hề chèo, với sự cộng tác của đàn *đế*, thường gặp nhau ở một điểm: treo lửng sự tò mò của khán giả. Ví dụ: vai thầy bói kể:

- Tôi mù thì mù nhưng vợ xấu không thèm lấy.

Tiếng *đế* liền gợi tò mò cho khán giả:

- Sao biết xấu với đẹp?

Thầy bói trả lời:

- Người đẹp cười khanh khách, người xấu cười đành đạch, còn người chửa cười ục ịch, ục ịch...

Rồi lại gieo sự tò mò mới:

- Trưa mất rồi!

Tiếng *đế* lại gợi:

- Sao biết là trưa?

Thầy bói lại trả lời:

- Thấy bóng nắng quẩn cả vào chân đây này!...

Cứ như thế việc treo lửng tò mò và việc giải đáp tò mò lần lượt tiếp nối như một cao trào lại kèm theo một giải trào khiến cho khán giả bị hấp dẫn liên tục.

Ngoài ra, còn có điều độ sân khấu, cách giao lưu giữa diễn viên với bạn diễn và giữa diễn viên với khán giả hoặc những lớp trò hai ba nhân vật mà chỉ một người đóng.

Những điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào tài năng biểu diễn của diễn viên, bởi vì cũng cùng một lời trò, diễn viên này đóng thì rôm rả, còn diễn viên khác đóng thì tẻ nhạt, không hồn.

Thêm vào đó, còn phải kể đến một yếu tố quan trọng là

việc *"ứng diễn"* tại trận của nghệ sĩ, hoàn toàn do trí thông minh, tài mẫn tiệp của diễn viên lợi khẩu đặt bày nên mà không một hợp tuyển văn học nào có thể ghi chép đầy đủ được.

HẠN CHẾ CỦA HỀ CHÈO

Hề chèo sản sinh ra trong chế độ cũ. Tư tưởng của giai cấp thống trị có những ảnh hưởng nhất định đối với Hề chèo. Điều kiện hoạt động của người nghệ sĩ, trình độ hiểu biết chung của thời đại, việc truyền nghề không có tổ chức chuyên trách... cũng đều ảnh hưởng đến nội dung và nghệ thuật của Hề chèo.

Trước hết, người nghệ sĩ chèo xưa, do đời sống cùng cực không tìm được lối thoát, chỉ tố cáo, đả phá, thậm chí chửi rủa xã hội mà không đem lại cho người xem những rung động, những suy nghĩ mang ý nghĩa cải tạo đối với hiện thực. Cũng vì thế, nghệ sĩ Hề chưa khẳng định và có lẽ cũng chưa bao giờ có ý khẳng định vai trò ưu thắng của người lao động trong việc xây dựng xã hội.

Các lớp Hề chèo còn có một điều đáng phê phán nữa là tự nhiên chủ nghĩa. Hề thường nhại cả cái thô tục, kệch cỡm ngay trước khán giả: những chuyện "bàn bốc", hành động "tả cua" v.v... được diễn ra một cách thiếu tế nhị. Hề chèo còn giễu cả người tàn tật, đưa họ lên sân khấu để làm trò như hình tượng Cu Sứt, thằng Khoèo, lão Mốc v.v... mang lại cho khán giả những phút trạnh lòng về cái phi luân lý ở sân khấu.

Có thể truyện tiếu lâm cũng nói đến những sinh hoạt tự nhiên chủ nghĩa, có thể tiểu thuyết cũng miêu tả những người

tàn tật, nhưng đó là nghệ thuật dùng ngôn ngữ làm phương tiện gợi cho độc giả hình dung, còn ở sân khấu, người diễn viên dùng ngay chính con người mình làm công cụ biểu diễn, những việc diễn ra trên sân khấu nếu không giữ tiết độ, sẽ tạo nên những phản cảm không lành mạnh trong khán giả, nhất là khán giả ngày nay là những người công dân được giáo dục về tư tưởng chính trị và thẩm mỹ ngày càng sắc bén hơn. Thời đại ngày nay lại là thời đại mà trình độ thưởng thức nghệ thuật chung được nâng cao lên một bước nhất định, không thể nào chấp nhận những nội dung nghệ thuật quá ư chất phác và thô sơ được.

Cạnh đó, thái độ yêu ghét trước cuộc sống của người làm Hề xưa không được rõ ràng. Đôi lúc, vì quá lạm dụng hình thức người ngốc, Hề chèo đã quay lại tự đả mình. Ví dụ: Trương Mẫu vào dinh Thừa tướng, hỏi con gái quan là Thị Phương cho con trai mình là Trương Viên; sau khi đã tốt đẹp mọi sự, Trương Mẫu liền nói với Thừa tướng:

- Bẩm quan, người ta có câu:
Con ông mà lấy con bà
Trời cho thuận hòa, thì quan lớn với tôi làm sao nhỉ?

Thật là vô vị và vô duyên!

Về mặt nghệ thuật, tính tùy tiện, do tàn dư ứng diễn để lại, nhiều lúc làm cho Hề trở nên lê thê, mua vui để mà vui không có nội dung, không có mục đích. Các nghệ sĩ kể lại rằng trước Cách mạng tháng Tám, khi gặp đám "ăn" giễu, (cũng có khi do các nhân vật khác làm mặt chưa xong) người nghệ sĩ Hề kéo lời một nhân vật ra hai ba mươi phút là chuyện thường gặp. Ví dụ nhân vật lão Say, thân trò chỉ gọn gàng như những

đoạn mà chúng tôi đã chọn lọc trong sách này, nhưng muốn kéo dài ra, nghệ sĩ Hề đã gọi trò như sau:

Lão Say: - *Ối a bung beng ơi!*

Đế: - Anh em ơi chứ!

Lão Say: - *Chấp chi với người say ấy!*
Anh em ơi,
Rung trống lên cho lão hóa ra rồng, lão hóa ra rắn.
Lão hóa ra kỳ lân cắn quái
Bao nhiêu con gái
Hóa ra đàn bà
Bao nhiêu cụ già
Hóa ra móm mém!

Đế: Phải rồi!

Lão Say: - *Anh em ơi! Lão tính rằng: không gì sướng bằng ở "trần đùi"!*

Đế: - Ở trần đời cụ ơi!

Lão Say: - *Lão cứ tưởng ở trần đùi thì mát hơn ở trần đời cơ đấy*
Anh em ơi,
Bĩ cực thái khoai...

Đế: - Bĩ cực thì thái lai, cụ ơi!

Lão Say: - *Phải, nhà các ông các bà, bĩ cực thì thái lai, còn nhà lão bĩ cực nếu không thái khoai thì chết đói v.v...*

Nghệ sĩ cứ gieo tò mò, treo lửng tò mò và giải quyết tò mò mãi tạo nên một tình thế "dây cà ra dây muống" không ăn nhập vào đâu cả.

Hài của chèo lại chủ yếu là hài ngôn ngữ, lấy ngôn ngữ pha trò làm phương tiện gây cười, khác với hài tình tiết là do bản thân sự việc đã chứa đựng các yếu tố gây cười, tiếng cười là do khuynh hướng của cốt truyện toát lên. Hài ngôn ngữ không thúc đẩy sự việc phát triển khiến cho câu chuyện giậm chân tại chỗ và làm cơ sở cho tính tùy tiện nảy sinh.

Bên cạnh đó, các tính cách hài hầu như được làm sẵn ngoài cốt truyện, mỗi hình tượng đưa lên sân khấu đều không có lý lịch, không có quá trình, không có quan hệ với thân trò. Hiện thực cuộc sống xét cho cùng là quan hệ giữa con người với con người hoặc giữa con người với hoàn cảnh, môi trường. Ở đây, phần lớn các nhân vật chỉ được "chắp" vào trò với tư cách là một nhân vật "xen đoạn", chỉ biến hóa chút ít cho phù hợp với vở (xem phần khảo dị, trò ông Mãng). Thêm nhân vật đó vào vở, mạch truyện không lợi được là bao nhiêu, bởi nhân vật đó ra khỏi vở, mạch truyện cũng không bị phá hoại. Vì vậy, ngày nay, khi khai thác các vở chèo cổ, chúng tôi gặp Lão Say ở rất nhiều vở *(Kim Nham, Trương Sinh, Tôn Mạnh - Tôn Trọng, Quan âm Thị Kính v.v...)*, gặp Mụ Quán ở *Kim Nham, Lưu Bình Dương Lễ*, gặp chú Tiểu ở *Từ Thức - Giáng Hương, Phan Trần*, gặp thầy bói ở *Tôn Mạnh - Tôn Trọng, Phan Trần v.v...*

ĐỘC TẤU CHÈO, MỘT HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN CỦA HỀ CHÈO TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY

Vào tháng 12 năm 1952, đoàn dân công huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, trong khi đi tiếp vận phục vụ chiến dịch Tây Bắc, thường đem trình bày ở các tối lửa trại gặp gỡ của các đoàn dân công khác một tiết mục kể chuyện "O Bưởi". Tiết mục do một người trình bày, dưới hình thức chèo (bao gồm nói đếm, nói sử và một số bài hát) rất được khán giả hoan nghênh.

Chỉ sau đó ít lâu, hình thức kể chuyện ấy được phát triển mạnh mẽ khắp các đơn vị dân công phục vụ chiến dịch. Một số văn nghệ sĩ, rút kinh nghiệm của Việt Bắc, đặt tên cho hình thức kể chuyện đó là *độc tấu chèo*.

Đây là một trong nhiều phương thức trình bày cuộc sống của *hoạt báo*. Một tin thắng trận, một người tốt, một việc tốt, một câu chuyện về Đờ-lát đờ Tát-xi-nhi thua trận, một câu chuyện ở hậu phương như việc góp thuế nông nghiệp v.v... đều có thể đem kể trước mọi người. Hình thức kể là hình thức của anh Hề Gậy hoặc anh Hề Mồi đã được *hiện đại hóa*. Không cần xiêm quây và khăn đầu rìu bỏ múi, không cần vẽ nhọ bôi hề, người kể vẫn giữ nguyên trang phục hàng ngày của mình,

với chiếc trống con, một chiếc mõ, hoặc không cần gì cả, bước ra giữa đám đông để thuật chuyện. Chuyện kể không dài, cho nên bản tin nhận được buổi chiều, chỉ cần vài giờ đồng hồ chuẩn bị là buổi tối đã có thể kể lại với quần chúng một cách vui vẻ. Người kể không cần diễn tập dài dòng, không phải *nghiên cứu* nhân vật, mà chỉ cần nắm vững lời trò và bài bản, làn điệu, bước ra trước đám lửa trại, *giao lưu* với khán giả một cách mật thiết, làm cho câu chuyện kể của mình mang tính chất quần chúng một cách đậm đà.

Để cho bài độc tấu của mình được hấp dẫn, các tác giả ấy đã vận dụng đầy đủ các kỹ thuật truyền thống như sử dụng biện pháp phóng đại, dùng trạng huống bất ngờ, mượn người ngoài "đế" vào để treo lửng sự tò mò của khán giả và đặc biệt đã vận dụng đầy đủ tính chất uyển chuyển màu sắc, giàu tính ý nghĩa của các cách chơi chữ, bỡn chữ, nói lái, dùng chữ hai nghĩa để làm lời trò - tiền đề của lối biểu diễn Hề chèo.

Từ độc tấu, nhiều tác giả đã tiến lên xây dựng những lớp song tấu chèo dựa trên cách trình bày cuộc sống của Hề Mồi và cũng đã thu hoạch được những thành tựu đáng kể.[1]

Từ sau ngày hòa bình lập lại năm 1954, đặc biệt trong những năm chống Mỹ cứu nước trở lại đây, độc tấu và song tấu chèo, đã trở thành những tiết mục không thể thiếu được trong chương trình biểu diễn của các đội Tuyên - Văn ở các đơn vị bộ đội.

---

1. Về vấn đề này, xin đọc Tấu thơ và tấu chèo của Thanh Tịnh và những người cộng sự. Nhà xuất bản Văn hóa Hà Nội - 1995.

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHỌN LỌC MẪU HỀ

Cuối cùng, chúng tôi thấy cần thiết phải trình bày về cách chọn lọc các mẫu Hề của chúng tôi.

Đương nhiên, không thể nào trình bày hết được các mẫu Hề với sự khảo dị đầy đủ các chiếng và các nghệ nhân. Vì thế, ở đây, mỗi mẫu Hề chúng tôi chỉ chắt lọc lấy những đoạn cần thiết.

Đoạn cần thiết theo chúng tôi, có nghĩa là đoạn có mang được một hay nhiều những đặc điểm sau đây:

1. Có nội dung tốt, phù hợp với yêu cầu thẩm mỹ ngày nay, hoặc có khả năng cung cấp những tư liệu tư tưởng, sinh hoạt, xã hội, phong tục tập quán, ngôn ngữ cho các nhà nghiên cứu.

2. Có nghệ thuật hay, nói lên mối quan hệ giữa tính thời sự địa phương với tính phổ biến, có lớp trò diễn làm bài tập cơ sở về biểu diễn hài cho học sinh và diễn viên các khoa, các đoàn chèo hoặc có những bài hát độc đáo mà nếu không ghi chép thì sau này sẽ mất mát.

Có thể kể làm ví dụ cho nội dung tốt như những câu đố, những bài hát *Bàn giao canh, lớp Hề quét cung đình, Hầu chuyện quan lớn, kể chuyện Tam đại dở hơi, Lý vô sự cùng v.v...*

Có thể kể làm ví dụ cho nghệ thuật hay như chuyện *Oan xin sữa, Truyện xôi muối, Hồ Nghi - Toen Hoẻn, Mụ Quán - Thằng Khoèo, Phù thủy, Thầy đồ, Thầy bói v.v... Xã dốt và Khán thị* là những nhân vật tạo cơ sở cho một diễn viên đóng một lúc ba vai cũng xếp trong loại này.

Tất cả các mẫu Hề trong tập này, chúng tôi ghi chép theo các Hội nghị biểu diễn do Nhà hát chèo tổ chức từ năm 1959 đến năm 1964. Trước khi biểu diễn một tích trò, các nghệ nhân họp lại, ôn lời trò xưa trong phường mình, chiếng mình rồi ghim ghép lại với nhau. Trong số đông đảo các nghệ nhân, chúng tôi rất ngạc nhiên về sức nhớ kỳ lạ của cụ An Văn Mược (1873 - 1967) quê ở Gia Khánh, Ninh Bình và cụ Trùm Thịnh (sinh năm 1883), quê ở Thanh Miện, Hải Dương. Bên cạnh hai cụ, còn có sự tham gia đóng góp tích cực của các cụ:

- Nguyễn Mầm, chiếng chèo Sáo Đền, Vũ Thư, Thái Bình.
- Trần Văn Linh, chiếng chèo Hà Xá, Hưng Hà, Thái Bình.
- Kiều Trọng Đóa, chiếng chèo Bắc, Lập Thạch, Vĩnh Phúc.
- Vũ Văn Phụ, chiếng chèo Khuốc, Đông Hưng, Thái Bình.
- Nguyễn Văn Sứng, chiếng chèo Đoài, Thường Tín, Hà Tây.
- Trần Văn Toái, chiếng chèo Nam, Xuân Trường, Nam Hà.

Mỗi lời trò, do một cụ đọc, khi đối chiếu với tất cả các cụ khác, nếu chỉ sai một đôi chữ, chúng tôi chép theo cụ đúng nhất (đúng có nghĩa là đầy đủ nhất, thông nghĩa và mạch chạy hợp lý) thì chúng tôi ghi ngay dưới tên bài, tên của một hay hai cụ đã đọc lời trò đó theo thứ tự quan trọng của việc cung cấp tư liệu, không theo tuổi đời và tuổi nghề. Nếu sai biệt từ một câu trở lên thì chúng tôi ghi thêm ở phần *khảo dị*, đặt liền sau bài.

Sau khi ghi chép xong tập sách này, chúng tôi đã đọc cho cụ Trùm Thịnh nghe lại (rất đáng tiếc, lúc đó các cụ An Văn Mược, Kiều Trọng Đóa, Trần Văn Toái đã qua đời).

Do các mẫu Hề có nhiều đoạn trùng lặp nhau về nội dung hoặc nghệ thuật, hiện nay chúng tôi tạm thời lược bớt một số Nhiêu như Nhiêu Chi, Nhiêu Nho, Nhiêu Tài, Nhiêu Lạc, Nhiêu Công, Nhiêu Thập..., một số mẫu thầy lang, thầy bói, một số cách ra trò của Hề gậy, Hề mồi, một số tiểu đóng đôi v.v...

Để đỡ công in, chúng tôi chia mỗi bài ra thành từng đoạn A, B, C (in hoa) để lưu ý độc giả: có thể đoạn A của bài này giống toàn bộ hoặc một đoạn của bài trước; cũng có thể đoạn A đó của nghệ nhân ở chiếng khác lại có lời trò khác (ở trường hợp này, nếu không thấy ghi: giống đoạn A (hoặc B) bài trước, thì xin xem phần khảo dị).

Phần khảo dị, chúng tôi ghi chữ (a) (b) (c) (in thường đóng trong ngoặc đơn) để cung cấp thêm cho bạn đọc những dị văn ở nhiều chiếng khác nhau.

Khi gặp một trường hợp phải giải thích thêm về mẫu Hề nào đấy thì sát ngay sau phần sưu tập, chúng tôi có đặt *lời dẫn* vắn tắt để bạn đọc hiểu thêm về nhân vật, về cách làm trò diễn v.v...

Theo gợi ý của Nhà xuất bản, đối tượng của cuốn sách này, ngoài các nhà nghiên cứu và các bậc thức giả, còn có đông đảo anh chị em diễn viên chuyên nghiệp và nghiệp dư ở khắp các tỉnh thành trên miền Bắc, phần lớn các anh chị em đó đều ra đời sau Cách mạng tháng Tám, không quen với tập quán suy nghĩ và thưởng thức nghệ thuật cổ, cho nên những đoạn

chữ Hán và điển cố, chúng tôi đã cố gắng chú giải kỹ và sau đó, được cụ Lê Tư Thực và ban Biên tập của Nhà xuất bản góp ý sửa chữa những chỗ thiếu sót. Nếu còn có chỗ nào sai lệch, mong các bậc thức giả châm chước cho.

Để có thể bước đầu hệ thống hóa được các mẫu Hề trong tập sách này, chúng tôi chia các mẫu Hề theo các phần sau đây:

I. *Hề đi hầu - (Hề áo ngắn)*

A. Hề gậy:

- Câu ra trò
- Câu xưng danh
- Hề kể chuyện

B. Hề mồi:

- Cách ra vai
- Các câu đố đá
- Hầu chuyện

II. *Hề tính cách (Hề áo chùng)*

Riêng trường hợp *Mẹ Mõ*, một vai nữ duy nhất trong vốn Hề chèo, chúng tôi xem là một hiện tượng đặc biệt và xếp vào sau các vai Hề tính cách (đáng lẽ nên xếp vào loại Hề mồi).

Ngoài ra, chúng tôi còn chép phụ thêm Hề của giai đoạn Chèo Văn Minh và Chèo Cải Lương và một mẫu Hề sau Cách mạng tháng Tám để các bạn tham khảo.

Chắc rằng còn xa mới đáp ứng được yêu cầu của các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động nghệ thuật, nhưng đứng trước đòi hỏi ngày càng cao của phong trào, chúng tôi mạnh dạn trình bày những điều đã thu hoạch được trong công tác

nghiên cứu, chắc chắn sẽ nhận được thêm nhiều ý kiến giúp đỡ của các bạn yêu chèo để sau này công việc nghiên cứu sẽ được tiến hành một cách có kết quả hơn.

Cũng vui mừng như khi thấy cụ Trùm Thịnh năm ngoái lại mọc răng khôn, chúng tôi tin rằng Hề chèo trên sân khấu xã hội chủ nghĩa sẽ trẻ lại và lớn mạnh lạ thường.

II



CÁC MẪU HỀ

A

Hề đi hầu (hề áo ngắn)

HỀ GẬY

Hề gậy là loại Hề đi theo thầy (thư sinh, quan, xã trưởng v.v...)

Nhân vật này ra sân khấu thường mang chiếc gậy. Chiếc gậy đó tượng trưng cho chiếc đòn gánh của những người đi hầu ở ngoài cuộc sống (thường dùng để gánh níp sách và tiền gạo). Nhưng trong biểu diễn, ngoài những lúc được vác trên vai, chiếc gậy còn được sử dụng như một đạo cụ có tính chất ước lệ không khác gì chiếc quạt trong tay nhân vật thư sinh: có khi gậy làm bút, có khi dùng làm đòn gánh, có khi dùng để múa, cũng có khi trở về làm... chiếc gậy.

Thường thường, cách ra vai của nhận vật Hề gậy thường gồm các bước sau đây:

1. Trước hết, thầy xuất hiện trên sân khấu một mình, xưng danh rồi tự sự. Ví dụ:

Đi một mình ắt là buồn bã

(hát) *Bắt thằng Hề bạn cùng tài tử (này a)*

Văn nhân chơi bời

Tầm phương hảo địa ta chơi...

(gọi) *Bớ hề con!*

2. Tiếng đế nhắc, sau đó Hề vừa bước ra sân khấu vừa nói câu ra trò (số 1-3).

3. Hề xưng danh, tự xem mình là một loại Nhiêu, có tên tuổi, có tài đức (số 4 - 8). Nhiêu là một loại tước vị trong thôn xã. Một thanh niên muốn khỏi mang tiếng là bạch đinh thường phải mua Nhiêu, mua Xã ở làng.

4. Hề theo thầy đi tầm phương (tìm hoa thơm). Vì vậy, Hề gậy còn gọi là Hề theo. Trong khi đi, thầy trò cùng nói chuyện. Có những câu chuyện dùng cho loại Hề nhất định, ví dụ: Hề theo Từ Thức, Hề theo Lưu Bình v.v... (số 9 - 12). Có những câu chuyện dùng cho bất cứ vai Hề gậy nào, đó là những câu Hề theo ngoài tích.

Tóm lại, Hề gậy là loại Hề đi hầu thầy trong khi đi đường.

1. CÂU RA TRÒ

(Ghi theo bác Trùm Thịnh,
có sự bổ sung của các bác khác)

Đế: Bác gọi đấy, Hề ơi!

Hề *(ra)*: - Hề con có đây, nhưng con còn đương mắc dở.

Đế: Mắc dở làm gì?

Hề: Con còn đương:

(hát) Rút rạ thui bò

Con đã thò ra đây

Thôi ngay lập tức

Chết ngay bay giờ

Chẵn về, lẻ cái

Đế: Lại cờ bạc rồi!

Hề: Ấy cờ bạc con thế mà hai mang...

Đế: Hai mang thế nào?

Hề: *(hát)* Mang đi thời có mang về thời không?

Đế: Thế là thua rồi!

Hề: *(nói)* Không, tôi có thua đâu.

Đế: Thế thì làm sao?

Hề: *(nói)* Tôi không thua... Nguyên là thế này: Canh hôm qua tôi không đi thì hòa, canh hôm kia tôi đi thì lỗ vốn!

Đế: Lỗ vốn những gì?

Hề: Lỗ mất... cái mê cót với phong thuốc lào.

Đế: Thế ra đi châm đóm à?

Hề: Không, tôi đi phù giá hoả đấy chứ.

Thưa bác, cờ bạc con thế mà có thơ đấy!

Đế: Thơ làm sao?

Hề: Thơ rằng:

Làm trai không thiếu gì nghề chơi

Cờ bạc đa mang mất giá người

Được dăm quan, kẻ vay người mượn

Thua vào dăm chục rắp tìm nơi

Đế: Tìm nơi nào?

Hề: Ấy chả là:

Anh em theo đuổi rình cho kịp

Tìm đường trốn tránh lánh nơi xa

(hát) Chạy lên núi sơn lâm cùng cốc

Giở ra về bắt được nó không tha.

(b) *(nói)* Nay bác gọi con là hề, mai bác lại gọi con là hề...

Đế: Chẳng gọi là hề thì gọi là gì?

Hề: Ấy hề con có cha, có mẹ cơ...

Đế: Ai chẳng có cha, có mẹ?...

Hề: Nhưng con còn hơn: con có cả bố...!

Đế: Bố với cha cũng thế.

Hề: Khác chứ? Bố còn đóng khố cho cha, cha còn làm nhà cho bố ở.

(nói đếm) Hề con nay là Bách Lý Hề[1]

Cư Ngu nhi Ngu vong

Cư Tần nhi Tần bá

Dụng dữ bất dụng thính[2]

Đàn Ngũ huyền chi cầm

Ca Nam phong chi thi[3]

Khả dĩ giải ngu dân như huấn hề[4]

Hề con là:

Phụ hề sinh ngã

---

1. Bách Lý Hề, một nhân vật ở nước Ngu, thời Xuân thu, tên tự là Tỉnh Bá, lúc còn nhỏ, nghèo đói không có nhà ở. Sau thờ nước Ngu làm đến đại phu. Khi Tấn diệt Ngu, ông bị bắt. Sau được sai đi làm "dựng" (người theo hầu) cho con gái vua Ngu khi đi lấy chồng (tức là vợ Tần Mục Công). Bách Lý Hề lấy việc theo hầu đàn bà, con gái như thế làm xấu hổ, bèn trốn ra đất Uyển và bị dân Sở bắt giữ. Tần Mục Công biết ông là người hiền bèn đem năm chiếc da dê đen đến chuộc rồi giao cho ông giữ quốc chính. Ông làm tướng ở Tần bảy năm, lập được nhiều công lớn, giúp cho Tần làm nên nghiệp bá.
2. Đọc sai. Nguyên câu chữ ở sách *Mạnh Tử* chép: "Cư Ngu nhi Ngu vong, chi Tần nhi Tần bá. Dụng dữ bất dụng, thính dữ bất thính nhĩ" nghĩa là: "Ở nước Ngu thì nước Ngu mất, sang nước Tần thì nước Tần làm bá chủ chư hầu. Chỉ tại dùng và không dùng (cũng với) nghe và không nghe mà thôi". Ở đây, nghệ nhân đọc sai "chi" thành "cư" và đọc thiếu bốn chữ "dữ bất thính nhĩ".
3. Hai câu trích trong thiên *Nhạc ký, Kinh Lễ*, có nghĩa:"Gẩy cây đàn năm dây, hát bài thơ Nam phong".
4. Lời thơ Nam phong đọc sai. Nguyên văn: "Nam phong chi huân hề, khả dĩ giải ngô dân chi uấn hề. Nam phong chi thời hề, khả dĩ phụ ngô dân chi tài hề". Nghĩa: "Gió nam mát mẻ, có thể giải nỗi buồn cho dân ta. Gió nam phải thời, có thể bồi đắp của cải cho dân ta".

Mẫu hề cúc ngã
Ai ai phụ mẫu
Sinh ngã cù lao
Dục báo thâm ân
Hiệu thiên võng cực[1]

(c) *(hát)* Huân huân tử sắc hề bá giang san
Bá giang san hề hà Tống bá giang san[2]

(nói) Bác gọi con là Nhiêu Lai con đi hầu bác!

---

1. Thơ Lục Nga, phần Tiểu Nhã trong *Kinh Thi*, nghĩa: "Ơn cha mẹ rất lớn, như trời cao vô cùng, không biết lấy gì mà báo đáp".
2. Khí sắc tía rực rỡ trùm khắp núi sông
Trùm khắp núi sông là núi sông nhà Tống.
Tống sử chép: "Bà Đỗ Thị sinh Triệu Khuông Dẫn (tức là Thái Tổ nhà Tống) ở trong doanh Giáp mã. Sau khi Tống Thái Tổ bình xong thiên hạ, lên ngôi vua, Trần Đoàn (xem chú thích bài Thầy bói, phần Hề tính cách) ngâm bài thơ rằng:
"Giáp mã doanh trung tử khí cao
Thuộc trư nhân dĩ trước hoàng bào
Thử hồi thiên hạ đô vô sự
Chính thị sơn trung thụy đắc lao"
Nghĩa là: *Khí sắc tía bốc cao trong doanh Giáp mã*
Người cầm tinh con lợn (tuổi hợi) đã mặc áo hoàng bào
Hồi này thiên hạ đều vô sự
Chính là lúc người ở trong núi ngủ được kỹ.
Tác giả đoạn hề đã lấy cảm hứng ở điển tích này viết thành hai câu:
Huân huân tử sắc hề bá giang san
Bá giang san hề Tống giang san.
Các nghệ nhân đã đọc thừa hai chữ "hà" và "bá" ở câu sau.

2. CÂU RA TRÒ

(Ghi theo bác Mầm có sự bổ sung của các bác khác)

Đế: Bác gọi đấy, hề ơi!

Hề: Hề con có đây nhưng còn đương mắc dở...

Đế: Mắc dở là làm gì?

Hề: Con còn đương mắc khai đao vợ chồng con chẫu chuộc nó đang hủy hoại cái ao rau cần.

Bất ra kinh thân

Đăng trình lột thẳng (a)

(vỉa) Ối bác ơi, ối thầy ơi!

Bác gọi con đi đâu bây giờ?

(hát) Hay là bác gọi con lên xứ Lạng, Tam cờ

Tam cơ thành Lạng ở trên Tam cờ

Vâng vâng vâng, vầng vậc!

(nói) Dạ thưa bác,

(nói đếm) Con còn dở chút mẹ già

Sách có chữ rằng:

Phụ mẫu tại đường

Bất khả viễn du[1]

Dù con có đi sớm, về trưa

Cũng được chữ: xuất tất cáo, phản hồi tất diện[2]

---

1. Cha mẹ còn sống, không nên đi xa (trích *Minh đạo gia huấn*).
2. Đi phải thưa, về phải trình.

Con đi hầu bác:
Được chữ trung con thất kỳ chữ hiếu
Con ở nhà, con nuôi mẹ già:
Được chữ hiếu lại thất kỳ chữ trung
Thế mới gọi rằng:
Trung ư quân vương, hiếu ư phụ mẫu[1]
Nhất hiếu lập nhi vạn thiện tòng[2]
Con có hiếu cho bằng lòng cha mẹ

(B) *nói)* .... (giống đoạn B, bài trước)

(C) Hề con có thơ:
Trung hiếu nhất tâm thiên địa bạch[3]
Kính thành nhị tự quỉ thần tri[4]
Bác gọi con là Nhiêu (......) con đi hầu bác!

Khảo dị:

(a) Theo các bác Đỏa, Phụ, Linh câu này có thể là:
(hát) Con còn đương mắc dở:
Đốt nhọ bôi mồm, bôi mồm đốt nhọ, bôi ngay cái mép!

1. Trung với quân vương, hiếu với cha mẹ.
2. Một việc hiếu được dựng nên, muôn điều lành sẽ đi theo.
3. Một lòng trung hiếu, như trời đất sáng sủa.
4. Hai chữ kính thành, quỷ thần soi biết.

3. CÂU RA TRÒ

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Mược)

(A) ... *(như đoạn A của một trong hai bài trước).*

(B) Mẹ tôi đã đặt cho tôi một cái tên mới...

Đế: Tên là gì?

Hề: Ờ, xấu tên... nhưng mà được cái thơ đưa đi.

Đế: Thơ làm sao?

Hề: Thơ rằng:

Tiếng ai dức lác ở trong làng,
Nghĩ rằng ai hóa chú chẫu chàng.
Mõm nhọn, cổ tròn, con mắt ngọc,
Lưng dài, bụng ỏng, cái da vàng.
Kiếp xưa cố, bán chi cho lắm,
Chuộc chăng, chẳng chuộc, dức đã vang.
Luộc chuộc, luộc chuộc chuộc!

Đế: Tên không hay rồi!

Hề: (C) Vậy thì bác đặt tên cho tôi đi

Thầy: Đặt cho mày cái tên là Nhiêu Lai...

4. NHIÊU LAI

(Ghi theo bác Đóa, có sự bổ sung của các bác khác)

(A) (Câu mào đầu, giống một trong ba bài trên, hoặc thay bằng đoạn sau).

Hề: Khi con còn bé

Bác gọi con là thằng Hề thì con mừng, con sướng, con reo.

Bây giờ con cả lớn khôn, mười tám, đôi mươi

Bác gọi con là thằng Hề, con xú diện ố nga mi[1] con không đi hầu bác được.

Đế: Thế là thế nào?

Hề: Thế là xấu tên, con không đi...

Bây giờ bác gọi con là Nhiêu Lai...(a)

Thầy: Lai con!

(B) **Hề:** Dạ, thưa bác:

(nói đếm)

Lai con nay là trí khả dĩ lai[2]

Mừng dân ta đa nam tử, đa thọ, đắc đa tài[3]

Đức nhật tân, phúc lại nhật lai[4]

Lạc đồng lạc, nhân nhân lai thịnh[5]

---

1. Mặt xấu ghét mày ngài. Ý nói kẻ xấu ghen ghét người đẹp.
2. Đem sự hiểu biết của mình có thể làm cho người khác tới.
3. Nhiều con trai, sống lâu, nhiều của. Đó là Tam đa (ba sự nhiều). Theo Trang tử, tam đa là lời người ở đất Hoa phong chúc mừng vua Nghiêu.
4. Đức ngày đổi mới, phúc mỗi ngày lại thêm.
5. Cùng vui vẻ, người người càng thịnh.

Mừng làng ta cung cư kiền hợi[1]
Mạch ứng nhi lai[2]
Mừng dân ta súc tích tiền tài
Trường lưu thủy, tốn lai triều củng[3]
Mừng dân ta có lòng cung phụng
Đức Thượng thần về giá ngự long ngai[4]
Về đình trung phù hộ cho già trẻ, gái trai
Đều được chữ phúc lai, tai tống[5]
Mừng dân ta quy mô nhất thống
Bốn phương đều lai giả thụ chi[6]
Mừng các thầy nho, thầy khóa đương học, đương thi
Đua trận bút cũng được lai khoa chiếm bảng[7]
Mừng quan trùm, quan lão ta đây:
Đi đâu cũng lấy thi thư làm bạn
Đoạn tiệc rồi: lai xuân, lai hạ, lai thủ, lai thành
Rượu khuyên mời chén chú, chén anh
Hoàng hoa tửu quần lai yến ẩm[8]

1. Đình làm phía bắc.
2. Mạch ứng về phía đó.
3. Dòng nước chảy dài từ phía đông nam chầu vào.
4. Thần thượng đẳng về ngồi trên ngai rồng.
5. Phúc đến, tai họa đi.
6. Kẻ nào đến cũng đều đón tiếp.
7. Khoa sau đỗ đạt.
8. Cùng đến ăn tiệc.

(hát) Cơn ăn uống miệng cười ha hả
Đến cơn buồn đánh ván cờ chơi!
Lai con có câu thơ...
Đế: Thơ làm sao?

(C) **Hề**: Thơ rằng:
Nhàn lai vô sự bất thung dung
Thụy giác đông song nhật dĩ hồng
Vạn vật tĩnh quan giai tự đắc
Tứ thời giai hứng dữ nhân đồng[1]

Lời dẫn:

a) Có thể đổi là Nhiêu Tam, Nhiêu Lạc, Nhiêu Xuân, Nhiêu Đồng v.v... Đoạn A trong bài này có thể thay cho các đoạn C ở ba bài trước.

---

1. *Nhàn rỗi không có việc gì là chẳng thong dong.*
Thức giấc, mặt trời đã đỏ ối ở cửa sổ phía đông
Lặng ngắm muôn vật đều thỏa mãn cả
Hứng thú bốn mùa cùng với mọi người cùng chung.

Bốn câu này là nửa trên bài thơ *Chu tử* chép ở sách *Tính lý* nửa sau bài thơ như sau:

"Đạo thông thiên địa vô hình ngoại
Tư nhập phong vân biến thái trung
Phú quí bất dâm, bần tiện lạc
Nam nhi đáo thử thị hào hùng"

5. NHIÊU XUÂN

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, có sự bổ sung của các bác khác)

Đế: Xuân con!

Hề: Xuân tôi nay là:

(nói đếm) Xuân sơ, hạ trưởng
Túc sái ư thu đông[1]
Vận bốn mùa không thủa nào không
Sách có chữ: Xuân sơ vi thủ[2]
Đầu năm xuân thủ[3]
Bác gọi tôi, tôi chửa kịp ra
Có chữ rằng: Xuân nhật do đa[4]
Nên Xuân tôi còn đương đủng đỉnh
Sách có chữ: Xuân thu đỉnh thịnh[5]
Mừng người đây lão ấu đồng xuân[6]
Khen những người tài tử văn nhân
Đua ngòi bút lai xuân chiếm bảng
Người lấy thi thư làm bạn

---

1. Đọc sai một chữ. Vốn là: Xuân sinh, hạ trưởng, túc sái ư thu đông. Nghĩa: mùa xuân nảy nầm; mùa hạ lớn, mùa thu và mùa đông khô héo.
2. Mùa xuân là đầu.
3. Đầu năm lấy mùa xuân làm khởi đầu.
4. Ngày xuân còn nhiều.
5. Mùa xuân rồi mùa thu (ý chỉ số năm số tuổi) chính đương vào lúc thịnh.
6. Già trẻ đều xuân.

Sách có chữ rằng: Xuân bất tái lai[1]
Ngày còn xuân, tháng hãy còn dài
Đem thân lấy làm hai, làm lẽ
Thừa nhàn tôi khuyên các cô gái
Đã đến thì phải lấy chồng đi
Kẻo mai sau quá lứa lỡ thì
Đêm nằm tưởng xuân trèo qua bụng!

Xuân tôi có thơ rằng:

Sáng nhật, tầm phương, Tứ thủy tân
Vô biên quang cảnh nhất thời *xuân*
Đẳng nhàn thức đắc đông phong *tiện*
Vạn tử thiên hồng tổng thị xuân[2]

1. Xuân không trở lại.
2. Đọc sai một số chữ (xem chữ in nghiêng trong bài thơ), nên bài thơ trở nên vô nghĩa.

Bài này vốn là của Chu Hy đời Tống, nguyên văn như sau:

Thắng nhật tầm phương, Tứ thủy tân
Vô biên quang cảnh nhất thời tân
Đẳng nhàn thức đắc đông phong diện
Vạn tử thiên hồng tổng thị xuân

Nghĩa là:

Ngày vui về dạo tìm hoa thơm ở bến sông Tứ (quê Khổng Tử)
Quang cảnh một thời mới bao la vô cùng
Dễ dàng biết được mặt gió đông
Muôn hồng, nghìn tía đều xuân cả.

6. NHIÊU NHẤT

(Ghi theo các bác Mược, Thịnh và bác Mầm)

Đế: Nhất con!

Hề: Nhất con nay là Nhất có tích chứ không như nhất nhà bác, nhất sống nhì chết đâu.

(nói đếm) Nhất con nay là duy tinh, duy nhất[1]

Doãn chấp quyết trung[2]

Nhất hiếu lập nhi vạn thiện tòng[3]

Vua Văn Vương ngài thuần nhất bất dĩ[4]

Thầy Tăng tử nhất nhật tam tỉnh ngô thân[5]

Đời nhà Hán xưa phong công cho Tiêu Hà đệ nhất[6]

Nhất con nay là: nhất thiên lý, nhất biện bạch[7]

Con đi với thầy là thủy chung như nhất[8]

---

1 và 2. Phải suy xét cho tinh tường, cho thuần nhất. Tin chắc giữ vững được đạo trung. Thiên *Đại Vũ mô*, *Kinh Thư* chép, khi vua Thuấn muốn truyền ngôi cho Đại Vũ, bèn truyền tâm pháp cho Vũ rằng: "Lòng người dễ tư mà khó công, lòng đạo khó sáng mà dễ mờ, khi bắt đầu nghĩ việc gì phải suy xét cho tinh tường, cho thuần nhất, tin chắc giữ vững được đạo trung".

3. Xem chú thích 4, câu ra trò 2.

4. Thuần nhất mãi không thôi (xem chú thích 1 và 2 trên)

5. Lời Tăng tử tự nói về mình trong thiên *Học nhi*, sách *Luận ngữ*: "Mỗi ngày xét mình về ba điều: vì người mưu việc có giữ được trung thành không? cùng bè bạn kết giao có giữ được tin không? Thầy dạy bảo có học tập được không?"

6. Tiêu Hà, tướng của Hán Cao tổ.

7. Trước hết là thiên lý (qui luật), trước hết là bàn cãi (để tìm hiểu qui luật).

8. Trước sau như một.

Con ở với thầy là thiết thạch nhất tâm[9]

Chuyên sự nhất nhân[10]

Thế mới gọi là nhất sư nhất đệ[11]

Nhất kỳ túc hĩ[12]

Không như ai nhất loại đồng hàng[13]

Đám ở đây thờ phụng nghiêm trang

Cũng được chữ nhất triêu thiên cổ[14]

Nhất con có bài thơ:

Nhất là phận đẹp, nhất là duyên

Nhất nhớ lời xưa, nhất kết nguyền

Nhất ấm chăn loan kề gối phượng

Nhất tham bể bạc bỏ rừng tiên.

---

9. Sắt đá một lòng.
10. Chuyên thờ một thầy
11. Một thầy một trò.
12. Chỉ một chữ "nhất" là đủ.
13. Một loại như nhau.
14. (Hương lửa) nghìn đời thường như một sớm.

7. NHIÊU ĐỒNG

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Linh)

Đế: Đồng con!

Hề: Đồng nhà con không phải là đồng không, mông quạnh như đồng nhà bác.

(nói đếm)

Đồng con nay là tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư[1]
Con nhớ ông Trương Công Nghệ cửu thế đồng cư[2]
Cũng được chữ đồng gia, đồng táo[3]
Người Trương Lương đồng gia, đồng đạo[4]
Người Hạng Vũ song mục trùng đồng[5]
Dẫu đi đâu có vợ, có chồng
Cũng được chữ đồng sàng, đồng tịch[6]

1. Ba người cùng đi tất có người là thầy mình.
2. Nhà ông Trương Công Nghệ chín đời còn ở chung một nhà mà vẫn không có xích mích. Vua ngự đến thăm, hỏi cớ, ông dâng một trăm chữ "nhẫn". Vua khen và ban thưởng cho ông.
3. Cùng nhà, cùng bếp.
4. Cùng nhà, cùng đạo, Trương Lương là tướng của Lưu Bang.
5. Hạng Vũ, mắt có hai con ngươi. Hạng Vũ, người nước Sở, cùng Lưu Bang khởi nghĩa diệt Tần, sau lại bị Lưu Bang giết.
6. Chung giường, chung chiếu.

8. NHIÊU HÀ

(Ghi theo bác Mược)

Đế: Hà con!

Hề: Hà tôi là:

Mẫu hề hà chí, tử hề hà trung?[1]

Lưu thiên cổ nhất môn mẫu tử[2]

Hữu vị Thuấn giả, diệc nhược thị[3]

Thuấn hà nhân dã, ngã hà nhân?[4]

Bỉ trượng phu, hà ngã bất trượng phu[5]?

Ngô hà uý bỉ[6]?

Trong kinh Thi nói rằng: Hà tư, hà lự[7]?

Trong kinh Dịch: Hà hữu, hà vô[8]

Trong Luận ngữ: Tôi chẳng biết chi mô

Diệc mạc như vô hà khả dĩ[9]

---

1. Làm mẹ thì chí để tại đâu, làm con thì trung với ai?
2. Để tiếng ngàn năm:mẹ con một nhà.
3. Kẻ được gọi tên là Thuấn cũng chỉ như thế mà thôi.
4. Thuấn là người nào, ta là người nào?
5. Kẻ ấy là trượng phu, tại sao ta không phải là trượng phu?
6. Có gì mà phải sợ kẻ đó?
7. Lo gì, nghĩ gì?
8. Cái gì là có (tồn tại), cái gì là không (không tồn tại)
9. Đọc sai. Vốn là câu sách trong Luận ngữ, nguyên văn: "tử bất viết như chi hà, ngô diệc mạc như chi hà dã dĩ". Nghĩa: Phu tử không nói như thế nào, như thế nào thì ta cũng chẳng biết thế nào cả.

Có thơ rằng:

Hà nhân giang thượng xưng thi bá
Cẩm tú văn chương thí nhất *qua*
Dạ tĩnh bất kham đề tuyệt cú
Khinh thịnh tinh đẩu lạc giang *hà*[1]

---

1. Tương truyền bốn câu thơ cổ này là do hai nhà thơ (sẽ khảo sau) đọc để bỡn nhau. Người thứ nhất đọc:

Hà nhân giang thượng xưng thi bá
Cẩm tú văn chương thí nhất quan

(nghĩa: Người nào tự xưng là thi bá trên sông, văn chương gấm vóc thử (làm) một bài coi), có ý thách người kia làm thơ. Người thứ hai liền đọc:

Dạ tĩnh bất kham đề tuyệt cú
Khủng kinh tinh đẩu lạc giang hàn

(nghĩa: Đêm vắng lặng, nên không thể đề câu thơ hay tuyệt vời, vì sợ rằng làm cho ngôi sao giật mình rơi xuống sông lạnh).

9. NHIÊU THẬP

(Ghi theo bác Linh, bác Mầm, bác Thịnh và bác Mược)

Đế: Thập con!

Hề: Dạ thưa bác,

Thập con nay là:

Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ[1]

Năm con còn bé con học thất thập sĩ, nhĩ tiểu sinh[2]

Ơn bề trên mở hội thái bình

Dân được chữ thập phần chuẩn thứ[3]

Vua Hán Kiêu thập tứ[4]

Tự khả hữu vi[5]

Vua Đinh Tiên Hoàng dựng ra thập nhị can chi[6]

Đầu hàng can có chữ: Kỳ danh viết thập[7]

---

1. Mười mắt đều trông, mười tay đều trỏ.
2. Chữ sách Tam Tự Kinh: bảy mươi kẻ sĩ, ngươi là học trò nhỏ.
3. Mười phần rộng rãi.
4. Đời vua Hán Cao Tổ năm thứ mười bốn.
5. Tự mình có thể có chỗ "hữu vi" (có thể thi thố được).
6. Mười hai can chi. Chính ra là mười can và mười hai chi, tương truyền do Thiên Hoàng thị đặt ra. Hoàng đế phối hợp lại thành lục thập giáp tí... Trước thời Đông Hán, can chi dùng để tính ngày. Từ đời Kiến Vũ trở về sau, can chi dùng để tính năm và tháng (Không phải là Đinh Tiên Hoàng như các nghệ nhân đã đọc).
7. Tên của chúng có mười (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý).

Con người ta tam thập nhi lập[1]

Tứ thập bất hoặc[2]

Ngũ thập cổ hi[3]

Lục thập tri thiên mệnh[4]

Thất bát thập nửa đêm về sáng đổ con lợn nhị thập.

Đế: Thằng này nói ra kiểu bài phu rồi.[5]

Hề: (B) - Dạ, thưa bác, con lại nói chuyện làng bài phu cho bác nghe:

Cả làng bài có ba mươi tám suất

Thang thang, chi chi là bé nhỏ

Dẫu đánh đố mười cũng chẳng được vào

Dù khôn ngoan đút lót làm sao

Thì cũng chẳng được vào một vị

Anh cửu vạn con người có ý

Vạn nói ra lưu xú vạn niên[6]

1, 2, 3, 4 Dẫn sai lời Khổng Tử tự nói về chính mình. Vốn nguyên văn là... tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du củ (Nghĩa: ta ba mươi tuổi thì tự lập thân, bốn mươi tuổi thì lòng không còn nghi hoặc, năm mươi tuổi biết mệnh trời, sáu mươi tuổi nghe đâu hiểu đó, bảy mươi tuổi tùy theo lòng mình thích thú mà không vượt ra ngoài khuôn phép). Ở đây, chép sai *ngũ thập cổ lai hy* (xưa nay ít có người thọ đến năm mươi tuổi) có lẽ là sự cố ý để hạ xuống câu *lục thập tri thiên mệnh* cho vần.

5. Người chơi bài phu gọi cây nhị thập là con lợn, cây tam thập là cái tròng, cửu văn là con lợn, bát văn là cái tròng v. v... Ai được tròng thì ăn cả, ai bị tròng thì phải đền.

6. Để tiếng nhuốc nhơ muôn năm.

Mừng làng ta vạn khoảnh lương điền[1]
Dân phú thịnh vĩnh như vạn thọ[2]
Anh Cửu Sách thấy anh Cửu Vạn nói liền đỏ ngay mặt.
Đế: Ở, quân Cửu Sách vẫn đỏ!

Hề: Anh Cửu Sách làng bầu giữ sổ cho làng
Cả một làng không ai dám cãi ngang
Ai cũng phải ra đình nghe sách
Đến anh Cửu Vạn là người phù nghiêng chữa lệch trong dân
Để phòng khi bái xã cầu thần[3]
Ai cũng phải lấy văn ra làm văn tế
Anh Cửu Thập con người bất trị
Ra đến đình chỉ chực ngồi trên
Thất bát thập chạy ra can liền
Nhà ta nay tám chín anh em
Âu ta phải nhường ngôi cho quan bá lão.
Đế: Ông cụ đứng đầu hàng thập rồi!

Hề: Anh Lục Thập con người cũng táo
Vốn khi xưa làm loạn nước Đoài

1. Muôn khoảng ruộng tốt.
2. Dân giàu có, thịnh vượng lâu dài như núi Vạn Thọ.
3. Tế lễ cầu thần.

Hỏi xem rằng con cháu nhà ai
Quanh đi quéo lại vẫn là con ông cụ.
Đế: Vẫn là hàng thập rồi!

Hề: (C) - Thập con có câu thơ rằng:
Thập niên đăng hoả công danh toại
Thập nguyệt hoài thai mẫu tử tình[1]

Khảo dị:

Theo bác Trùm Thịnh và bác Mược thì đoạn A và đoạn C giống như trên, còn đoạn B đổi thành:

Tôi nhớ ở phương xa không năng chèo hát thờ vua
Giời làm cho lúa xấu mất mùa
Một sào được một gánh lại lắm bui bui
Thần thánh lại xui chuột xơi ráo cả
Còn dân ta năng chèo hát thờ vua
Giời cho lúa tốt mà lại được mùa
Một sào mười gánh, mỗi giẻ một trăm hột
Hột bằng quả bầu, hột bằng quả bí
Hột nào bé tí cũng bằng ông bình vôi
Năm bảy con gà sống lôi không nổi một hột thóc.

Xét cách cấu tạo của đoạn này không đúng với lối xây dựng câu Nhiêu (tức là phải lấy tiếng "thập" là chữ chủ yếu mà vận lời). Do đó, chúng tôi cho rằng, đoạn này ở một lời trò khác, các nghệ sĩ kể trên đã mang lầm vào đây.

---

1. Mười năm sách đèn thỏa chí công danh,
Mười tháng mang nặng đẻ đau, tình mẹ con.

10. NHIÊU TAM

(Ghi theo bác Đóa, bác Thịnh và bác Linh)

Đế: Tam con!

(A) - Tam con nay là:

Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư[1]

Lúc còn bé con học Tam hoàng, Ngũ đế chi thư[2]

Thế mới được tam tài thủ xuất[3]

Hỗn mang khai nhất[4]

Vua Phục Hi thủy hoạch bát quái nhi tam hào[5]

Vũ kế Thuấn, Thuấn kế Nghiêu

Sách có chữ tam thánh nhi thụ thụ[6]

---

1. Xem chú thích (1) bài Nhiêu Đồng.
2. Học sinh của Tam hoàng và Ngũ đế.
   Tam hoàng: Ba vua. Có nhiều thuyết. Theo *Hà đồ tam ngũ lịch* thì tam hoàng là Thiên hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng. Theo *Thượng thư đại truyện*, là Toại Nhân, Phục Hi, Thần Nông. Theo *Xuân thu vận đẩu khoa* là Phục Hi, Thần Nông, Nữ Oa... Nhìn chung thì đó là những nhân vật truyền thuyết không có căn cứ xác đáng.
   Ngũ đế: năm vua (thời cổ đại). Cũng có nhiều thuyết. Theo *Kinh lễ, thiên Nguyệt lệnh*, ngũ đế gồm có: Thái Hiệu (Phục Hi), Viêm Đế (Thần Nông), Hoàng Đế, Thiếu Hiệu, Chuyên Húc. Theo *Thế bản, sách Sử ký*, là Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Dự, Đường Nghiêu và Ngu Thuấn. Theo *Đế vương thế kỷ* là Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Cao Tân (Đế Dự), Đường Nghiêu và Ngu Thuấn... Đó là các nhân vật tiền sử.
3. Lần đầu tiên, tam tài xuất hiện. Tam tài gồm có: Trời, Đất và Người.
4. Khi hỗn mang đã mở ra.
5. Vua Phục Hi lần đầu tiên vẽ ra tám quái và ba hào (để bói toán). Tám quái (vạch) gồm có: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Li, Khôn, Đoài. Mỗi quái được tượng trưng bằng ba vạch. Hai quái trùng lên nhau thành lục hào. Hào là chỉ sự biến động của quẻ bói. Ở đây, có lẽ tác giả dùng tam hào để chỉ ba vạch của một quái.

Vua Văn Vương vi thủ
Cũng vì chưng nhất nhật tam triều[1]
Đời nhà Hán có vua Hán Kiêu[2]
Sách có chữ tam Tần chi ước[3]
Ông Lưu Bị ở trong *Tam Quốc.*
Cũng được chữ thân hành tam cố thảo lư[4]
Hán Văn Đế, Đổng Trọng Thư
Sách có chữ: thiên nhân tam sách[5].

---

1. Tam thánh: có nhiều thuyết. Ở đây, tác giả theo thuyết của *Hán thư, Đổng Trọng Thư truyện*: ..."Thị dĩ Vũ kế Thuấn, Thuấn kế Nghiêu, tam thánh tương thụ nhi thủ nhất đạo". (Nghĩa: Đó là Vũ nối Thuấn, Thuấn nối Nghiêu ba thánh truyền cho nhau mà giữ một đạo). Ở đây, tác giả dùng chữ *thụ thụ* cũng có nghĩa: thụ trên là trao cho, thụ sau là nhận lấy, ý nói truyền và giữ ngôi.
2. Vua Văn Vương nhà Chu sở dĩ đứng đầu các nước bởi vì mỗi ngày ba lần thiết triều.
3, 4. Hán Kiêu tức là Lưu Bang, người đồng thời với Hạng Vũ, cùng dấy binh chống Tần Thủy Hoàng. Buổi đầu Lưu Bang sức yếu, thế non, phải đồng ý cho Hạng Vũ cắt đất Quan Trung cướp được của Tần ra làm ba: phong hàng tướng của Tần là Chương Hàm làm Ung Vương, giữ phía tây Hàm Dương, Tư Mã Hậu làm Tắc Vương giữ phía đông Hàm Dương và Đổng Ế làm Định Vương coi giữ Thượng quận. Lời ước giữa hai bên ấy được gọi là Tam Tần chi ước.
10. Lưu Bị ba lần thân đến nhà tranh của Khổng Minh để mời Khổng Minh ra giúp mình chống Ngụy và Ngô.
11. *Hán Văn Đế*: con Hán Cao Tổ, tên là Hằng. Khi Cao Tổ bình đất Đại, được phong là Đại Vương. Về sau, khi Lã Hậu chết. Chu Bột bình được loạn họ Lã đến đất Đại rước ông về lập làm vua. Ông là người nhân từ cung kiệm, lấy đức để giáo hóa nhân dân, nhờ đó mà cả nước no đủ, thiên hạ đại trị. Ở ngôi 23 năm
Đổng Trọng Thư: Người thời Hán ở đất Quảng Châu. Còn nhỏ rất chăm học, ngồi trong màn đọc kinh Xuân Thu ba năm không ngó ra ngoài. Thời Hán Cảnh Đế, được phong chức bác sĩ. Ông là người học rộng, rất có công trong việc xây dựng cho Nho giáo đời Hán. Về sau, Lưu Hướng khen ông là "hữu vương tá chi tài" (có tài giúp vua).
Thiên nhân tam sách: Ba bài đối sách nói về mối liên hệ giữa giời và người. (Ba bài đối sách về vấn đề chính trị của Đổng Trọng Thư).

Lục tài sổ bách
Kế thế Tam vương[1]
So thái bình bằng đời Tam đại[2]
Tam dương khai thái[3]
Mừng người đây được chữ Tam đa[4]
Rồi cành vàng lá ngọc nở ra
Coi không khác tam hoè, ngũ quế[5]

(B) - Có thơ rằng:
Tam kiệt chi công đa bất nhượng
Tứ hung chi tội chỉ ư đồ[6]

---

1. Giết vài trăm người lên nối ngôi Tam Vương tức ba đời Hạ, Thương, Chu.
2. Tam đại: Hạ, Thương, Chu.
(A) 3. Ba vạch dương mở đầu vận thái hòa.
Theo *Kinh dịch*, quẻ Địa thiên thái thuộc về tháng Giêng.
Quẻ này ba vạch dương ở dưới, ba vạch âm ở trên. Khí âm thì lắng xuống, khí dương thì bốc lên; âm dương giao thông sinh nở muôn vật, mở ra cảnh thái hòa cho một tiết xuân vui tươi đầm ấm.
4. Tam Đa (xem chú thích 3, bài Nhiêu Lai).
5. Đông con làm nên sự nghiệp lớn. *Quế*: điển cố Đậu Quân Vũ, người thời Tống, quê ở Ngư Dương, sinh năm con trai đều đỗ cao. Phùng Đạo làm thơ khen có câu: "Linh thông nhất châu lão. Đan quế ngũ chi phương" (thông già một gốc cỗi - quế son năm cành thơm). *Hòe*: lấy điển Vương Hộ, sống khoảng đời Hán, tự tay trồng ba cây hoè ở sân, với lòng tin rằng con mình sẽ làm quan to (sách Chu Lễ chép: nhìn ra ba cây Hoè là chỗ đứng của chức tam công). Sau con là Vương Đán làm quan đến Tể tướng.
6. Công của ba người hào kiệt nhiều người không chịu nhường. Tội của bốn kẻ hung ác chỉ đến tù đày là hết. *Tam Kiệt* theo *Sử Ký, Cao Tổ Kỷ* là Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín. Đó là ba người bày tôi giỏi của Lưu Bang nhà Hán. *Tứ Hung* theo *Danh nghĩa khảo* là Hoan Đâu, Cung Công, Tam Miêu và Cổn. Đó là bốn hung nhân thời Nghiêu Thuấn.

Khảo dị:

Theo bác Thịnh và bác Linh, đoạn A chép là:

Tam con nay là tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư
Mừng người đây nối nghiệp thi thư
Chuyên đăng hoả tam niên học vấn
Đất người đây giời cho minh mẫn
Bước vào trường cập đệ tam khôi[1]
Văn làng ta cũng chẳng kém ai
Nghề võ cử tam phiên trúng cách[2]
Con giai thì thanh, con gái thì lịch
Con giai thì tam lược, lục thao[3]
Gái nó nang xuân chiếm nhị đào
Nghề ăn chơi ai kém ai nào
Cô nào yếu đuối cũng được nhất canh tam độ[4]

---

1. Đỗ cao, vào ba bậc đầu của khoa thi: Trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.
2. Ba lần (vào thi) đều trúng cách.
3. Người tướng tài gồm có ba lược, sáu thao.
   Tam lược: tên một bộ sách gồm ba quyển Thượng, Trung, Hạ do Hoàng Thạch Công trao cho Trương Lương đời Tần - Hán. *Lục thao*: tên một bộ sách của Thái Công Vọng đời Chu làm gồm có Văn thao, Vũ thao, Long thao, Hổ thao, Báo thao, Khuyển thao.
4. Mỗi trống canh ba lượt qua đò (ý tục).

11. NHIÊU NHO

(Ghi theo bác Mược, bác Thịnh, bác Mầm và bác Linh)

Nho giả cùng kỳ lý[1]
Vạn sự xuất ư nho[2]
Nhớ ngày xưa tôi học đạo Khổng nho
Thông kinh sử con nhà nho nhã
Lúc còn bé, con theo các thầy văn nhân giáo hóa
Nên bây giờ nên vương tá chi tài[3]
Làm tài giai cho đáng nên giai
Phải học khắp nho, y, lý số[4]
Con nhớ từ đời ông Tống Tổ[5]
Thực chân nho bối xuất chi đồ[6]

---

1. Kẻ nho giả biết lý lẽ sâu xa.
2. Mọi việc đều bởi nho học mà ra.
3. Xem chú thích 11 bài Nhiêu Tam.
4. Bốn điều hiểu biết, tiêu chuẩn của nhà nho xưa: hiểu nho học, làm thuốc, để đất, bói toán.
5. Có lẽ là Triệu Khuông Dẫn, vua đầu của nhà Tống, tức là Tống Thái Tổ (hoặc Nghệ Tổ) (xem chú thích 6 bài số1).
6. Thực là người từ đám chân nho mà ra.

Từ Đường, Ngu, Hạ, Vũ, Thương, Chu
Ai ai cũng tôn nho trọng đạo
Vua Văn Đế lâm toàn bái lão[1]
Vua Vũ Hoàng tôn đại lão nho[2]
Ông Hán Kiêu chiêu thập vi nho[3]
Giảng ngũ kinh nhì thạch kỳ danh các[4].

---

1. Văn đế (trỏ Văn Vương nhà Chu) vào rừng sâu mà lạy đón người già cả (trỏ Khương Tử Nha, tức Lã Thượng, hiệu là Thái Công Vọng người Đông Hải, có công lớn trong việc xây dựng nhà Chu).
2. Vũ Hoàng (trỏ Vũ Vương, con Văn Vương) tôn bậc nho nhiều tuổi (trỏ Khương Tử Nha - Sau khi lên ngôi, Vũ Vương tôn Tử Nha làm Sư thượng phụ).
3. Hán Cao Tổ chiêu tập mười người làm kẻ nho giả (bên mình).
4. Dạy năm kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân Thu) mà được ghi tên vào bia đá dựng ở gác (tía).

12. NHIÊU CHI

(Ghi theo bác Mược)

Đế: Chi con!

Hề: Chi tôi là khuông chi, dực chi, phụ chi, bật chi[1].

Sách có chữ rằng: dữ thiện nhân cư

Bất như nhập chi lan chi thất[2]

Đời vua Nghiêu trị chi chi nhật[3]

Vua Thiên Hoàng thủy chế can chi[4]

Vua Phục Hi chế giá thú chi nghi[5]

Cũng được chữ: dĩ trọng nhân luân chi bản[6]

Hiếu vi vạn thiện chi căn bản[7]

Thiên lý lễ ngãi chi triết văn[8]

Phải nhớ công phụ mẫu sinh thành

Phải nhớ chữ cù lao chi đức

Sách có chữ: Thị chi vi tắc[9]

Lại có chữ rằng: Tài giả mậu chi[10]

---

1. Giúp nhà vua (xếp đặt, che chở, nâng đỡ, giúp giập).
2. Ở với người thiện cũng vẫn không bằng được vào nhà có hoa chi, hoa lan (ý nói nhà người tài giỏi hay chữ).
3. Ngày trị nước bình yên đời vua Nghiêu.
4. Xem chú thích 6 bài Nhiêu Thập.
5. Vua Phục Hi định ra nghi thức cưới xin (không rõ điển cố lấy ở đâu: Theo Từ Hải, Phục Hi chỉ vạch bát quái để làm lịch, sáng tạo ra chữ viết và dạy dân chài lưới, chăn nuôi, không thấy nói đến nghi thức cưới xin).
6. Để tôn trọng cái gốc nhân luân.
7. Hiếu thuận với cha mẹ là gốc của muôn điều thiện.
8. Lẽ trời là vẻ đẹp trong sáng của lễ nghĩa.
9. Coi đó là phép tắc.
10. Kẻ tài giỏi thì làm cho tốt đẹp.

Tự thái cực sinh ra lưỡng nghi[1]
Có chữ rằng: đạt âm dương chi biến[2]
Đức Thánh cả ngự lên chính điện
Cũng được chữ ngưỡng chi di cao[3]
Đất ta đây kế thế anh hào
Cũng được chữ thiên chi sở phú [4]
Mừng dân ta đây có văn có vũ
Cùng là đơn quế chi phương[5]
Gái làng đây giữ việc phòng hương
Cũng được chữ: phòng vi chi thiên ái[6]

Có thơ rằng:

Tam đa hiệp Phong nhân chi chúc
Ngũ phúc kiêm Cơ tử chi trù[7].

---

1. *Thái cực*: *Hệ từ, Kinh dịch* nói: Thái cực sinh ra lưỡng nghi. Thái cực là vũ trụ, trước khi phân chia ra trời đất, nguyên khí còn hỗn hợp làm một. Sau mới dần dần phân ra khí âm, khí dương gọi là lưỡng nghi. Trong khí âm lại chia ra thái âm, thiếu âm; trong khí dương lại chia ra thái dương, thiếu dương, gọi là tứ tượng.
2. Sự biến hóa của âm dương. Dương cương biến thành giời, âm nhu biến thành đất. Khí âm và khí dương phối hợp với nhau lại sinh ra muôn vật, biến hóa vô cùng. *Kinh dịch* chép: "Thái cực sinh ra lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh ra tứ tượng, tứ tượng sinh ra bát quái, bát quái sinh ra sáu mươi tư quẻ chỉ phối lẫn nhau mà biến hóa không cùng."
3. Ngẩng nhìn thấy càng cao.
4. Giời phú bẩm cho.
5. Cái thơm của quế sơn (xem chú thích 16 bài Nhiêu Tam).
6. Lòng yêu riêng ở chốn màn the.
7. Tam đa hợp lời chúc của người đất Phong (xem chú thích 3 bài Nhiêu Lai). Ngũ phúc gồm theo sự mưu tính của Cơ Tử (Cơ Tử bị Trụ Vương đày xuống làm nô lệ, hóa điên. Sau Vũ Vương định được thiên hạ, sai người đến hỏi về đạo giời. Ông viết *Thiên Hồng phạm* dâng lên. Ở đây ý nói: có được ngũ phúc lại có được sự sáng suốt của Cơ Tử).

13. NHIÊU TÀI

(Ghi theo bác Mầm và có sự bổ sung của các bác khác)

Đế: Tài con!

Hề: Tài con là hữu quốc mỹ tài[1]

Chẳng như ai dung tài lục lục[2]

Nhớ thuở bé tôi học: tam tài giả, thiên địa nhân.

Hàn Tín xưa khai quốc nguyên huân

Cũng được tướng tài quải nhĩ[3]

Người Vệ Sanh có tài tướng suý

Thờ Hán hoàng xuất phát hung nô[4]

Đến ngày sau Thục, Hán, Nguy, Ngô

Tam quốc anh tài bất tương thượng hạ[5]

---

1. Có tài tốt đẹp của đất nước.
2. Tài mọn tầm thường.
3. Hàn Tín, người nước Hàn. Hàn bị diệt, Tín về với Lưu Bang, Lưu Bang nghe theo Trương Lương phong Tín tước cao, khi Lưu Bang vào thành Triệu, giao ấn tướng cho Tín.
4. Vệ Sanh, chính là Vệ Thanh đọc sai. Vệ Thanh là người thời Hán, quê ở Bình Dương, tên tự là Trọng Khanh. Cha là Trịnh Quý, ông theo họ mẹ là Vệ. Chị Vệ Thanh lấy Hán Vũ Đế, Thanh được phong làm Thiên xa kỵ tướng quân. Bảy lần dẹp Hung Nô, uy danh lừng lẫy. Sau lên đến chức Đại tướng quân, tước Trường Bình hầu.
5. Thời Tam Quốc, các tướng của ba nước tài giỏi ngang nhau không ai hơn ai.

Tôi ngồi tôi nghĩ như trong thiên hạ
Cũng lắm kẻ anh tài, tài năng võ nghệ
Cơn chiến trận tài cơ ứng biến[1]
Thánh kinh, hiền truyện
Cử thủ quyết khoa
Tôi nghĩ như tôi cũng bậc tài hoa
Nhà hết gạo tôi tài vay cũng được
Bước chân vào đám cờ đám bạc
Tài nói năng nhà thổ cũng giúp cho[2]
Ra đường gặp năm ba cô
Tài ve vãn cô nào cũng muốn
Đế: Muốn làm sao?

Hề: Muốn chửi vào mặt!
Có thơ rằng:
Giang sơn bất thiểu tài huê khách
Thiên địa đa tài phúc hậu nhân[3]

1. Giỏi việc lấy cái bất biến (nguyên tắc) để ứng vào cái biến (linh hoạt).
2. Nhà thổ, chữ cổ, chỉ nơi gá bạc. Tục ngữ: Chứa thổ để đổ hồ: gá bạc để lấy hồ.
3. Giang sơn không thiếu khách tài hoa.

14. NHIÊU LẠC

(Ghi theo bác Mược, bác Mầm và bác Thịnh)

Đế: Lạc con!

Hề: Lạc con nay là lạc có tích
Có Lạc thần Lạc tại Lạc giang[1]
Nhớ đời xưa thái cổ hồng hoang
Tư dân xã hi nhiên nhi hàm lạc[2]
Lạc khả chế, lạc khả tác[3]
Thế mới được chữ lạc dữ linh đình[4]
Kẻ gái trai lạc tính, lạc tình
Người nhân trí lạc san, lạc thủy
Đấng quân tử nhi hậu lạc thú[5]
Trong Kinh Thi quân tử lạc thư[6]
Trong Đại học quân tử lạc chỉ[7]

---

1. Thần sông Lạc chìm xuống sông Lạc. Lạc thần tên là Mật phi, con gái Phục Hi Thị, chết đuối ở sông Lạc.
2. Thời xưa, dân xã này vui vẻ, hồn nhiên.
3. Vui về điều có thể chế tác được (Chế là định ra phép tắc, tác là thi hành).
4. Cùng vui vẻ linh đình.
5. Người quân tử lấy sự "vui sau thiên hạ" làm cái thú. (Lời Phạm Trọng Yêm: Tiên thiên hạ chi ưu, hậu thiên hạ chi lạc).
6. Người quân tử vui về việc đọc sách.
7. Người quân tử vui về chỗ biết dừng lại (không ham muốn thêm).

Đấng thánh nhân lạc đắc anh tài[1]

Kẻ học trò lạc tại thư trai[2]

Người nông giả vũ phong hòa lạc[3]

Cho nên có "răng thờ".

Đế: Răng thờ là làm sao?

Hề: Răng thờ là thơ rằng:

Lạc thiên, lạc địa, lạc giang san

Lạc đắc kỳ tư lạc thậm nhàn

Tăng lạc đạc hề tăng lạc đạc[4]

(nói) Thôi xin bác, người ta ngâm tăng lạc đạc, bác không biết thì bác hỏi xin tôi mấy chữ, tôi cho, chứ ai lại cứ đứng quai mồm ra mà "quạc quạc"!

---

1. Thánh nhân (chỉ Mạnh Tử) vui về việc kẻ anh tài đến (để mà dạy làm học trò).
2. Vui ở chỗ phòng học.
3. Nhà nông thì mưa thuận gió hòa đều vui.
4. Vui giời, vui đất, vui sông núi.
Vui được như thế này, vui được rất nhàn
Thêm sự vui vẻ, thêm sự vui vẻ.

15. HỀ THEO TỪ THỨC

(Ghi theo bác Phụ, bác Mầm, Mược và Trùm Thịnh)

Hề: Bác ơi, cái gì kia kìa!

Thầy: Tiên đấy con ạ!

Hề: Tiên ở đâu ra?

Thầy: Tiên ở trong động ra.

Hề: Thảo nào vừa mới đánh động một cái mà đã kéo ra ngay. Bác ạ, tôi nghe trong hang còn nhiều tiên lắm.

Thầy: Sao mày biết?

Hề: Tôi thấy đang cắn đuôi nhau kêu chí chí! Bác ơi, cái gì loang loáng dưới trán tiên ấy nhỉ?

Thầy: Mắt tiên đấy!

Hề: Tiên cũng có mắt a'? Tôi lại cứ ngỡ mặt tiên phẳng lì như mặt trống kia. Cái gì ở dưới mắt tiên thế, bác nhỉ?

Thầy: Mũi tiên đấy!

Hề: Ai nặn ra mũi tiên?

Thầy: Bà mụ!

Hề: Bà ấy đi đâu rồi?

Thầy: Mày hỏi làm gì?

Hề: Tôi đánh cho bà ấy mấy gậy, nặn mũi cho tiên mà cũng như mũi người thì còn ra cái quái gì nữa...

Thầy: Mày bảo nặn thế nào cho phải?

Hề: Tôi ấy à? Tôi nặn bằng cái nồi chân ấy. Cứ gọi là mưa một trận thì ngập mũi. Cái gì ở dưới mũi tiên ấy bác nhỉ?

Thầy: Miệng tiên đấy!

Hề: Hỏng thật, bác quê quá, cái đó mà gọi là miệng được?

Thầy: Mày gọi là gì?

Hề: Tôi gọi nó là cái hố cơm!

Thầy: Sao gọi nó là hố cơm?

Hề: Chẳng hố cơm mà lúc nãy sa xuống đấy năm, sáu bát, có ai mò thấy đâu. Còn cái gì ở ngực tiên ấy nhỉ?

Thầy: Cái quạt!

Hề: Vứt đi rồi! Tôi hỏi trong cái quạt cơ!

Thầy: Cái yếm!

Hề: Người trông mặt mũi sáng sủa thế này mà lại hóa đần. Tôi hỏi trong cái yếm cơ mà?

Thầy: Đó là... vú tiên!

Hề: Dở thật, nay "tử viết" mai "tử viết" thế mà lại gọi cái đó là cái vú!

Thầy: Vậy thì mày gọi là cái gì?

Hề: Tôi gọi nó là cái... bàn bốc!

Thầy: Sao lại gọi nhảm thế?

Hề: Ừ thế tôi hỏi bác, lúc bác gần cô tôi, bác không bốc thì bác lấy đũa bác gắp à?... Bác này, tướng cô tiên này xem khá đấy!

Thầy: Mày cũng biết xem tướng à?

Hề: Tôi thì thượng đáo thiên văn, hạ chí địa lý, cái gì chẳng biết? Tướng cô này, trông đằng trước thì hỏng đứt rồi mà trông đằng sau thì lại không được đầy đặn, may ra

lấy được cái khúc giữa chăng... Cái tướng tốt đấy!

Trên mái tóc cô ta là tổ sơn phát tích[1]

Hai thần đồng phụ nhĩ hai tai

Đôi mắt cô ta tinh đẩu sát tài.

Ai táng đó ắt làm nên khoa mục

Đôi mũi cô ta tụy tinh kết cục

Cái miệng cô ta là thủy khẩu đáo đường

Ai táng đó ắt là có lợi

Cái cổ cô ta như cuống cà thắt lại

Tay cô ta tả hổ, hữu long

Tả thanh long uốn lại, hữu bạch hổ chầu vào...

Lại đến cái ngực ...

Ngực cô ta có hai đống thần đồng

Đất ấy gọi là oa kiềm, nhũ đột

Bụng cô ta phì nhiêu phát phúc

Chiếu địa bàn huyệt tại tề tâm

Còn từ thắt lưng trở xuống hai chân

Đất ấy là đất tiểu cục, nhưng mà tôi chịu thôi... không đoán nữa.

Đế: Đoán nốt đi chứ!

---

1. Từ đoạn này trở xuống, Hề dùng toàn chữ của thầy địa lý dùng trong khi ngắm kiểu đất để mả. Ở đây, thấy bật rõ cái dụng ý chơi chữ: khi nói đến *tóc* thì trong câu có tiếng *phát*, nói *mắt* có tiếng *mục*, nói *tai* có *nhĩ*, nói *miệng* có *lợi* v.v...

Thầy: Miệng tiên đấy!

Hề: Hỏng thật, bác quê quá, cái đó mà gọi là miệng được?

Thầy: Mày gọi là gì?

Hề: Tôi gọi nó là cái hố cơm!

Thầy: Sao gọi nó là hố cơm?

Hề: Chẳng hố cơm mà lúc nãy sa xuống đấy năm, sáu bát, có ai mò thấy đâu. Còn cái gì ở ngực tiên ấy nhỉ?

Thầy: Cái quạt!

Hề: Vứt đi rồi! Tôi hỏi trong cái quạt cơ!

Thầy: Cái yếm!

Hề: Người trông mặt mũi sáng sủa thế này mà lại hóa đần. Tôi hỏi trong cái yếm cơ mà?

Thầy: Đó là... vú tiên!

Hề: Dở thật, nay "tử viết" mai "tử viết" thế mà lại gọi cái đó là cái vú!

Thầy: Vậy thì mày gọi là cái gì?

Hề: Tôi gọi nó là cái... bàn bốc!

Thầy: Sao lại gọi nhảm thế?

Hề: Ừ thế tôi hỏi bác, lúc bác gần cô tôi, bác không bốc thì bác lấy đũa bác gắp à?... Bác này, tướng cô tiên này xem khá đấy!

Thầy: Mày cũng biết xem tướng à?

Hề: Tôi thì thượng đáo thiên văn, hạ chí địa lý, cái gì chẳng biết? Tướng cô này, trông đằng trước thì hỏng đứt rồi mà trông đằng sau thì lại không được đầy đặn, may ra

Hề: Thì đoán nốt:

Cái bụng cô ta từ thắt lưng trở xuống

Bao la thế giới năng phát phúc trung

Đất này không coi giữ cho chắc, để người ta táng trộm vào thì chỉ có... bỏ làng mà cút!

.... (Lược)

Lời dẫn:

Đoạn này trích khoảng một phần năm lời của Hề Từ Thức, khi Hề theo thầy vào động tiên. Hai thầy trò gặp Giáng Hương, Hề bèn đứng lại xem tướng cho Giáng Hương.

16. HỀ THEO KIM NHAM

(Ghi theo bác Trùm, Mược và Mầm)

Hề: Dạ, thưa bác, tôi nói chuyện cho bác nghe: nhà tôi có một bà cô, đẹp thẩn đẹp thơ, mỗi tháng hai kỳ đẹp, kỳ đầu tháng đẹp vừa, kỳ cuối tháng đẹp hơn, hễ ngồi đâu thì cứ: "cư cử, cư cử"...

Đế: Thế là hen rồi!

Hề: Thế mà giời phải lòng cô tôi, giời bèn lấy cô tôi.

Tôi phải gọi giời bằng dượng. Giời bảo tôi rằng: Khi nào thư thả, mời bố đĩ hề lên chơi với giời mấy hôm. Đến năm ngoái, túng quá, tôi mới liều lên tảo giời mấy quan tiền tiêu... Tôi lên giời đi qua hang Gió

Thấy bạn tiên đang mở hội Bàn đào
Bác Hà tiên đang hát nghêu ngao
Ông Cựu Tào gẩy đàn môi túng tính.
Ông Trương tử ngâm thơ chúc vịnh
Bà Hàn Tương đang kéo song vần(?)
Ông Lý Thiết Quài đang đánh trống quân
Ông Lã Đồng Tân vo ve thổi cái mõ mạ[1]
Đế: Thổi sáo chứ!

Hề: Ông ấy thổi rằng: Hò xử xôi, chuối xôi xử thịt!

---

1. Hà tiên cô, Tào quốc cữu, Trương Lão quả, Hàn Tương tử, Lý Thiết Quài, Lã Đồng Tân kể trong bài này cùng với Chung Ly Quyền và Lam Thái Hòa là tám vị tiên trong truyền thuyết Trung Quốc.

Lúc ấy tôi nhìn vào thì ra giời cũng kiết. Trông thấy tôi, giời xanh ngay mặt lại. Giời bảo tôi: Năm nay thủy lạo có cày cấy gì được đâu. Tôi liền làm một bài thơ trách giời, tôi về...

Đế: Thơ làm sao?

Hề: Thơ rằng:

Bắc thang lên hỏi cung kim khuyết

Độc địa làm chi mấy hỡi giời?

Cô tôi liền bảo giời rằng: "Chẳng mấy khi cháu nó lên đến trên này, phải cho nó ăn một bữa cơm chứ lại để nó về không à?". Lúc bấy giờ, giời bèn sai làm cơm...

Đế: Giò hoa, chả lụa à?

Hề: Nào có giò hoa, chả lụa! Giời bắt ông giăng nấu riêu, sao váng cả lên... Tôi ăn không hết hãy còn nguyên vằng vặc. Tôi liền mời tám ông đến ăn bát riêu giăng. Tôi tính xem nào: ông học trò là một, ông thầy kiện là hai, ông thầy địa lý là ba, ông thầy bói là bốn, ông phù thủy là năm, ông thầy thuốc là sáu, ông quan viên đi tế tơ hồng là bảy, ông phó kèn là tám. Thế là tám ông làm liền tám câu thơ...

Đế: Thơ làm sao?

Hề: Ông học trò làm: Ban thái âm tinh chiếu phi tha?

Ông thầy kiện làm: Dạ gian vô cố nhập nhân gia

Ông thầy địa lý làm: Bình dương mãn địa cao đê xứ.

Ông thầy bói làm: Động tĩnh nan tường biến dịch đa.

Ông thầy phù thủy làm: Tốc đáo tốc lai, thần biến hóa

Ông thầy thuốc làm: Phi hàn phi nhiệt, nại nhược hà?
Ông quan viên đi tế làm: Hữu lễ nghinh hôn châm tửu khuyến
Ông phó kèn làm: Ta hồ hà xứ mịch Hằng nga?[1]
Đến lượt tôi, một mình tôi làm một bài rằng:
Mấy vạn trăm năm, nguyệt hãy còn
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn
Hỏi muôn bạch thỏ chừng bao tuổi?
Ướm một Hằng nga được mấy con?
Đêm xuân hé cửa soi giường ngọc
Tháng ngày sao thẹn với vàng son
Ba mươi mồng một đi đâu vắng?
Hay có tình riêng với nước non?
... (lược)

1. Bài thơ này đọc sai một chữ: Ban thái âm soi tinh chiếu phỉ thạ. Nghĩa bài thơ:
Ở cạnh ngôi Thái âm (mặt trăng), ánh sáng soi chẳng đi chỗ khác.
Đương đêm vào nhà người ta không có duyên cớ
Đất bằng khắp nơi, chỗ cao chỗ thấp.
Động tĩnh khó biết, biến đổi nhiều
Thoắt đến, thoắt đi, thần thông biến hóa.
Không hàn, không nhiệt, biết làm thế nào?
Có lễ rước dâu, rót rượu mời
Than ôi, tìm Hằng nga ở chốn nào?
Bài thơ này là một sự cố ý chắp lời của nhiều loại người và lời của người nào thì làm theo khẩu khí hoặc nghề nghiệp của người đó.

17. HỀ THEO TẤT CHÁNH

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Đế: Hề con!

Hề: Bác gọi con, con còn mắc dở...(a)

(hát) Bác để con vào, con dẫn tuý sinh mộng tải chi nhân tâm[1] cho nên khóc (a) khóc thầm (dậu mà) thầy tớ ta ấy thế mà thôi. Cung quăng là cung quăng múa!

Đế: Múa kiểu gì thế?

Hề: Múa có kiểu cả đấy.

Đế: Kiểu gì?

Hề: Kiểu "đem vào"!

Đế: Đem vào đâu?

Hề: Đem vào mồm!

Đế: Thế ra kiểu chân giò à?

Hề: Dạ, thưa bác, con múa vào kiểu tứ linh:

Hai tay con giơ lên là phượng vũ, long phi[2]

Hai chân con đứng tựa như thủy ba phiên hạc[3]

Mình con đưa đi đưa lại là linh qui đan giáp[4]

---

1. Túy sinh, mộng tử đọc trệch đi. Ý nói về con người u mê, sách *Trình Tử ngữ lục* viết: "Tuy cao tài, minh trí, giao ư kiến văn, túy sinh mộng tử, bất tự giác dã". Nghĩa: "Tuy tài cao, trí sáng mà chỉ khư khư giữ lấy kiến văn (ý nói bảo thủ) thì không khác gì sống say, chết mê, không tự biết vậy.
2. Phượng múa, rồng bay.
3. Sóng nước, hạc vươn lên.
4. Rùa thiêng, mai màu son.

Thế chả là long mã phụ đồ[1]

(hát) Nước đục lờ lờ.

(nói) Ôi bác ơi là bác ơi! Con đi với bác, bác để con ngựa nhà ai nó đá què chân con rồi, bác ơi!

Thầy: Đâu? Nó đá bao giờ?

Hề: Nó hẹn đến sớm mai ra cổng nó mới đá.

Thầy: Chưa đá đã kêu.

Hề: Ấy phải kêu trước đi, kẻo mai đau quá không kêu được.

Dạ, thưa bác, ngựa không đá chân bác mà nó cũng không đá chân con.

(hát) Nó đá chân quân tử bất tài

Chỉ sông sông cạn!...

(nói) Dạ, thưa bác, năm nay con không phải là Hề nữa.

Đế: Không phải là Hề thì là gì?

Hề: Mẹ con vừa mượn ông phó mộc đục cho con ba mươi sáu cái tên, ấy thế mà có mỗi một tên con không dám nhận.

Đế: Tên là gì?

Hề: Tên là ông Bảy Cạp!

Đế: Ông Ba Vành chứ?

Hề: Ông Ba Vành chả là anh ông Bảy Cạp

Ông Bảy Cạp tức giận mới đạp ông Ba Vành

Thầy: Ấy, sao mày lại đạp tao?

---

1. Con long mã đội hà đồ.

Hề: Nào, bây giờ con hỏi xã tiền đồ bác: bác muốn lấy mấy vợ?

Thầy: Tao muốn lấy ba vợ.

Hề: Ối giời ơi, người thế này mà "vơ bạ" à?

Thế bác lấy bao nhiêu tiền một vợ?

Thầy: Độ ba bốn trăm,

Hề: Đắt!... Ấy thế mà tiền cưới vợ bác vẫn chưa bằng tiền khấu đuôi vợ con đấy nhá.

Thầy: Mày lấy vợ như thế nào?

Hề: Hôm nọ, mẹ con đi chợ mua cho con một tiền rưỡi mà được những mười vợ. Con đi đằng sau, thừa lúc mẹ con quay đi, con mới nhón thêm được một vợ nữa là mười một vợ, con nhặt cái dây chuối thắt lưng cho vợ con rồi con tiếp linh vợ con về nhà...

Thầy: Đón dâu chứ?

Hề: Ừ phải, đón dâu. Về nhà, con treo vợ con lên sỏ nhà...Ái chà, con nói chuyện cho bác nghe, lúc nửa đêm về sáng các chị em thích tình, thi nhau kể chuyện Kiều lẩy hay lắm, bác ạ!

Thầy: Kể Kiều lẩy thế nào?

Hề: Kể thế này: ộp, ộp, roạc choạc choạc!

Thầy: Mày nói thế là ếch à?

Hề: Ếch à bác? Vậy thì hôm nào rỗi, mời bác sang nhà con chơi, con nấu "tù và" vợ con cho bác ăn, ngon lắm, bác ạ... Hề con mừng bác bài thơ ba vợ nhá! (*cất gậy lên vai, giả làm bút*) Quái, con nhà nào lấy bút của con nghiền mẻ, tòe cả ngòi bút...

Thầy: Mày nói thế hóa ra cái chày hành à?

Hề: Thơ rằng:

Mừng thầy ba vợ đẻ ba giai

Thực của làm ra chẳng mượn ai.

Thầy: Cái thằng này, ai lại mượn ai cái việc đó?

Hề: Ấy, ai mượn ai cái việc ấy thì đánh nhau có án mạng đấy (b) *(đọc thơ tiếp).*

Nuôi cho chóng lớn đi ăn cướp.

Đế: Đi học chứ?

Hề: Cướp lấy khoa danh cướp lấy tài

(hát một trổ sắp vặt rồi nói tiếp) Con nói thế thôi, chứ con can bác chớ có lấy nhiều vợ rầy rà lắm, con nói chuyện hai vợ cho bác nghe. Chú con cũng hai vợ, chú con phải làm cái nhà ba gian. Chú con ở gian đầu, gọi là đất Bá Thượng, thím hai ở gian cuối gọi là đất nhà Tần, còn thím cả con ở giữa gọi là đất Quan Trung. Đêm khuya thanh vắng, thím hai con mới ví một câu rằng:

Ới thuyền ơi!...

Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?

Bến còn chực tiết khăng khăng đợi thuyền.

Chú con bèn trả lời rằng:

Ới bến ơi!...

Thuyền nhớ bến lắm, bến ơi,

Nhưng mắc quan tuần Lạng, chưa xuôi được thuyền.

Thím cả con cũng ví chen vào:

Này cả thuyền lẫn bến kia ơi!...

Dù thuyền có muốn đi ngược về xuôi

Phải vào trình quan tuần Lạng, mới xuôi được thuyền.

Chú con nghĩ buồn quá, mình có tí vốn đi buôn mà phải vào nộp thuế, hết vốn thì còn buôn nỗi gì?... Chú con liền viết thơ phóng sang cho thím hai con rằng: "Nhất thẻ cần thôi tiểu thiếp, tựu tại sàng trung, ứng hành công vụ"[1]. Thím hai con liền trả lời ngay: "Nếu lang quân có lòng hạ cố thì xin tiếp dẫn binh lai chứ lai đáo sàng trung thì thần nay bất cảm"[2]. Thím cả con biết ý mới lấy lá mít khô rắc giữa nhà. Đêm khuya chú con, tư dục nhi thắng thiên lý[3] nhất định bỏ qua gầm võng thím cả con, vào với thím hai. Chẳng may chú con vướng lá mít, lá mít kêu sột soạt. Thím cả con bèn hỏi: "Ai?" Chú con trả lời: "Ngã". Thím con hỏi: "Ai ngã?". Chú con trả lời: "Ngã là ta, ta ngã chứ còn ai?". Thím con quát: "Vậy thì "ta" đi đâu?" Chú con phải thú thực: "Ta tương binh đi phá Tần"[4] Thím con ngồi dậy nói: "Tướng quân có tương binh đi phá Tần thì phải tiên nhập Quan Trung đã chứ"[5]. Chú con nói: Đất

1. Một thẻ kíp đòi tiểu thiếp phải đến giường ứng đợi làm việc công.
2. Nếu chàng có đoái tới thì xin dẫn quân đến, còn tới giường chàng thì thần không dám.
3. Lòng ham muốn riêng thắng cả lẽ trời.
4. Ta mang quân đi phá Tần.
5. Trước hết phải vào đất Quan Trung đã.

Quan Trung trở sơn đới hà, tứ tắc, chỉ địa[6], ta không vào". Thím con trả lời: "Tuy rằng đất Quan Trung trở sơn, đới hà, tứ tắc, chỉ địa nhưng mà địa phì nhiêu khả đô dĩ bá"[7] buộc lòng chú con phải tiên nhập Quan Trung, *(lược)*... Quân sĩ bì lao, phong phủ khố hoàn quân Bá Thượng[13] ngủ một giấc. Thím hai buồn hát một câu thế này:

Đi đâu để nhện nó giăng mùng

Đêm năm canh, một mình thiếp chịu lạnh lùng suốt cả năm canh.

Thầy: Ừ, thế thì buồn thật.

Hề: Nào thế bác gọi con ra đây có việc gì?

Thầy: Ta có bà cô tu ở chùa này, bây giờ cho mày đi chợ mua dầu nhang để thầy trò ta vào lễ Phật.

Hề: Anh em ơi, kiếm câu đi chợ nhá!

(hát) Trông lên giời, mây xanh vằng vặc

Ngó xuống đất, đất rộng thênh thênh,

(trở về, nói) Nào bác ơi, ra mà tính tiền.

Hương sào đây!

Thầy: Hết bao nhiêu tiền?

Hề: Ba tiền hương, hương ba tiền là... sáu tiền!

1, 2. Câu này vốn là lời Hàn Sinh khuyên Hạng Võ, nguyên văn: "Quan Trung trở sơn hà, tứ tắc, địa phì nhiêu, khả đô dĩ bá". Nghĩa: "Đất Quan Trung có núi sông bốn bề lấp lối (khu vực đóng kín), đất đai phì nhiêu, là nơi có thể đóng đô để mưu nghiệp bá". Các nghệ nhân có lẽ đã dựa vào đó mà sáng tạo câu trò.

3. Quân sĩ mệt nhọc, niêm phong kho tàng, đem quân trở về đất Bá Thượng.

Thầy: Thôi, bưng lễ vào chùa!

Hề: Vào chùa thì làm thế nào?

Thầy: Vào chùa thì phải từ bi, tự tại.

Trống cứ mặt mà chuông cứ rốn

Hề: Anh em ơi, kiếm câu vào chùa nhá!

(vỉa) Tôi vào chùa đấm một tiếng chuông.

Bo lo lo lo, Bo lo lo lo!...

Thầy: Sao mày lại đấm vào bụng tao?

Hề: Bác bảo là cứ rốn cơ mà?

(vỉa tiếp) Rung ba tiếng trống có thiêng chăng là:

(hát) Bát môn sa xuống hải hà

Cầm cờ chỉ núi, núi đà tan không

Nhởn nhơ tay uốn khúc rồng

Dạo chơi nước Nhược, non Bồng cảnh tiên...

Lời dẫn:

Trích đoạn này rút từ vở Phan Trần, lớp Tất Chánh thi trượt. Khi thầy trò vào chùa, thăm bà cô Tất Chánh tu ở đó.

Khảo dị:

a) Ở đoạn này, mỗi nghệ nhân dùng một khác, ngay cả một nghệ nhân mỗi lần diễn lại dùng một câu, nên khó ghi, theo ý kiến chung, thì có thể dùng một "câu ra trò".

b) Theo bản A, câu này đổi là:

Thế mà ở tổng ta, khối cụ mượn đấy!

18. HỀ THEO LƯU BÌNH

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, bác Mầm, bác Mược)

Lưu Bình: Mày ra nom lại bảng xem có thấy tên bác không?

Hề: Dạ, thưa bác, tên bác chẳng thấy đâu...

Chỉ thấy tên ông Dương Lễ ba kỳ đệ nhất

Hay quan chấm trường nhầm nhặt làm sao?

À... hoặc tên bác có đề ở đằng bờ bảng... Đây rồi, hai chữ to lắm bác ơi!

Đế: Hai chữ gì? Tên bác Lưu Bình cũng là hai chữ đấy.

Hề: Hai chữ ấy à? Hai chữ "phạn nhĩ"... Phạn nhĩ là cơm đổ lỗ mũi, cơm tai, cơm tai!... Tôi biết ngay là cái tướng bác không đỗ được...

Đế: Tướng làm sao?

Hề: Bao nhiêu tóc dồn cả lên đầu (a)

Bao nhiêu bao hầu dồn cả xuống cổ

Chữ tác đánh chữ tộ[1]

Chữ ngộ đánh chữ quá[2]

Qua đình thấy bia hạ mã[3]

Bác đánh ra là nhất bốc vi[4]

---

1. *Tác* là làm; *tộ* là phúc lành. Hai chữ viết gần giống nhau nên đọc lầm.
2. *Ngộ* là gặp, *quá* là qua cũng viết gần giống nhau.
3. *Hạ mã* là chữ viết trên bia dựng ở cạnh đường đi, xế trước cửa đình, miếu, báo cho người qua đường biết mà xuống ngựa để tỏ lòng tôn kính thần thánh.
4. *Nhất bốc vi* viết gần giống *hạ mã* nên đọc lầm.

Tôi đã can bác, bảo bác là bia hạ mã đấy, bác lại còn cố cãi là bất yên, bất yên![1]

(nói vần)

Văn chương thầy học chưa già
Đi thi thì hỏng từ nhà hỏng đi
Văn chương chữ nghĩa là gì
Rượu thì một hũ, mặt lì cung thang.

(nói thường)

Văn chương mở miệng nói quàng
Đầy tớ nói, một hai sỉ mắng
Phú chẳng biết câu thơ câu chắng (?)
Theo anh em: tắc kiến, lý phù[2]
Văn chương từng câu cổ câu kim
Đủ lề lối: sĩ văn cẩn đối[3]
Thầy tớ người ta xuân phong đắc chí[4]
Thầy tớ mình nhăn răng tu nít (?) trở ra về
Đi lều chiếu về lại lều chiếu
Nợ tiền hàng còn thiếu chan chan
Trả chẳng hết cam thụ bội hoàn

1. *Bất yên* cũng viết gần giống *hạ mã*.
2. *Tắc kiến, lý phù*... là những tiếng đệm thường dùng trong khi viết văn.
3. *Sĩ văn:* tôi nghe. *Cẩn đối:* kính cẩn trả lời. Hai chữ trên thường dùng để mở bài văn, hai chữ dưới kết thúc bài văn (theo lệ làm bài văn sách).
4. Gặp cơn gió mùa xuân được thỏa chí. Ý nói thi đỗ.

Bác nhận gánh để con xin cút!
Đây đồ lề của bác đây:
Trúc trợ nhất song
Cẩm phương y nhất bức...
Đế: Thế là cái gì?

Hề: Trúc trợ nhất song là đũa tre một đôi, còn cẩm phương y là cái áo vuông đụp hoa gấm, ngày thì mặc, đêm thì đắp. Còn đây là ngũ nghè...

Đế: Ngũ nghè là thế nào?

Hề: Ngũ nghè là năm miếu, năm miếu là niêu mắm! Có thế thôi, bác không nhận à? Nếu vậy thì:

(hát) Ta tung lên, ném xuống
Giữa dòng nước chảy hoa trôi.

Lời dẫn:

Trích đoạn này rút từ vở Lưu Bình - Dương Lễ, lớp Lưu Bình thi trượt, xem bảng không thấy tên.

Khảo dị:

a) Đoạn này, theo bác Mược, viết là:

Mặt xám chân chì
Bé bụng, móng tai
Đọc câu úc úc hồ văn tai[1]
Lại đánh ra là đô đô bình trượng ngã[2]

1. *Úc úc hồ văn tai*, nghĩa là rỡ rỡ thay lời văn.
2. *Đô đô bình trượng ngã* vô nghĩa vì mặt chữ giống với úc úc hồ văn tai, nên thầy đọc lầm.

19. HỀ THEO NGOÀI TÍCH

(CÂU NÓI TẠM)

(Ghi theo bác Mược, bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

(A) **Hề:** Thưa bác, bây giờ hết khôi hài giở ra nói tạm. Bác tha lỗi cho con nói câu chuyện này để bác nghe.

Thầy: Ừ, nói đi!

(B) **Hề:** Ngày xưa, con đi hầu một ông thầy cũng như bác.

Sáng ngày ra, thầy con mới bảo rằng: "Bớ Hề con! Dần thì, du thị mãi tâm trư, bổ tâm nhân", nghĩa là giờ dần đi chợ, mua lòng lợn về ăn cho nó bổ lòng người. Con mới vâng lời, con đi chợ ngay. Con vào hàng thịt, gặp bác đồ Trung đang ngồi bán thịt, con liền hỏi: "Trư tâm nhất phiến, cổ tiền nhược can?"[1] nghĩa là món lòng bao nhiêu tiền? Bác đồ Trung - ai ngờ cũng biết chữ - liền trả lời rằng: "Trư tâm nhất phiến, cổ tiền tam mạch", nghĩa là mớ lòng này ba tiền, cứ "hồi gia thực tận, hậu dĩ hoàn tiền" nghĩa là cứ mang về mà ăn rồi sau trả tiền. Con mang lòng về, con thái ra. Thầy con là người quân tử, thầy con thực thiểu, ăn những miếng tim, miếng tiết, miếng gan, miếng ghiếc, còn con là kẻ tiểu nhân, con

---

1. Theo *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn thì mỗi quan tiền 36 đồng gọi là "sử tiền"và mỗi quan tiền 60 đồng gọi là "cổ tiền". Mười quan "sử tiền"bằng sáu quan "cổ tiền". Công tư tiêu dùng, ban thưởng hay cấp phát đều tính theo "sử tiền" còn thu thuế thì tính theo "cổ tiền". Theo lối nói dân gian thì "sử tiền" là *tiền gián* và "cổ tiền" là *tiền quý*. (Rằng quý thì năm, gián có ba - Thơ Chiêu Hổ).

thực đại, ăn những lòng già lòng non, rau ghém nước suýt, ối mẹ ôi, gà bới mang tai cũng thấy lòng! Bấy giờ, bác đồ Trung mới đến vấn kỳ trái tiền tức là bác ấy hỏi nợ tiền lòng. Thầy con cứ tưởng con có tiền, mà con cũng tưởng thầy con có tiền, té ra hai thầy trò cùng "tiên khồng". Bác đồ Trung hỏi nước tiểu không được, bác ấy liền hỏi nước đại. Bác ấy chỉ vào mặt, hỏi thế này này: "Nào, thầy tớ mày có giả món tiền lòng không nào?". Lúc bấy giờ, bác con mới nháy con, bảo con giả vờ ra đằng hậu lâu, tức ra sau bếp đi tiêu ấy mà - rồi liệu mà chạy đi. Ai ngờ bác đồ Trung khỏe quá, bác ấy túm lấy tràng áo con. Con liền hô quân sư ngay: "Ối thầy ơi! Bây giờ bác đồ Trung trường khu tróc đắc đệ tử thì quân sư hà liệu[1] mà hay?". Bác con bảo rằng: "Bác ấy có trường khu tróc đắc đệ tử thì con giải y nhi thoát[2]". Con cởi áo con chạy, bác ta lại đuổi kịp, bác ấy đả thần tam tứ tí, nghĩa là đánh con ba bốn cái cẳng tay, bác ấy lại chấp thủ, quăng thần hạ trì, thế là bác ấy túm đầu con ném tòm xuống ao. Thưa bác, lúc bấy giờ thật là: sa lao thượng bất *đắc, chiến quốc đa* (a) nhi phúc đại tự vâm vâm[3]. Cũng may, con trông thấy người nhân ngãi cũ đi

---

1. Bác ấy đuổi dài, bắt được đệ tử thì quân sư liệu thế nào? Đoạn: "Quân sư hà liệu mà hay?" là câu nhại theo tuồng.
2. Cởi trút áo ra thì thoát.
3. Đoạn này, Hề chơi chữ bằng cách chấp nghĩa của các chữ và dùng xuyên tạc đi: Sa: cát (bùn); lao: bò (trâu); thượng: lên trên; *bất đắc*: chẳng được; *chiến*: đánh; *quốc*: nước; *đa*: nhiều; *phúc*: bụng; *đại*: to.
   Ghép nghĩa các chữ ấy lại thành ý của cả câu: Ao có cát bùn, *bò* lên không được, *đánh đầy nước* vào khiến cho bụng to như con vâm! (Chiến quốc còn có nghĩa là thời chiến quốc, một thời kỳ lịch sử Trong Quốc).

qua con bảo cô ta rằng: "Cô ơi, dẫu chẳng nên tình trước nghĩa sau thì cô vớt tôi lên với... Tôi bây giờ là ông thầy phù thủy, tôi có bùa đây, cô vớt tôi lên rồi tôi độ thân cho cô". Cô ta rút ngay cái đòn gánh, hễ thấy con nhô lên thì cô ấy lại dúi con xuống. Cô ấy bảo: "Cho mày chết, cho đáng kiếp cái phường thầy trò thằng ăn bửa"...

Khảo dị:

(a) Bác Mược đọc: Chiến quốc đa. Bác Trùm Thịnh và bác Mầm đọc là *Ám thủy đa* - Chúng tôi thấy "chiến quốc đa" ngộ nghĩnh và thống nhất với cách dùng chữ ở đoạn trên (xem phần chú thích) nên lấy ba chữ đó.

20. HỀ THEO NGOÀI TÍCH

(CÂU NÓI TẠM)

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, bác Mầm và bác Linh)

Thầy: Hề ơi, con đã có vợ chưa?

Hề: Thưa bác, con vất vả cái đằng vợ con. Trước kia, con đã lấy chị hàng gà, tưởng rằng bới chải ra làm ăn, không ngờ chị ấy ở ra lòng nọ, mỏ kia. Con bỏ chị hàng gà con lấy chị hàng nón. Tưởng rằng lá lành đùm lá rách mà nuôi nhau, không ngờ chị ấy lại ở ra vành nọ, cạp kia. Con bỏ chị hàng nón, con lấy chị hàng sơn, tưởng rằng vợ chồng gắn bó nuôi nhau, không ngờ chị ấy ở ra lòng bôi bác. Con lại bỏ chị hàng sơn con về qua bến đò gặp ông thầy địa lý với ông thầy thuốc cùng sang một chuyến đò với con. Cô con gái ra chở đò để kén chồng. Lúc bấy giờ, cô ta nói rằng: "Tôi hỏi ba thầy một câu, ai trả lời đúng thì tôi lấy làm chồng". Xong rồi, cô ấy mới chỉ lên giời, chỉ xuống đất, chỉ đằng trước, chỉ đằng sau, chỉ bên tả, chỉ bên hữu, giơ ba ngón tay, vơ tuột vào lòng. Cô ta bảo: "Ai nói thông thì tôi lấy làm chồng". Ông địa lý trả lời: "Chỉ lên giời là thiên văn, chỉ xuống đất là địa lý, chỉ đằng trước là thủy đáo tiền đường, chỉ đằng sau là thất tinh ứng hậu, chỉ bên tả là tả thanh long, chỉ bên hữu là hữu bạch hổ, giơ ba ngón tay là tam thai, giơ năm ngón tay là ngũ nhạc, vơ tuột vào lòng là huyệt tại phúc trung".
Ông lang thuốc nói: "Chỉ lên trời là thiên ma, chỉ xuống đất là thục địa, chỉ đằng trước là tiền hồ, chỉ đằng sau

là hậu phác, chỉ bên tả là tả đương qui, chỉ bên hữu là hữu bạch truật, giơ ba ngón tay là tam hoàng, giơ năm ngón tay là ngũ vị, vơ tuột vào lòng là trần bì, chỉ xác".

Lúc bấy giờ mới đến lượt con. Con chả hay về cái đằng cờ bạc mà, con liền đoái ngay rằng: chỉ lên trời, chỉ xuống là thiên địa vận, chỉ bên tả, chỉ bên hữu, chỉ đằng trước, chỉ đằng sau là bốn điểm bài phu, thế là Giáp, Ất, Bính, Đinh. Giơ ba ngón tay là ba que, giơ năm ngón tay là "rồi mỏ", còn vơ tuột vào lòng là "tả cua, tả cua"...

Đế: Tả cua là thế nào?

Hề: Tả cua là của ta! Thế là cô ấy bằng lòng lấy con, nhưng bố mẹ cô ta lại không bằng lòng. Con với cô ấy đưa nhau trốn đi nơi khác. Con bưng cô ấy đi được lưng năm, lúc mới đi thì tiền bần hậu phú, ở với nhau được nửa năm thì tiền phú hậu bần...

Đế: Thế là có lợi rồi!

Hề: Ấy thế mà cô ấy lại phải lòng ông phó kèn.

Con mới trách cô ta:

Góp nhặt từng đồng nhai bỏm bẻm
Nuôi người nhân ngãi tí tò te.

Cô ta liền trả lời con rằng:

Chớ thấy "tí hỏi" nghĩ mà hèn
Đám nào là đám chẳng mời kèn
"Cúc dục cùng chung" năm bảy tiếng
"Lo le tí hỏi" dục vô lèn!

... *(lược)*

21. HỀ THEO NGOÀI TÍCH

(CÂU NÓI TẠM)

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, bác Mầm và bác Mược)

Hề: Dạ thưa bác, con đi hầu bác, bác bảo mang những gì?

Thầy: Mang bầu rượu, túi thơ, hòm mang điếu xách, cấp siêu hoả lò.

Hề: Ờ thế mà bác không nói trước, cô con ở nhà mang siêu ra vặn vòi đi để kho tép rồi còn đâu.

Thầy: Cấp siêu hoả lò cơ mà?

Hề: Hoả lò bác cũng chẳng dặn trước, cô con đem giã cua thủng rồi còn đâu.

Thầy: Mày nói thế là cái lon rồi. Còn bầu rượu túi thơ thì sao?

Hề: Bầu cô con mang luộc cho thợ cấy ăn rồi còn đâu.

Thầy: Bầu là bầu khô chứa tửu, là bầu rượu cơ mà?

Hề: Thế mà con cứ tưởng rằng:

Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp, rúc túc tắc, gật đầu khen ngon

Bầu con thế mà cũng có tích đấy.

Bầu con là bầu ông Lý Bạch

Chuốc ra chén ông Lưu Linh

Uống một chén khả dĩ vi tinh[1]

---

1. Có thể trở nên tỉnh táo.

Uống hai chén khả dĩ hứng tình[1]

Uống ba chén giải tâm sầu tận thích[2]

Bầu con có thơ rằng:

Nhất bầu bao quản càn khôn ngoại

Tam thốn bao hàm thế giới trung[3]

(hát) Lác đác mưa ngâu

Xình xịch mưa ngâu

Lá ngâu rụng xuống bông lau phất cờ

Nước giếng trong con cá nó lững lờ

Lờ lững như lờ ...

Con nói bầu rồi con lại nói đến túi. Túi con là:

Vu thác vu nang[4]

Kẻ có túi dụng quan tư chấp[5]

Người Hàn Tín dụng mưu Tề tập[6]

Cũng vì chưng túi cát lấp dòng

Hội nhất tề phong

Cũng được chữ nang thư, thổ võ[7]

---

1. Có thể làm cho hứng thú.
2. Giải hết mọi nỗi phiền trong lòng, trở nên thích thú.
3. Cả hai câu: *Một bầu bao gồm cả ngoài trời đất.*
   Ba tấc ôm gọn thế giới vào trong.
4. Chữ lấy ở thơ *Công Lưu*, phần *Đại nhã Kinh Thi*.
   Túi to không đáy là nang, túi nhỏ có đáy là thác,
   Ở đây, dùng theo cách hoán dụ, chỉ người làm quan đeo giữ túi.
5. Giữ cái túi đó để dùng vào việc quan.
6. Người Hàn Tín dùng mưu vây đánh nước Tề.
7. Gặp được cơn gió hòa khiến cho tích lũy được sách hay thi thố được võ nghệ.

(hát) Túi có ích nước

Túi có ích vàng

Túi đựng quan sang

Cẩm nang tang cá

Cá cá cá

Cá và với cơm

Hồ xử xôi chuối xôi xử thịt!

Con nói túi rồi con nói đến hòm. Hòm đem đựng cám treo đầu con sỏ, chuột cắn đứt quai rồi còn đâu?

Thầy: Mày nói thế ra là cái bị à?

Hề: Ối chà, bị con cũng có tích đấy:

Bị có chú ý

Bị có quy mô

Bị mang bốn mùa

Bị tương lương thực

Con nhớ nhà Hán xưa có ông Lưu Bị

Thân hành tam cố thảo lư[1]

Quan Vân Trường, Dực Đức hai ông

Theo ông Bị hiểm cơ hiểm nạn.

Bị có câu thơ rằng:

Giời sinh ra bị để mà mang

Bị đứt hai quai hóa bị quàng

1. Lưu Bị ba lần đến lều cỏ để cầu Khổng Minh.

Bị đáo công môn nên bị tụng

Bị có quan tiền bị hóa nguyên[1]

(hát) Thế cho nên quan tiền (dậu mà) bác cho tôi ấy thế mà thôi!

Thưa bác, con lại nói đến điếu. Bác bảo mang điếu gì?

Thầy: Điếu rạn quản xe dài!

Hề: Nhà bác làm gì có cái loại điếu ấy. Hôm nọ, con sang nhà bác chỉ thấy cái điếu dóng rưỡi, huyệt ở lưng chừng...

Thầy: Mày nói thế là cái điếu cày à?

Hề: Không phải điếu cày!... con chơi chua lại đem bịt cơ chứ!

Thầy: Bịt vàng hay bịt bạc?

Hề: Không bịt vàng, cũng không bịt bạc. Tay con bịt cơ mà!

Đế: Bịt bằng gì?

Hề: Bịt bằng bùn!

Đế: Thế là điếu cày thật rồi!

Hề: Điếu cày thế mà cũng có tích đấy. Điếu con là:

Điếu vua Thành Thang điếu dân phạt tội[2]

Thuận nhân tâm đãi ngược dĩ khoan[3]

Ông Trung tôn vấn tật điếu tang[4]

---

1. Nghĩa là: đến cửa quan, bên bị có tiền lại hóa bên nguyên.
2. Vua Thành Thang: Người thời cuối nhà Hạ, có nhiều công lao chinh phạt, hạ được Kiệt và đày Kiệt ra Nam Sào, lên làm vua, dựng nên nhà Thương. Điếu dân phạt tội: Hỏi thăm dân đen, phạt kẻ có tội. Lời thơ trong *Nhạc phủ* thời Ngụy Minh đế có câu:
"Phạt tội dĩ điếu dân, thanh ngã đông nam cương". Phạt kẻ có tội, thương xót dân, làm trong sạch biên giới phía đông nam của ta.
3. Lấy độ lượng khoan dung để đối đãi với kẻ hung ngược.
4. Hỏi người ốm, thăm người có tang.

Tam nhật nôi tường tang khổ tải[1]

Ông Lã Vọng điếu ngư Vị thoải[2]

Hàn vương tôn bất điếu hà ngư[3]

Nghiêm tử Lăng Phú Xuân canh điếu[4]

(hát) Thế cho nên!

Điếu liền với xe

Xe liền với điếu

Kẻ gần xê ra

Kẻ xa dịch lại

Anh nào tục nết

Đánh phải điếu say

Co chân co tay

Méo mồm méo miệng

Điếu con cũng có thơ: (a)

Ngán nỗi bình ho chứa thuốc mê

Nhà nghèo chẳng có cũng phân lê[5]

Điếu rạn quản dài coi sang trọng

---

1. Trong ba ngày, xét rõ việc tang ma và sự chết chóc khổ sở.
2. Ông Lã Vọng câu cá ở sông Vị.
3. Hàn Tín không câu cá sông.
4. Nghiêm tử Lăng, tức Nghiêm Quang, người thời Đông Hán, quê ở Dư Diêu, vốn họ Trang, vì kiêng tên Minh Đế nên đổi sang họ Nghiêm. Tên tự là Tử Lăng. Khi còn nhỏ là bạn học của Hán Quang Vũ. Lúc Quang Vũ làm vua, khiến người tìm về, trao cho chức Gián nghị đại phu, ông không nhận và trở về ở ẩn tại núi Phú Xuân, cày ruộng và câu cá đến chết.
5. Phân lê (tiếng thông tục) = bắt chước.

Rọc bí cầm hơi cũng thú ghê
Chọn những thuốc rành xem khói cuốn
Chỉ sờ lưng khố ngửa tay vê
Lập loè trước bếp phong lưu đáo
Sùi bọt nhăn răng tựa dáng nghê!

Khảo dị:

(a) Theo bác Mầm, đoạn này chuyển thành:

Thơ rằng:

Tiếng tăm lừng lẫy khắp trong ngoài
Kẻ dấu người yêu chẳng một ai
Đầu mũ lưng đai ngồi chăm chắm
Giòng sông, rốn bể chứa vơi vơi.

Con lại kết bốn câu rằng:

Đùng đùng không sấm mà vang đất
Cuồn cuộn thay mây những ngất trời
Một phút hạ xe yên nước lại
Mình nghê khói toả ngát muôn nơi...

22. HỀ THEO NGOÀI TÍCH

(CÂU NÓI TẠM)

(Ghi theo bác Thịnh và bác Mầm)

(A)... Bây giờ con xin ví mỡ một câu để bác nghe

Thầy: Ví dầu chứ!

Hề: Dầu ăn khét, mỡ xào rau ngon hơn!

Thầy: Mày thì lúc nào cũng ăn!

Hề: Con người ta sống về miếng ăn, bác ạ! Con ví một câu này:

Có chồng cũng đẻ

Không chồng cũng đẻ

Giời cho một trận mưa rào

Mỗi cô một cót con!

Con khoai đấy chứ không phải con người đâu bác ạ! Hôm nọ con ví một câu, thế mà các cô ấy chạy ngay ra... để tay vào má con...

Thầy: Thế người ta tát mày rồi!

Hề: Không phải tát... Lúc cô ta bỏ tay ra thì má con nó rạn như quả dưa chín cơ mà!

Thầy: Ở thế thì là vả rồi!

Hề: Con ví dầu, ví xếp nhé!

(ví) Ới đấy ơi!

Ới bạn tình, rình tình tình, tình ơi!

Thầy: Sao ví lắm tình thế?

Hề: Con ví tình là con ví đánh đàn...

(hát) Song bên tính tình

Đàn ông Bá Nha ấy thế mà thôi.[1]

(ví tiếp) Ới giời cao đất sét kia ơi!

Thầy: Đất thấp chứ sao lại đất sét?

Hề: Ở đất sét vui lắm bác ạ. Bác có muốn xuống chơi đất sét không?

Thầy: Ai xuống đất sét làm gì?

Hề: Ấy, ở xóm nhà con có bà lão chín mươi tuổi xuống chơi dưới đất sét, tám năm nay rồi mà vẫn chưa buồn về...

Thầy: Thế là chết đấy!

Hề: Con lại cứ ngỡ là vui quá không muốn lên nữa.

(B) *(ví tiếp)* Ới đấy ơi,

Bác mẹ sinh tôi ra là kiếp đàn bà
Hình dung nhan sắc nết na em kịp người
Đến năm mười lăm, mười tám, mười chín, đôi mươi
Bác mẹ tôi ép gả lấy người chồng xa
Tôi cũng là con mẹ, con cha
Tôi lấy phải người chồng xấu thực là khó coi
Tôi ra đường trông thấy chồng người
Vừa đẹp vừa giòn

---

1. Bá Nha, tên thực là Du Thuy, quê ở Sính Đô, kinh đô nước Sở thuở xưa, là một người đánh đàn rất giỏi.

Mặt mũi vuông tròn

Tính nết cũng xinh

Tôi về trông thấy cái nợ nhà tôi, như cầm con dao cắt ruột, để tâm tình nó đau âm.

Tôi ngồi tôi gạt nước mắt, tôi khóc thầm

Tôi trách ông Tơ và bà Nguyệt xe lỗi nhầm làm sao đây

Tôi có ngờ đâu nên nỗi nước non này

Thôi tôi có lấy thầy mày tôi cũng chết non

Thôi thôi tôi ngán nỗi chồng con

Bao nhiêu cái đẹp, cái giòn nó khoắng cả đi.

(C) *(hát)* Ăn phải miếng giầu

Miệng cười môi đỏ, dạ sầu tương tư

Nào thư cô mình gửi cho ta

Đấy có chữ mực, đây anh hòa chữ son

Ba vuông sánh với bảy tròn...

Thầy: Ai lên được chợ Giời hả, Hề!

Hề: Ông "thổi cơm" ạ!

Đế: Ông thổ công chứ!

Hề: Này bác này, đường lên giời có bảy ngày, bảy đêm thôi bác ạ!

Thầy: Sao lại hết bảy ngày, bảy đêm?

Hề: Chả là hai mươi ba tháng chạp, ông thổ công lên chầu giời, đêm ba mươi tết lại trở về đội nồi bánh chưng. Chả là bảy ngày, bảy đêm là gì?

(hát câu trở về như đoạn C)

Khảo dị:

Theo bác Mầm, đoạn B được thay bằng đoạn sau đây (để phục vụ những nơi ăn giếu):

(vi) Đầu làng có cây đa xanh
Gió nam, bão bắc đánh gẫy cành còn tươi
Mười cô đứng đấy anh yêu cả về mười
Lòng anh chỉ muốn lấy một người ngăm ngăm
Ngăm ngăm thì mặc ngăm ngăm
Bác mẹ còn cầm chưa định nơi nao
Chưa định nơi thấp hay là nơi cao
Chưa định nơi nào, không vẫn hoàn không
Tôi trách những người làm bạn với kẻ có chồng
Như tát nước ái luống công đợi chờ
Lênh đênh bè ngổ bè dừa
Quần nâu, áo vá đâu vừa thì chơi
Hôm qua tôi lên chợ Giời

23. HỀ THEO NGOÀI TÍCH

(CÂU NÓI TẠM)

(Ghi theo bác Mầm)

Hề: Thưa bác, tôi thế này mà cũng đi làm mối vợ cho giời đấy! Tôi nói chuyện cho bác nghe:

Thiên sinh nhân, giời cũng như người
Cả khôn lớn mới tìm nơi hỏi vợ
Giời trở về nói khó cùng tôi
Tôi giạm ngay ông Giời lấy bà Đất
Giời trở về, Giời đi xem mặt
Đất vô tình, Đất chẳng biết đâu
Đất ngồi trên cửa sổ têm trầu
Giời nháy Đất hình như chớp giật
Giời trở về sắm sanh lễ vật
Đồ cầm hộp năm chiếc bão dông
Tám gánh cầu vồng
Chín gánh sấm, mười hai gánh sét.

Bấy giờ ông Giời, bà Đất phải duyên kiếp cùng nhau, lúc nửa đêm, ông Giời xuống nói rằng: "Thiên khai ư tí"... Bác bảo "Thiên khai ư tí" là nghĩa làm sao?

Thầy: "Thiên khai ư tí" là Giời mở chưng hội Tý.

Hề: Không phải! Thiên la giời, khai là khai, tý là lỗ chuột. Thế là Giời đái làm khai cái lỗ chuột, bác ạ.

Đất mới mắng Giời vô phúc
Ai sờ mình, mình lại sờ ta?

Giời giận, trở về đi đổ tìm la
Đổ cho Đất cho nên Đất lở.

Chỗ nào toạc là lở đấy, bác ạ!

Ông Giời, bà Đất phải duyên, phải kiếp với nhau, mới sinh hạ được sáu con:

Ba con Giời làm nên thái tử tốt đẹp cả ba
Thiên hạ no ấm gần xa
Chính nhờ ba ông vua bếp - thực là con đất!

Có thơ:

Âm dương nhị khí khéo nung lò
Giời đất bây giờ cũng giở trò
Mài lại mài đi, giao cá mãi
Tốc thăng, tốc giáng vợ chồng to!

Cưới được ba ngày, tôi mới lên chơi với Giời, Giời sai ông Thiên Lôi ra kéo rút vào. Giời bảo: "Chẳng mấy khi có cậu Mối lên chơi thì đi bắt ông Giăng về nấu canh...

Đế: Canh giăng có béo không?

Hề: Ối chao ôi, béo váng sao lên vằng vặc ấy chứ!... Tôi kêu: "Lên trên này lạ thung, lạ thổ, buồn lắm!". Giời bảo: "Vậy thì đánh tổ tôm vậy".

Đế: Tổ tôm có những ai?

Hề: Ông Giời là một, bà Đất là hai, ông Sấm là ba, ông Chớp là bốn, tôi là năm...

Đế: Ai đánh cao?

Hề: À, cao có ông Giời.

Đế: Ai thấp?

Hề: Bà Đất thấp nhất.

Đế: Ai đánh nhanh?

Hề: Ối giời ôi, ông Chớp đánh nhanh lạ cơ, cứ nhoáng một cái là mất một con... Mà ù thì độc ông Sấm ù cả đêm. Còn tôi đen lắm. Mãi đến nửa đêm về sáng, tôi đâm đánh gian tôi đưa tốt đen ra tôi đè tốt đỏ...

Đế: Thế ra đánh tam cúc à?

Hề: Đến sáng, tôi xin về hạ giới. Giời bảo: "Cậu nó về, bà mày ra ngoài kia, đánh cái Mống cụt cho cậu mang về làm quà". Tôi bảo: "Tôi không gánh Mống cụt". Giời bảo: "Nếu vậy, cậu cứ về. Ba ngày nữa, Giời sẽ giả nghĩa cậu Mối".

Đế: Giời giả gì? Tiền à? Bạc à?

Hề: Không, được ba ngày, Giời giả cho một mẻ, hai vợ chồng tôi quét ba ngày không hết...

Đế: Thế là cái gì?

Hề: Toàn lá tre, lá táo!

Đế: Thế là Giời giả bão à?

Hề: *(hát)* Vắng ông Giăng thì đã có ông Sao
Vắng giàn hoa thiên lý đã có đào nhị tiên
Cũng có phen tiên lại tìm tiên
Phú đi tìm quý, khách bạn hiền tìm nhau
Nào những phen nguyện ước sở cầu...

HỀ MỒI

Hề mồi là loại hề hầu ở trong nhà (hầu phòng, lính quét cung dinh v.v...). Nhân vật này ra sân khấu thường mang theo chiếc mồi quấn bằng giẻ tẩm mỡ hoặc tẩm dầu bông, dầu lạc đốt sáng. Do đó, được gọi tên là Hề mồi. Theo các cụ nghệ nhân thì do Hề mồi phải hầu hạ ở trong nhà, cho nên chiếc mồi tượng trưng cho bó đuốc dùng vào việc canh phòng dinh thự. Nhưng cũng có khi ở chiếu chèo, đương diễn đến những đoạn hay mà đèn hết dầu hoặc bị gió thổi tắt thì Hề vác mồi ra biểu diễn rồi cầm mồi ngồi hai bên để giúp cho sân khấu thêm ánh sáng hoặc giúp cho người tổ chức chữa đèn.

Trong biểu diễn, cũng như chiếc gậy của Hề gậy, mồi lửa được sử dụng như một đạo cụ, nhất là trong những lớp múa.

Do hầu hạ ở trong môn đường nên Hề mồi thường ra vai trước để dọn dẹp cung dinh, đón quan ra sau. Có thể ra một cặp Hề, dùng "câu ra trò" để nói chuyện thế sự hoặc đố đá nhau một đôi câu dọn lớp quan ra (số 16 - 17). Khi gánh hát ít diễn viên thì thường chỉ ra một người, nói câu xưng danh và kể chuyện để dọn lớp.

Sau đó, quan ra, Hề bước vào hầu chuyện quan, hoặc kể chuyện, hoặc đố đá cho quan nghe. Trước khi hầu chuyện Hề mồi thường có câu mào đầu. Nội dung câu chuyện của Hề mồi, ngoài đố đá ra, thường là những câu chuyện "ngụ ý" (nói theo chữ thường dùng của nghệ nhân).

1. CÂU RA TRÒ

(HỀ CẶP)

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, bác Mược và bác Mầm)

Hề I: *(chạy ra cười)* Hả hả hả... hả hả hả! Anh em ơi, tôi bước chân ra tôi mừng!

Đế: Mừng làm sao?

Hề I: Ấy tôi mừng:

Tam dương khai thái

Ngũ phúc lâm môn

Xây nền nhân vạn cổ trường tồn

Trồng cây đức, ối chao ôi, hả hả... thiên niên bất dịch![1]

Anh em ơi! Nói một câu mà đi quét cung đình nhá!

Đế: Phải rồi!

(vỉa) Đồn rằng xứ Huế vui thay

Vui thì vui vậy không tầy cái tỉnh Hưng Yên

(nói) Đồn rằng ngoài tỉnh Hưng Yên nhá!

Đế: Phải rồi!

(hát) Đồn rằng ngoài tỉnh Hưng Yên

Lúc bấy giờ mới có cô con gái...

---

1. Ba vạch dương mở vận thái hòa, theo quẻ Càn trong Kinh Dịch.
Năm điều phúc vào cửa
Xây nền nhân muôn năm còn mãi
Trồng cây đức nghìn năm không thay đổi.

Trái nhân duyên cô bay nhớ chồng
Chiếc trống cơm ai khéo vỗ nên vông
Bấp bông, bấp bông, bấp bông
Một đàn con nít lội sông đi tìm
Cô bay thương nhớ ai đôi mắt cô lim dim
Dấp dim, dấp dim, dấp dim
Chân đi thất thểu tựa chim tha mồi
Ru con thời gảy đàn môi
Sao mày chẳng ngủ cho rồi tay tao?

(nói) Anh em ơi, tôi ngủ một tí, hễ chú bếp Nhì ra thì anh em bảo tôi nhé!

(nằm ngủ)

Hề II: *(ra)*

Ấy tôi ra đây, tôi mừng!
Thanh thanh phúc chỉ
Vả lại thêm hạc toán qui trù
Bát thiên xuân hưởng bát thiên thu
Tuế tuế hưởng xuân đài thọ vực[1]

(nói) Anh em ơi, kiếm một câu mà đi hầu với chú bếp Gio, không có chú ấy lại tị bụi mù lên nhé!

Đế: Phải rồi!

---

1. Dấu phúc xanh tốt.
Tuổi thọ như tuổi hạc tuổi rùa
Hưởng tám nghìn xuân lâu dài
Năm nào cũng được trường thọ và vui vẻ như mùa xuân.

(vỉa) Đèn ai sáng tỏ trên lầu
Hay đèn ông sư cụ
Đầu trọc long lóc
Đầu trụi thui lủi
Râu ria chẳng có
Tay cầm dùi mõ
Tay gõ "tôm trứng"[1]
Miệng niệm kinh cầu
Cứu khổ cho ai?

(nói) Anh em ơi, anh em có thấy chú bếp Gio đi đằng nào không?

Đế: Đi mà tìm!

(đi tìm, chân vấp phải Hề I đương ngủ) Ái chà, cái thằng này! Cơm hàng thúng, nước hàng thùng, đánh cho đẫy tễ vào, rồi ra nằm như bò tế thành phục[2] thế này này... *(lay gọi Hề I)* Bếp Gio ơi, dậy dậy!

Hề I: Ối chao ôi là trở mình.

Hề II: Dậy, dậy, ngủ mãi à?

Hề I: Tao không ăn nữa.

Hề II: Ăn gì? Ở cửa quan thì có mà ăn trấu!

Hề I: Tao nợ mẹ mày ba quan tiền, tao đã gán cái "đùi tượng"[3] cho mẹ mày rồi.

---

1. "Tôm trứng": tiếng hài thanh của tiêu cảnh, một loại nhạc khí gõ bằng đồng.
2. Tế thành phục: nghi lễ mặc áo chịu tang người chết.
3. Đùi tượng: tiếng nói trệch của ruột tượng, một thứ thắt lưng của nông dân ta xưa.

Hề II: *(vẫn mê ngủ, ngâm sổng hề)* Mẹ ơi, con muốn lấy chồng, chi sự, con người ta ai cũng muốn như vậy. Mà lại nói với mẹ rằng: kỳ bất khả khởi bất chí ư muốn gớm muốn ghê...[1] *(tỉnh dậy)* A kìa chú, chết chửa, tôi cứ ngỡ mẹ nó nhà tôi...

Hề II: Quan sắp ra rồi đấy!

Hề I: Quan ra à? *(với khán giả)* Quan đã ra, ai có gà thì nhốt nhá!

Quan ra.

1. Cả đoạn ngâm vốn là bài văn sách "*Mẹ ơi, con muốn lấy chồng*" của *Lê Quí Đôn* đọc sai đi (theo yêu cầu của thanh điệu trong âm nhạc, trong khi biểu diễn). Nguyên văn vốn viết: "Nói nhỏ tình riêng cùng mẹ, muốn sao muốn quá thế vậy! Phù lấy chồng chi sự, người ta ai cũng thường muốn vậy; nãi muốn chí ư nói với mẹ: Muốn sao muốn gớm muốn ghê, gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao?"... (Ghi theo *Việt Hán văn khảo - Phan Kế Bính*)

tôi thấy một người đàn bà sắp cơm canh khấn chồng như thế này:

(vỉa) Ối anh ơi,

Anh chớ chê mẹ con tôi bất nghĩa, vô nghì

Nay anh bỏ anh đi

Mỗi một ngày cơm canh là ba bốn bữa, tôi biết lấy gì tôi cúng anh?

Tuy rằng lễ bạc nhưng tâm tôi thành

Kiếm lưng cơm đĩa muối cúng anh thiếp đi lấy chồng

(hát) Cơm canh! Cơm canh!

Giàu thì thịt cá, đủ cả cơm canh

Khó thời lưng rau, đĩa muối, cúng anh đã rồi

Khóc than rằng chồng cũ tôi ơi!

Sao mà vội thác suối vàng làm chi

Miệng tôi khóc, tay tôi ẵm lấy ông thần vì

Tay tôi gạt đôi hàng nước mắt, tay tôi thì thắp nhang

Bởi vì ai thân thiếp tôi phải võ vàng

Vì chưng tư lự để hoa tàn nhị phai

Cực lòng tôi lắm, đức anh chàng ơi!

(C) **Hề II:** Tôi đi tuần ở ngoài bờ sông, tôi cũng thấy một người đàn bà...

Đế: Người đàn bà làm sao?

Hề II: Người đàn bà đem vàng hương ra cúng chồng, khấn một câu rằng: (vỉa)

Anh ơi, anh về bên ấy tám, chín, mười đông
Anh bỏ mẹ bỏ con tôi luống chực chốn phòng không tôi chờ đợi
Chị ta mới hát một câu rằng:
Hôm ba mươi tết
Ôi lại đến tối ba mươi
Tôi là vợ người ta
Đốt vàng cho chú khách
Khấn cho minh bạch
Anh mới để cho mẹ con tôi
Mỗi một trăm chiếc đĩa
Đôi ba trăm chiếc bát
Một cân đường cát
Đôi ba cân, ba bốn cân đường phèn
Tay, cái tay tôi cầm:
Một bên bàn đèn
Một bên dù rách
Đầu tôi đội
Tay tôi xách chiếc chăn bông
Ra đứng bờ sông
Tôi trông sang tới bên nước người.
Khóc chàng ba tiếng, ơi hỡi chàng ơi!
Ba bốn tiếng nay thiếp tôi khóc chàng
Ới anh chẫu chuộc ơi!

Dù anh chàng có đi đâu, bảy, tám, năm giời
Bỏ ba, bốn mẹ con tôi
Bò nheo, bò nhóc (lóc nhóc, lóc nhóc).
Tay tôi cầm hòn đất
Tay tôi cầm hòn đá
Tôi quăng, tôi ném xuống sông
Có phải cái đạo vợ chồng
Thời hòn đất, hòn đá nó lại nổi lên
Tay tôi cầm:
Một bên quan tiền, một bên thằng bù nhìn
Tôi quăng tôi ném xuống sông
Thằng bù nhìn nhẹ nó lại trôi ngược
Quan tiền nặng nó lại trôi xuôi.
Ối giời ôi!
Thế gian nay của nặng hơn người
Chung hỡi tình chung...
(Quan ra)

Khảo dị:

Đoạn B và C có rất nhiều câu nói và hát khác nhau. Ở đây, chúng tôi tuyển thêm hai đoạn sau đây để làm tài liệu tham khảo cho bạn đọc:

(B) HỀ I - *(vía)* Giang trung hậu lãng thôi tiền lãng
Thế thượng tân nhân oán cựu nhân
Vì dù duyên đôi ta chếch bóng gương loan chẳng nữa thì thôi.
Ta đưa nhau ra bãi cát trường sa giữa vầng giăng...

(hát) Anh kiêu nàng thấp đứng làm sao cho nó tầy
Trai khoe lịch sự, lại khoe hay chữ
Gái khoe tốt nết mà lại thêm xinh
Thương chồng nên phải theo chồng
Đòn gánh, đòn gồng, vai gạo, vai con
Kìa ai lăn khóc trên non
Hay vợ chú Xá trèo hòn đá xanh
Đường đi chín tháng rút lại mười ngày
Thương chồng đố đốt chân tay rụng rời
Thương chồng xếp để một nơi
Không thương nhau nữa, tội trời để đâu
Cầm vàng quăng xuống bể sâu
Bể hồ lai láng biết đâu mà tìm
Một trăm sợi chỉ xỏ lọt trôn kim...

Hề II - *(vỉa)*

Ấy ấy mần chi cho choa chờ đợi
Khoác vế ôm lưng
Choàng ngang đôi vai
Hít má ả, má kề nâng niu
Đốt chi thơm cho bằng bông hoa nhớn
Lòng thương nường lắm
Xin đừng lơ láo vậy má kề,
Nường kề nên thương
Kìa xin cho đây cho trọn lòng
Chi thề nước biếc, non xanh
Xin cho đây đấy, trọn lòng ghi dạ
Đó hẳn như vậy, dầu thiệt như vậy
Đây cùng đó, đó cùng đây
Đó đây cũng đành cái dạ đó đây...

3. CÂU ĐỐ ĐÁ

(HỀ CẶP)

(Ghi theo bác Mược, có sự bổ sung của các bác khác)

(A) Câu mào đầu

Hề I: Anh em ta ra đây:

Quan còn đương giấc
Chưa đến giờ hầu
Đố đá một đôi câu
Để mà tỉnh thức
Kẻo quan ngài quở nhá!

Hề II: Ừ thì đố đá, nhưng anh được thì sao, anh thua thì sao?

Hề I: Anh nào giảng được thì không phải canh, anh nào không giảng được thì phải canh cho đến ngày qua, ngày quã, ngày quả... (a)

Hề II: Ngày kia, ngày kĩa, ngày kìa...

Hề I: Ờ phải, tôi đố nhá...

Hề II: Nhưng phải mặc cả trước: đố chữ hay đố nôm đã?

Hề I: Ai biết chữ thì đố chữ, ai không biết chữ thì đố nôm...

Hề II: Không biết chữ, không biết nôm thì sao?

Hề I: Không biết chữ, không biết nôm thì vác niêu tôm ra mà đố.

Hề II: À thế thì tôi đoán ra rồi!

Hề I: Đoán ra thế nào?

Hề II: Đoán ra là: anh chưa đố!

(B) **Hề I:** Nghe đây này:

Có đầu mà chẳng có đuôi
Con đẻ thì ít, con nuôi thì nhiều
Từ sáng đến trưa ăn nói đủ điều
Từ trưa đến tối ra chiều ngẩn ngơ...
Thế là cái gì?

Hề II: Thế là... con ma tịt!

Hề I: Không phải. Nó là cái chợ nhá!

Hề II: Tao cũng toan nói là cái chợ thì mày lại nói mất rồi, thôi thì tao đố giả mày một câu:

Vừa bằng bó củi
Lui lủi bờ ao
Là thằng kẻ trộm!

Hề I: Ờ thế là thằng kẻ trộm rồi!

Hề II: Ờ nhỉ!

Quan ra.

Lời dẫn:

Đoạn B có thể có nhiều câu đố khác nhau và khi giảng, diễn viên thường có những "lời tán" dài và vui. Trong phần cuối của Hề mồi, chúng tôi chép những câu đố chính còn "lời tán" thì lược đi, vì mỗi nghệ sĩ tán theo một lối riêng, không thể ghi chép hết được.

Khảo dị:

(a) Theo bác Trùm Thịnh đoạn này thay bằng:

Tôi được thì tôi ngủ, anh canh mà tôi thua thì anh canh tôi ngủ!

Theo bác Mầm, đoạn này lại thay bằng:

Ai được thì rượu đây, tha hồ mà uống, uống lộn xuống ao, uống nhào lên bờ, uống bao nhiêu cũng được!

4. CÂU XUNG DANH

(HỀ MỘT)

(Ghi theo bác Trùm Thịnh,
có sự bổ sung của các bác khác)

Hề: Lính tôi nay là lính tại gia
Quản xuất đàn bà[1]
Tòng dữ vợ con sai phái[2]
Lính tôi con nhà tông tải[3]
Khi ra đường giữ phép nghiêm trang
Vâm vàng tôi thắng chuông bạc
Ngựa bạch tôi thắng đồ điều
Vai mang đồ đẫy
Miệng lập loè năm ba điếu thuốc.
Hát một câu đi canh nhá! *(hát một câu sắp vặt rồi nói)*
Lính tôi thiện võ cấp binh[4]
Khi ông tôi trẩy ra có tiền hô hậu hét
Ông tôi trẩy về, đốc phát quân hầu[5]
Đánh sáng choang phủ việt, xà mâu[6]
Lau trắng toát cơi giầu, hộp thiếc... (hát một câu quét dinh)

---

1. Cai quản, điều khiển đàn bà.
2. Theo cùng vợ con sai phái.
3. Con nhà nòi.
4. Giỏi võ nghệ.
5. Đôn đốc sai phái quân hầu.
6. Các loại võ khi xưa: búa và lao.

5. CÂU XUNG DANH

(HỀ MỘT)

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Hề: (A) Lính tôi trong kinh mới bổ ra Bắc kỳ:
Tới phủ huyện có kẻ đưa người đón
Kẻ nhờ việc quan, người phiền việc dân
Có chữ rằng: quan pháp vô thân[1]
Việc chi tôi nỏ biết[2]
Tiền bạc ăn bao nhiêu cũng hết
Phúc đức để về sau
Con người ta hà cảm nhân cầu[3]
Ai chả muốn thơm danh, nức tiếng.
Anh em ơi, hát một câu đi canh nhá!
Đế: Phải rồi!

Hề: Các anh ra trước có thấy gì không thì tôi không biết, chứ tôi đi sau, tôi thấy một cô con gái đi theo chồng:

(vỉa) Vai mang khăn gói thiếp lội sang sông

(nói) Tôi thấy cô ta đi theo chồng, tôi vội về mách bà cụ: "Này bà cụ ơi! Bà không ra mau thì con gái bà nó đi theo chồng nó kia kìa!". Bà cụ tất tưởi chống gậy đi ra: "Nào,

---

1. Phép quan không thể tinh thân.
2. Không biết (tiếng địa phương Nghệ An).
3. Sao dám cầu cạnh.

ở đâu, ớ này con ơi! Con đi con bỏ mẹ ở nhà, biết lấy ai thần hôn định tỉnh cho mẹ đó, con ơi!". Cô gái mới trả lời: "Mẹ cứ ở nhà, con đi theo chồng con độ ba chục năm rồi con sẽ về phụng dưỡng mẹ cũng không muộn".

(hát) Mẹ kêu mặc mẹ

Con cúi đầu con trăm lạy mẹ

Sự bất đắc dĩ, sự bất đắc dã!

Cha mẹ bán gả

Con phải theo chồng

Theo chồng con quyết phải theo.

Trèo non lặn suối bảy tám chín mươi đèo

Tấm thân dầu dãi con phải đi theo chồng

Chồng con bảo con đi Hang Dế, Hang Rồng

Thuở tấm bé tại gia tòng phụ

Cả lớn khôn xuất giá tòng phu

Con theo chồng dặm liễu đường cù

Chữ tòng phu con đâu dám cãi

Câu hiếu thân đành phải chia hai

Giã mẫu từ an tại một nơi

Cho con trẻ theo chồng cho rảnh...

6. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN

(Ghi theo bác Đóa, có sự bổ sung của các bác khác)

(A) **Quan:** Này các con, ông ra dạo cảnh hoa viên, các con có chuyện gì vui nói cho ông buồn cười rồi ông gia thưởng cho hử!

(B) **Hề:** Bẩm lạy quan lớn,

Bần cư trung thị vô nhân vấn[1]

Phú tại sơn lâm hữu khách tầm[2]

Ông làm nên, bát vạn tri âm[3]

Khi sang trọng thì tam thiên bằng hữu[4]

Khi ông đen như mực

Khi ông trắng như vôi

Khi ông đỏ như mặt giời

Khi ông lờ đờ như con đom đóm đực!

Đế: Sáng suốt như đèn giời chứ!

Hề: Khi ông tàn ông quạt

Khi ông bát, ông bung

Khi ông anh hùng

Khi ông thất nghiệp

---

1. Nghèo ở giữa chợ không ai hỏi.
2. Giàu ở giữa rừng núi có người tìm đến.
3. Ông làm nên thì có tám vạn kẻ tri âm.
4. Khi sang trọng thì ba nghìn bạn hữu.

Tố phú quí hành hồ phú quí[1]

Tố bần tiện hành hồ bần tiện[2]

Thiên bất sinh vô lộc chi nhân[3]

Địa bất sinh vô căn chi thảo[4]

Thiên hoan hỉ, địa hoan hỉ[5]

Năng bồ đề hươu

Năng bồ đề nai

Cảnh tùy nhân, vật lại tùy người

Nay thong thả cho con vào nói chuyện...

1. Vốn là kẻ phú quí thì hành động theo cách phú quí.
2. Vốn nghèo hèn thì hành động theo cách nghèo hèn.
3. Trời chẳng sinh ra người không có lộc.
4. Đất chẳng sinh ra cỏ không có rễ.
5. Trời vui vẻ, đất vui vẻ.

7. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN

(Ghi theo bác Mược và bác Mầm)

(A) *Như đoạn A, bài 20 phần Hề gậy*

(B) **Hề:** Bẩm lạy cụ lớn,

Ngài là quan, quán quạn chi quàn quan
Mà con là dân ngu, ngú ngụ chi ngu ngù.
Sách có chữ rằng:
Thốn vân điểm nguyệt, hà tổn ư miêng[1]
Xích vũ ngưỡng thiên, mạc tri kỳ đại[2]
Tố phù quí hành hồ phú quí[3]
Tố bần tiện hành hồ bần tiện[4]
Thiên bất sinh vô lộc chi nhân[5]
Địa bất sinh vô căn chi thảo[6]
Ngài làm quan, ngài quàn dân
Chúng con là dân, chúng con dần quan

Đế: Gần quan chứ!

Hề: Ngài làm quan, ngài cai từ ngọn cỏ cai lên
Ngài cai từ ngọn khoai cai xuống

---

1. Tấc mây che mặt giăng, không tổn hại đến ánh sáng.
2. Ở trong khoảng một thước dưới trời mưa, ngửa mặt nhìn trời, không biết độ to lớn của trời.

3 - 6. Xem chú thích 5 - 8 bài trên.

Ngài lờ đờ như con đom đóm đực!

Đế: Sáng suốt như đèn giời chứ?

Hề: Soi hết gầm giường nhà nọ đến gầm nhà kia.

Đế: Gầm giời chứ!

(C) **Hề:** Bẩm ngài có nghe "Lý sự vô cùng" thì con xin kể.

Lời dẫn:

Đoạn C, có thể thay nội dung chuyện "Lý sự vô cùng" bằng một chuyện khác, ví dụ "Tam đại dở hơi", chuyện "Xin sữa", chuyện "Anh xôi anh muối" v.v...

8. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

(A) *Như đoạn A, bài 20 phần Hề gậy*

(B) **Hề:** Dạ, bẩm quan lớn,
Chúng con hầu quan
Chúng con hạ quan.
Đế: Hầu hạ quan chứ?

Hề: À, vâng, hầu hạ quan, bẩm quan lớn.
Hương năng thắp năng khói
Nhời năng nói năng phai
Không nói ra thì u ám chi trung[1]
Mà nói ra thì lùng bùng chi lúng búng
Đế: Tế vi chi sự chứ[2]?

Hề: À, phải, tế vi chi sự!
Bẩm con xin nói về cá để quan nghe ạ!

(C) Mồng bốn ạ!
Mồng bốn cá đi ăn thề
Mồng tám cá về cá vượt Vũ Môn
Cá nhớn, cá bé, cá mẹ, cá con

---

1. Ở bên trong nơi u ám.
2. Việc nhỏ mọn, chuyện nhỏ mọn.

Hay thách cá trê, hay ngang cá ngạnh.

Vũ khoe Vũ mạnh

Vũ chờ mưa, Vũ múa, Vũ chơi[3]

Việc dở hay thì đã có trời

So cứng cổ cá chầy vào bậc nhất.

Anh cá trắm lẳn mình hay vật

Vật với anh cá sộp một phen

Nó vật một cái nằm nổi hoa lên

Vật cái nào nằm ngay như con chồn chết!

(D) Bẩm quan, một hôm chú con đi cày, bắt được một con cá rô, đem về đánh vẩy cặp nướng. Thím con mới khen:

"Con cá rô của thầy mày mới béo chứ!". Chú con bảo: "Béo có là lợn!". Thím con lại khen: "Cá rô thầy mày nướng mới vàng làm sao!". Chú con bảo:

(nói vần) Vàng có là bò!

Dẫu bu mày thỉn thò

Tao cũng chẳng cho.

(nói) Rồi chú con đem rượu ra nhắm cho bằng hết. Đêm đến chú con lần đến chân giường. Thím con co cẳng đạp một cái, chú con ngã lăn chỏng gọng. Chú con bò dậy khen thím con rằng: "Mẹ mày tốt diếc nhỉ!". Thím con trả lời:

Đạo vợ chồng là duyên kiếp trăm năm ví bằng một ngày.

Con diếc tôi còn khí gầy gầy

Đâu có béo bằng con cá rô của thầy mày ban nãy!

Giá con rô... thầy mày cho tôi một mảy
Thì bây giờ con diếc tôi có dám tiếc thầy mày đâu.
Tôi nói ra mang tiếng cơ cầu.
Anh thì con rô anh cũng tiếc mà con diếc anh cũng muốn!

KHẢO DỊ:

Theo bác Mầm thì đoạn (C) còn có lời trò như sau:

Mồng một cá còn đi rao
Mồng hai cá ở sông Thao cá về.
Mồng ba cá đi ăn thề
Mồng bốn cá về cá vượt Vũ Môn.
Cá lớn, cá bé, cá mẹ, cá con
So cứng cổ cá chầy đệ nhất!
Anh cá rô cùng cậu săn sắt
Giời mưa rào rô lách rạch ngang
Anh cá trê tính khí nghênh ngang
Phải cái kiện trê già cụt ngạnh
Vũ khoe Vũ mạnh, Vũ múa, Vũ chơi[1]
Anh cá Trôi nhảy phắt lên trời
Ối trời ôi, nó đa nhân hiếp quả[2]
Anh Lý Ngư là người cũng khá
Làm việc dân bảy tám năm giời
Ai ngang ngạnh giọt ngay vào gáy!
Anh cá Mè cái môi hay máy

1. Chơi chữ vũ: vũ là cá Anh vũ đồng âm với vũ là mạnh, vũ là mưa, là múa.
2. Chơi chữ *nhân* và chữ *quả*. Đa nhân hiếp quả là cậy đông người ăn hiếp người đơn độc. Nhân còn có nghĩa là hạt và quả là quả cây. Do đó, đa nhân hiếp quả còn có nghĩa là nhiều hạt lấn mất cả cùi (của quả).

Tuy rằng già nhưng mắc tiếng mè ranh
Anh cá Măng tính khí *phong thanh* (?)
Dân đơm đó mang ra làm luỹ
Đế: Thế là măng tre rồi!

Hề: Anh cá Ngạnh người không biết nghĩ
Làm việc dân Ngạnh cứ ngạnh ngang
Anh cá Nheo thu xếp lấy lòng
Ngạnh nó bỏ, Nheo đành chịu rớt...

Lời dặn:

Cũng như bài 21, bài này có thể thay đổi chuyện kể. Do đó, từ đoạn (C) trở xuống, có thể thay bằng một chuyện khác.

Ví dụ: chuyện chấy rận..., hoặc thay bằng một câu đố...

9. CHUYỆN THUỐC ĐÁNH BẠC

(Ghi theo bác Linh và bác Mược)

(A)Dạ thưa bác:

Con thấy các vị thuốc ngồi *thung dung, an tức*

Rủ nhau lập canh lắc đĩa đấu cao

Canh ấy rủ con, con cũng đi vào

Tưởng vào nhà ai hóa ra nhà chị *Kim ngân* xuất thổ

(B) Nhà chị ta thức gì cũng đủ

Lại nuôi được anh *Cam thảo ngọt ngào*

Tính hắn hay, sẵn nết mời chào

Bảo mời khách, mời cho bằng được

Con ngồi một lúc thấy anh *Xa tiền* đến trước

Rồi *anh Hậu phác* vào sau

Bảo *Đăng tâm* sắp sẵn đèn dầu

Nghinh bát đĩa mời *Sử quân, Vi mẫu*

Bọn công tử có ba cánh hẩu

Tên là *Hoàng cầm, Hoàng bá, Hoàng liên*

Có ba anh trắng trợn xỏ xiên

Tên là *Bạch chỉ, Bạch linh, Bạch truật*

Anh *Long nhỡn* tính hay lật đật

Lẻn vào ngồi, mắt trước, mắt sau

Anh *Trần bì* sát phạt cũng mau

Mở một lúc ngồi trơ nhân mộc

Trong đám những tay chơi bạc lọc
Có hai chàng *Ý dĩ, Hoàng tinh*
Bạc thua cay, nhăn nhó một mình
Cười chi chú *Can khương* đánh dại
Thua cay quá ngồi mê, ngồi mải
Có *Nhân trần* với chú *Tật lê*
Được dăm quan thủng thỉnh ra về
Xưa nay tính bác *Đương quy* vẫn thế
Bác *Đại táo* ngồi trên chễm chệ
Vốn là người sẵn nết đánh to
Hay trốn hồ nửa đánh, nửa lo
Làng nhẵn mặt là anh *Viễn chí*
Bạn chào xáo những người chung thủy
Thạch nhũ cùng *Tri mẫu* hai cô
Bạc thua cay giở mặt đâm vồ
Ai hung tợn bằng anh *Mộc tặc*
Mở chẳng chão rồi ngồi trơ mặt
Chính là thằng *Chỉ xác* không sai
Anh *Hồng hoa* cánh ấy đỏ dai
Đen nhất có chú *Huyền sâm* cùng anh *Thục địa*
Ở trong đám, tính hay cà khịa
Có hai anh *Phá cố, Sơn thù*
Tính hiền hòa nhất bác *Hương nhu*
Mở văng mạng sợ thầy *Kinh giới*

Anh *Nhục khấu* hồi đêm lẻn tới
Tính đánh hay lấy thịt đè người
Mười canh ăn hết cả mười
Xem ra có bác *Sài hồ* vớ tất
Ở trong đám, ngồi công tất cả
Có anh *Bang tiêu, Quảng quế* thua cay
Hết canh đêm lại đến canh ngày
Duy có bác *Cát căn*, cùng anh *Tục đoạn*
Trong cái xướng: lẻ thừa ba vạn
Còn giơ tay: Khoan! Sức tôi chỉ ăn hết chín nghìn
Mở bát ra quả thực sấp ba
Sờ trong túi một xu không có
Cơn đã thua, cái bạc toát mồ hôi
Lại còn bị anh *Xuyên khung* nói xỏ
Ra nhờ bà *Bối mẫu* cấp lưng
Nửa muốn giam nửa lại muốn đừng
Con ú té chạy... thế là tan đám bạc.

Lời dặn:

Ở những địa phương không ăn giễu, các nghệ nhân thường bỏ cả đoạn B, và bắt liền câu cuối đoạn A vào câu đầu đoạn C.

Khảo dị:

a) Theo bác Mược, hai câu này đổi thành:

Cùng cắt anh *Thỏ ti, Vi khấu*
Bác lắc lên khuôn lệch, cập rền...

b) Theo bác Mược, đoạn này đổi thành:

Bạc ba quan nửa ế, nửa về
Hay nghi hoặc, có *Sa sâm, Viễn chí*
Đi chào xáo biết người chung thủy
Thạch nhũ cùng *Trí mẫu* hai cô...

10. CHUYỆN CÂY CỐI

(Ghi theo bác Mược)

Ngẫm xem thiên địa
Trời đặt ra có thảo mộc quyền sinh
Các thứ cây cũng biết họp hành
Rủ nhau lại họp làng cây cối.
Từ dứa, mít, cau, dừa, thị, ổi
Quéo, muỗm, vả, sung
Mơ, mận, đào, cam, quýt, cậy, hồng
Khế, sấu, bứa, bồ quân, táo, nhãn.
Phải chọn lấy hai cây cứng
Cây giữ binh phần, cây giữ hộ phần.
Chọn cây cứng lắm cành nhiều rễ
Bầu anh khán thị
Bảo chớ có thị thường
Vốn thị nay to lực thị xương
Thị ra làng đây thì tha hồ dân bóp nặn.
Thị dặn để cho anh Quýt
Quýt không nhận bảo để anh Hồng
Hồng giận lên đỏ mặt tía tai
Hồng làm khán cho làng được Cậy.
Còn anh Dứa thì chỉ nói gai
Lương lính hôm nay cho đến ngày mai

Đóng góp nặng, anh Mít xơ ra cả.
Anh Ổi thì sành, anh Dứa thì cùi,
Anh Bứa thì nói ngang,
Anh Cau thì trễ nải,
Anh Chuối thì sẵn tiền làng, chuối lấy chuối tiêu
Quýt với Cam túi múi ít nhiều
Làng tính sổ, Quýt làm Cam chịu.
Anh Khế thì ra điều đấu dịu
Cả làng cậy có anh Sung khỏi điều vất vả
Cửa nhà sung túc không lo
Làng được Cậy, lắm kẻ được nhờ
Lắm bổng lộc, anh Sung lại sướng.

11. HỀ ĐỐ QUAN

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

(A) *Như đoạn A bài 20 phần Hề gậy*

(B) **Hề:** Bẩm quan, con không biết kể chuyện, con xin đố anh bếp Gio một câu...

Quan: Ừ đố đi cho vui.

Hề: Con đố rằng:

Thượng thò hạ bất thò
Hạ thò thượng bất thò
Thượng hạ bất thò thò
Thượng hạ thò thò
Hễ anh giảng được thì tôi cho anh là tài!

Quan: Mày đố chữ thì ông giảng cho mà nghe hử!

Thượng thò, hạ bất thò là chữ *do*
Hạ thò, thượng bất thò là chữ *giáp*
Thượng hạ bất thò thò là chữ *điền*
Thượng hạ thò thò là chữ *thân*[1] đã phải chưa?

Hề: Bẩm quan, không phải thế ạ!

Quan: Thế thì nó là cái gì?

---

1. Chữ Hán: Nếu lấy khung vuông của chữ *khẩu* làm giới hạn thì chữ *do* có một nét sổ ở giữa trồi lên cao (thượng thò); chữ *giáp*, nét sổ ở giữa tụt xuống thấp (hạ thò); chữ điền, nét sổ ở giữa không trồi lên, không tụt xuống (thượng hạ bất thò thò); chữ thân, nét sổ ở giữa vừa trồi lên vừa tụt xuống (thượng hạ thò thò).

Hề: Bẩm con đố thế là anh thua bạc ạ!

Quan: Mày giảng thế nào cho ra là anh thua bạc?

Hề: Bẩm quan, con xin giảng để quan nghe: Con nói ví thử như con đi đánh bạc, thua hết nhẵn phải cầm cố cả quần áo. Về nhà, trời rét, còn mỗi cái chiếu ngắn, con đắp kín chân thì hở đầu, bẩm thế là thượng thò, hạ bất thò. Đến khi con kéo chiếu lên đắp đầu thì lại hở chân, bẩm thế là hạ thò, thượng bất thò ạ. Con rét quá, nằm co lại, bẩm thế là thượng hạ bất thò ạ. Nửa đêm, con mỏi quá con duỗi thẳng cả chân tay ra ngoài, bẩm thế là thượng hạ đều thò ạ!...

Lời dặn:

Bài này đoạn B có thể thay bằng một câu đố khác.

12. LÝ SỰ VÔ CÙNG

(Ghi theo bác Mược có sự bổ sung của các bác khác)

(A) *Giống như đoạn A, bài 20 phần Hề gậy*

(B) *Có thể dùng một trong các đoạn B của các bài* 20, 21, 22.

(C) **Hề:** Bẩm quan có nghe "Lý sự vô cùng" thì con xin kể.

Quan: Ừ kể đi.

Hề: Bẩm quan làm quan thì quan có sợ ai không?

Quan: Ta làm quan thì chỉ sợ vua.

Hề: Bẩm vua có sợ ai không?

Quan: Vua thì còn sợ ai nữa?

Hề: Bẩm, thế mà vua cũng sợ giời đấy ạ.

Quan: Vậy giời có sợ ai không?

Hề: Bẩm, giời sợ mây.

Quan: Thế mây có sợ ai không?

Hề: Bẩm mây sợ gió.

Quan: Thế gió sợ ai?

Hề: Gió sợ bờ tường.

Quan: Bờ tường sợ ai?

Hề: Bờ tường sợ chuột cống.

Quan: Chuột cống sợ ai?

Hề: Chuột cống sợ mèo già.

Quan: Mèo già sợ ai?

Hề: Bẩm mèo già sợ mẹ đĩ Hề nhà con.

Quan: Mẹ đĩ Hề sợ ai?

Hề: Bẩm, mẹ đĩ Hề nhà con sợ con... Con lại sợ quan, quan lại sợ vua, vua lại sợ giời, giời sợ mây, mây sợ gió, gió sợ bờ tường, bờ tường sợ chuột cống, chuột cống sợ mèo già, mèo già rút cục lại sợ mẹ đĩ Hề nhà con...

Quan: Không được, mày nói phải có sách, ông mới nghe.

Hề: Bẩm, con xin dẫn sách để quan lớn nghe:

Quan sợ vua là bởi vì *thần năng sự quân ạ*.[1]

Quan: Ừ phải.

Hề: Vua sợ giời là do *thiên năng lập quân* ạ.[2]

Quan: Ừ cũng phải.

Hề: Giời sợ mây là vì *vân năng ám nguyệt* ạ.[3]

Quan: Cũng tạm cho là có lý.

Hề: Mây sợ gió là *phong năng tản vân* ạ[4]

Quan: Được.

Hề: Gió sợ bờ tường là vì *tường năng trấn phong* ạ.[5]

Quan: Phải.

Hề: Bờ tường sợ chuột cống là vì *thử năng xuyên tường* ạ.[6]

Quan: Phải.

---

1. Bầy tôi thờ vua.
2. Trời có thể dựng ngôi vua.
3. Mây che được mặt trời.
4. Gió có thể làm tan mây.
5. Tường có thể chắn được gió.
6. Chuột cống có thể đục được tường.

Hề: Chuột cống sợ mèo già là vì *miêu năng tróc thử*[1]

Quan: Cũng phải.

Hề: Mèo già sợ mẹ đĩ Hề là vì *thê năng đả miêu*[2]

Quan: Ừ cũng cho là có lý!

Hề: Còn mẹ đĩ Hề con sợ con là vì *phu năng... "ục" thê* ạ.[3]

---

1. Mèo có thể bắt chuột.
2. Vợ hay đánh mèo.
3. Chồng hay "ục" vợ.

13. TAM ĐẠI DỞ HƠI

(Ghi theo bác Mầm có sự bổ sung của các bác khác)

(A - B) *Giống như bài trên.*

(C) **Hề:** Bẩm quan, quan có nghe chuyện "Tam đại dở hơi" thì con xin kể.

Quan: Sao lại dở hơi?

Hề: Bẩm... chuyện hay về cái chỗ nó dở hơi ạ.

Quan: Ờ, kể đi.

Hề: Bẩm tam đại là ba đời ạ! Bố con là một, con là hai, và thằng con của con là ba ạ. Thế là vừa đúng ba đời ạ!

Quan: Ừ, đúng ba đời.

Hề: Bẩm quan, một hôm bố con đi cày. Con con nó lần sang nhà bố con. Nó thấy có niêu cháo để ở tai cối xay, nó lôi xuống nó ăn, chẳng may nó đánh vỡ mất cái niêu. Bố con đi làm về thấy thế, tức quá, bố con lôi con con ra hè, bố con đánh. Con vừa về đến nơi, con chạy vào can nhưng bố con không nghe, cứ đánh. con giận quá, con chạy ngay vào chạn bát, con rút cái chày hành...

Quan: Lấy chày hành ra đánh bố à?

Hề: Bẩm con có dám đánh bố con đâu. Con cầm chày ra ngồi ở bờ hè, rồi con vén quần lên. Con cứ đầu gối con con nện. Bố con mới bảo con: "Này thằng kia, mày nện thế thì có sưng đầu gối lên không?"

Quan: Ừ, nện thế thì sưng thật!

Hề: Con tức quá, con trả lời *(chỉ tay vào mặt quan)* "Ông phải biết, ông đánh con tôi, tôi tha gì con ông?"

Đế: Ấy, sao lại chỉ vào mặt quan?

Hề: À, nói ví dụ như thế.

Quan: Thế rồi sao?

Hề: Bẩm, bố con mới bảo: "À ra thằng này nó giở lý. Đã thế ông phải làm cho mày biết cái lý của ông". Nói xong, bố con chạy ngay vào chuồng bò, giật lấy cái chão bừa...

Quan: Lấy chão bừa để trói mày à?

Hề: Nào bố con có trói con? Bố con cầm chão ra buộc một đầu lên xà nhà, còn một đầu đánh cái thòng lọng, rồi bố con chui đầu vào thòng lọng. Con nghĩ thương quá, con khóc, con nói: "Bố ơi, bố làm thế thì bố có chết không?". Bố con ngoái cổ lại, bố con bảo: *(lại xắn tay áo chỉ vào mặt quan)*

"Mày phải biết... mày phải biết: mày đánh con tao thì tao treo cổ cha mày lên!".

Quan: Sao lại chỉ vào mặt tao?

Đế: Thế là dở hơi thật rồi!

14. OAN XIN SỮA

(Ghi theo bác Mầm với sự bổ sung của bác Nguyễn Tích - chiếng chèo Sáo Đền, Thái Bình)

(A - B) *Như trên.*

(C) **Hề**: Bẩm quan, con không có chuyện gì vui để kể quan nghe con chỉ có câu chuyện buồn... Bẩm buồn mà lại oan, bẩm oan mà lại không kêu vào đâu được... Bẩm, nhân tiện quan lớn rỗi rãi con xin kể để quan lớn xử lại cho con được nhờ...

Quan: Ừ, kể đi rồi ông xử lại cho mà nhờ.

Hề: Bẩm quan, vợ con nó mới đẻ mà lại đương nông vụ chí kỳ, phải để con con ở nhà đi cấy ạ. Bẩm... con con ở nhà nó khát sữa nó khóc con dỗ mãi không được. Con nghĩ thương con con quá, không biết làm thế nào, con mới cầm cái bát sang hàng xóm, xin cho con con tí sữa ạ. Chị hàng xóm đương nuôi con so, bẩm chị ta mới có một đứa con được sáu tháng...

Đế: Ờ, gái một con trông mòn con mắt!

Hề: Nhưng mà con sang đến nơi thì chị ta lại đương ngủ. Con cầm cái bát con đứng đấy, nhưng nghĩ nể quá con không dám đánh thức chị ta dậy, cuối cùng con ra về ạ. Con ra đến cửa rồi, con nghĩ lại thương con con quá, con lại vào...

Đế: Vào đánh thức chị ta dậy à?

Hề: Con nể chị ta con không dám đánh thức. Con rón rén, con lại chỗ giường chị ta nằm, con vén yếm chị ta lên,

con vắt cho con con tí sữa... Bẩm quan lớn mới chỉ được một giọt, thế mà chị ta vùng dậy, chị ta tát cho con một cái rụng cả răng con ra. Chị ta lại còn xỉa xói vào mặt con gào từ cao tằng tổ đến phụ nhi thân con ạ!

Quan: Thế thì mày làm thế nào?

Hề: Bẩm con cứ nghĩ đến con con thì con lại càng phải nín ạ. Nhưng mà oan cho con quá, không biết kêu vào đâu được, xin quan lớn xét lại cho con nhờ...

Quan: Xét thế nào được việc ấy. Tình của mày được nhưng lý của mày hỏng rồi.

Hề: Bẩm quan lớn, mọi khi có nhiều việc hỏng cả lý lẫn tình, quan cũng còn cho được thì quan...

Quan: Xà... cái thằng! Chỉ được cái láo!

15. MẤT TRỘM TRÂU

(Ghi theo bác Đóa và bác Phụ)

(A - B) *Như bài trên.*

(C) **Hề:** Bẩm quan lớn, con có câu chuyện này ức lắm, con xin kể để quan xử cho con, con đội ơn quan vô cùng...

Quan: Ừ, chuyện gì kể đi xem nào.

Hề: Bẩm quan lớn, con mất trộm một con trâu ạ!

Quan: Mất trộm một con trâu à?

Hề: Bẩm quan, một con nhưng mà không phải một con hai con cũng không phải hai con. Mất năm nay nhưng mà không phải năm nay mà mất năm ngoái cũng không mất năm ngoái ạ. Còn người lấy thì xem ra anh em cũng không phải anh em, là người ngoài cũng không phải người ngoài...

Quan: Mày nói dở dang thế thì ông xử sao được?

Hề: Bẩm quan không dở dang ạ. Con nói đúng sự thật như thế đấy ạ.

Quan: Vậy thì sao lại một con không phải một con mà hai con cũng không phải hai con? Thế là trâu chửa à?

Hề: Con nghe các bà ấy đồn là nó có mang ạ!

Quan: Ừ thế thì mất năm ngoái hay là mất năm nay?

Hề: Bẩm... mất vào đêm ba mươi Tết, giữa lúc ngoài đình tế giao thừa ạ.

Quan: Thế thì không phải anh em mà cũng không phải người ngoài thì là ai lấy?

Hề: Dạ bẩm... là thế này ạ: con lấy chị còn anh ta lấy em...

Quan: Ồ thế mà cứ quanh co!

Hề: Bẩm quan vẫn dặn là: làm tài giai cứ nước hai mà nói, cho nên con nói xa xa, gần gần đấy ạ!

16. MẤT VẠC TRẢ CÒ

(Ghi theo bác Đóa và bác Phụ)

(C) **Hề:** Bẩm quan lớn, con có câu chuyện oan ức nhờ quan lớn xử con nhờ.

Quan: Ừ, kể cho ông nghe, ông xử cho mà nhờ...

Hề: Bẩm quan lớn ngày Tết, con mượn chú con cái vạc về nấu bánh, chẳng may kẻ trộm vào lấy mất vạc. Con đền cái gì chú cũng không nghe. Con ra ngoài đồng, con đánh bẫy về đền cho chú một... con cò... Chú con cũng không lấy. Vậy con nhờ quan xử cho.

Quan: Xử thế nào được. Mày đền như thế chưa được.

Hề: Bẩm, thế mà giá còn quan trước thì xử hòa đấy ạ!

Quan: Hòa thế nào. Vạc của chú mày là vạc đồng cơ mà?

Hề: Bẩm quan, cò của con cũng không phải cò nhà ạ.

Quan: Vạc của chú mày là để nấu nướng lấy miếng chín để mà ăn kia mà?

Hề: Bẩm, cò của con cũng nấu chín, tra hành răm, mắm muối vào xào xáo lên mới ăn ạ!

Quan: Nói với mày khó nói lắm.

Hề: Bẩm nói với quan cũng khó nói quá... Đến lại phải về nói lại với mẹ đĩ Hề vậy...

17. CHUYỆN XÔI MUỐI

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Phụ)

....

(C) **Hề:** Anh Xôi với anh Muối
Hai anh em bằng hữu chi tình
Anh Xôi khoe bởi tại thiên sinh
Anh Muối hay bởi chưng địa xuất.
Hai anh em thủy chung như nhất
Hai anh em kết bạn cùng nhau
Anh Muối hỏi anh Xôi quê ở nơi đâu?
Anh Xôi nói tôi ở làng Bách cốc,
Tôi vốn con ông nghè Thóc sinh ra.
Anh Xôi hỏi anh Muối quê ở đâu ta?
Anh Muối nói quê tôi ở làng Diêm hộ
Tôi vốn con bà chúa Thổ sinh ra.
Anh Muối nay ăn nói mặn mà
Anh Xôi ở ra lòng nhu nhiễn.
Đến sang năm chí kỳ nộp quyển
Hai anh cùng trẩy vào thi
Văn anh Xôi làm tinh tấn ai bì
Quan Giám trường mới chấm ngay cho Xôi đỗ.

Quan: Ờ, văn hay thì đỗ thôi!

Hề: Bẩm, thế mà các bà ấy lại đồn rằng anh Xôi đỗ là vì cùng một họ "Bùi" với quan Giám trường đấy ạ.

Văn anh Muối: văn hành tì ố
Đức quan trên ngài chẳng yêu vì,
Xôi đỗ rồi, Xôi rước vinh qui
Muối bực tức liền ra ở bể.
Anh Muối về phẫn thân lập chí
Trong ba năm kinh sử diêu trì
Đến sang năm lại có khoa thi
Muối xếp dọn xuống thuyền Muối trẩy.
Anh Muối đi đến đâu bình văn đến đấy.

Quan: Bình thế nào?

Hề: Bẩm, bình rằng: Ai muối đổi?
Anh Xôi ở trong nhà nghe thấy
- "Ới anh Muối ơi, gắng lấy khoa này!"
Văn anh Muối làm, hay thậm là hay.
Đem văn anh Muối vào cho quan Xôi tôi chấm!
Đế: Xôi chấm muối, không ngon.

Hề: Ấy thế mà:
Văn anh Muối làm đã hay lắm lắm
Quan Xôi tôi chấm chấm, khuyên khuyên.
Chấm một thôi hết chín bát liền
Chuyện cổ tích là ăn xôi với muối (a)

Khảo dị:

(a) Câu này, theo bác Phụ, đổi là:
Thế mới biết bụng quan "lớn" thật!

18. THƠ BÁT NHÁO

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

(C) **Hề:** Bẩm quan lớn, con xin đọc thơ: "Tiền Hoàng Trừu, hậu bát nháo" ạ.

Quan: Sao lại bát nháo?

Hề: Bẩm hay về chỗ bát nháo ạ. Bẩm quan làm việc quan bận bịu, không mấy lúc thư nhàn mà con thì kinh truyện cái gì con cũng biết, nay quan có lòng hỏi đến, con xin đọc mỗi truyện vài câu để quan nghe cho khắp ạ.

Quan: Ừ, kể đi.

Hề: Con xin kể:

Ban đêm vừa tắt mặt trời
Mụ đưa hoàng tử vào chơi trong lầu[1]
Đỉnh chi đội đá bắc cầu (?)
Đặng Xuân hết dầu vác bát đi xin[2]
Ông Ninh đánh giả Chúa Hiền (a)
Làm cho Tô Vũ mất quyền chăn dê (?)
Vĩnh Trân buôn bán trăm nghề
Tiền mất, vợ mất trở về tay không (?)
Kìa như Quảng Nhĩ lầu hồng[3]

---

1. Truyện Hoàng Trừu.
2. Truyện Đặng Xuân - Ngọc Châu.
3. Truyện Lưu Hồng - Quảng Nhĩ.

Tống Trân đi sứ mười đông mới về[1]
Có chăng ta biết sự ta,
Diệu Thường là một vãi giả là hai[2]
Ngọc Thanh quá ngán thở dài
Ai ngờ nàng lại lọt hai kẻ hiền(?)
Này tôi với chàng Cảnh Yên
Vốn dòng xưa đã kết nguyền Trần Châu[3]
Dưới đất có bốn rồng chầu
Kiệu vàng tán bạc, trên đầu hào quang[4]
Tiểu kia lại chối rằng oan
Cớ sao mà lại ẵm con Thị Mầu?[5]
Tướng công cha mẹ nơi đâu
Nào ai có biết cơ cầu này chăng?[6]
Nhất kiêu là cõi ông giăng
Cuội kia mới được thung thăng tới gần (?)
Hồng quân với khách hồng quần
Đã xoay đến thế còn vần chưa tha![7]
Kìa như cô ả Hằng Nga,

1. Truyện Tống Trân
2. Truyện Phan Trần.
3. Truyện Phương Hoa.
4. Truyện Lý Công.
5. Truyện Quan Âm Thị Kính.
6. Truyện Phạm Tải - Ngọc Hoa.
7. Truyện Kiều.

Xuân thu đỉnh thịnh tới đà non cao.[1]
Chồng thấp mà lấy vợ cao
Bóp vú chẳng được lấy sào đâm buông.

Lời dẫn:

Bài này là hình thức lẩy truyện, nhặt từ mỗi truyện nôm một hoặc hai câu, gộp lại thành một đoạn văn chỉ có liên hệ giữa các câu với nhau về vần không chú ý về nội dung.

Xét trong hình thức văn chương truyền miệng miền đồng bằng Bắc Bộ, nhất là ở miền Thái Bình, lối lẩy truyện này rất thịnh hành. Ví dụ:

Nay mừng thiên hạ bình khang
Ăn rồi kể quàng mỗi truyện một câu:
Dưới đất có bốn rồng chầu
Kiệu vàng tán bạc trên đầu hào quang.
Tiếc thay tài Tuấn Khang chàng
Có thi cũng đậu bảng vàng tam khôi...

Trong nền nghệ thuật nước Ý, cũng có hình thức lẩy tương tự, gọi là pot pourri.

Do đó, thơ bát nháo không phải là một cách lẩy thơ độc đáo của riêng nghệ thuật chèo.

Khảo dị:

(a) Câu này và câu sau, theo bác Mầm đổi thành:

Quan văn mất một đồng tiền
Làm cho quan võ mất liền quận công.

Theo điển cố dân gian thì xưa kia, một viên quan văn đi qua một

1. Truyện Nữ tú tài.

gốc đa. Một chú bé tinh nghịch trèo lên cây đa, vén quần đái xuống đầu quan, viên quan văn không những không xét phạt chú bé mà còn cho chú bé một đồng tiền. Buổi chiều, thấy có viên quan võ đi qua, chú bé quen mùi, lại trèo lên cây đa và đái lên đầu viên quan võ. Viên quan này tức giận, rút kiếm chém chết chú bé. Tin vào đến triều đình, triều đình nghị xử, phạt truất quyền quận công của viên quan võ. Do đó, có câu ca dao trên để nói lên cái thâm hiểm của quan văn.

19. ĐÁNH QUAN

(Ghi theo bác Phụ và các bác khác)

......

Hề: Bẩm quan lớn, đệ tử diệc như tử ạ![1]

Con đứng hầu quan lớn, con thấy vợ chồng nó láo quá, không kiêng nể gì quan lớn. Con đã toan tát vào mặt nó, thế mà con không giám nói to vì sợ quan lớn quở... Nhưng mà con nghĩ ức quá, nó lại không coi quan lớn ra cái gì...

Quan: Thế nó làm sao?

Hề: Bẩm quan lớn, rộng phép cho con... hễ bắt được nó thì con tát vào mặt nó mấy cái...

Quan: A, nó lại dám hỗn thế à? Ừ, ta rộng phép cho nhà ngươi cứ tát vào mặt nó...

Hề: Vâng! *(tát quan rồi nắm lấy râu quan)* Mày lại láo với quan à?

Quan: Sao mày tát tao rồi lại nắm râu tao?

Hề: Bẩm quan, nó đây rồi, nó láo lắm, không đánh thì vợ chồng nó làm loạn à!

Quan: Cái gì?

Hề: Bẩm... vợ chồng con ruồi dám đưa nhau vào bộ râu quan lớn... bậy bạ ạ!

---

1. Kẻ đệ tử cũng như con đẻ ạ.

20. TRANH HƠN

(Ghi theo bác Đóa)

Hề I: Bẩm quan lớn, chúng con canh gác ở đây, chúng con nói chuyện với nhau rồi chúng con cãi nhau xem bố ai hơn...

Hề II: Dù cho anh có bẩm quan thì bố anh cũng không hơn được bố tôi.

Quan: Cãi nhau như thế nào?

Hề I: Bẩm quan, bố anh ta tên là Thóc, bố con tên là Chó, thế mà anh ta cứ bảo rằng bố anh ta hơn bố con...

Hề II: Chó thì thua cả đến lợn ấy chứ?

Hề I: Thế anh tưởng tên bố anh là Thóc mà danh giá à?

Này nhá: người ta đem đổ bố anh ra sân để phơi. Rồi người ta ngâm bố anh vào nước, vãi bố anh ra ruộng. Khi bố anh mọc, người ta lôi cổ bố anh về, người ta cắt cổ bố anh rồi cắm bố anh xuống ruộng. Đến khi bố anh có hột, người ta mới đem về, vò bố anh ra, người ta phơi bố anh. Người ta đổ bố anh vào cối người ta xay. Người ta lại giã bố anh, rồi người ta vo bố anh, đổ bố anh vào nồi, người ta đun. Người ta xới bố anh ra bát, nuốt bố anh vào bụng. Được vài ngày mới lại tống cổ bố anh ra...

Hề II: Ừ, người ta cho bố tôi ra, bố anh ngồi gần đấy, chạy vội ra đớp lấy bố tôi, nhai lấy nhai để... *(với quan)* Bẩm quan lớn, cái giống "bố anh ta" cứ thấy "của" mang đến miệng thì là xoay xoả, có biết thơm hay không đâu ạ!

21. BÀN GIAO CANH

(Ghi theo bác Đóa)

(A) *Dùng câu ra trò như các câu 16, 17 phần Hề gậy*

(B) **Hề I:** Đã đến giờ đổi phiên canh, có những thứ này, tôi giao cho anh, liệu mà canh giữ:

(nhịp một) Cái võng tám đòn
Dàn hoa núc nác
Bốn mỏ bịt vàng
Bốn mỏ bịt bạc.
Một chiếc hòm mang
Hai chiếc hòm gánh
Sáp thời mười bánh
Tiền đủ một trăm
Súng thời mười lăm
Hiệp hai mươi khẩu.
Vừa dù vừa dáo
Là tám mươi tư.
Một chiếc hoả lò
Hai chiếc hoả phục
Chậu đồng khăn mặt
Nón chóp treo dây
Này gươm quan thầy
Này gươm quan bác
Gươm quan thầy bịt bạc
Gươm quan bác bịt thau.

Tam hoàn lục châu
Bồ vàng gỗ thị.
Một chiếc chài
Hai chiếc lưới
Cái rương ở dưới
Cái hòm ở trên
Rương đã có nêm
Hòm đã có khoá
Một cũi bát đá
Hai cũi bát ngô
Cái giọt đồng hồ
Dùi chiêng dùi trống
Lông công một ống
Đũa cái một đôi
Cái gáo, cái muôi
Cái vung, cái rế
Nước mắm xứ Nghệ
Mắm tép, mắm tôm
Ba thức rõ ràng
Thức nào cũng đầy lọ.
Hành thời một bó
Tỏi thời một trăm
Giữ lấy mà canh
Để tôi đi ngủ...

Lời dẫn:

Bài này thường được dùng ở những nơi ăn hát, không ăn giễu.

22. CÁC CÂU ĐỐ CỦA HỀ MỒI

(Ghi theo bác Trùm Thịnh, bác Mầm, bác Đóa, bác Phụ, bác Linh, bác Mược)

(A) *CÂU MÀO ĐẦU: Xem bài 17 đoạn A phần Hề gậy*

(B) *LỜI NGƯỜI BIÊN SOẠN: Từ đây trở đi, ở đoạn B này, nghệ sĩ có thể tùy tiện dùng một trong các câu đố đã chép sau đây ở mỗi câu, chúng tôi không chép "Lời tán" như đã nói ở lời dẫn bài 17, mà chỉ chép đại ý lời giảng của câu đố:*

* Câu thứ 1:

Hề I: Con ve nó kêu ở đâu?

Hề II: Con ve có cái vè mới kêu.

Hề I: Con ba ba cũng có cái vè sao nó không kêu?

Hề II: Vì nó ở dưới nước nên nó không kêu được.

Hề I: Thế tại sao con ếch cũng ở dưới nước mà nó lại kêu được?

Hề II: Ếch có da nên ếch mới kêu.

Hề I: Cái dép cũng bằng da sao dép không kêu?

Hề II: Dép bằng da nhưng vì người ta đóng đinh nên nó không kêu.

Hề I: Sao cái trống cũng bằng da đóng đinh mà lại kêu được?

Hề II: Nó kêu vì nó có mặt.

Hề I: Sao cái sàng cũng có mặt mà lại không kêu?

Hề II: Sàng không kêu vì sàng có lỗ.

Hề I: Sao cái kèn có lỗ mà lại kêu?

Hề II: Cái kèn có loa nên kêu.

Hề I: Cái nơm cũng có loa sao không kêu?

Hề II: Cái nơm có răng nên không kêu được.

Hề I: Mồm mày, mồm tao cũng có răng sao kêu được?

Hề II: Mồm có răng nhưng phải có lưỡi mới kêu.

Hề I: Sao cái cày có lưỡi mà lại không kêu?

Hề II: Cái cày có lưỡi nhưng lưỡi cắm xuống đất nên không kêu...... *(lược)*

* Câu thứ 2:

Lên một em hãy còn son
Lên hai vú dảnh tròn tròn như vung
Lên ba em chửa có chồng
Đến khi lên bốn trong lòng thụ thai
Lên năm đã đẻ con rồi
Đến khi lên sáu là hai đời chồng...

Giảng: Đó là con khoai. Mỗi lứa khoai là sáu tháng. Tháng thứ nhất, cây mới mọc là cây còn son, tháng thứ hai, nhú củ con như người vú dảnh. Tháng thứ ba, như con gái đến thì nhưng chưa lấy chồng. Tháng thư tư, cổ cây, dọc lá phình to, thế là có chửa. Tháng thứ năm, củ cái đẻ củ con. Đến tháng thứ sáu, dỡ khoai, trồng lại như cũ, thế là hai lần "trồng". (Đồng âm với chồng trong vợ chồng).

* Câu thứ 3:

Không vàng mà mắc tiếng tăm
Long, li, qui, phượng, con nằm, con đi.
Dù ai có công việc gì

Có dùng đến nó ắt thì mới nên
Ngũ hành thì nó ở trên
Bao nhiêu con gái nằm bên cạnh mình.

Giảng: Đó là cái kim. Kim làm bằng sắt mà lại mang tiếng là vàng (kim = vàng). Kim dùng để thêu thùa long, li, qui, phượng. Nhà ai có cưới xin, ma chay cũng phải dùng kim để may vá thì mới nên đám. Trong ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ) kim đứng đầu. Thường thường, các cô con gái hay cài kim vào tà áo.

* Câu thứ 4:

Tuổi em mười tám, đôi mươi
Kẻ chê thất "tuyết", người cười thất trung
Yêu nhau thì để trong lòng
Xin năm ba chữ luống công đi về
Làm nên ngựa cưỡi dù che
Lấy năm bảy vợ cũng vì thiếp tôi.

Giảng: Đó là cái bút. Mỗi cái bút giá mười tám, hai mươi đồng tiền. Khi mua, thường thường người mua chê bút không có tuyết (thất tuyết) hoặc vạy ngòi (thất trung). Vợ chồng yêu nhau thì không nói ra miệng, còn chán nhau thì dùng bút viết ba chữ rãy vợ về. Người học trò làm nên quan cao, lấy được nhiều vợ chính cũng là nhờ có bút (để đi học).

* Câu thứ 5:

Mình tròn trùng trục
Y phục khả đa
Bác mẹ sinh ra

Bất năng ngôn ngữ

Đến ngày tận tử

Khai khẩu nhất thanh.

Giảng: Đó là quả pháo.

* Câu thứ 6:

Không có đầu mà có cổ

Không có cây mà có lá

Không có ma mà có tà

Không có nhà mà có cửa

Không có chó mà có tiếng chó cắn

Không có gà mà có gà con kêu.

Giảng: Mỗi chiếc áo đều có cổ, lá (sen), tà (áo), cửa (tay), gấu (chó cắn), cúc (gà con kêu).

* Câu thứ 7:

Tình cờ bắt gặp nàng đây

Anh vỗ cái này, thụt rốn cô nàng lên

Sướng sao sướng lắm mà rên

Của mua mất tiền, lại mệt vào thân.

Giảng: Đó là cái điếu cày. Ai cầm điếu cũng vỗ miệng cho thụt bã ra. Của mua mất tiền, mà khi hút lại say lư đừ, mệt vào thân.

* Câu thứ 8:

Người vừa một đốt

Hai mươi mốt lỗ đục

Hì hà hì hục

Đục thêm một lỗ là hai mươi hai.

Giảng: Đó là con quay thò lò. Con quay có sáu mặt, đục từ nhất, nhị, tam, tứ đến ngũ, lục, cộng hai mươi mốt lỗ. Lại đục thêm một lỗ để tra dọc búng là vừa đúng hai mươi hai lỗ.

* Câu thứ 9:

Hai người phải tội đã xong

Hai người phải tội, đóng gông một người

Một người phải tội thời thôi.

Một người phải tội lại kéo lôi hai người

Giảng: Đó là cái kính lão. Hai người phải tội là hai con mắt. Người bị đóng gông là cái mũi. Hai người bị kéo lôi là hai tai.

* Câu thứ 10:

Hai người cùng họ khác tên

Trời kia xui khiến mới nên vợ chồng

Lấy về thời để trong phòng

Phòng khi có giặc thời chồng phải ra

Chồng ra tan cửa, nát nhà

Vợ ra thời chết cả già lẫn non.

Giảng: Đó là lược thưa (chồng) và lược bí (vợ). Giặc là chấy.

* Câu thứ 11:

Mình tròn tám mắt

Lưỡi trật lên ngôi

Phao câu bằng cái bát.

Giảng: Đó là cái kèn. Lưỡi gà ở bên trên (lên ngôi), loa kèn ở bên dưới (phao câu bằng cái bát).

* Câu thứ 12:

Ngắt đầu rồi lại phân thây

Đã dãi lòng trắng, lại day lưng tròn

Kẻ dại cho chí người khôn

Hễ ai cất lấy lòng còn hồ nghi.

Giảng: Đó là miếng trầu. Khi têm trầu, người ta thường ngắt ngọn lá rồi xé lá ra làm hai ba phần, (mỗi phần têm thành một miếng trầu). Sau đó, quệt vôi (dãi lòng trắng) rồi cuộn tròn lại (day lưng tròn). Khi ăn trầu, ai ai cũng mở miếng trầu ra xem nhiều hay ít vôi (mặn vôi).

* Câu thứ 13:

Sinh tại mộc biên

Tự xuất Phàn công chi thủ

Sinh nhi vô tử

Tử nhi hữu tử

Tự giai tế tự

Lai đổ bác chi hữu danh.

Giảng: Đó là quả gấc. Gấc thường leo ở giậu (mộc biên). Quả gấc tròn như đầu người (Phàn công chi thủ). Hột gấc sống gieo không mọc (sinh nhi vô tử) nhưng nấu chín rồi gieo xuống thì có thể mọc thành cây non được (Tử nhi hữu tử). Gấc dùng vào việc cúng bái (tế tự). Kẻ cờ bạc hay nhắc đến gấc: "thôi chỉ nhờ thằng bố gấc!" (lai đổ bác chi hữu danh).

* Câu thứ 14:

Ba con tam đẳng rành rành
Ai ai mà chẳng muốn tranh lấy nhiều
Có phúc thì nó ở lâu
Nhược bằng vô phúc đi hầu người ta
Nó đi nó chẳng đi không
Nó lại kéo cả vợ chồng cùng đi.

Giảng: Đó là thửa ruộng. Ruộng thường chia làm ba hạng (tam đẳng điền). Ai cũng thích có nhiều ruộng. Khi đã bán ruộng đi, thì vợ chồng phải đi cấy rẽ cho địa chủ (kéo cả vợ chồng cùng đi).

B

Hề tính cách

LỜI DẪN

Hề tính cách là loại nhân vật tự mình lên sân khấu để lột mặt nạ của chính mình. Nói cách khác, đó là loại nhân vật tự lố bịch hóa của chèo.

Loại nhân vật này rất phong phú, từ giễu để làm vui cho đến giễu để đả kích và tố cáo, nhưng phần lớn có thể nói đều là vai nam.

Mỗi nhân vật, khi ra vai, đều có lớp hát ra trò và lớp xưng danh. Lớp xưng danh chiếm một phần rất trọng yếu trong toàn bộ cách miêu tả nhân vật Hề tính cách (chẳng những trong những nhân vật ngoài tích như Lão Say, Cu Sứt... mà cả trong những nhân vật riêng của từng vở như Hồ Nghi - Toen Hoẻn...)

Mỗi nhân vật Hề tính cách lại thường có một hoặc một số câu hát độc đáo của mình.

Cách hóa trang, phục trang cũng đã có màu sắc riêng phù hợp với từng tính cách.

Đạo cụ được sử dụng cũng tùy từng nhân vật.

Tóm lại, Hề tính cách, đối với toàn bộ nghệ thuật hài ở trong chèo, đã thực sự trở thành những viên gạch đầu tiên trên bước đường xây dựng những vở chèo lấy nhân vật hài kịch làm trung tâm.

1. LÃO SAY

(BÌNH DÂN)

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Lão Say: Nào là Cam, nào là Quýt

Cam, Quýt, Bòng, Bưởi, Thanh Yên, Thừu Lựu đã đủ năm thức quả chưa?

Đế: Đủ rồi đấy ạ!

Lão Say: Nhà ta hôm nay có con mách lẻo

Đế: Con Quẹt cụ ơi!

Lão Say: Nó kêu ở phương nào?

Đế: Phương Đông.

Lão Say: Ấy thế chả là đông khứ, tây lai, nam vô sự, bắc chẳng có gì...

Đế: Bắc có tài!

Lão Say: Môn đa khách đáo thiên tài đáo

Gia hữu nhân lai vạn vật lai[1]

Anh em ơi! Kiếm câu ra nhà ngoài đón khách nhé!

(vỉa) Quân tử chi giao đạm nhược hà

Bắc phương nhâm quí bất tu đa[2]

---

1. Cửa nhiều khách đến thì của cải đến hàng nghìn. Nhà có nhiều người vào thì muôn vật cũng vào.
2. Sự giao dịch của người quân tử nhạt như nước sông. Phương bắc hướng nhâm quí chẳng nên nhiều.
   Theo cụ An Văn Mược thì tiếp theo hai câu này, còn hai câu:
   Khuyến quân vật tác kim sinh lệ
   Thuấn Vũ sơ niên Vị thủy ba.

(hát) Ai ơi, chơi lấy kẻo già

Măng mọc có lứa, đôi ta có thì

Lão bước chân ra:

Thấy bốn phương đều cổ vũ âu ca

Dòng Vị thủy sông vàng nước bạc

Mừng người đây an nhà, lợi nước

Anh em vào họp mặt năm ba.

(hát) Cơn vui chơi ao rượu, rừng nem

Cơn buồn nhớ đến anh em bạn bè.

Hôm nay lão hết rượu rồi, lão còn vài tiền đây, đi xem ai có rượu mua một ít uống cho vui.

(vỉa) Tá vấn tửu gia hà xứ hữu

Mục đồng dao chỉ Hạnh hoa thôn[1]

Đó là lời thơ của một người vợ, đọc khi chồng có khách ngồi ở nhà trên gọi lấy nước. "Bắc phương nhâm quí" theo sự phân chia ngũ hành, tương ứng với các phương thì nhâm quí thuộc thủy. Do đó, câu này còn có nghĩa là: (tiếp khách) chẳng nên (gọi) nhiều nước làm gì. "Khuyến quân vật tác kim sinh lệ". Theo thuyết ngũ hành tương sinh thì "Kim sinh thủy". Do đó, câu này còn có nghĩa: Khuyên chồng đừng đặt ra lệ "nước" (tiếp khách). "Thuấn, Vũ sơ niên Vị thủy ba" (chỉ có buổi đầu thời Thuấn, Vũ, nước sông Vị mới nổi sóng). Nghĩa bóng: ngày xưa mới (dùng) nhiều nước (để tiếp khách) mà thôi.

1. Rút hai câu cuối bài thơ Thanh minh của Đỗ Mục đời Đường. Nguyên văn:

Thanh minh thời tiết vũ phân phân
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn
Tá vấn tửu gia hà xứ hữu
Mục đồng dao chỉ Hạnh Hoa thôn.

Nghĩa:

Tiết thanh minh mưa rơi lất phất
Người đi đường buồn đứt ruột
Ướm hỏi hàng rượu ở nơi nào
Trẻ mục đồng giơ tay chỉ vào thôn Hạnh Hoa

(hát) Nhấp chén rượu ngon

Một bên giăng gió nước non vui vầy

Say tít đổ quay

Lão như thế này, anh em trông lão đã già chưa?

Đế: Già rồi!

Lão Say: Già mà lão cũng có thơ đấy.

Đế: Thơ làm sao?

Lão Say: Thơ rằng:

(ngâm) Ngũ lão giáng đình sinh tuế thánh[1]

Ngũ lão là khách hiệu là tiên

Rượu cúc xuềnh xoàng năm bảy chén

Cờ tiên Đế Thích chấp hai xe

(hát) Khi vui chơi lão đánh ván cờ

Khi buồn nhớ đến bốn câu thơ đề...

Thơ rằng:

Xuân du phương thảo địa

Hạ thưởng lục hà trì

Thu ẩm hoàng hoa tửu

1. Năm vị lão giáng xuống sinh ra ông Thánh sống lâu. Ngũ lão: Theo sách *Kiến Văn Lục*, thời Tống Nhân Tông, có năm vị lão tên là Đỗ Kỳ Công Diễn (87 tuổi), Vương Lễ Thị Hoán (97 tuổi), Tất Nông Khanh, Thế Trường (97 tuổi), Chu Quán (88 tuổi), Thủy Bình Phùng Công(87 tuổi) cùng nhau vui chơi ở chốn hương ấp, lập ra *Huy dương Ngũ lão hội*, ngày ngày cùng nhau làm thơ, hát xướng. Cuộc sống của họ rất an nhàn, thích thú.

Đông ngâm bạch tuyết thi[1]

Ấy ấy... Nào, mày đổ đi cho tao xem.

Đế: Cụ say rồi... cụ ơi!

Lão Say: Lão không say... Uống nhiều thì nó "ngấm" đấy thôi. Kỳ này, lão cũng đã bớt bữa rồi. Ngày xưa, lão uống cả tháng ba mươi ngày... bây giờ mỗi tháng chỉ uống có hai kỳ, mỗi kỳ mười lăm ngày...

Đế: Cũng là cả tháng rồi.

Lão Say: Nhiều lúc lão say vứt cái hũ ra sân

Nhác trông lên thấy bốn chữ tửu lạc vong bần[2]

Nên lão lại ôm ghì lấy hũ.

Lão nhớ có câu rằng:

Tửu trung bất ngữ chân quân tử

Tài thượng phân minh thị trượng phu[3]

Thế mà có người lại nói rằng: Tửu nhập thì ngôn sơn sơn...

Đế: Tửu nhập thì ngôn xuất cụ ơi![4]

Lão Say: Thế hai chữ sơn là chữ gì hở?

Đế: Là chữ xuất!

---

1. Rút từ *Trạng nguyên thi*:
   Mùa xuân chơi đất cỏ thơm
   Mùa hạ thưởng ao sen
   Mùa thu uống rượu hoa vàng
   Mùa đông ngâm thơ bạch tuyết.
2. Vui rượu quên nghèo.
3. Trong khi uống rượu, không nói năng mới là quân tử chân chính.
4. Rượu vào lời ra.

Lão Say: Đắc hồ thử, thất hồ bỉ[1]

Chén rượu vơi giục tấm lòng đầy

Gặp cô hàng phơi phới tóc mây

Bề tửu trung lão càng thêm lịch sự.

Ớ này cô hàng rượu ơi! Còn rượu cô rót cho lão một niêu nữa cho nó chẵn... là chín mươi chín niêu.

Đế: Chẵn một trăm chén.

Lão Say: Hễ lão tỉnh thì lão về, nhược bằng lão quá say thì lão ở lại tối hôm nay... lão ngủ "rờ" cô...

Đế: Ngủ nhờ, cụ ơi!

Lão Say: Ngủ là ngủ trọ hàng cô... Có tiền thì lão giả, nếu không sẵn tiền thì mai cô lại đằng nhà lão mà lấy.

Đế: Nhà cụ ở đâu?

Lão Say: Nhà lão kìa kìa...

(hát) Xăm xăm tới gốc mai già

Hỏi thăm ông Nguyệt lão có nhà hay không

Cô thương nhớ ai ra đứng vào trông

Hẹn ai ngồi tựa gốc cây thông đợi chờ...

1. Được cái này, mất cái kia.

2. LÃO SAY

(TẦNG LỚP TRÊN)

(Ghi theo bác Trùm Thịnh)

Lão Say: Lão bước chân ra thấy non đào thả ngựa
Ấy gọi là lục bộ chơi lân
Trên chín lần xiêm áo đai cân
Dưới trăm họ ngâm câu tuý bão[1]
(vỉa) Bĩ cực thái lai kim cổ ngữ
Thế vô hà tại, tuyết đáo bất phùng xuân[2]
(hát) Đương xuân bạch tuyết
Điểu ngự lương cung tàng[3]
Bọn giang hồ cô bay là khách tôn nhang
Chăm một tiệc, mảnh nghiên theo ngòi bút
Lão mềm, trai chuốt
Đường xa xôi xin cô chớ vội âm thầm
Lặng mà nghe phú đọc, thơ ngâm
Đố các vị nữ khôn cầm lòng đậu.

---

1. No say.
2. Lời xưa nay thường nói: Cơn bĩ qua, vận may đến. Trên đời không có cái gì tồn tại, tuyết đến không gặp mùa xuân.
3. Có lẽ đọc sai chữ "ngự". *Sử ký Việt thế gia* chép: "Phi điểu tận, lương cung tàng" nghĩa: chim bay hết, cung tốt bỏ. Ý nói thiên hạ đã bình định xong rồi thì công thần sẽ bị bỏ rơi. Theo câu đó thì phải viết: "điểu tận, lương cung tàng" mới phải. Ở đây, có thể "tận" đổi thành "ngự" có nghĩa là chế ngự, dẹp yên.

(nói) An phận thân vô nhục
Tri cơ tâm tự nhàn[1]
Kẻ giang hồ vui cảnh thủy san
Lão tự thú thông mai tùng cúc
Mải vui chơi về miền thế tục
Gẩy cung đàn len lỏi bóng từ qui
Dẫu Bá Nha với lại Tử kỳ[2]
Trót dan díu tri âm cùng kết bạn.

(đọc thơ) Biều đàn chi mấy cuộc sương tan
Khoan nhặt năm cung tiếng rõ ràng
Ngày kết ông Tơ xe vấn vít
Đêm ôm ả Nguyệt gẩy xênh xang
Kiêu san vấn vít đàn tình tính
Lưu thủy tưng bừng ú líu sang...

(hát) Cung đàn ai khéo nẩy tính tình
Bốn dây to nhỏ như hình mưa sa.
Ván cờ tiên khéo đấm tốt ba
Xe đi nước suốt, mã đề, pháo sang

1. Biết yên phận thì thân không nhục
Biết thời cơ thì lòng sẽ nhàn.
2. Bá Nha gẩy đàn, Chung Kỳ nghe tiếng đàn biết được ý nghĩ của Bá Nha. Vì vậy, Bá Nha kết bạn với Chung Kỳ. Khi Chung Kỳ chết, Bá Nha thấy ở đời không ai hiểu được tiếng đàn của mình bèn đập đàn đi không gẩy nữa. Do đó, người đời gọi hai người là bạn "tri âm". Sau "tri âm" dùng để chỉ những người bạn rất thân thiết, hiểu bụng dạ của nhau.

Câu thơ nôm thất bộ rõ ràng
Bút nghiên xếp để cho chàng văn nhân
Lão say nhưng lão còn nhớ câu thế này:
Xử nhân uý bất như xử nhân ái
Cầu nhân tài mạc nhược đắc nhân tâm[1]

(hát) Khắc cốt, minh tâm[2]
Chén son bia tạc, rót chén rượu tăm khuyên mời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa
Chén rượu ngọt lừ
Long ngâm rầu rĩ
Ta lại dở dang
Lưu thủy lưu san
Bâng khuâng rót chén khuyên mời
Chẳng gì hơn chữ nhân sinh quí thích[3]
Chống gậy ra ta đón khách Hằng nga.

(xưng danh)

Lão tôi đây lão Thuấn, lão Nghiêu
Thiên niên hưởng phước trường thọ là lão tiền, lão thóc.
Nhớ ông Lã Vọng xưa ngồi câu cá chốn giang biên

1. Khiến cho người ta sợ không bằng khiến cho người ta yêu. Cầu lấy tiền tài của người không bằng cầu lấy lòng người.
2. Khắc vào xương, ghi vào lòng.
3. Kiếp nhân sinh quí nhất sự vừa ý.

Ngồi thềm mát bát bách dư niên
Cũng được chữ lão thành canh sự.

Cho nên:

Thuốc có cam thảo
Dân có lão thần
Vậy tôi có bài thơ chúc các cụ lão như thế này
Ngũ lão giáng đình sinh tuế thánh[1]
Ngũ lão là khách, hiệu là tiên
Mừng lão nay chức trọng cầm quyền
Đều được chữ niên cao tuế lão

(hát) Cơn vui chơi lão đánh ván cờ
Cơn buồn lão nhớ bốn câu thơ rằng:
Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi[2]
Kẻ tỉnh người say
Kẻ thời luểnh chuếnh choáng, lão tôi nay mơ màng
Mơ màng say sưa...

---

1. Xem chú thích 4, bài trên.
2. Xem chú thích 5, bài trên.

3. ÔNG MĂNG

(Ghi theo bác Trùm Thịnh)

(A*) Có thể dùng một đoạn hoặc cả bài 12 phần Hề mồi rồi tiếp xuống đoạn B sau.*

(B) **Ông Măng:** *(xưng danh)* Lão tôi đây là Lão Thuấn, lão Nghiêu.

Lão nhi ích cố, lão nhi ích tráng[1]

Ô là vậy:

Chẳng giấu gì họ Măng là tôi

Ơn thiên địa cửa nhà rúc túc tích

Đế: Giầu có lắm đấy cụ ơi!

Ông Măng: Ấy, nói gần nói xa chẳng qua nói thật:

Nhà tôi giầu giẩu giầu giâu

Kém mười trâu đầy một chục

Lợn thì nhung nhúc

Kém mười chục đầy một trăm

Gà chạy lăng xăng

Kém mười lăm con đầy chục rưỡi.

Đế: Thế là chả có gì sất!

Ông Măng: Ờ, lão nói vui thế thôi, chứ nhà lão thì chả có gì sất cả, nhưng mà...

Bề tử tức lão sinh một gái

1. Lão càng bền càng khỏe.

Tuổi xuân xanh vừa độ giăng tròn
Chửa có nơi nào kết chỉ cầu hôn
Còn đóng cửa để làm cao giữ nộm!
Đế: Giữ giá cụ ơi!

Ông Măng: Giá với nộm thì cũng mầm bông cả thôi mà!

Khảo dị:

Xưa nhân vật Lão Say là một nhân vật ngoài tích, nghệ sĩ xưa tùy tiện đưa vào các vở, cho nên vai Lão Say thường có hai phần. Phần A, *như bài 12 phần Hề mồi - (dùng các vai lão bình dân, cũng như bài 13, dùng cho các vai Tướng Công)* - là phần cố định không thay đổi. Còn phần B là phần nghệ sĩ "bẻ" theo nội dung của vở.

Ví dụ: Khi đưa vào *Quan Âm Thị Kính* thì Lão Say được "bẻ" thành Lão Măng, vào *Kim Nham* thì thành Huyện Tể, vào *Tôn Mạnh - Tôn Trọng* thì thành Trịnh Ông, vào *Trương Sinh* thì thành Vũ Ông v.v...

Ở đây, chúng tôi ghi thêm hai đoạn bẻ theo Huyện Tể và Trịnh Ông để các bạn tham khảo:

Huyện tể: Giời sinh thánh đế
Trị nước lên ngôi
Chẳng giấu gì Huyện Tể là tôi
Nhà cụ phú quốc gia vô địch...
(Theo bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

Trịnh Ông: Ơi a "bung beng" ơi!
Đế: Anh em chứ!

Trịnh Ông: Lão ra đây có phải "tiêu xưng" không nhỉ?
Đế: Xưng danh chứ?

Trịnh Ông: Ờ, ờ... xưng danh...
Lão bước vào lão ô rằng vậy:

Vốn dòng tích thiện
Chuyên việc nông gia
Lão đây sáu chục tuổi già
Trinh Ông là tự hiệu
Lão sinh một gái phương phi yểu điệu
Duyên sắt cầm chửa định chữ nghi gia
Chỉ kén rể thực thà
Lão gả cho không tiếc.

(theo bác Mâm)

Gần đây nhiều người nhận lầm Lão Say là một nhân vật của vở *Kim Nham*, hoặc của vở *Quan Âm Thị Kính*. Đó là một điều không có căn cứ.

Theo nhận xét của chúng tôi, trong số các vai lão của chèo, chỉ có vai lão Mốc mới là nhân vật riêng của một vở.

4. LÃO MỐC

(Ghi theo bác Trùm Thịnh với sự bổ sung của nghệ sĩ Trịnh Thị Lan, tức Cả Tam)

Lão Mốc: *(hát từ trong buồng trò)*

Tang tôm tang
Kềnh tôm càng
Bắt cái tôm càng
Các cụ già bảy, tám, chín, mười mươi
Ai chẳng muốn đeo tiên cưỡi hạc
Đắp chăn giời xuống tắm chơi ao bể
Sạch lâng lâng thế giới ba nghìn
Đãng đãng Nghiêu thiên[1]
Nghiêu thiên đãng đãng
Đức Thuấn nhật hiệu thiên võng cực[2]

Anh em ơi:

Rung trống lên cho lão hóa ra rồng, hóa ra rắn
Lão hóa ra kỳ lân cắn quái
Bao nhiêu con gái
Hóa ra đàn bà

---

1. Trời Nghiêu mênh mông.
2. Ngày Thuấn đức so với trời cao vô cùng.

Bao nhiêu cụ già

Hóa ra móm mém

(xưng danh) Trời sinh thánh "ế".

Đế: Thánh đế chứ!

Lão Mốc: Ai chẳng biết đế với vương, không ai hỏi đến thì chẳng ế sưng lên à?

(nói tiếp) Trị nước ngang lưng!

Đế: Trị nước lên ngôi chứ?

Lão Mốc: Nước lên ngôi thì ngồi mà chết à?

Chẳng giấu gì Lão Mốc là tôi

Ngày thong thả ra hàng uống nước

Tối trở về cõng cháu đi rong

Vẳng tai nghe nhạc ngựa nhong nhong

Thầy tớ bác dạo tầm chi đó?

Lời dẫn:

Lão Mốc, rút từ trò Kiều, là người đưa đường cho thầy trò Kim Trọng đến hiên Lãm Thuý thuê nhà. Sinh mệnh của Lão Mốc trong vở còn dài và rất vui, nhưng ở đây, chúng tôi chỉ trích một đoạn để các bạn tham khảo và đối chiếu với Lão Say, khả dĩ phân biệt được nhân vật ngoài tích với nhân vật riêng của một vở.

5. CẢ SỨT

(Ghi theo bác Mầm và bác Linh)

Lão Say: Nào là thằng cu lớn!

Cu Sứt: Đứa nào gọi tao đấy?

Lão Say: Chỉ hỗn thôi, bố đây, ra đây bố bảo.

Cu Sứt: Ấy chết, bố đấy à? Bố gọi cậu ra để đi hậu bổ huyện nào đấy?

Lão Say: Ra mà ăn cưới em.

Cu Sứt: Ăn cưới có phải đem vàng không? (b)

Đế: Đem tiền chứ?

Cu Sứt: Nhờ anh em trống phách lên để tôi rước cái vong linh hồn tôi ra nào (a)... Nào xem có đẹp không nào...? Chả ra thì bảo là chả ra... Cả một hội chèo có mỗi một người đẹp cứ găm ở trong buồng, có thế này mới biết là kẻ hư người hỏng...

Đế: Kẻ hay người dở chứ? (b)

Cu Sứt: Nói rõ câu:

Vũ vô kiềm toả năng lưu khách
Sắc bất ba đào dị nịch nhân[1]
Cây sen rũ đối với củ sen chìm

---

1. Mưa không có kìm khoá mà có thể lưu được khách lại. Sắc đẹp không có sóng gió mà dễ làm người ta đắm đuối.

Bao nhiêu quý vật đi tìm quí nhân

Khù khờ thế này mà hôm qua du thị chợ...

Đế: Đi chơi chợ.

Cu Sứt: Ờ phải, đi chơi chợ. Tôi gặp hai ba chiếc con gái, chị em thấy tôi tất hữu ý tứ...

Đế: Ý tứ làm sao?

Cu Sứt: Ái chà cô thì nấp, cô thì nom, cô thì quăng cái này, cô thì ném cái nọ...

Đế: Quăng tiền, quăng bạc à?

Cu Sứt: Làm gì có tiền bạc? Các cô ấy thích quá, cầm hòn đá ném toạc môi tôi ra, ấy thế mà các chị em lại phải ngay "cái dạ" tôi.

Đế: Phải lòng chứ?

Cu Sứt: Ờ, phải lòng... Chị em ví khẩy một câu thế này:

(ví) Bấy lâu duyên lặn thề bồi

Bây giờ lại gặp anh ít môi, nhiều mồm (cười hút vào)

Tôi tức mình tôi trả lời ngay...

Đế: Trả lời làm sao?

Cu Sứt: *(ví)* Song le ai khéo kén đôi

Chồng thời mồm ếch, vợ môi cá mè!

Đế: Thế là bên tám lạng, bên nửa cân rồi.

Cu Sứt: Ấy thế mà "ồn" rực cả lên đấy!

Đế: Đồn làm sao?

Cu Sứt: "Ồn" rằng: An nam dục thái bình, có dễ mà có trạng.

Đế: Trạng gì?

Cu Sứt: Trạng nôm ấy mà...

Đế: Trạng nôm là làm sao?

Cu Sứt: Trạng nôm là "cuốc trộm khoai lang"!

Ấy thế mà "ồn"vào đến mũi nhà vua...

Đế: Đến tai vua chứ!

Cu Sứt: Vua cho ngay chiếu triệu hồi kinh!

Đế: Đi bằng xe song loan à?

Cu Sứt: Không đi xe song loan!

Đế: Đi bằng ngựa à?

Cu Sứt: Không đi ngựa!

Đế: Thế thì đi bằng gì?

Cu Sứt: Chỉ bằng cũi, bốn người khiêng mới hạ tôi xuống đất đánh bịch một cái, tôi ở trong cũi, tôi mới thò đầu ra.

Vua trông thấy tôi, vua rợn tóc gáy lên... Vua bảo: không mấy khi "kỳ đuồn" vào đây thì ta ra cho "kỳ đuồn" đôi câu đối...

Đế: Kỳ đồng chứ![1]

Cu Sứt: Vua ra rằng: Thập khẩu tâm tư, tư quốc, tư gia, tư phụ mẫu[2]. Lúc bấy giờ kỳ đồng "cấm khẩu" ngay.

Đế: Ứng khẩu chứ?

---

1. Đứa trẻ kỳ lạ.
2. Ba chữ thập, khẩu, tâm, chấp lại thành chữ tư, nghĩa là nghĩ. Nghĩ đến nước, đến nhà, đến cha mẹ.

Cu Sứt: Tôi đối lại rằng: Song cung thỉ phát[1], phát sài, phát nhiệt, phát tìm la!

Đế: Phát tài phát lộc phát vinh hoa.[2]

Cu Sứt: Ái chà, thế mà vua khen hay, vua thưởng cho một cỗ với ba chục.

Đế: Một cỗ yến với ba chục lạng bạc à?

Cu Sứt: Một cỗ vồ nọc với ba chục roi đôi...

Đế: Thế là bị ăn đòn rồi!

Cu Sứt: Tôi bực quá, trở về, làm một bài thơ...

Đế: Thơ làm sao?

Cu Sứt: Thơ rằng:

Dòng dõi con cha lại cháu ông
Tiếng tuy rằng túng vẫn anh hùng
Gặp thời ta sẽ giương oai phượng
Gấp khúc cho nên xếp vẩy rồng...

Hát một câu đi ăn thịt con em nhá!

Đế: Ăn cỗ cưới chứ!

Cu Sứt: Cưới không có thịt thì cưới xương à?

Ờ quên đấy! Hát một câu rằng:

(hát) Hì hì hì bặc hì
Hò hỏ hò bặc hò...

Đế: Múa kiểu gì thế?

1. Ba chữ song, cung, thỉ chắp lại thành phát, nghĩa ở đây là phát đạt.
2. Phát tiền tài, bổng lộc và vinh hoa.

Cu Sứt: *(nói)* Kiểu này là:

Trên khoát đạt đại độ

Dưới tòng gián nhi lưu[1]

Khảo dị:

(a) - Theo bác Linh chỗ này còn thêm:

Nhờ anh em trống phách để rước cái vong linh hồn tôi ra ăn thịt con em nhá!

Đế: Ăn cưới chứ!

Cả Sứt: Cưới không có thịt thì cưới xương à?

(cười)

Đế: Sao lại cười hút vào thế?

(b) - Theo bác Linh, thêm sau tiếng đế:

Cả Sứt: Nào, ai nom thì nom đi, ai nhòm thì nhòm đi, kẻo mai vớ phải tôi lại bảo rằng:

Oan hồn hồn hiện!

Ăn mặc thế này là:

Tráng quan chiêm chi lễ

Biểu dân tình chi ngãi

Bình phong tuy phá

Cốt cách do tồn

Quân tử tuy bần

Lễ nghĩa thường tại[2]

---

1. Bên trên rộng rãi to lớn
   Bên dưới theo khe hở mà chảy.
2. Giữ lễ đẹp đẽ đối với người nhìn
   Giữ nghĩa tiêu biểu cho tình dân
   Tấm bình phong tuy rách
   Nhưng cốt bình phong vẫn còn
   Người quân tử tuy nghèo
   Nhưng lễ nghĩa vẫn giữ...

6. ÔNG TƠ HỒNG

(Ghi theo bác Phụ)

Ô. Tơ Hồng: Tôi vâng lệnh ngự truyền
Thỉnh chúa mệnh hồi qui bảo toạ[1]
Ơn Ngọc Hoàng sắc hạ
Tôi biểu tự Tơ hồng
Dưới trần gian ai lấy vợ lấy chồng
Cũng một tay tôi xe cả.
Oán trách mặc lòng thiên hạ
Chẳng qua chỉ có cái lễ chín, chứ tiền bạc thực là không.
Ngày hôm qua ngồi buồn tôi đến bác Thần Nông
Sẵn con vịt ngả ra đánh chén,
Rượu xong rồi tôi sang nhà anh Bắc Đẩu
Phải đi qua sông Ngân Hà... thành ra chửa bắc cầu
Tôi gặp vợ chồng anh Ngâu
Chị ta vớ được tôi chị ta cứ trách tôi mãi.
Đế: Trách làm sao?

Ô. Tơ Hồng: Chị ta trách rằng:

(ngâm)

Ông Tơ sao khéo bạc tình
Cầm dây chẳng lựa chỉ xe quanh

---

1. Vâng mệnh chúa trở về nơi bảo toạ. Bảo tọa: chốn ngồi tôn nghiêm. Trong bài *Đại phát dụng* của *Giản Văn Đế nhà Lương* có câu "Nga nga bảo tọa" (lớn thay bảo tọa) để chỉ nơi ngồi của chư Phật.

Vào ba rồi lại ra ngay bảy

Cay nghiệt làm chi sợi chỉ mành

Chị ta vớ được tôi cứ ngâm mãi như thế, tôi ngâm trả lại cũng chầy...

Đế: Ngâm làm sao?

Ô. Tơ Hồng *(ngâm):*

Duyên chị giời cho duyên mãi mãi

Năm nay năm khác những vòng quanh.

(nói) Mỗi năm là mười hai tháng, mỗi tháng có ba kỳ, mỗi kỳ có ba ngày, anh chị vào với nhau mà chưa chán lại còn trách, chẳng qua chỉ tại vợ chồng anh cứ sụt sùi với nhau suốt ngày suốt đêm, lúc nào rỗi lại đi vầy ổi của người ta.

Đế: Vía ngâu rồi!

Ô. Tơ Hồng *(ngâm tiếp):*

Chẳng ơn thời chớ sao còn trách

Dai dẳng bao nhiêu sợi chỉ mành...

(hát) Người về chiếc bóng năm canh

Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.

(nói với Từ Thức) Cái nhà anh này người ở hạ giới làm sao mà biết đường lên tiên?

Từ Thức: Tôi bắc thang lên.

Ô. Tơ Hồng: Chả có lẽ. Làm gì mà có tre dài đến thế?

Giáng Hương: *(đỡ lời)* Tôi dòng dây cho chàng lên...

Ô. Tơ Hồng: Ấy chết, thế ra chị toan dắt dây với anh này à?

Chớ dại thế nhá! Hễ mà đứt dây rơi xuống là chết đấy.
Thôi được để lão xe cho... Lão nói chuyện cho mà nghe:
Lão nhớ năm xửa năm xưa, năm xửa, năm ngoái:
Cũng có người kết chỉ cầu hôn
Lão xe cho vợ đẻ sòn sòn
Con nhung nhúc như ngan, như ngỗng
Bấy lâu nay ông Tơ đã túng
Biết lấy gì nuôi vợ, nuôi con
Lão kiếm cái dây thật tròn
Trói anh chị lại kiếm ăn một bữa
Kẻ anh tài sánh người thục nữ
Lão xe cho dây thắm chỉ vàng
Nếu ai mà chức trọng, quan sang
Lão xe cho dây vàng sợi chỉ đỏ
Ai mà khốn khó
Lão xe cho cái dây mồng tơi
Anh chị nào phận hẩm, duyên ôi
Lão xe bằng dây mướp đắng
Ai mà lắng đắng
Lão xe bằng dây bạc thau
Chồng mù, vợ điếc lấy nhau
Lão xe bằng dây bí ử
Con gái mà lấy ông lão
Lão xe bằng dây cà leo
Chị nào trốn cưới trốn cheo
Lão xe bằng dây bồ nhót

Ông đồng mà lấy bà cốt
Lão xe bằng dây mướp ma
Không chồng mà ễnh bụng ra
Dây khoai lang lão liền xe lại.
Nói đâu có đấy
Chẳng có đơn sai
Anh chị đây phận đẹp duyên hài
Lão xe bằng dây tam cố.
Đế: Dây tam cố bền lắm nhỉ?

Ô. Tơ Hồng: Bền cho đến ngày... đứt thì thôi
Nào vào đây lão xe cho nào...

(hát) Tôi xe cho cô nên vợ nên chồng
Xe quấn, xe quýt, xe năm bảy vòng
Tôi xe cô kia mà lấy anh này
Tôi xe chị này mà lấy anh này

Tôi xe cái nhà cô ở mãi tít đằng kia mà...lấy cái... anh... này! *(chỉ vào mình).*

Đế: Sao tham thế, cụ ơi?

Ô. Tơ Hồng: Ấy làm cái gì cũng phải giữ lấy vốn nhà chứ!

Lời dẫn:

Ông Tơ Hồng là nhân vật ngoài tích, có thể dùng vào các vở có trường hợp người trần lấy vợ tiên.

Ví dụ: Vở Từ Thức.

7. CHÚ TIỂU

(MỘT)

(Ghi theo bác Phụ)

Đế: Chú Tiểu ơi, ra mà mở cửa chùa!

Tiểu: Thảo nào mà hôm qua thấy quạ tha, chuột rúc, đom đóm bay vào chùa.

Ngày hôm nay bỗng gặp thấy hai cô

Đội thúng lắc vào chùa mà thụ

Hai vãi thụ ai chứ thụ tôi thì:

Rượu một lu, tiết canh một bát

Dưa mắm, quả chanh

Củ hành, củ tỏi.

Đế: Nhà chùa sao lại ăn những thức ấy?

Tiểu: Ấy, nhân tâm tùy thích chứ!

À, hai vãi đến tu à? Tôi nói chuyện cho hai vãi nghe:

Cái năm hai mình giáp một...

Đế: Giáp thân chứ?

Tiểu: Thân với mình cũng thế! Tôi theo sư cụ lên "khuyên gươm"

Đế: Khuyên giáo chứ?

Tiểu: Ở trên Đoái xứ!...

Đế: Xứ Đoài...

Tiểu: Vào cái nhà ấy, nhà nó đi vắng cả, có độc một cái cuốc vứt ở đầu hè, tôi mới nam vô ngay...

Đế: Nam vô làm sao?

Tiểu: Nam vô Đức Phật di đà
Cái cuốc để đó, cả nhà đi đâu?
Tôi lại ra...

Đế: Ra về chùa à?

Tiểu: Nào có về chùa, tối tiếc, tôi lại vào, tôi lại nam vô...

Đế: Nam vô làm sao?

Tiểu: Nam vô Đức Phật Kim cang
Cái cán nó nghênh ngang, tôi lấy làm sao được?
Tôi lại ra...

Đế: Ra về chùa à?

Tiểu: Nào có về chùa. Tôi tiếc quá, tôi lại vào, tôi lại nam vô ngay...

Đế: Nam vô làm sao?

Tiểu: Nam vô Đại hùng, Đại lược, Đại từ bi. Tháo cán vứt đi, lưỡi tra vào bụng áo!

Đế: Thế là ăn trộm rồi!

Tiểu: Mặt này mà ăn trộm à? Thế là lấy vắng mặt chứ!

Vãi: Nhỡ nhà chủ về bắt gặp thì chú làm thế nào?

Tiểu: Nếu biết thì tôi lại nam vô...

Đế: Nam vô làm sao?

Tiểu: *(nhịp một)* Nam vô, nam vổ, nam vồ
Người ở nhà, giáo tiền, giáo gạo
Người đi vắng, giáo áo, giáo nồi

Người mà có biết thì thôi
Nhược bằng không biết, tôi lôi cả bò.

Chết thật! Hai vãi mà tôi cứ tưởng là bò chùa, tôi lại định lôi ra tam quan... Hai vãi thấy tôi bé bỏng hai vãi khinh tôi chăng?

Vãi: Ai dám khinh chú.

Tiểu: Tôi tuy tiểu nhưng kỳ khí bất tiểu[1]
Tuy tiểu thiện diệc bất hồ đồ[2]
Kìa như ông Quản Trọng tướng Hoàn Công[3]
Người bất dị minh sa cho nên đức thánh
Ngài đại kỳ công nhi tiểu kỳ khí[4]
Đất Giang Đông địa phương thiên lý
Tuy tiểu diệc túc vương[5]
Ngươi Hoắc Quang phụ tá Hán hoàng
Thị tả hữu tiểu tâm cẩn thận[6]
Minh tắc quân tử tấn, nhi tiểu nhân thoái[7]
Muốn lập thân phải thiếu tiểu tu cần[8]

---

1. Người tôi bé nhỏ nhưng chí không bé nhỏ.
2. Tuy làm điều thiện nhỏ nhưng cũng không hành động hồ đồ.
3 - 4. Quản Trọng, tướng giỏi của Tề Hoàn Công, thời Xuân Thu. Ông làm nên công lớn nhưng khí vẻ vẫn khiêm tốn.
5. Tuy đất nhỏ nhưng cũng đủ để dựng nghiệp vương.
6. Dặn dò tả hữu phải thận trọng.
7. Nhờ sáng suốt mà người quân tử tiến và kẻ tiểu nhân phải rút lui.
8. Nguyên văn *Trạng Nguyên thi* là: Thiếu tiểu tu cần học (khi còn nhỏ nên chăm học).

Ông Trọng Thư tam sách lục cần[1]

Sách có chữ "tích tiểu chí cự"[2]

Ngô tri miễn phù, tiểu tử[3]

Lại có câu:

Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi[4]

Hai vãi đã có lòng chuyên niệm thụ trì

Xin hai vãi vật dĩ tiểu hiềm giới ý[5]

Nam mô Phật chứng minh thiền sĩ

Tiểu tôi xin khai thiền môn để nạp thụ nhân gian[6]

Bây giờ tôi nam vô trước, hai vãi nam vô sau nhá!

Nam vô A di Đà Phật!

Vãi: Nam vô A di Đà Phật!

Tiểu: Thôi... Vơ về đi, nam vô liền vào cơ mà!

Đế: Liền rồi đấy.

Tiểu: Liền là sát lá cà, lá bí vào cơ mà?

(nhịp một) Nam vô Phật, nam vô Pháp, nam vô Tăng

Nam vô hồng điệp, xích thằng hộ tôi

---

1. Đổng Trọng Thư: nho sĩ nổi tiếng đời Hán.
2. Tích góp cái nhỏ thành cái lớn.
3. Ta đã biết khỏi run sợ rồi, các con ạ. Sách *Luận ngữ* chép: "Khi Tăng tử sắp mất, các đồ đệ đều hầu chực ở đấy, ông nói: "... chiến chiến căng căng, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử" nghĩa là: "Ta thường run run sợ sợ, như lặn xuống vực sâu, như đi trên váng mỏng, từ nay về sau, ta biết đã khỏi run sợ rồi, các con ạ" ".
4. Đừng thấy điều thiện nhỏ mà không làm.
5. Chớ vì điều tị hiềm nhỏ mà giữ ý tứ.
6. Mở cửa chùa để thu nhận người tục.

Hộ tôi khoắng được cả đôi
Một cân thịt đốt, một chai rượu hầm
Ăn rồi tỉ tẩm, tỉ tầm
Nói chuyện lầm rầm, kẻ trước người sau
Nam vô ba đứa nháy nhau...

Vãi: Ai nháy chú?

Tiểu: Vãi này nháy tôi này!

Vãi: Có chú nháy chúng tôi ấy.

Tiểu: Thế nháy cái mắt nào?

Vãi: Chú nháy cái mắt bên kia kìa!

Tiểu: Ấy mấy hươu! Người ta nháy cái mắt bên đây cơ mà? Ừ thì cái mắt tôi mà nó có lòng tham, dạ nhũng, nó nháy vãi thì mặc kệ nó với vãi, chứ tôi từng này tuổi đầu, tôi lại xui nó nháy vãi à?... Nói đùa thế chứ hai vãi đi tu thực à?

Vãi: Thực đấy!

Tiểu: Để tôi dẫn chữ tu cho hai vãi nghe nhá!

Hai vãi có tu thì phải tu thân vi bản[1]
Mong làm sao cho tiên chính kỳ thân[2]
Tiên tu kỷ nhi hậu trị nhân[3]
Phải tuần tự để mà tu tỉnh

1. Lấy tu thân làm gốc.
2. Trước hết phải sửa mình cho ngay thẳng.
3. Sửa mình trước rồi sau mới trị người.

Phép tu phải tu thân, lý tính[1]
Mong làm sao cho tu tấn kịp thì
Chớ có nghe ai mà tu ti, tủ tỉ, tù tì
Hối bất cập tu tàm mãn diện[2]
Phép tu phải tự cận chí viễn[3]
Ví như đăng cao tất tự ti[4]
Hai vãi có tu phải bao tu nhẫn nhục, giới hạnh kiên trì[5]
Phải giữ lấy chữ tu thân vi đại
Đàn qui Phật có dạy:
Bỉnh tam tụ bồ đề đại giới
Rồi lại nghe người ta tụ thực, tụ bưu[6] tụ gió tụ giăng.
Nay tụ mai tụ, lâu lâu được quả phúc lớn đều đều đêu, sợ làng bắt khoán mới đâm đi mà tu hú!
Lúc tướp ra mới biết mình là xấu
Mới bế môn tu trai
Nhớ đến câu cải vãng tu trai[7]
Thời mình đã tu mi hiệu bạch[8]

1. Sửa mình, trị tính tình.
2. Hối không kịp, xấu hổ đầy mặt.
3. Từ gần đến xa.
4. Trèo cao phải bắt đầu từ thấp.
5. Phải gồm tu cả sự nhẫn nhục và răn giữ nết na một cách bền bỉ.
6. *Thực* và *bưu* là hai giống thú rừng thuộc loài hươu có thói quen lang chạ bừa bãi. Ở đây: tụ tập như loài bưu. Bài hịch "*Thảo vũ chiếu*" của Lạc Tân Vương có câu: "Hàm ngô quân tụ bưu" là ý đó.
7. Bế môn tụ trai: đóng cửa ăn chay. Cải vãng tu trai: sửa bỏ lối làm đã qua bằng cách ăn chay.
8. Râu mày bạc trắng.

Hai vãi có tu thời phải nhớ chữ tu trong sách
Làm con người ta ba mươi sáu đường tu
Hễ đi chùa là khác tiếng nam vô
Bây giờ để tôi mở cửa Tam Quan cho hai vãi.
(hát) Nam vô Phật, nam vô Pháp, nam vô Tăng
Xích thằng xin đổi kim thằng làm duyên
Tôi niệm nam vô: Vô lượng, Vô biên
Ấy nam vô ngũ bách tam thiên độ trì
Đức Dược thượng lưu li
Hữu cầu tất ứng, nguyện kỳ tất thông[1]
Tôi niệm nam vô sắc sắc, không không
Nam vô đôi chữ thoát vòng trần ai
Nam vô đức Phật Như Lai
Chay nhạt chớ nài, có chuối có xôi
Nam vô cô này... lấy tôi!
Bạch sư cụ, có hai cô này đến tu, mời sư cụ ra để tiểu tôi vác giáo đuổi cùng ạ!
Đế: Thế là đi săn chó à?
... *(lược)*

Lời dẫn:

Vai tiểu này là nhân vật ngoài tích rất độc đáo của phường Khuốc lớn, Khuốc nhỏ và Khuốc con (xã Cổ Khúc - Tiên Hưng - Thái Bình). Các chiếng khác đều không có.

1. Cầu xin thì linh ứng, khấn nguyện thì cảm thông.

8. KHÁN THỬ

(Ghi theo bác Sứng, bác Mầm và bác Phụ)

(A) **Khán thủ:** Này anh em! Có quan huyện mới về trị nhậm huyện nhà, mình là người sở tại đương chức, phải kiếm cái lễ lên hầu quan, nếu không, ông ấy đánh cho tuột bong bóng đầu ra chứ bỡn à?

(B)
Ở trong làng tiếng nổi bằng phao
Mỗ khán thủ quyền khuynh mẹ mõ!
Tuy chẳng được miệng gang tay bổ
Nhưng đã từng đít thớt, đầu chày
Việc canh cai thoắng tựa chuột ngày
Đường tháo vát thực tay rắn cắn.
Đế: Tay xà thủ chứ!

Khán thủ:
Ngồi nghĩ lại càng thêm tức giận
Ngày hôm qua có đám rượu mời
Mẹ thằng cu nó lại trêu ngươi
Mình nằm ngủ mà nó không đánh thức
Lúc bấy giờ tôi mới chuyển bào hao thần lực
Nó bèn dương Tích lịch chi oai
Tay nó liền nắm lấy tóc tôi
Đầu tôi lại...dận lên chân nó!
Đế: Thế là phải đòn rồi!

(C) **Khán thủ:** Này anh em! Nay quan huyện về, mình phải

kiếm lấy con lợn mỏng tai dài đuôi sửa cỗ để đón quan, có phải không?

Đế: Phải rồi!

Khán thủ: Một mâm cỗ hết là năm quan. Tôi bổ vào đinh, mỗi suất hai quan, tôi bổ vào điền mỗi mẫu bảy quan, sáu tiền hai mươi đồng...

Khán thủ: Không được à? Thì bổ vào bà dì goá vậy...

(đứng dậy, một mình đóng hai vai: Bà dì và Khán thủ)

Bà dì: Này anh Khán, dì tưởng anh ra làm người chức việc trong dân thì có phận nhờ, chớ ai ngờ anh lại bổ bán nặng nề thế, dì không chịu đâu...

Khán thủ: Ô hay, người nhà mà không bảo được thì ngoài ai người ta nghe? Thôi, dì đừng nóng nữa, cầm lấy miếng giầu mà về này *(lại ngồi xuống trở lại nhân vật cũ, khi chưa đóng hai vai).* Làm công, làm việc khó thế đấy. À, thôi phải rồi! Tuần đâu? *(lại một mình đóng ba vai: Khán Thủ, Tuần đinh và Ổi).*

Tuần đinh: Dạ!

Khán thủ: Mày vào gọi thằng bố cu Ổi, con nhà mẹ đĩ Ương ra ngay cho thầy Khán bảo!

Tuần đinh: Thưa thầy, anh Ổi... anh ấy bảo rằng: anh ấy còn bận, chẳng Khán, chẳng thủ gì cả!

Khán thủ: À, cái thằng láo! Thiếu thuế, ông cho đòi mà lại không thèm ra. Mày vào lôi cổ nó ra đây, đánh cho nó mấy chục roi... (đi vào buồng trò rồi tự

mình lôi tóc mình, tự nọc ra sân khấu và tự đánh)

... (lược)

Lời dẫn:

Đoạn Khán thủ này do bác Sứng biểu diễn trong vở Từ Thức tại Hội nghị biểu diễn truyền thống 1960. Riêng đoạn B là phần đóng góp thêm của bác Mầm và bác Phụ.

9. XÃ DỐT

(Ghi theo bác Mầm và bác Trùm Thịnh)

Đế: Mời ông xã ra nhà ngoài có khách.

Xã Dốt: *(nói từ trong buồng trò)* Có tôi đây!

(ra) Lôi thôi giập, giập lôi thôi... đã có tôi đây. Nào xem có đẹp không nào? Ăn mặc thế này, người thì bảo là cổ, người thì bảo là kim. Tôi nghĩ ra không cổ mà cũng không kim.

Đế: Thế là cái gì?

Xã Dốt: Hóa ra là nhàng nhàng như bát Mạo Khê!... Đáng lẽ ra tôi đẹp giai cơ đấy, vì lúc mới đẻ, mẹ tôi đem đặt tôi nằm ở võng, ma nó vào nó mút, thành ra xấu đấy chứ!

(nói đếm xưng danh)

Tên tôi là Xã Dốt
Quê vốn ở làng Đèo
Bởi vì tôi chẳng túng, chẳng nghèo
Dân mời cử tôi ra làm việc.
Nhân nay nhàn rỗi, làm bài thơ tức cảnh nhá!

Đế: Nên lắm!

Xã Dốt: *(đọc thơ)* Anh nay chẳng phải nhân bờm xơm
Chỉ vị trong nhà hữu bát cơm
Lổm chổm đầu hè tam hũ mắm
Lô xô ngoài ngõ lục cây rơm...

Làm thêm bài thơ nhà nghèo nhá!

Đế: Phải rồi!

Xã Dốt: *(đọc thơ)* Không gì khổ sở bằng nhà nghèo xứ quê

Nhà nhất gian vách thủng tứ bề

Khoai ao ngứa được dư trăm cụm

Lấy ghế mo cho vợ ngồi bán rạ

Chồng ở nhà bắt cóc nướng ăn...

(đứng dậy, một mình đóng hai vai: một người đàn bà và Xã Dốt).

Người đàn bà: Ới này ông Xã! Ông làm công làm việc thì phải kiếm lấy một người vợ để ra ao vào bếp, chứ chẳng nhẽ khi nhà có khách, ông phải đâm đầu xuống bếp hay sao?

(ngồi xuống ghế, đóng vai Xã Dốt) - Cái nhà bà này! Đăng gia chiếu đăng gia. Việc nhà bà bà biết, việc nhà tôi, tôi hay... Bà cứ biết ăn giầu rồi bà về, lôi thôi cái gì nào?

(lại đứng dậy, đóng vai người đàn bà) Ô hay! Sao ông lại mắng tôi? Tôi nói thế là không phải hay sao? *(ngồi xuống ghế trở lại vai Xã Dốt)* Chết chửa, thì ra tôi nói chuyện có một mình!... Ừ, phải lấy vợ mới được. Nào, trong buồng trò có mối nào cho tôi đục một mối nào...

Đế: Mối đã ra đấy.

Xã Dốt: Mối ra thì hôm nay cũng không mưa!

(Mụ Mối ra) Kìa, chào Mối! Mời Mối vào chơi trong buồng.

Đế: Sao lại mời Mối vào trong buồng?

Xã Dốt: Buồng đây là buồng học chứ có phải như buồng trấu nhà anh đâu... Mời Mối ngồi chơi... Kìa, có ngồi không hay đợi người ta đến vật mới ngồi?...

Đế: Nói thế thì Mối giận đấy!

Xã Dốt: Mối ngồi đây rồi ăn giầu...

Miếng giầu là đầu câu chuyện.

Mỗi một câu chuyện ta lại nghiện một miếng giầu *(tìm giầu trong vòi khố, nói tán)*

Mối à, Mối ơi! Người ta nói rằng:

Đôi ta như cá trong lờ

Nước chảy mặc nước, ta đợi chờ lấy nhau, Mối nhỉ?

Đế: Mụ Mối đấy cơ mà!

Xã Dốt: *(tìm không thấy giầu)* Chết tôi rồi!..., sáng ngày tôi têm bốn miếng, mới ăn tứ khẩu.

Đế: Thế là không còn miếng nào rồi!

Xã Dốt: Mối có miếng nào cho tôi xin một miếng, này Mối này... Tôi nghe nói nhà ông Lông công có cô con gái tên là "Ngóc bịch"

Đế: Ông Trương Công sinh ra cô Bích Ngọc!

Xã Dốt: Phải rồi! Chồng cô ta là anh Trần Tử Lệ "vịt" rồi, Mối sang Mối lôi tuột cô ta về đây cho tôi!

Đế: Phải sang hỏi bố mẹ cô ấy xem có bằng lòng không đã chứ?

Xã Dốt: Ơ... tôi lấy người ta chứ có lấy bố mẹ người ta đâu? Lấy vợ bằng cái gì nhỉ?

Đế: Đem giầu cau sang mà hỏi.

Xã Dốt: Ờ ờ..., không phải giầu cau, cứ nửa tiền kẹo bột là được rồi... Có ngọt mới lọt đến xương cơ mà... Mối đi đi hộ tôi...

Đế: Ông xã phải đi để cho cô ấy xem mặt!

Xã Dốt: Mặt tôi còn đem sơn son!

Đế: Không đi thì không lấy được vợ đâu.

Xã Dốt: Ừ thì đi...... (lược)

Lời dẫn:

Đoạn ra trò của nhân vật Xã Dốt này trích trong vở Trần Tử Lệ do bác Mầm biểu diễn tại Hội nghị biểu diễn truyền thống 1960.

10. THẦY BÓI

(Ghi theo bác Mầm và bác Trùm Thịnh)

(A) **Thầy bói:** Ai gọi thầy bói đấy?

Thầy bói thì không có nhưng mà giả thong manh hoáng lờ thì vô số đấy *(chân đá phải thứ gì dưới đất)* A... phát tài! Được cái bánh rán nóng *(ăn nhưng vứt ngay)* Hỏng, hỏng,... trâu bò nhà ai đi sớm quá!

Cấn ơi hỡi Cấn
Con đã *khôn* con chớ có li bì
Con vén cánh *đoài* lên, con dắt thầy ra phố
Hàng Ngang cho thầy ngồi đón khách.
Con mua bức tranh cánh *khảm* vào bức vách
Dẫu *tốn* bao nhiêu thì tốn con chớ có làm *càn*[1]
Đời Bàn cổ sinh ra Thái Hoang
Ngài mới dựng ra Tam hoàng huynh đệ tương kế
Ngài thủy chế can chi chi danh
Tức: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh,
Tân, Nhâm, Quý, Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn Tị,
Ngọ, Vị, Thân, Dậu, Tuất, Hợi thị dã!
Đế: "Thị dã" là con gái nhà ai nhỉ?

Thầy bói: Ấy con nhà ai mà đẻ giờ "thị dã" khó nuôi lắm!

---

1. Mấy câu ra trò có sự cố ý dùng chữ bát quái: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài...

Ông Phục Hi họa đồ long mã[1]
Mới sinh ra bát quái tinh vi
Có nhân vi trùng chi vi quái[2]
Lục thập hữu tứ[3]
Quyết hiềm nghi do dự
Sử bất mê cát hung hối hận chi đồ[4]
Ơn thánh sư ngày tháng đủ no
Quanh năm vẫn ăn về nghiệp bốc.

Đế: Thầy không có đũa hay sao mà phải ăn bốc?

Thầy bói: Bốc thầy đây là mãi bốc kiếm ăn chứ có phải là bốc cơm nguội như nhà anh đâu...
Hay như thầy Quỷ Cốc
Cũng mang tiếng bói mò
Ai có tiền thầy mới xem cho
Xem quẻ ấy không vỡ, thầy dò sang quẻ khác (a)

Đế: Thế là "bói bù" à?

Thầy bói: Cây ngô đồng sương sa lác đác
Đường đi những lạc, ai có thấu cùng chăng?

1. *Hệ từ, kinh Dịch* chép: "Khi vua Phục Hi lên ngôi trị vì thiên hạ, có con long mã mang hình đồ ở lưng xuất hiện trên sông Hoàng (Hoàng Hà). Phục Hi bèn bắt chước những văn vẻ của nó vạch ra tam quái. Văn vẻ của nó có những điểm: 1 và 6 ở dưới, 2 và 7 ở trên, 3 và 8 ở bên tả, 4 và 9 ở bên hữu, 5 và 10 ở chính giữa."

2 - 3. Chồng lên, đặt lên nhau làm thành quẻ kép.
Có 8 quẻ đơn: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, chồng lên nhau từng đôi một thành sáu mươi tư quẻ kép.

4. Khiến cho chẳng mê muội trong việc cát, hưng, tăm tối, hẹp hòi.

Đi từ lúc còn giăng

Sao bây giờ chưa thấy sáng?

Nào bà thầy đâu? Ra đây, tôi dắt ra chợ, còn lờ lững đến bao giờ? Tôi mù thì mù nhưng vợ xấu không thèm lấy...

Đế: Làm thế nào mà biết xấu với đẹp?...

Thầy bói: Tôi nghe tiếng cười tôi biết. Người đẹp cười khanh khách, người xấu cười đành đạch mà người chửa cười thì ục ịch, ục ịch (b)

(hát) Người xinh tiếng nói cũng xinh

Chuông kêu sẽ giọt bên thành cũng kêu...

(nói) Trưa mất rồi!

Đế: Sao biết là trưa?

Thầy bói: Thấy bóng quẩn cả vào chân rồi đây này... Trưa rồi, tôi phải xưng danh rồi còn đi chợ...

(xưng danh)

Trời sinh Thánh đế

Trị nước lên ngôi

Chẳng giấu gì thầy bói là tôi

Bói gia sự này đà có tiếng

Ai có lòng tìm đến

Đặt quẻ rồi tôi mới bói cho

Ai không tin thầy bói bói mò

Hỏng quẻ ấy, tôi "bói bù" quẻ khác!

Phép tôi học Kim quy, Dã hạc[1]

Cùng Trần Đoàn, Quản Lộ, Thần Phong[2]

Vì tôi khinh đời nên không mở mắt trông

... *(quên một câu)*

(nói) Làm bài thơ đi chợ nhá!

Thơ rằng:

(ngâm) Nào ai hơn tớ cõi trần gian

Tớ chỉ hơn ai có cái nhàn

Tay gậy, vai mang hòm sự nghiệp

Dò lần chân dận vết giang san

(hát) Chả đi đâu mà vội, mà cần

Chỉ thung thăng con gậy dò lần bậc thang.

Tôi chả thèm nhấp nháy chàng màng với ai

Ở đời tiếng đã làm giai

Sỏi sành cũng đạp, chông gai cũng trèo

Dù ai sang trọng khó nghèo

Dửng dưng tôi chẳng nhìn theo làm gì

Nhất cao là núi Ba Vì

1. Kim quy, Dã hạc: các phép bói.
2. Trần Đoàn: Người thời Tống, quê ở Châu Nguyên, tên tự là Đồ Nam, tự hiệu Phù Dao tử, nhịn ăn tu tiên ở Hoa Sơn.
Quản Lộ: người Bình Nguyên, thời Ngụy (Tam Quốc) tên tự là Công Minh, giỏi về tướng, số và bói.
Thần Phong: Tên hiệu tác giả cuốn sách *Thần Phong tích mậu* của Trung Quốc. Tên thật và lai lịch chưa rõ là gì.

Tôi "nghe" cũng chẳng lấy gì làm cao
Tôi chỉ nhờ giời ngày tháng tiêu dao
Cung đàn, nhịp phách, lúc nào cũng vui
Tôi chỉ giả vờ giầu điếc, sang đui...

(nói) Đây đã tới chợ rồi. Nào:
Sáng mai, sáng mốt
Tiền tốt mở hàng.
Ai bói toán gì thì ra đây nào!

Người đàn bà: Chào ông!

Thầy bói: À, kìa ông! Đầu ông đội cái khăn lĩnh cũ thế mà còn đẹp gớm nhỉ! (c)

Người đàn bà: Tôi đây có ông nào đâu?

Thầy bói: Bà đặt quẻ đi.

Người đàn bà: Tôi đặt tiền trăm đây.

Thầy bói: Tôi không bói tiền trăm, tôi chỉ bói tiền rưỡi với mười đồng thôi[1] *(đưa tiền gieo quẻ cho khách)* Bà khấn đi.

Người đàn bà: Tôi không biết khấn.

Thầy bói: Hàng rau, hàng vàng khấn hộ này!

Đế: Làm thầy mà lại đi nhờ người khấn hộ à?

Thầy bói: Tôi mới học bói, tôi chưa học khấn.
Ừ thì khấn vậy.

---

1. Một tiền có sáu mươi đồng. Một tiền rưỡi có chín mươi đồng cộng với mười đồng cũng là một trăm đồng. Thế mà thầy bói lại không bằng lòng xem bói một trăm!

(B) Thần phục vọng:

Khấu thủ lanh thông bách bái[1]

Cắn cỏ lạy ông:

Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ
Tam phủ công đồng
Phục Hi, Thần Nông
Chu công, Khổng tử
Thất thập nhị hiền
Ứng hiện vào trong quẻ bói
Hữu cát biến cát
Hữu hung biến hung
Hữu cảm tất thông
Hữu cầu tất ứng.

Cắn cỏ lạy:

Chư phật, chư tiên
Chư thánh, chư chúa, chư hiền
Thánh tha thánh thót
Hai tay nhót tiền
Bỏ liền túi áo
Cào cào giã gạo bà xem
Bà may áo đỏ, áo đen cho con chuồn chuồn.

---

1. Cúi đầu lạy thần linh.

Giáng phó đàn tràng, chứng minh công đức nhang hoa thỉnh (d)

(C) *(gieo quẻ)* Cấp ca cấp kiểng, củng ca củng kiểng.

Đế: Sao thầy lại kêu thế?

Thầy bói: Tiền nó không kêu thì tôi kêu hộ...

Nhất đơn, nhị đơn, tam hào, biến vi lục động.

Quẻ này động to đây!

(nói vần)

Động từ xương sống động ra

Động từ ngã bảy, ngã ba động về!

(nói) Sấp mấy đây?

Đế: Sấp đôi!

Thầy bói: Sấp đôi thật à? Chẵn thừa ba chục!

Đế: Ơ hay, bói chứ sao lại đánh bạc?

Thầy bói: Ờ, ờ nhỉ! Mộ ông tam đại nhà anh có ma rồi!

Đế: Mộ nào mộ chẳng có ma?

Thầy bói: Hữu xà tắc quái

Con gái nhà anh có đi lấy chồng thì mới có con.

Nhược bằng ở vậy thì son đến già

Có lấy thì lấy người ta

Anh em trong nhà việc ấy không nên...

(nói) Ông tam đại này hẳn thác ban ngày đây...

Đế: Thác ban đêm chứ?

Thầy bói: *(nói vần)* Ấy nhẽ ra thì thác ban ngày

Thương con nhớ vợ hồn rày thác đêm!

(nói) Ngôi mộ này để ở ruộng cày

Đế: Trên gò chứ?

Thầy bói *(nói vần):*

Ấy, nhẽ ra thì để ruộng cày

Bởi chưng nước lớn mới khênh ngay lên gò

Số này có mẹ, có cha

Mẹ là đàn bà, bố là đàn ông

Số này có vợ, có chồng

Sinh con đầu lòng chẳng gái thì giai. (c)

Đế: Thầy đoán dựa rồi.

Thầy bói: *(nói)* Nếu không đúng như thế thì bà cứ đập tráp tôi ra. *(xắn tay áo, vung gậy)*

Đánh nhau nào, đánh nhau nào!

Lời dặn:

Nhân vật thầy bói này do bác Nguyễn Mâm diễn trong Hội nghị biểu diễn truyền thống 1962, trong vở Tôn Mạnh - Tôn Trọng. Nhân vật này cũng thấy có trong nhiều vở khác.

Ví dụ: Phan Trần...

Khảo dị:

(a) Theo bác Mâm, bốn câu này có thể thay như sau:

Hay như thầy Quỷ Cốc

Cũng mang tiếng bói mò

Thế mới gọi: Cốc mò, cò lấm

(b) Theo bác Mầm, câu tán ngoại có thể là:

Người đẹp thì ngửi mồ hôi cũng biết.

(c) Khi dùng vào các vở mà nhân vật đến xem bói là đàn ông thì bỏ câu này và ở các đoạn sau, tiếng "bà" được thay bằng tiếng khác phù hợp với nhân vật đến xem bói.

(d) Đoạn B, theo bác Mầm, có thể thay thế bằng:

Đeo mo vào mặt
Đeo mo vào mặt
Đế: A di đà phật chú!

Thầy bói: *Mỏ gà thì tròn*
Mỏ vịt thì dẹt
Vịt kêu kem kép
Gà gáy te te
Ai thức thì nghe
Ai ngủ thì chớ
Những người đi chợ
Là vợ đàn ông
Bao nhiêu con gái chưa chồng
Lấy cả thầy bói...
Đế: Ấy sao lại thế?

Thầy bói: *À à... anh có ghen thì anh về mà đi học bói như tôi này.*

(e) Theo bác Mầm, thì 4 câu cuối của đoạn nói vần này có thể đổi thành:

Số cô nghèo nghẻo nghèo nghẹo
Trong ba ngày Tết, cũng có thịt treo trong nhà
Phi thịt lợn, tất thịt gà
Lươn bung cá rán, thực là ếch om!
Ếch o... om!

11. THẦY ĐỒ

(Ghi theo bác Trùm Thịnh và bác Mầm)

Thầy đồ: Môn đa khách đáo thiên tài đáo
Gia hữu nhân lai vạn vật lai[1]
Ngồi rồi giở sách ra coi
Thấy bốn chữ: Ô hô huấn hĩ![2]
(hát) Có phải đạo làm thầy
Kẻ nhân tài đâu đâu tìm đến chưng đây
Sách có chữ: Ô hô huấn hĩ!
(xưng danh) Tôi Cống *Cốc* ở huyện La *Trà*
Đi chợ Chân *Rang* mua sách *Sếu*
Vào thi trong trường *Phượng*
Văn tôi làm đã hay như *két*
Dẫu anh vịt cũng chẳng dám *le*
Thượng *chèo bẻo* hạ chí *chích chòe*
Thơ thất luật lủi ra như bổ...
Đế: Lủi như *cuốc* chứ!
Thầy đồ: Ô hay, cuốc không bổ thì để cuốc han à?[3]
Văn tôi làm tốt hay đã lạ
Văn tôi làm như đổ rươi vào
Đế: Đổ son thầy ơi!

---

1. Xem chú thích 1, bài Lão Say.
2. Than ôi, dạy học vậy.
3. Chú ý: toàn đoạn dùng các tên chim: Cốc, Trà, Rang, Sếu, Phượng, Két, Vịt, Le, Chèo bẻo, Chích chòe, Cuốc...

Thầy đồ: Mua phải cái son xấu viết nó nhòe ra thì khác gì mắm rươi?

Không biết quan trường nhầm nhặt làm sao
Thế mới biết học tài thi phận
Tôi có lạ gì văn bài, võ trận
Tưởng khoa này nhang cống cầm tay
Dòng nhà tôi có mả làm thầy
Mở trường dạy năm ba đứa trẻ
Cho nó thông minh sáng láng...

Học trò: Dạ, thưa thầy...

Quê chúng con thời ở xa trường
Nghe thấy thầy đây luyện tập văn chương
Đạo Thánh rộng nhờ thầy nhủ bảo.

... (lược một đoạn)

Thầy đồ: Ờ, ờ..., con đã đến đây thì ngồi xuống học đi

Đức Thánh Phu tử là thượng đại nhân
Vi vạn thế sinh dân nhi phát[1]
Trường thầy mở ra nhĩ sinh, bát tử
Tự giai tác hiền nhân[2]

---

1. Vi sinh dân vạn thế mà phát ra.
2. Tám chín gã các ngươi đều trở thành người hiền. Sách *Tam tự kinh* chép: "Nhĩ tiểu sinh, bát cửu tử, giai tác nhân, khả tri lễ dã", nghĩa là: "Tám chín gã trò nhỏ các ngươi đều làm người tốt, nên biết lễ vậy". Ở đây biến hóa câu đó thành: "Nhị sinh, bát tử, tự giai tác hiền nhân".

Tự thiên tử cho chí thứ dân[1]
Ai mà chẳng cầu cầu, khẩn khẩn
Con đã bước vào thụ huấn
Thầy khuyên con bất khả bất thận tai[2]
Như thầy đây, vương tá chi tài[3]
Chăm nghiệp học thủ khai Sùng
Văn quán[4]
Tác nhất nhân tất hề hữu oán[5]
Tác phú quí tất hề hữu dư[6]
Như thầy đây miệng đọc thi thư
Thời tiên bốc hình như điện bệ (?)

(nói) Các con học sách gì nào?

Học trò: Thưa thầy, chúng con học sách sử ạ.

Thầy đồ: Ờ..., đầu sách sử, dùng cây làm tổ
Từ vua Hữu Sào[7]

---

1. Từ thiên tử cho đến người dân thường.
2. Không thể không cẩn thận vậy.
3. Tài giúp đỡ nghiệp vương.
4. Bắt đầu mở Sùng Văn quán. Thời Ngụy Minh đế mở Sùng Văn quán, chọn người học giỏi coi giữ, đến thời Trinh Quán nhà Đường đổi làm Sùng Hiền quán cắt người coi giữ sách vở, kinh tịch tàng giữ ở đó. Về sau, do kiêng tên Bái Vương là Hiền, nên đổi thành Sùng Văn quán. Các vua nước ta cũng bắt chước lập Sùng Văn quán như vậy.
5. Làm một điều nhân hẳn có kẻ oán.
6. Làm giàu sang hẳn có thừa.
7. Hữu Sào: theo Hàn Phi tử thủa xưa người ít, thú nhiều, đời sống con người bị đe dọa lớn. Có đấng thánh nhân xuất hiện, ghép cành cây làm tổ mà ở để tránh mọi tai nạn. Nhân dân mừng rỡ gọi đấng thánh nhân đó là Hữu Sào thị.

Nam nữ tương giao
Từ vua Thiếu Hiệu[1]
Tật bệnh dĩ liệu
Từ vua Thần Nông[2]
Sinh ra Bách công
Từ vua Hoàng Đế[3]
Giời sinh thánh đế
Trị nước vực đời
Ông Thần Nông tức vị lên ngôi
Giáo thiên hạ dĩ canh nông lập nghiệp
Đời thượng cổ nữ nam vô biệt
Dân ta còn ẩm huyết, như mao[4]
Ông Toại Nhân thủ hoả phanh bào[5]
Dân mới biết thực thục chi tục[6]
Đời thượng cổ dưỡng năng lục súc[7]

---

1. Thiếu Hiệu: nhân vật truyền thuyết, tương truyền là con Hoàng Đế, thời cổ đại Trung Hoa.
2. Thần Nông, một ông vua truyền thuyết, tương truyền sinh ở đất Khương, nên lấy họ Khương. Còn có tên là Viêm Đế. Có công chế ra cày bừa, dạy dân làm nghề nông cho nên gọi là Thần Nông.
   Khi ở ngôi vua, lại nếm trăm thứ cỏ, tìm ra thuốc chữa bệnh, lập chợ búa để lưu thông trao đổi phẩm vật. Làm vua 120 năm.
3. Hoàng Đế: nhân vật truyền thuyết cổ đại. Theo *Kinh Thư* thì Hoàng Đế là vua Nghiêu. Theo Lã Hình thì Hoàng Đế chỉ là danh từ tôn xưng các tù trưởng thời nguyên thủy.
4. Uống máu, mặc đồ lông thú. Kinh Lễ: "ẩm kỳ huyết, như kỳ mao".
5. Lấy lửa nấu chín thức ăn.
6. Biết tục ăn thức ăn nấu chín.
7. Nuôi loài lục súc: ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn.

Mới định kỳ chế giá thú hôn nhân
Bà Nữ Oa người cũng tinh thần[1]
Điều luyện thạch bổ thiên chi khuyết[2]
Như nhời ấy ai ai chẳng biết
Xuất nam môn truyền tử nhược tôn
Trước Hữu Sào sau mới Hiên Viên[3]
Đều tập dụng can qua dĩ chỉnh bất thưởng[4]
Vua Thiếu Hiệu lên ngôi đăng đăng
Họ Cửu Lê loạn tất Thiên thường[5]
Tới năm sau có họ Cửu Dương
Dĩ hoả đức nối ngôi Thiên tử[6]

---

1. Nữ Oa: nhân vật truyền thuyết. Còn gọi là Nữ Hi thị hoặc Oa Hoàng. Bà là em Phục Hi, chế ra ống sanh, ống hoàng làm đồ nhạc khí, lại định ra lễ giá thú cho dân theo. Khi về già, gặp lúc họ Cung công bị Chúc Dong đánh thua phải lao đầu vào núi Bất Chu. Do đó, làm gãy cột chống trời, sụt lở nền đất, bà liền luyện đá ngũ sắc vá trời và chặt chân con thần thú làm cột chống, đồng thời lại vá cả mặt đất. Từ đó, đất trời mang hình thù như ngày nay.
2. Nghĩa câu: Đội đá để vá chỗ khuyết của trời.
3. Hiên Viên, tức Hoàng Đế, họ Công tôn, vì sinh sống ở gò Hiên Viên nên mang tên Hiên Viên thị. Tương truyền Hiên Viên là người bày ra quần áo để mặc.
4. Đều luyện tập việc chiến đấu cho chỉnh tề, không cho nghỉ ngơi.
5. Cửu Lê: chín người họ Lê thời Thiếu Hiệu, đồng bọn với Xuy Vưu. Thiếu Hiệu suy, chín người đó nổi loạn nhưng bị dập tắt ngay.
6. Họ Cửu Dương lấy hoả đức lên làm thiên tử. Cửu Dương là tên một bộ tộc thời vua Vũ ở núi Cửu Dương. Theo *Kinh Dịch*, do lấy thuyết ngũ hành tương sinh, tương khắc đem vào biện luận chính trị, các học giả thời đó cho rằng mỗi triều đại đều thuộc về một "đức". Khi mỗi triều đại hưng thịnh hay suy vong đều có điềm báo trước (quốc gia tương hưng, tất hữu trình tường). Ví dụ: Thời Hạ Vũ, có điềm cây rụng lá, nên mộc đức thắng. Thời vua Thang

(nói) Các con nghe vào mạch sách này:

Nữ nhân sơ sinh bất đắc thực nhục chi ngưu ệp! Nghĩa là người đàn bà mới sinh nở không nên ăn thịt trâu chết toi! Thực thuần ẩm thủy ngọa địa tắc diện phù như mẹt chi!

Nghĩa là ăn no uống nước lã, nằm đất, mặt nó sưng bằng cái mẹt!

Kể nghĩa nhá:

(B) Dương Tiết Phan Thị Vinh viết:[1]

Trị thiên hạ hữu đạo[2]

Tối giời nó giật mất áo

Thân hiền viễn gian[3]

Trốn tránh việc quan

Tín thưởng tất phạt[4]

Ra ngoài đình mà đi xem hát

Nhi thiên hạ hòa[5]

Cờ gỡ không ra (a)

(Ân Thương) có điềm mũi nhọn bằng sắt hiện ra, nên kim đức thắng. Thời vua Văn Vương (Chu) có con quạ lửa hiện ra, nên hỏa đức thắng... Vì vậy, khi nói "lấy hoả đức lên làm vua" là nói về Văn Vương. Ở đây, không rõ tại sao tác giả đoạn chèo này lại nói là họ Cửu Dương "lấy hoả đức lên làm vua". Xin tạm để xét sau.

1. Họ Phan tên Vinh hiệu là Dương Tiết nói rằng. Đây là câu mở đầu sách *Thiếu Vi thông giám cương mục* do thói quen lâu đời, nhân dân thường gọi là sách Dương Tiết. Yên Đổ làm bài phú ông đồ cũng có câu: "Bộ Sử đầu, Pho Dương Tiết".
2. Trị thiên hạ có đạo.
3. Thân người hiền, xa kẻ gian.
4. Đáng thưởng nhất định khen thưởng, đáng phạt nhất định trừng phạt.
5. Mà thiên hạ hòa.

Lý Bí là ngươi Lý Bí[1]
Làm ăn vô ý (b)
Hoắc Quang là thím Hoắc Quang[2]
Hay nặn bỏng rang
Chu Mật là ngươi Chu Mật[3]
Làm ăn lật đật
Khốn Đôn là dượng Khốn Đôn[4]
Đau bụng bước dồn
Tào Tháo là ngươi Tào Tháo[5]
Đánh bạc mất áo
Trần Bì là chú Trần Bì[6]

1. Lý Bí: người đất Kinh Triệu đời Đường, tên tự là Trường Nguyên. Lên bảy tuổi đã biết làm văn. Kết bạn vong niên với Trương Cửu Linh. Đã mấy lần ra làm quan nhưng bị ghen ghét gièm pha nên lại về ở ẩn, tự xưng là sơn nhân. Ở đây chơi chữ "bí".
2. Hoắc Quang: người đất Bình Dương thời Hán, em ruột Khứ Bệnh, tên tự là Tử Mạnh. Làm quan thời Vũ Đế, tính nết cẩn thận, trầm tĩnh, nắm giữ việc nước tới hai mươi năm. Vì Hoắc Quang không biết tiến thoái kịp thời sau bị mắc tội, sử thần chê là: "Bất học vô thuật, ám ư đại lý" nghĩa là: "Không có học vấn nên không có mưu chước, mờ ám lý lẽ lớn". Ở đây, nghệ sĩ xưa dựa vào nghĩa ấy mà bảo là "vô ý".
3. Chu Mật: người thời Tống, tự Công Cân, hiệu là Thảo Song, làm quan đến Nghĩa ô lệnh, khi nhà Tống bị diệt, ông không ra làm quan nữa, bỏ về Hàng Châu ở ẩn, viết sách. Ở đây, chơi chữ "mật", để tương ứng với "bỏng rang" ở câu trên.
4. Sao Thái tuế phạm vào phương Tí gọi là Khốn đôn đó là điềm hỗn độn, lật đật. Ở đây, chơi chữ "khốn".
5. Tào Tháo: nhân vật thời Tam Quốc. Ở đây, chơi chữ theo thành ngữ dân gian: "Tào Tháo đuổi" là ý chỉ người đi tháo dạ, ứng với câu trên.
6. Trần bì: vỏ quýt, một vị thuốc. Ở đây, chơi chữ "Trần": ứng với ý mất áo ở câu trên.

Uống rượu tì tì

Quách Cự là ngươi Quách Cự[1]

... *(quên một đoạn)*

Trâu lội qua sông

Ngoảnh cổ lại

Xuyên Húc là anh Xuyên Húc[2]

Nồi nào cũng múc

Cao Môi là thím Cao Môi[3]

Học đây này:

Rước vua đi trước

Là thượng đại nhân[4]

Quần thần theo sau

Là Thánh ất dĩ[5]

Ba nghìn tiến sĩ

---

1. Quách Cự: người thời Tấn, một người trong *Nhị thập tứ hiếu.* Cha mất sớm, có hai người em trai. Cự có hai ngàn vạn quan tiền, mỗi em lấy một ngàn vạn. Vợ chồng Cự phải đi làm thuê lấy tiền nuôi mẹ. Vợ Cự sinh được đứa con trai, mẹ Cự ăn thức gì thường bớt lại cho con Cự một chút. Vợ chồng bàn nhau đem con chôn đi để cho mẹ được ăn đầy đủ hơn. Khi đào đất chôn con, được lọ vàng lại mang con về. Sách "*Nhị thập tứ hiếu* " có câu "Quách Cự đem con đi chôn. Được lọ vàng cốm lại ôm con về". Còn Quách Cự có liên hệ với việc "Uống rượu tì tì" như thế nào thì chưa tìm được tài liệu gì để chứng thực.
2. Có lẽ là Chuyên Húc, con Xương Ý, cháu Hoàng Đế. Theo truyền thuyết, mười tuổi giúp Thiếu Hiệu, hai mươi tuổi làm vua. Đóng đô ở Đế Khâu, ở ngôi 78 năm. Ở đây, chơi chữ "húc" ứng với câu trên... ngoảnh cổ lại.
3 Cao Môi: tên vị thần làm mối thời cổ đại. Kinh Lễ chép: "Lấy lễ Thái lao tế thần Cao Môi". Ở đây, chơi chữ "môi", ứng với chữ "múc".
4 - 5. Chữ "liền" trích ở phần mở đầu sách Tam tự kinh.

Là hóa tam thiên[1]
Bẩy mươi ông trạng nguyên
Là thất thập sĩ[2]
Trẻ con rủ rỉ
Là nhĩ tiểu sinh[3]
Gà đẻ tám con
Là bát cửu tử[4]
Giai gái lịch sự
Là giai tác nhân[5]
Quan viên tế thần
Là khả tri lễ dã[6]
Ba người đều ngã
Tam giả chi yếu[7]
Xá tô xá điệu[8]
Nhi thiên hạ hòa
Mạnh tử viết là thầy Mạnh tử có bàn rằng:

Học trò: Thầy Mạnh Tử bàn thế nào ạ?

Thầy đồ: Ấy tao cũng không biết nữa...

... *(lược)*

---

1 - 6. Chữ "liền" trích ở phần mở đầu sách Tam tự kinh.

7. Điểm chủ yếu của ba điều đó. Ở đây chơi chữ: "Yếu" (ốm yếu). Ứng với "Ba người đều ngã" ở câu trên.

8. Tô: Thuế ruộng. Điệu: Thuế tơ và vải (tức là thuế điền và hộ) đặt ra từ thời Đường.

Lời dẫn:

Trích đoạn này là do nghệ sĩ Nguyễn Văn Thịnh tức bác Trùm Thịnh biểu diễn trong Hội nghị truyền thống 1962, trong vở Tôn Mạnh - Tôn Trọng. Nhân vật này cũng thấy xuất hiện trong nhiều vở khác, ví dụ: Lưu Bình - Dương Lễ.

Khảo dị:

(a) Đoạn B, theo bác Mầm, có thể đổi thành:

Bồ kếch bồ các
Tha rác lên cây
Gió đánh lung lay
Cao tổ là ông Cao Tổ
Hăm hăm hố hổ
Tiêu Hà là chú Tiêu Hà
Tính toán không ra...

... (tiếp liền vào đoạn C)

(b) Câu này, theo bác Mầm, đổi thành:

Gái ngồi vô ý.

12. PHÙ THỦY

(Ghi theo bác Mầm và bác Linh)

Phù thủy: *(hát từ trong buồng trò)*

Húc lẫn bò vàng
Con bò đen húc lẫn bò vàng
Bò vàng mất vía, đâm quàng xuống ao
Con bò mày húc lẫn bò tao

(nói) Sắc sắc nhụt nhụt!

Đế: Sao chưa sắc đã nhụt!

Phù thủy: Nhụt dần đi thì vừa.

Sắc sắc nhụt nhụt
Đâm tụt xuống ao
Đánh đẩy nước vào
Mới gọi là... "bồ thủy" (a)

Đế: Phù thủy, thầy ơi!

Phù thủy: Bồ thủy!... Chả là mồng giêng, tháng ngoái, người ta cúng thượng nguyên, nước làm lông lợn tôi uống có một hơi mà hết một nồi ba mươi, thế mới gọi là ông "bồ thủy chứ!" (b)

Sắc sắc ninh ninh[1]
Gió thổi đầu đình

1. Chữ Hán vốn là chữ *linh* nhưng ở đây cố ý đọc trệch ra là "ninh".

Bao nhiêu tướng nhà thầy
Phen này chết rét!
Đế: Thầy không có áo thầy cũng chết!

Phù thủy: Mỏ dẹt đen đét
Là tướng vịt le
Chân thấp le te
Là tướng bồ câu vặt
Tướng ở dưới đất
Là tướng hổ giun
Quân kéo ùn ùn
Là tướng kiến lỗ
Tha rác làm tổ
Là tướng quạ khoang
Phá lũy tan hoang
Là tướng chuột cống
Nghe ba hồi trống
Tốc đáo bản đản
Tướng nào khôn ngoan
Theo thầy về mà ăn cơm nguội tịnh!
Anh em ơi, ra đây có phải xưng danh không nhỉ?
Đế: Không xưng danh thì ai biết là ai?

Phù thủy: Như tôi:
Trời sinh thánh đế
Trị nước hạ huy

Có nghề nghiệp chẳng giấu làm chi
Chính tôi là ông thầy... "phù thũng!"
Đế: Phù thủy chứ!

Phù thủy: Ấy, trên thượng đàn tôi thờ ba toà "Tam thế"[1]
Dưới hạ đàn, tôi thờ bát bộ Kim cương[2]
Trung đàn tôi thờ ông Tề thiên đại thánh[3]
Ông Tản Viên sơn[4], ông Ngô Tôn Quyền[5]
Ông Sào Sáo, ông Sâu Xương...
Đế: Ông Tào Tháo, ông Châu Xương[6] chứ?

Phù thủy: Phật bà ban cho tôi ba mươi sáu tay ấn quyết,
Thầy Đường tăng[7] cho chín chục pho kinh
Tôi đi đến đâu quỉ khiếp thần kinh
Người cũng sợ, ma cũng cút, cút ráo, cút hết, cút tiệt (c)
Đế: Ma không cút thì sao?

Phù thủy: Phải cút!
Đế: Nhỡ gặp phải cường tà nó không chịu cút thì sao?

---

1. Tam thế: Sách *Ngữ lục* nhà Phật cho rằng mỗi sự vật trên đời đều có ba "thế": quá khứ, hiện tại và vị lai. Tượng tam thế tượng trưng cho ba lần hóa thân của Phật.
2. Kim cương: thị tòng lực sĩ đứng hầu Phật.
3. Tề thiên đại thánh tức là: Tôn Ngộ Không, một nhân vật trong tiểu thuyết *Tây Du Ký* của *Ngô Thừa Ân* đời Minh.
4. Nhân vật thần thoại Việt Nam, tu thành tiên ở núi Tản Viên (Sơn Tây).
5 - 6. Các nhân vật của ba nước Ngô, Nguy, Thục (xem *Tam Quốc diễn nghĩa* của *La Quán Trung*).
7. Đường Tăng tức là Huyền Trang, một nhà sư đời Đường, đi sang Ấn Độ, đem được kinh Phật về Trung Quốc. Sau Ngô Thừa Ân tiểu thuyết hóa thành nhân vật truyện *Tây Du Ký*.

Phù thủy: Nếu nó không... cút...thì...

Đế: Thì làm sao?

Phù thủy: Thì tôi cút!

Đế: Thế là thầy sợ ma rồi!

Phù thủy: Ấy... thì làm thầy nuôi vợ, làm thơ nuôi miệng. Tôi phải nói thế cho anh thầy tướng làng tôi khỏi mang tiếng là tướng số láo, cho anh thầy bói làng tôi khỏi mang tiếng là bói dựa, bói mò.

Cho nên:

(nhịp một) Thánh còn bơ vơ

Thầy còn lơ láo

Bóc áo bỏ bị

Thầy quẩy thầy đi

Kim nhật kim thì

Kim đương thỉnh thoảng

Đế: Kim đương thỉnh giải chứ?[1]

Phù thủy: Ấy, người ta thì thỉnh giải chứ tôi đây:

Làm thầy từ năm mươi một

Đến năm nay là sáu mươi mốt

Mới có một người mời

Ấy thế mới gọi là "thỉnh thoảng"!

Đế: Điện nhà thày thờ ở đâu?

1. Ngày này, giờ này, nay nên xin giải trừ tai nạn.

Phù thủy: Điện nhà tôi bị nước lụt cuốn trôi đi rồi...

Đế: Vậy thày thờ thánh ở đâu?

Phù thủy: Tôi thờ "lửng lơ".

Đế: Lửng lơ như thế nào?

Phù thủy: "Lửng lơ" là ở lưng! Anh chui vào đây mà cúng này!

Đế: Thánh mà phải cõng thì chả thiêng.

Phù thủy: Ơ... chả thiêng? Thế mà tư rằm, mồng một, biết bao nhiêu là lợn gà!... Đầy cả hạ ban đấy!

Đế: Gà lợn người ta đem đến tạ lễ à?

Phù thủy: Nào có ai tạ lễ đâu. Chả là vì điện nhà tôi mát cho nên gà lợn của nhà hàng xóm kéo đến ngủ nhờ ấy mà... Thôi bây giờ, tôi phải chầu một bản văn để xem có ai mời mà kiếm xôi chuối, không có chết đói.

Đế: Thầy chầu văn bà Thượng chăng?[10]

Phù thủy: Bà Thượng thì cao quá!

Đế: Hay là bà Thoải?[11]

Phù thủy: Bà Thoải thì thấp quá!

Đế: Thế thì thầy chầu văn gì?

Phù thủy: À, điện nhà tôi thờ thánh nào thì tôi xào thánh ấy. Điện nhà tôi thờ bà chúa con cua, tôi thỉnh văn con cua. Anh em ơi! Tôi thỉnh văn con cua nhá!

Đế: Phải rồi!

---

1. Thượng ngàn công chúa.
2. Thoải là chữ thủy đọc trệch đi. Thủy tức là Thủy cung công chúa, tục gọi là Đức Mẫu Thoải.

Phù thủy: *(hát)* Bà chúa con cua
Văn tôi thỉnh mời bà chúa con cua
Tám chân hai mắt một cái mai hai cái còng
Vốn khi xưa bà ở ngoài đồng
Phải khi mưa gió bà lồng vào đám cỏ may
Bóng bà lờ đờ, gặp thằng bé xinh thay
Nó bắt nó bỏ bà vào giỏ, nó điệu ngay bà về nhà.
Bóng bà kềnh càng nó mới xé bà ra
Nó bỏ bà vào cối nó giã bí ba bí bốp, xác bà quăng ra ngoài vườn (d)
Tấu lạy mẹ cua, tấu lạy mẹ cáy, tấu lạy mẹ rạm, tấu lạy mẹ còng.
Đầu đuôi có thế bát thiên xuân hưởng bát thiên thu thọ tràng[1]...

(nói) Buồn quá đi mất, chẳng có ma nào mời sất!

Kim Nham: *(ra)* May quá, tôi lại nhà thầy thì thầy đã đi rồi, gặp thầy ở đây thì mời thầy đi giúp!

Phù thủy: Anh muốn hỏi điều gì?

Kim Nham: Thưa thầy, nhà tôi đương bối rối. Vợ mắc bệnh điên, mê sảng ngày đêm. Mời thầy đến để lập đàn chữa mộc...

Phù thủy: Ờ..., chữa mộc chữa mề hay chữa tay co?

1. Hưởng tám nghìn mùa xuân, mùa thu, ý nói sống lâu.

Mua mây về thầy "nức" lại cho
Đan mộc mới để làm gì cái mộc cũ?

Kim Nham: Thưa thầy, mộc là ma...

Phù thủy: Ờ, biết rồi... Mộc có chữ lực một bên chứ gì? Ngày xưa, các quan tướng đem đi đánh giặc, thường dùng đỡ đòn, che thân chứ gì?

Kim Nham: Thưa thầy, mộc đây là con ma mộc.
Ba thầy trước đều bị nó nuốt sống ăn tươi.

Phù thủy: Nhưng tôi có râu kia mà?

Kim Nham: Có râu nó cũng nuốt.

Phù thủy: Liệu tôi kềnh càng thế này nó có nuốt được không?

Kim Nham: Chưa biết chừng... Kìa, sao thầy run thế?

Phù thủy: Anh bảo ai run? Mặt này mà run à? Tôi vừa ăn cầy sấy mới thế đấy chứ. À... này anh ạ!
Tôi vui miệng nói chơi
Chứ việc chữa mộc thực tôi chưa học
Tôi chỉ chữa ma trơi cùng là đom đóm
Vọt sái dâu tôi quất cho liền
Anh đi mà đón các chư sư có phép thần tiên
Thôi, anh nghỉ, tôi về kẻo bận (e)

Kim Nham: Thưa thầy, thế nào cũng nhờ thầy.

Phù thủy: ...Ơ, cái anh này! Tôi vay công non nhà anh đấy à?... Cứ buộc tội chết cho người ta là thế nào?
Đế: Cứ thách to lễ là dễ thoái đấy, thầy ạ.

Phù thủy: Ờ... phải đấy...

Ấy, gặp đám này là của nhà ta

Sợ bán hết cửa nhà thì van thầy đừng chữa...

Kim Nham: Nhất tâm một lòng... hết bao nhiêu cũng không dám phàn nàn ạ.

Phù thủy: Ờ, cái anh này rắn gan nhỉ. Nào, nghe đây: Anh về kiếm cho tôi những thứ này:

Lá đa mặt nguyệt đêm rằm

Răng nanh thằng Cuội, râu cằm ông thiên lôi

Gan ruồi, mỡ muỗi cho tươi

Lại thêm chín chục con giơi goá chồng! (g)

Mà lại phải nhiều hương. Cái thứ hương... hương ấy...

Kim Nham: Bao nhiêu hương cũng có...

Phù thủy: Ơ... nhà anh lại đốt bằng hương à?

Điện nhà tôi lại không đốt bằng hương...

Đế: Điện nhà thầy đốt bằng gì?

Phù thủy: Ấy, cứ đến tư rằm, mồng một, tôi bảo mẹ cháu quét lá tre đem về cửa điện đốt khói mù thiên tào lên... Thế mà thiêng ghê lắm... Anh mà vào đấy là mất ra...

Đế: Thánh bắt đồng à?

Phù thủy: Nào Thánh có bắt đồng!

Đế: Thế thì tại sao không ra được?

Phù thủy: Bởi vì anh vào đấy, màng nhện nó quấn cho cũng đủ mất ra...

Kim Nham: Thày có phù phép gì để độ thân không?

Phù thủy: Làm thầy mà không có phù phép độ thân thì có mà chết đầu nước. Anh để tôi thỉnh bùa cho mà xem... *(với dàn nhạc)* Nhờ anh em trống phách để tôi thỉnh bùa nhé.

(hát) Mẹ mình khéo đẻ mình ra
Đẻ mình gốc bưởi cho ta đèo bòng
Hò khoan ta trục nó ra
Dô... huầy! Dô... ô... hu-uầy
Đây, đây anh xem!

Kim Nham: Cái gì đấy hở thầy?

Phù thủy: Bùa đấy, bạch xà là già bạch xì, bạch xì là dì bạch xà!

Đế: Có thiêng không hở thầy?

Phù thủy: Thiêng!... Nó cắn chết người đấy. Anh không tin, tôi thử cho anh xem *(thư hương vào bùa)* Thờ làm thánh, khiến làm tôi, bảo cắn thì cắn khe khẽ, mai về thầy rang cháo nấu mẻ cho mà ăn! *(quát)* Trịch quan tướng, nốc! *(áp bùa vào tay trái, dùng ngón tay trỏ và ngón tay giữa cặp lấy bùa)*... ái...!

Kim Nham: Thầy có giải được bùa không?

Phù thủy: Không giải bùa thì chịu chết à?

(quát) Giới chi tai, nghi miễn lực![1] *(thổi vào bùa)* Phà! Này anh xem, nó cắn chẻ cả tay tôi ra đây này! *(xoè cả năm ngón tay).*

1. Răn sợ thay, nên gắng sức (chữ sách *Tam tự kinh*).

Kim Nham: Tay ai mà chả thế, tay tôi cũng vậy đây này.

Phù thủy: Ở nhỉ? Thế mà tôi cứ tưởng tay tôi liền như cái chân vịt kia.

Kim Nham: Chả tin được! Thầy phải thử tôi thì tôi mới tin.

Phù thủy: Nó cắn chết đấy!

Kim Nham: Chết thì thôi!

Phù thủy: Rồi chị ấy lại bắt đền tôi!

Kim Nham: Không ai bắt đền đâu, thầy cứ việc thử.

Phù thủy: Anh này rắn gan nhỉ. Được rồi, chìa tay ra đây. *(Kim Nham chìa tay, thầy quất)*

Trịch quan tướng, nốc!

(nói) Kêu lên, kêu lên, kìa...

Kim Nham: Có thấy gì đâu?

Phù thủy: Ê... nó cắn đã xanh cả mặt rồi kia kìa, kêu lên kẻo các bà ấy cười tôi, nó tê tê ấy mà *(Kim Nham lắc đầu)* Nhí nháy như kiến bò ấy...

Kim Nham: Không thấy gì cả.

Phù thủy: Không thấy gì thật à *(cầm bùa lên).*

Xem nào *(ngửi bùa)* à, thì ra bùa thiu rồi.

Kim Nham: Hay là tại thầy chưa thỉnh bùa?

Phù thủy: Ờ phải, tôi quên chưa rang bùa.

Đế: Sao bùa chứ ai lại rang bùa ấy!

Phù thủy *(rao bùa)* Nào là quan tướng ta ơi!

Kỳ này mực giời

Ở đâu kéo đến
Cổ cao nghền nghện
Đầu đội mũ mo
Lưng thắt dao tu
Vai đeo bẫy chó
Nhà giầu nhà có
Tướng vào tướng chực
Nhà nào còn thức
Tướng chớ vào chi
Nhà nào ngủ đi
Tướng liền khoét vách.
Khoét xong lỗ gạch
Tướng mới chui vào
Thượng chí con dao
Hạ chí cái búa...!

(khoán hương) Úm... Sơ đầu Phàn Khoái, phá Hồng môn hội ẩm chi lơ chơ...[1]

Úm... lỗ mũi Hán Vương, đuổi con hươu nhà Tần[15] chi lỏng chỏng.

---

1. Hồng môn hội ẩm hay còn gọi là "Hồng môn yến" do truyện Bái Công vào được đất Quan Trung, Hạng Vũ muốn tranh lấy. Hạng Bá biết đến mách cho Bái Công rõ. Bái Công bèn đến tạ lỗi với Hạng Vũ ở Hồng môn. Vũ lưu Bái Công lại thết tiệc. Quân sư của Vũ là Phạm Tăng ngầm sai Hạng Trang múa kiếm làm vui để thừa lúc bất ý đâm chết Bái Công. Hạng Bá cũng tuốt kiếm cùng múa và có ý che chở cho Bái Công. Tình thế gay go mãi cho tới lúc Phàn Khoái, tướng của Bái Công xách mộc đi vào mới yên được. Do đó, mới có câu "phá Hồng môn hội ẩm" trên.

Úm... lỏng chỏng cōng lơ chơ, lơ chơ cōng lỏng chỏng!
Úm... Kim cương, Kim cương
Cōng vợ lên giường, đẩy hất con ra
Úm tà ma... tà ma... Xuất!

(nói) Nào, chìa tay ra... Trịch quan tướng... à, này anh này... bùa của tôi tuy có lớn người nhưng mà nó mới đi làm đám lần này là một, nó còn thẹn... Anh có quay mặt đi thì nó mới cắn... *(Kim Nham quay mặt đi)* Phải nhắm mắt lại đấy... Này, anh mà ti hí, chuột chí cắn cả nhà đấy...

(quát) Trịch quan tướng, nốc! *(áp bùa vào tay Kim Nham rồi cúi xuống cắn. Cắn xong đặt bùa xuống đất, hấp tấp lễ).*

Kim Nham: Thầy ơi!

Phù thủy: Bảo mãi không nghe cơ mà, cho chết!

Kim Nham: Thầy cắn tôi đây này!

Phù thủy: Bùa nó cắn đấy!

Kim Nham: Rõ ràng thầy cắn, lốt răng còn đây!

Phù thủy: Đâu? Xem nào... Ê... bùa nó không cắn thì "người ta" cắn hộ.

Kim Nham: Thôi, nhà đương bối rối, nhờ thầy đi giúp cho.

Phù thủy: Ừ, được rồi, anh đi trước, tôi theo sau... *(toan chuồn lối khác).*

---

1. Con hươu nhà Tần (*Tần lộc hoành bôn*: Hươu nhà tần chạy ngang). Nhà Tần mất ngôi, chư hầu đánh lẫn nhau để giành ngôi vua, giống như người thi nhau đuổi con hươu xổng vậy. Hán Vương chỉ Hán Cao Tổ tức Bái Công.

Kim Nham: Ấy, sao thầy lại đi đằng ấy?

Phù thủy: À, tôi đánh dấu cái lối đi để chốc còn về, kẻo lầm... *(cùng đi)* Đến nhà rồi à? Anh vào bưng cỗ ra đây... *(Kim Nham sắp lễ, thầy lên chuông trống rồi vào khoa cúng)* Chú tỉn!

Đế: Tín chủ thầy ơi!

Phù thủy: Chú tỉn hay tín chủ cũng thế. Chỉ khéo vẽ. Tín chủ chí thành, nhất tâm lễ tất!

Đế: Kìa sao chưa cúng mà đã lễ tất thế?

Phù thủy: Lễ tất là có bao nhiêu cỗ bày tất cả ra đây. Có thế mà cũng không hiểu. *(đánh trống vụt phải tay)* Ái chao ôi! Thiếu lễ hay sao mà thánh phạt đây này.

Đế: Đủ rồi đấy!

Phù thủy: Thiết dĩ đàn tràng, dĩ biện minh, đăng chúc giao gia, pháp nhạc phu trần... ái ái... chao ôi đau quá thể?

Đế: Ái ái nhang hoa chi đấu thể chứ?

Phù thủy: Đây, có giỏi thì vào mà làm này...

Đế: Có thế mà cũng hờn mát!

Phù thủy: Mỗi người một nghề... cứ chõ mõm vào! *(đọc tiếp)* thiết dĩ răng nghê, răng nga... răng nghề, răng ngà...

Đế: Sao lắm răng thế?

Phù thủy: Để mà chọn lấy một chiếc răng tôn tốt cho bu cháu làm cái chuôi dao...Thiết dĩ...

Chồng hen mà lấy vợ hen

Đêm nằm ủn ỉn như kèn thổi đôi!

Giáng phó đàn tràng chứng minh công đức!

Nhang hoa thỉnh! *(đọc canh)* Nam vô hì... nhang... tà linh... hì hì...

(Xuý Vân ra đập cành lá vào mặt thầy)

Phù thủy: Con nhà nào mà láo thế không biết?

Mình đang ngồi nó lại ném đất vào mặt mình...

Chỉ được cái láo!

Đế: Trẻ con nó đùa đấy, thầy cứ lễ đi cho.

Phù thủy *(lại đọc canh)* Nam vô... hì... nhang... tà... à... li... inh... *(Xuý Vân lại ra, thầy đứng dậy bắt quyết* (h), *Xuý Vân bỏ chạy)* Anh Kim Nham ơi, hạ lễ bưng mâm ra đây nhá! Tôi nhốt nó vào rồi đấy... Anh xem có chắc không?

Kim Nham: Tôi thấy chưa chắc... thầy có chắc không?

Phù thủy: Tôi cũng chưa chắc... Để tôi khoán thêm nhá:

Úm... đông đoài nam bắc

Kéo đến rầm rập

Đừng có nộ nạt

Nữa mà thầy kinh

Thầy đi đến đây thân có một mình

Coi ma mộc như đạo cha, đức mẹ! (i)

(nói) Mà anh cũng phải luẩn quẩn gần đây canh cho tôi chứ nhỡ ma nó xổng ra thì tôi biết làm thế nào?

(với dàn nhạc)

Anh em ơi, có thấy nó ra thì làm ơn bảo tôi nhé!

Đế: Thế ra thầy cũng sợ ma à?

Phù thủy: Tôi không sợ nhưng cũng ngài ngại...

(ngồi đọc canh. giọng đầy nước mắt) Ê... hề... a... a

(Xúy Vân lại ra, đạp mạnh vào chiếc trống. Thầy sợ hãi thu dọn định chạy. Vân đón đầu, khóa tràng áo thầy lại).

Vân: Có phải là phù thủy không?

Đế: Phải rồi, phù thủy đấy!

Phù thủy: Thủy đâu mà thủy... Dạ thưa bà... con đi đóng cối xay ạ!

Vân: Rao đóng cối xay đi xem nào!

Phù thủy: Ai đóng cối xay không?... *(Vân đánh, thầy chạy vào).*

Lời dẫn:

Nhân vật này do bác Mầm, bác Linh diễn với sự đóng góp của đông đảo các nghệ sĩ. Đây là một nhân vật riêng của vở Kim Nham, nhưng cũng thấy dùng ở nhiều vở khác.

Khảo dị:

(a) Đến câu này, theo bác Phụ đổi là:

Sắc sắc nhụt nhụt
Thầy ở đồng lụt
Thầy mới lên đây
Ăn của nhà này
Phù hộ nhà khác!

(b) Theo bác Linh thì đoạn này đổi như sau:

Chả là mồng giêng tháng ngoài, người ta cúng thượng nguyên, có nồi cháo thí, tôi cứ dùi trống này, tôi chấm tôi mút mà cũng hết cả một nồi ba mươi, thế mới gọi là ông bồ thủy chứ!

(c) Theo bác Linh, thì đoạn này chép là:

- Phật bà ban cho tôi ba mươi sáu tay ấn quyết
Danh tiếng tôi đã lừng trong Nam Việt
Đi chín lần địa võng, thiên la
Hoặc nhà ai có bệnh tà ma
Đón tôi chưa kịp về nhà
Là tà ma phải cút sạch, cút ráo, cút tất!

(d) Theo bác Phụ câu này đổi như sau:

Nó bỏ bà vào cối, nó giã bi ba bí bốp
Xác bà quăng ra ngoài đồng
Rau đay, rau rút, rọc mùng
Thêm vào dòng mắm, nồi canh bung ngọt lừ.

(e) Theo bác Linh, câu này đổi thành:

Phù thủy: *Thôi anh nghỉ, còn tôi... xin cút!*
Đế: Làm thầy mà lại cút à?
Phù thủy: *Ai bảo thầy cút? Đấy là thầy khen xôi nhà ai thổi thơm như mùi lúa cút đấy chứ!*

(g) Theo bác Linh, cả 4 câu này đổi thành một đoạn nói, trong đó có câu:

Con ma nhà anh thiêng lắm, phải thánh tổ mới trị được. Anh về đóng cho tôi một ít oản để khao tướng.

Oản thì đừng lớn chớ bé
Mà quan tướng người khó cầm
Cứ lật trái lòng mâm
Đóng cho đủ nghìn tư phẩm chẵn!

(h) Theo bác Mược, chỗ này có thêm câu thần chú:

Thầy xem con ma nó vừa đẹp, vừa giòn
Thầy muốn cho tín chủ có con cùng thầy!

(i) Theo bác Trùm Thịnh, chỗ này thầy bắt quyết:

Nghé ọ!

13. MỤ QUÁN - THẰNG KHOÈO

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Mụ quán: Khoèo ơi, ra dọn hàng cho cô đi.

Khoèo: Nay Khoèo mai Khoèo, tối hôm qua gọi bằng mình cơ mà?

Mụ quán: Mày là đứa ăn đứa ở, chả gọi là Khoèo thì gọi là gì?

Khoèo: Ăn ở!... Khoèo...! Ở nhà thì gọi là chồng lẽ, bây giờ ra đây sĩ diện lại gọi bằng Khoèo... Chỉ sợ lúc túng mình rồi lại hết cả Khoèo.

Mụ quán: Thằng phải gió...! Mày nói cái gì thế hử?

Khoèo: Bảo mua củi đun thì không mua, đẵn ngay mấy cây chuối hột đút vào bếp khói mù mắt thế này.

Mụ quán: Thôi đừng cằn nhằn nữa, cô cháu mình phát tài đến nơi rồi. Ra khấn hàng cho cô đi.

Khoèo: Khấn thế nào?

Mụ quán: Khấn rằng: lạy tiên sư, tổ sư phù hộ cho cô cháu tôi của đồng làm ra, của nhà làm nên, giầu vỏ vài tiền, thu về một ống.

Khoèo: Lạy tiên sư, tổ sư phù hộ cho cô cháu tôi của đồng làm ra, của nhà làm nên, giầu vỏ vài tiền, thu về bã giầu đầy ống..., phù hộ cho cô cháu tôi sinh nam đắc nam, sinh nữ đắc nữ...

Mụ quán: Thằng phải gió... Khấn vái thế à?

Khoèo: Tôi quên...

Mụ quán: Thôi khấn đi để cô vào têm giầu.

Khoèo *(khấn hàng)* : Em nam vô a di đà phật!
Gần bay xa
La bay bổng
Thấy hoa đừng bẻ
Thấy trẻ đừng chơi
Cầu quán chớ ngồi
Đi cho chóng vánh.
Hàng cô tôi:
Có xôi có bánh
Có chả có nem
Lại có đường phèn
Đậu đen nấu cháo.
Hàng cô tôi:
Có lê có táo
Có quýt có cam
Lại có chè lam
Cùng là bánh ngọt.
Lạy đức tiên sư:
Người run rủi khách
Lành quần lành áo
Thì lánh cho xa
Cô tôi đàn bà
Tôi không chịu được
Phù nhang bát nước

Người hiến hưởng cho
Buôn quan tám, bán quan tư
Trăm lạy thánh sư
Được lãi tư tiền.

(sai) Hoặc phạm vợ chồng đánh nhau chi ách, kim đối đàn tiền, kim đương thỉnh giải!

Hoặc phạm ăn vụng ăn viếc, kim đối đàn tiền, kim đương thỉnh giải!...

Lời dẫn:

Hai nhân vật Mụ quán và thằng Khoèo là hai nhân vật của vở Kim Nham, nhưng nhiều khi các nghệ nhân tùy tiện đưa vào nhiều vở khác khi cần kéo dài thời gian biểu diễn, ví dụ: vở Lưu Bình - Dương Lễ.

14. HỒ NGHI VÀ TOEN HOẺN

(Ghi theo bác Mầm và bác Đóa)

Hồ Nghi: Tôi Hồ Nghi vốn ở mạn thuyền
Lấy nàng Đào vừa được nửa niên
Nhời nàng nói ắt là hẳn thật
Đêm hôm nay ắt tối giời như mực
Cắp dao ra tới chốn trúc mai
Liễu đem tiền giúp đỡ cho giai
Hễ ta gặp ắt là có bữa.

(nói) Cái nghề đi ăn trộm phải có hai người... ừ tôi có thằng anh em bạn tên là Toen Hoẻn, tôi phải gọi nó ra mới được... Hoẻn ơi, Hoẻn!

Hoẻn: Đứa nào gọi Hoẻn đấy?

Hồ Nghi: Đi ăn trộm đi.

Hoẻn: Ăn nộm ở đâu?

Hồ Nghi: Ăn trộm ở nhà cô Phương Hoa.

Hoẻn: Lại ăn cả bánh đa à?

Hồ Nghi: Ăn trộm ở nhà cô Phương Hoa kia mà?

Hoẻn: Ăn trộm gì?

Hồ Nghi: Ăn trộm vàng.

Hoẻn: Vàng à? Mấy nén?

Hồ Nghi: Ba nén.

Hoẻn: Để tao về cái đã.

Hồ Nghi: Về làm gì?

Hoẻn: Tao về lấy cái túi...

Hồ Nghi: Chưa có vàng đã lo túi đựng.

Hoẻn: Tao cầm cả cái đèn đi một thể.

Hồ Nghi: Đi ăn trộm sao lại mang đèn?

Hoẻn: Mày dốt lắm! Mang đèn mà soi lối đi, chứ mưa lội thế này, chân mày lấm mà bước vào giường vợ nó, nó đánh chết toi... Thôi, chia vàng trước đi đã. Tao là người công bằng, để tao chia cho. Được ba nén vàng thì phần con tao một nén này...

Hồ Nghi: Mày đi ăn trộm với tao chứ con mày có đi đến đâu mà mày nhận phần cho nó?

Hoẻn: Thế là mày bạc, mày không nhớ hôm nọ, mày đi ăn trộm ế mày về, mày bị rét quá, mày đến bảo con tao: "Cháu ơi, lấy cho chú cái điếu, chú hút điếu thuốc cho khỏi rét, mai chú cho nén vàng". Có phải không nào?

Hồ Nghi: Ừ thì cho con mày một nén, còn hai nén thì mày một tao một...

Hoẻn: Khoan đã, chưa đến phần mày... Còn phải phần cho vợ tao một nén...

Hồ Nghi: Sao lại chia cho vợ mày?

Hoẻn: Thế là mày bạc. Hôm nọ, mày đi, bị lộ mày về, mày đói, mày mới bảo vợ tao rằng: "Chị ơi, tôi đói lắm, chị có cơm cho tôi một bát". Người ta nói rằng: bát cơm Siếu mẫu trả ơn ngàn vàng... đằng này mới một nén đã kêu...

Hồ Nghi: Ừ thì phần vợ mày một nén, còn một nén phần tao...

Hoẻn: Ơ..., thế ra tao đi không cho mày à?

Hồ Nghi: Chỉ được cái khôn vặt, thôi đi... Này, nhà nó còn đèn đấy...

Hoẻn: Bò đen cũng bắt!

Hồ Nghi: Nhà nó còn thức.

Hoẻn: Bò đực mày chê à? Thôi, bây giờ phải đặt tên, đặt tuổi cho nhau. Tao gọi mày là Cậy, mày gọi tao là Hồng, ta phải vào chăng ken bỏ bả.

(Hai người đi hai ngả)

Hoẻn *(gặp lại Hồ Nghi):* Ai?

Hồ Nghi: Cậy đây.

Hoẻn: Đánh, đánh, đánh!...

Hồ Nghi: Sao mày lại đánh tao?

Hoẻn: Tao thấy bảo chạy thì tao đánh.

Hồ Nghi: Bây giờ khoét ngạch xong rồi, mày vào hay tao vào?

Hoẻn: Mày vào, để tao ở ngoài, tao còn nghe ngóng.

Hồ Nghi: Đã điếc lòi lại còn nghe... ừ, thôi thì để tao vào *(chui vào nhưng bị Hoẻn cầm chân kéo lại).* Sao mày lại lôi tao ra?

Hoẻn: Mày dốt lắm, khoét ngạch rồi thì phải lấy giẻ quấn vào đầu gậy khua vào bên trong xem sao rồi hãy chui vào, chứ mày chui ngay thế, ngộ ở bên trong nó lấy cái bừa nó giập một cái thì mày có chết không?

Hồ Nghi: Ừ phải, để tao vào.

Hoẻn: *(kêu)* Trộm, trộm, trộm!

Hồ Nghi: *(chạy vội ra)* Sao lại kêu trộm, hở, hở?

Hoẻn: Mày dốt quá! Mày vào được rồi, tao ở ngoài tao kêu trộm, nhà nó đương ngủ, nó cứ tao nó đuổi... Còn một mình mày ở trong nhà, mày cứ việc đóng gánh cho nặng mày ra...

(Liễu xuất hiện)

Hồ Nghi: À, con gái có tiền đem đi cho giai.

Số tiền này tha hồ tiêu dụng.

(giết Liễu cướp tiền)

Lời dẫn:

Trong Hội nghị biểu diễn truyền thống 1960, cụ Đóa đóng vai Hồ Nghi, bác Mầm đóng vai Toen Hoén, hai vai này đều ở vở Phương Hoa.

15. MẸ ĐỐP - XÃ TRƯỞNG

(Ghi theo bác Trùm Thịnh với sự tham gia
của bà Phạm Thị Lừng)

Xã trưởng: Thằng bố Đốp đâu, có nhà không hở?

Mẹ Đốp: *(nói từ trong)* Đứa nào đốp chát gì ở ngoài ấy đấy?

Xã trưởng: Láo nào!... Tao đây, thầy xã đây!

Mẹ Đốp: Lạy thầy ạ!... Bố cháu trẩy tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!

Xã trưởng: Làm cái thứ mõ thì bằng sắc gì, hả?

Mẹ Đốp: Thưa thầy, bố cháu đi cắp tráp theo hầu cụ Bá xuống tỉnh lĩnh bằng đấy ạ.

Xã trưởng: Ừ, có chăng thì thế chứ... Thế mày ra đây cũng được. Ra ngay đình có việc cần nhá.

Mẹ Đốp: *(nói lệch rồi hát sắp)* Này chị em ơi!

Thương chồng nên phải lầm than

Phép đâu có bắt việc quan đàn bà!

Xã trưởng: Đã bảo ra ngay có việc cần. Mày còn làm gì mà lâu thế?

Mẹ Đốp: Ấy, đồng tiền có chữ

Người phải có tên

Thầy để cho nhà cháu xưng danh cái đã.

Xã trưởng: Ai chả biết là mõ mà còn phải xưng danh?

Mẹ Đốp: *(nói lệch)* Ô là vậy:

Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi

Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực

Bất phận danh nhi tài túc
Vô chế lệnh nhi dân tòng[1]
Một mình tôi cả xã ngóng trông
Điều phải trái là tôi lên trước bảo.

Xã trưởng: Hừ, con này... Láo nào...! Thế mày vứt tao đi mày lên trước bảo dân tao à?

Mẹ Đốp: Dạ, nó là thế này kia ạ: to nhỏ việc gì có mõ rao thì dân làng mới biết. Như thế chẳng phải là nhà cháu lên trước bảo à?

Xã trưởng: Ừ... thôi, thế cũng cho là được.

Mẹ Đốp: Từ việc hỉ cho đến việc hảo
Trát quan về là phải báo đến tôi
Từ tiền tô giai lão quanh năm
Đến tiền tức một tay tôi chiếu bổ.

Xã trưởng: Hừ! Thế là mày vứt tao đi để mày chiếu bổ dân à? Đồ láo!

Mẹ Đốp: Dạ, dạ...thì trên có tay thầy chiếu bổ, dưới có nhà mõ đi thu. Không có nhà cháu thì liệu thầy trách cứ vào đâu, làng trông cậy vào ai chứ ạ?

Xã trưởng: Ờ, ờ... Thôi cũng cho là được. Nhưng... cứ phải nói là trên có thầy xã chiếu bổ, dưới có nhà mõ đi thu cho hắc bạch phân minh ra. Thôi, còn gì nữa?

1. Không có danh phận gì mà của cải có đủ
Không có chế độ, hiệu lệnh gì mà dân theo.

Mẹ Đốp: Từ hương hào cho chí thầy khán thủ
Ra đến đình là cũng phải đợi tôi
Tôi chưa ra làng chửa được ngồi...

Xã trưởng: À, ra con mẹ này chí tâm nghịch thượng[1]. Mày bảo mày chửa ra làng chửa được ngồi. Thế ra mày là bà thủ chỉ dân tao à?

Mẹ Đốp: Ấy nó là thế này kia ạ. Nhà cháu chưa ra, làng chửa được ngồi là vì nhà cháu chưa ra thì ai ra đấy mà giải chiếu? Làng ngồi xuống đất à?

Xã trưởng: Ờ ờ... nó nói thế là đúng lý. Thôi, cũng cho là được.

Mẹ Đốp: Dạ thưa thầy, sách có chữ rằng: Phi tiểu nhân bất thành quân tử ạ.[2]

Xã trưởng: Phi tiểu nhân bất thành quân tử. Đúng! Mẹ Đốp thế mà hay chữ gớm nhỉ?

Mẹ Đốp: Thưa thầy, nhà cháu tiếng là mõ, nhưng cũng có thơ đấy ạ.

Xã trưởng: Có thơ nữa à? Thơ thế nào?

Mẹ Đốp: Con đọc cho thầy nghe:
Rộng miệng cả tiếng lại dài hơi
Cả xã ưng bầu chẳng phải chơi

---

1. Làm trái lại người trên (đến mức tưởng tượng cao nhất).
2. Không có kẻ tiểu nhân thì không có người quân tử.

Mộc đạc vang lừng ba bảy cõi

Âm thanh dóng dả khắp mọi nơi... (a)

Xã trưởng *(nhắc lại)*

Hay, hay đấy nhỉ?

Mẹ Đốp: Thầy có mang nghiên bút đi đấy không ạ?

Xã trưởng: Nghiên bút để làm gì?

Mẹ Đốp: Thầy bảo hay thì con đọc cho thầy chép đem về nhà treo.

Xã trưởng: Hừ hay với mày chứ lại hay với tao à? Tao lại đi dán thơ mõ của nhà mày à? *(ngắm mẹ Đốp).* Ờ, mẹ Đốp dạo này trông nhuận sắc đấy nhỉ! Này, mày được mấy con rồi?

Mẹ Đốp: Nhà cháu hiếm hoi mới được có chín cháu với cháu này là mười...

Xã trưởng: Tốt nái đấy! Này nhà Đốp... Hôm nào mát giời cho tao sang gửi mày một đứa nhé...

Mẹ Đốp: Ấy chết! Thầy là người lớn mà ăn nói sàm sỡ thế? Thế thầy không sợ bố cháu nó nghe thấy à?

Xã trưởng: Ơ, cái con mẹ mày, rõ thật: nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân[4]. Ra mày hỗn láo thật! Tao thấy mày mát tay nuôi trẻ thì tao gửi mày một đứa nuôi hộ chứ... Dờ hồn, rồi sao cũng có ngày... Thôi đi rao đi.

Mẹ Đốp: Thầy bảo rao thế nào ạ?

---

1. Ngày ngày càng quá, đùa cợt hóa thật.

Xã trưởng: Nghe đây này:

Chiềng làng chiềng chạ
Thượng hạ tây đông
Con gái Phú ông
Tên là Mầu thị
Tâm tình ngoại ý
Mãn nguyện có thai
Mời già trẻ gái giai
Ra đình mà ăn khoán
Có thế thôi, đi rao đi!

Mẹ Đốp: Nhà cháu thì sáng dạ nhưng phải cái lại hôn tâm. Thầy làm một mạch thế thì còn nhớ làm sao được?... Hay là thế này vậy: nhà cháu đi trước đánh mõ, thầy đi sau thầy rao hộ...

Xã trưởng: Thế ra tao đi làm đầy tớ cho mõ à? Láo nào!

Mẹ Đốp: Vậy thì thầy nói lại cho nhà cháu nhập tâm vậy.

(Xã trưởng đọc lại, mẹ Đốp bốc từng lời bỏ vào giải yếm).

Xã trưởng: Kìa, sao mày lại bốc mồm tao bỏ vào chỗ ấy hả?

Mẹ Đốp: Không buộc thì nhà cháu không nhớ được.

Xã trưởng: Kìa kìa, có nhấc cao giải yếm lên không thì uế tạp hết mồm tao...

Lời dẫn:

Hai nhân vật này trích trong vở Quan Âm Thị Kính.

Khảo dị:

(a) Nguyên là thơ của Lê Thánh Tông đọc trệch đi.

Nguyên văn có tám câu như sau:

Gớm thay lớn tiếng lại dài hơi
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi
Mộc đạc vang lừng trong bốn cõi
Kim thanh rền rĩ khắp đôi nơi
Đâu đâu đấy đấy đều nghe lệnh
Xã xã dân dân phải cứ nhời
Trên dưới quyền hành tay cắt đặt
Một mình một cỗ thỏa lòng xơi.

(Theo *Thi văn bình chú*, cuốn 1 của *Ngô Tất Tố*)

Một hai phường ở Thái Bình đã sử dụng cả tám câu thơ của Lê Thánh Tông, thì lời trò lại gần với tám câu sau đây (nhất là bốn câu cuối):

Đảm đang cả tiếng lại dài hơi
Thiên hạ ưng bầu sự chẳng chơi
Mộc đạc vang lừng nghe mấy tiếng
Kim thanh náo nức khắp đôi nơi
Gần xa chốn chốn đều nghe hiệu
Dân xã đâu đâu cũng cứ lời
Trên dưới quyền hành tay cắt đặt
Một mình một cỗ mặc dù xơi!

(Theo tài liệu của cụ *Lê Tư Thực*)

Ở đây, nghệ sĩ xưa đã hạ thơ Lê Thánh Tông xuống mức mà lý trưởng cũng cho rằng bài thơ chỉ "hay với mõ" mà thôi.

C

Hề văn minh và hề cải lương

LỜI DẪN

Chèo Văn minh và chèo Cải lương là hai phong trào đổi mới chèo cổ tiếp liền nhau vào khoảng một phần tư đầu thế kỷ này.

Địa bàn hoạt động của các phong trào đó chủ yếu là thành thị. Đối tượng chính là thị dân.

Những người khởi xướng phong trào đó chủ trương phải viết nhiều vở mới theo đề tài đương thời để đáp ứng yêu cầu của khán giả.

Cùng với sự xuất hiện của hàng loạt vở mới, các nhân vật Hề mới cũng ra đời.

Nhìn chung thì phần rất lớn Hề Văn minh và Cải lương đều là Hề tính cách (Hề theo và Hề mồi hầu như không phát triển nữa). Trong Hề tính cách của thời kỳ này, chúng ta thấy sự có mặt của nhiều loại nhân vật xã hội, đặc biệt là nhân vật Thầy lang và Chủ quán, đại diện cho những "vua thuốc lậu" và chủ trọ nhà chứa đương thời, đầy rẫy trong khắp các phố phường Hà Nội.

1. ÔNG LANG CÓT

(Ghi theo bác Mầm và bác Linh,
có sự bổ sung của các bác khác)

(A) **Lang Cót:** Tôi tên là Lang Cót
Hiệu ở phố Hàng Bồ
Tôi có một bà cô
Lấy làm hai ông Biển Thước[1]
Tôi sang đấy hầu cơm, hầu nước
Ông dạy tôi làm thuốc làm thang
Khù khờ nổi tiếng ông lang
(B) Ra ngoài phố dọn hàng mở hiệu
Các vị thuốc khoe khoang chẳng thiếu
Vị gì trong bào chế cũng tinh
Nọ Trần bì, Ngưu tất, Phục linh
Kia Chỉ xác, Ô mai, Đại táo
Nhân nhũ, Đằng giao, Cam thảo
Trúc tơ, Long nhãn, Thạch cao
Bạch chỉ cùng Bạch thược, A giao
Trúc nhự với Thanh bì, Tê giác

---

1. Biển Thước: Người nước Trịnh, thời Chiến Quốc, họ Tần, tên là Việt Nhân, là người đầu tiên xét bệnh chỉ cần xem mạch mà biết được thương tổn ở bên trong. Người thời ấy đem danh hiệu Biển Thước, một nhân vật thần thoại giỏi chữa bệnh tặng cho ông (xem *Sử ký, Biển Thước tuyên sách ẩm*).

Nay nhân khi nhàn lạc
Sao không thấy khách mời
Cắp ô thủng thỉnh dạo chơi
Ra thành thị dù lòng bán thuốc.

(hát) Thênh thang túi thuốc dao cầu
Nào ai đã biết thuốc Tầu thuốc Tây
Thuốc tôi chỉ chữa người gầy
Phòng khi gánh nặng để thầy đỡ hộ một vai
Xa xôi khó nhọc chẳng nài.
... *(lược)*

(nói) Bà cụ nhà ta từ lúc ốm đến giờ có lúc nào được khỏe không?

Đế: Ốm lại còn khỏe à?

Lang Cót: À thế là ốm chứ không phải là yếu,

(nói đếm) Bệnh cho là ngoại cảm
Chứ không phải nội thương
Nào những khi đau yếu thất thường
Đấy là bởi ưu phiền yểm nhiễm (a)

(C) *(nói)* Đem bút giấy đây tôi kê đơn cho:

(nhịp một) Bạch thược bổ tỳ
Hoàng kỳ bổ phế
Nhân sâm bổ trệ
Bá tử bổ tâm
Thục địa, Huyền sâm

Bổ can, bổ thận
Sa nhân, Liên phấn
Bổ đại tiểu tràng
Thuốc bổ mê man
Thực là Thông phỉ
Ô đầu, Qui vĩ
Thạch tín Phi sương
Diêm tiêu, Ngưu hoàng
Hồng hoa Biển suất
Bạc hà, Xương truật
Khương hoạt, Sài Hồ
Kinh giới, Tử tô
Thăng ma, Bạch chỉ
Phòng phong, Phòng kỷ
Ngưu tất, Trần bì
Còn mấy vị ly
Thông kinh hành huyết.

Người thầy thuốc: Bà cháu già sao còn thông kinh hành huyết?

Lang Cót: Ấy, tại cái mạch huyết có tắt thì mới hóa ốm.
Ma hoàng chỉ nhiệt
Viễn chí chỉ hàn
Hậu phác chỉ can
Sinh khương chỉ ách
Cho tường chứng mạch

Mới gọi là thầy
Cầm lấy đơn này
Đi mà cân thuốc.
Nghe gia giảm này:
Thịt bò bít tết
Hành sống khoai tây
Ăn những vị này
No cho đến chết!
Này nhá!
Đơn tôi cho một lá
Giá đúng là ba hào
Đem về uống xem thuyên giảm ra sao
Nhược không khỏi, góp tiền vào...
Đế: Góp tiền lấy thuốc à?

Lang Cót: Không!... Góp tiền mà mua ván!

Khảo dị:

(a) Theo bác Linh, thì cả đoạn B đổi thành:

Đi chữa bệnh mười người chết chín
Còn người nữa, thuốc lục vị tôi phong cho kín
Phương tứ linh con cháu khóc như mưa
Thuốc của tôi uống vừa mát vừa ưa
Uống khỏi miệng là đưa ra nghĩa địa...

Lời dẫn:

Theo ý kiến của các nghệ sĩ lão thành thì nhân vật thầy lang trên đây là của Nguyễn Đình Nghị, riêng đoạn B, có hai lời khác nhau, chưa rõ lời nào là của ông. Lúc đầu, nhân vật này là nhân vật của một vở chèo văn minh của Nguyễn Đình Nghị, nhưng sau theo thói quen, các nghệ sĩ đem sử dụng vào nhiều vở khác, cho nên nay không ai còn nhớ nhân vật này của vở nào đầu tiên.

2. ÔNG LANG

(Ghi theo bác Phụ)

Học giả: nho y lý số[1]
Họ lại cho thầy lang tôi vào bậc thứ nhì
Nghĩ bực riêng mà phải phân bì
Nên nhắc để cho làng nho xét lại
Phàm vi nhân loại
Con người ta bác mẹ sinh ra
Từ đầu xanh cho đến lúc tuổi già
Các chứng bệnh dễ ai mà tránh khỏi
Chẳng may không gặp thuốc hay thầy giỏi
Dẫu chết oan là số hệ tại giời
Thuốc cứu dân thầy độ cho người
So công nghiệp đáng nho, y bình đẳng[2]
Nhà nghèo khó dầm sương dãi nắng
Lâm ốm đau khôn hẹn với ông giời
Nhà giầu sang vào bậc hơn người
Không tẩm bổ lại cho vào cái đất
Làm quan thì lo bề thân khuất[3]

---

1. Bốn điều hiểu biết, tiêu chuẩn của nhà nho xưa: hiểu nho học, làm thuốc, để đất bói toán.
2. Công nghiệp: sự nghiệp lớn lao.
3. Thân khuất: luồn cúi.

Làm thầy, tôi được cách tự do
Nho giả thiên kinh vạn quyển khôn dò
Y giả ngũ tạng tứ chi đà thuộc khắp[1]
Dễ mà đã quan hình, sát sắc[2]
Dễ đã từng đối chứng lập phương[3]
Như thời buổi này ở chốn nhà thương
Không ai sung sướng bằng ông thầy thuốc
Cho nên tôi lánh vòng mua chuộc
Mặc sức đua chen
Một nghệ tinh há phải là hèn
Chọn ngày trọng xem bằng đáng giá
(nói) Nào ai mời tôi thì rước về án mạch nào.
Tôi án mạch này
Nó chạy mạch khác
Ở trong khuê các
Lắm gái hường nhan
Muốn kết nhân duyên
Tương tư chửa kết!
Cô này thì nhiệt đây!
Đa nhiệt thì tôi dùng bài giải nhiệt

1. Ngũ tạng: tim, gan, tì, phổi, thận. Tứ chi: hai tay và hai chân.
2. Quan hình, sát sắc: xem hình dáng, xét sắc mặt. Đó là phép nhận xét người bệnh.
3. Đối chứng lập phương: đối chiếu với bệnh, lập phương thuốc.

Một lạng hoàng liên
Hoàng bá năm tiền
Ba phân điều thảo
Một cân đại táo
Hai lạng sinh khương
Thủy tiễn[1] ba thang
Thì... đưa bà ấy ra nghĩa địa!

Lời dẫn:

Nhân vật này của riêng phường Khuốc lớn (Thái Bình) không rõ tác giả và không rõ vở nào đầu tiên.

1. Thủy tiễn: nước đun.

3. ÔNG LANG BEN

(Ghi theo bác Mược)

Lang ben *(xưng danh):*

Chốn Hạnh lâm[1] nương ngụ
Tôi biểu tự Lang ben
Tài đã hay đối chứng lập phương
Học đủ biết quan hình sát sắc
Nào vọng, văn, vấn, thiết[2]
Phân cho tường hàn nhiệt, âm dương
Trước tôi định quân, thần, tá, sứ chi phương[3]
Sau biện hàn nhiệt, bình ôn chi vị
Sách tôi học đủ Hồi xuân, Thọ thế

---

1. Hạnh lâm: Đổng Phụng, người nước Ngô thời Tam Quốc, ở Lư sơn làm thuốc không lấy tiền của ai. Khi người bệnh khỏi đến tạ ơn, ông chỉ sai trồng từ một đến năm cây hạnh (tùy theo bệnh nặng nhẹ). Chỉ vài năm, hạnh mọc thành rừng, có đến mười vạn cây. Người đời gọi ông là Đổng tiên hạnh lâm. Từ đó, Hạnh lâm là để chỉ người làm thuốc.
2. Vọng, văn, vấn, thiết: Y gia phương đông coi đó là bốn phép khám bệnh chính (tứ chẩn yếu quyết). *Vọng* là xem sắc diện, *văn* là nghe kể bệnh và xét giọng nói, *vấn* là hỏi người bệnh, *thiết* là bắt mạch.
3. Quân, thần, tá, sứ: Phương pháp phối hợp các vị thuốc trong khi quyết định liều lượng thuốc. Đối với từng loại bệnh, thuốc chủ trị được gọi là *quân*, thuốc phụ trị được gọi là *thần*, thuốc vốn trái tính dược với quân mà lại dùng (ví dụ: trong một bài chủ trị lạnh mà lại thêm cam thảo vốn là vị lạnh, thầy thuốc phải sao cháy cam thảo để đưa vào thang thuốc, như vậy là *tương thành*) đó là *tá*. Vị thuốc có nhiệm vụ dẫn thuốc chủ trị đi gặp bệnh gọi là *sứ*. Thầy giỏi là ở chỗ biết định mức cho các vị quân, thần, tá, sứ.

Cùng Hoàng đình, Kim quĩ, Thanh nang[1]
Nào Lãn Ông[2], Bàng Thị (?), nào Biển Thước[3], Kỳ Hoàng[4]
Kiêm các mặt ngoại khoa, nội trị
Bài cắt đủ tứ vật, tứ quân, bát trân, bát vị[5]
Tả hữu qui, ích khí, bồi nguyên[6]
Gái chưa chồng tôi bốc sát hoả vi tiên
Giai chưa vợ tôi bốc liệt dương vi chủ
Sách có chữ cứu bệnh như cứu hoả
Dụng dược như dụng binh
Bằng bệnh ai thập tử nhất sinh
Tôi bốc lục vị... gia thiên mai, thổ quốc[7]
(hát) Sắm sanh bề thế nhiệm mầu

---

1. Hồi xuân, Thọ thế, Hoàng đình, Kim quĩ, Thanh nang:
Danh từ để chỉ các chi phái chuyên trị từng loại bệnh. Ví dụ: Hồi xuân chữa bệnh hài nhi. Kim quĩ chữa thương hàn v.v...
2. Lãn Ông: tên thực là Lê Hữu Trác, một y gia lớn của nước ta, quê ở Liêu Xá, Đường Hào, Hải Dương (nay thuộc Yên Mỹ, Hưng Yên). Ông sống vào thời Lê Trịnh, giữa thế kỷ thứ XVIII. Ông chữa thuốc rất giỏi và viết nhiều sách thuốc quí giá hiện còn lưu truyền.
3. Xem chú thích 1, bài Ông Lang Cót.
4. Kỳ - Hoàng: Kỳ Bá và Hoàng Đế, Kỳ Bá là bầy tôi của Hoàng Đế, là người giỏi thuốc, thường cùng Hoàng Đế bàn bạc việc chữa bệnh. Ý kiến của ông sau được chép vào *Nội Kinh*. Người đời sau thờ Kỳ Bá và Hoàng Đế là tổ nghề chữa bệnh và gọi tắt là Hoàng Kỳ.
5. Tứ vật, tứ quân, bát trân, bát vị: tên các bài thuốc.
6. Ích khí, bồi nguyên: tiếng chuyên môn để chỉ khả năng tác dụng của bài thuốc. *Ích khí*: làm tăng tiến nguyên khí ; bồi bổ nguyên thể.
7. Chơi chữ theo tục ngữ: lục vị là sáu tấm (ý nói quan tài có bốn tấm ván dài và hai tấm đầu). Thiên mai, thổ quốc, là cái mai nhà giời và cái cuốc nhà đất (ý nói đào huyệt chôn người chết).

Hòm mang gỗ trắc, dao cầu sắt tây
Dụng binh, cứu hoả trong tay.

Người đi mời: Có phải thầy là thầy thuốc không?

Lang ben: Vâng chính tôi đây là thầy thuốc
Nhà tôi đây tứ đại lang y[1]
Mười năm chẵn tôi mới đi một đám
Ông tôi là ông lang Y
Bố tôi là ông lang Chẩn
Vì tôi ăn bẩn
Nên tên gọi là Lang Ben...
... *(lược)*

1. Bốn đời làm lang y.

4. LANG THANG

(Ghi theo bác Mược)

Như tôi nay:

Vốn quẩy bồ cho ông Biển Thước[1]
Cắp tráp hầu cụ Tả Ao[2]
Nên mới biết nghề làm thuốc tào lao
Biểu tự Lang Thang là mỗ
Dù nhà ai bệnh khó
Cho mời mỗ đến thăm
Nghe bệnh rồi tôi đoán dựa lăng nhăng
Bảo nhà chủ đưa tiền đi cân thuốc
Cầm lấy tiền đi xe một lúc
Rồi tìm đến chỗ danh sư
Kiếm cơi giầu kể nỗi thực hư
Bệnh như thế, lạy thầy cấp cứu
Rồi xin đơn đưa ngay lên hiệu
Cân thuốc xách về nhà

---

1. Biển Thước: Xem chú thích bài 1, bài Lang Cót.
2. Theo sách *Tả Ao địa lý* chép: "Tả Ao tiên sinh" tên thật là Nguyễn Đức Huyên lại có tên là Hoàng Chiêm, quán làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Truyền thuyết rằng: Ông rất hiếu thảo với mẹ, khi mẹ bị đau mắt đã mù, ông liền tìm sang Trung Quốc học được môn thuốc ấy về chữa cho mẹ khỏi mù. Sau lại sang Trung Quốc học thêm được nghề phong thủy (để đất). Ở đây, dùng điển cố về nghề thuốc mà đưa vào trò "Lang Thang".

Ai lạ thì tưởng rằng thầy thuốc chính khoa
Quen mới biết là ông lang ngoại ngạch
Tôi thực là anh hàng xách
Kiếm mỗi chén vài hào
Chậm chẳng sao, chóng cũng chẳng sao
Sống cũng mặc, chết thời cũng mặc!
... *(lược một đoạn)*

Lời dẫn:

Nhân vật này rút ở vở Bạch Trường Thiên (không rõ tác giả) thường được dùng như nhân vật ngoài tích.

5. ĐỀ LẠI

(Ghi theo bác Mược)

Đề lại *(xưng danh):* Như tôi đây:

Chức phận làm lại mục
Hàng huyện gọi cụ Đề
Thấy gái tơ lại dở chứng dê
Trông quan lớn dát hơn quá thỏ
Máu hiểm ghét đâu, hư đó
Lòng tham giúp ít, ăn nhiều
Việc a dua dân cũng đều yêu
Tiếng thử bạc, dân càng sinh sợ
Đến kỳ thuế mà không có chè lá cho tôi, tôi chê tiền xấu thì chết với tôi
Mảng còn đang đàm đạo
Mặt trời đã mọc cao
Người nhà đâu?
Đưa khăn áo cho tao
Mau sắm sửa vào hầu quan lớn

(hát) Khăn lược đội đầu
Lược ngà búi tóc, giầy tầu, bước khoan khoan
Trong tay ngọc thật nhẫn vàng
Tráp vuông điếu sứ vẻ vang trong đời
Trong tráp cũng lắm thức chơi

Bao diêm, thuốc lá, bạc hà chấn phong
Màn nằm đôi giải kim tòng
Thông, mai, cúc, trúc, hóa rồng loạn vân
Chơi cho nổi tiếng phong trần...

Lời dẫn:

Trích đoạn này rút từ vở Tô Trương kết nghĩa, không rõ tác giả.

6. ĐỀ LẠI

(Ghi theo bác Mầm)

Đề lại *(xưng danh):*

Quyền tá nhị huyện đường
Mỗ danh xưng đề lại
Thượng bổ huyện quan bất túc
Hạ cai lại lệ vô phi
Chữ thảo tờ tựa thể long phi
Tay kết án thực là xà thủ
Khi không việc ngồi nhăn mặt vọ
Thấy quan truyền thoáng tựa chân heo
Bổng lộc nay chẳng ít, chẳng nhiều
Mỗi một tháng được dăm bảy chục
Nhân thư thả sẽ vào nghỉ nhọc
Thấy trống hầu ta sẽ vào quan
(hát) Tai nghe thấy tiếng trống hầu
Vội vàng ống nhổ tráp giầu đi sang
Vẻ người trông cũng nghênh ngang.

Lời dẫn:

Trích đoạn này do cụ Phạm Văn Duật (Lý Duật) người ở Vũ Tiên (Thái Bình) sáng tác, dùng lần đầu vào vở Kiều, sau đó dùng vào nhiều vở khác.

7. THẦY BÓI

(Ghi theo bác Mầm, bác Thịnh có sự bổ sung của các bác khác)

(A) - Tôi nay: Tính Lục nhâm không sót[1]

Xem Bát quái cũng rành[2]

Cho nên rằng:

Nức tiếng đồn thầy bói thực hô danh
Tôi học Quỷ cốc tiên ông đà đắc đạo
Chứ không phải như môn thầy kiếm gạo
Chỉ nhè giọng chủ mà liệu cách nài xu
Bực chí riêng, nên tôi cũng muốn mù
Ham trò rối, mặc ai... lo giả điếc!

Ở, mà nói với ai? Ai biết tâm sự mình thế nào mà nói! Thôi, chi cho bằng đọc bài thơ tự thán, bắt chước anh Xẩm Xoan hát một câu đi chợ:

Thơ rằng: Nào ai hơn tớ cõi trần gian
Tớ ngẫm hơn ai có cái nhàn
Lẽo đẽo vai mang hòm sự nghiệp
Lần dò chân giận vết giang san

(B) *(hát)* Tôi nói ra mang tiếng khinh đời
Biết chăng, chẳng biết, họa có giời với ta
Ta chỉ băn khoăn sao còn lạ nước non nhà

1, 2. Lục nhâm và Bát quái là tên của hai phép xem bói (riêng ở đây).

Vì đui con mắt, tại loà con ngươi
Đã bấy lâu nay chịu thế gian cười
Mày râu há để kém người bạn giai
Cái tuổi xanh kia khôn nhẽ vật nài
Riêng ta, ta những tiếc hoài cho ta
Biết đến bao giờ mở mắt trông ra
Cầm con gậy trúc, quyết xông pha với đời
Kẻo luống căm gan, tức ruột bời bời
Ngờ phong cảnh lạ, nghĩ trời đất quen
Ở cõi trần gian, mấy kẻ hay hèn
Bước đường danh lợi, chúng đua chen những gì
Sống lâu xem thấy lắm chuyện kỳ
Trách mình thôi, chớ trách gì ông xanh
Bởi vậy cho nên mở mắt khôn đành...

Khảo dị:

(a) Theo bác Thịnh, đoạn b có thể thay bằng:

Vua Phục Hy có sách di truyền[1]
Có con Long mã hiện lên trình tường
Trên ngang lưng vân điểm rõ ràng
Có bài vĩ số, phiên âm dương, ngũ hành
Ông dạy ra tương khắc, tương sinh
Thiên địa sinh thành, thánh nhân giáo chỉ[2]

1. Phục Hy (và 1 số câu khác): xem chú thích ở các bài: Thầy Đồ, Thầy Bói (Phần Hề tính cách).
2. Trời đất sinh thành như thế nào, thánh nhân đã dạy rõ.

Ông dạy ra bát quái tinh vi
Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài
Trong địa đồ, cổ vãng kim lai
Lục thập bát quái, trong ngoài ông để lại cho[1]
Sử bất mê cát hung, hối lận chi đồ.

Lời dẫn:

Bài này không rõ tác giả là ai và trích từ vở nào. Theo bác Thịnh thì đoạn A - B là của bác Nguyễn Đình Nghị, còn đoạn bổ sung ở phần khảo dị là của một tác giả khuyết danh thời kỳ Chèo văn minh.

1. Sáu mươi tám quẻ. Có lẽ đọc sai, vì phép bói dịch chỉ có sáu mươi tư quẻ mà thôi.

8. THỔ CÔNG

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Thổ công: Phụng Ngọc Hoàng sắc hạ
Tôi hiệu viết Thổ công
Thực thà chẳng dám nói không
Tính hạnh hiền như đống đất
Câu lương thiện cùng câu tà khuất
Lên thiên đình cứ thực tường khai
Lộc và lương tôi chẳng bằng ai
Kiết đến nỗi hai người một vợ.
Tôi mượn người làm sớ
Đổi đồn tôi xuống hiệu Nhật Tân
Bởi vì tôi không nộp thuế thân
Hai nữa lại không lầu tiếng khách
Nếu tôi mà chấp trách
Thì chú ấy tỉu hà ma
Xin đổi đồn xuống hiệu Bô-đa[1]
Họ bảo không dùng đầu rau đất!

(nói) Khốn nạn! Người ta cũng là vị Thổ công, tư rằm mồng một, nào oản, nào gà, nào chè, nào chuối, mà tôi đây cũng là vị Thổ công mà ban thờ nhà nó lại đặt lên cối ngõng (!)

---

1. Bô-đa, hoặc Gô-đa là hãng buôn lớn chuyên bán bách hóa của người Pháp trước kia ở Bờ hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội (nay là Công ty đầu tư Thương mại Tràng Tiền).

Đến ngày hai mươi ba tháng chạp, các ông ấy vào được nhà giầu thì vớ được cá chép, còn tôi đây nó lại cho con cá diếc. Tôi cũng đành bám vào mang con cá diếc tôi đi. Đến cửa nhà giời, con cá nó lại đau bụng đẻ, tôi phải đi tìm bà đỡ cho nó, thế có khổ không?... Thôi đành chịu vậy chứ biết kêu ai bây giờ...

Lời dẫn:

Nhân vật này trích ở vở Xuân Đào cắt thịt của vùng Thái Bình. Không rõ tác giả là ai.

9. THỔ ĐỊA

(Ghi theo bác Mầm, có sự bổ sung của các bác khác)

Thổ địa: Quyền cai hạ địa
Chức thuộc thượng thiên
Quy mô thổ phụ điền viên
Lệnh truyền phải tuần hà kiểm soát
Bởi vì chưng tính dát
Nên không dám đi xa
Quanh quẩn ở nước nhà
Kiếm ăn vùng đất tốt
Đầu năm nay bị "phốt"[1]
Giáng chức xuống Nam thành
Thoạt tiên trọng nhậm phố Hàng Hành
Xóm giềng ấy nhiều khi ỏm tỏi.
Cay như ớt, như gừng mà không dám nói
Trong bốn phương động đạt việc gì
Lễ thật hậu mà tôi không dám xơi đồng kẽm
Quan toà bắt tôi lên khám nghiệm
Hỏi vong hồn nó uất ức tại ai
Nó cung rằng nó ngủ với giai
Khi đối chứng còn trơ thổ địa.

1. Phốt: tiếng Pháp, faute, có nghĩa là sai lầm.

Trách quan toà xử không ra nhẽ
Lại vu cho rằng: Thổ địa đa dâm
Bực mình mà phải ngậm tăm
Tha cho đó rồi mai hậu cứu[2]
Việc còn đương líu tíu
Mà đã đến buổi hầu
Mau sắm sửa lên hầu
Kẻo Ngọc Hoàng quở phạt.

Lời dẫn:

Nhân vật này rút từ vở Giao Quỳ tranh công do cụ Phạm Văn Duật sáng tác.

1. Hậu cứu: danh từ pháp luật: tại ngoại hậu cứu, nghĩa là cho ở ngoài (không bị giam) sẽ xét xử sau.

10. HỌC TRÒ DỐT

(Ghi theo bác Mầm, bác Mược, có sự bổ sung của các bác khác)

(A) **Học trò:** Có thi mà không đỗ
Bởi túng hóa nên cuồng
Quê ngụ chốn Phù Luông[1]
Tôi tánh xưng đồ Hão (a)

(B) Nhớ từ thuở nhập môn thụ giáo
Học từ câu thiên tích thông minh
Nghĩ trời trao sáng láng cho mình
Nên theo đuổi chi, hồ, dĩ, hĩ
Thánh dạy: Thánh ất dĩ
Tôi tò mò học: Hóa tam thiên
Cửa Khổng kia bảy chục người hiền
Tìm quanh mãi sao tên mình không có?
Sách bỏ túi rách nát
Lều chiếu vẫn hãy còn
Biết cả đường khuyên vợ, dạy con
Nhà có khách phải chửi mèo, quèo chó!
Biết cả đường ra ngõ
Thuộc cả lối vào buồng

---

1. Phù Luông, tức là Phù Long, tên một xã phụ cận thành phố Nam Định, bên đường ra bến đò Tân Đệ, đi sang Thái Bình, nay thuộc ngoại thành Nam Định.

Đi thi vừa bảy, tám khoa luôn
Nộp quyển trắng... sao văn mình không đỗ?
Về nhà vợ con làm tân khổ
Công nợ chịu liên miên
Phen này quyết đỗ Trạng nguyên
Về dân nguyện cất ngôi thằng mõ
Lỗ tai nghe: Thiên tử
Rằng mở hội... đốt nhà!

Đế: Cầu hiền chứ!

Học trò *(nói):* Một chữ cũng thi, hai chữ cũng thi, ôn cố tri tân, học lại vài luống đã.

Đế: Vài bài chứ?

Học trò *(nhịp một):*

Thiên là giời
Giời cao hay là giời thấp?
Địa là đất
Đất rộng hay là đất hẹp?
Phụ là cha
Cha sinh hay là cha đẻ?
Mẫu là mẹ
Mẹ ghẻ hay là mẹ nuôi?
Nam là giai
Mỹ miều ái ố.
Nữ là gái
Yểu điệu phương phi.

Khứ là đi

Mẹ chẳng cho đi

Tẩu là chạy

Chạy thì kéo lại

.... *(lược)*

11. TRƯƠNG TUẦN

(Ghi theo bác Mầm)

Trương Tuần: Quyền kiểm soát gian phi
Xưng Trương Tuần là mỗ
Vốn là người cứng cổ
Đi đêm chẳng có sợ ma
Phép đi đêm đã có tù và
Rúc từ ngõ cho ra đến điếm.
Nếu tên nào khoáng khiếm
Biên vào sổ phạt ngay
Nếu ai mất trâu cày
Bắt tuần tráng đền ngay tút xuyt![1]

Lời dẫn:

Nhân vật này rút từ vở Quan Âm Thị Kính vùng Thái Bình - Tác giả: Phạm Văn Duật.

1. Tút xuyt: lối nói bồi của tiếng Pháp: tout de suite nghĩa là "ngay lập tức".

12. LÝ ĐƯƠNG

(Ghi theo bác Mầm)

Trương Tuần: Tay cầm đồng triện trong dân
Đứng đầu xã danh xưng Lý trưởng
Nghề làm việc tính hay trịch thượng
Nội trong làng ai dám nói ngang
Tự sông, đê cho chí binh lương
Sổ bạ tịch cùng tiền quốc trái
Động tí việc ăn tiền ra nhái
Đã chơi hoang lại phải đường ương
Canh - ki - na rượu nọ uống xoàng
Kim ngân đoạn áo này mặc tạm
Khi trẩy tỉnh giầy dôn, điếu khảm
Lúc ra đường xà vạt, ba tông
Rành rành được sắc vua phong
Ai ai cũng gọi là ông Lý Bá
Chị xã ở với ta cũng khá
Còn anh Nhiêu ở chẳng ra gì
Phen này sưu thuế đến kỳ
Thì ta phải báo thù: ...thu nhẹ!

Lời dẫn:

Như nhân vật trước.

13. LÝ TRƯỞNG CỰU

(Ghi theo bác Mầm)

Lý trưởng cựu:

Mới lĩnh bằng từ dịch
Lý trưởng cựu là ta
Ở trong dân mang tiếng mọt già
Lên phủ huyện lừng tay cò trắng
Tổ tôm xỉa chẳng canh nào vắng
Đám rượu cheo nào cũng có tôi
Nhân tình riêng mấy ả đào tồi
Từng quen biết vài bác Hai hát cổ
Ra làm việc nếu không xoay xở
Biết lấy gì nuôi vợ, nuôi con
Ba năm đôi vợ đẻ sòn sòn
Con nhung nhúc đằng sau, đằng trước
Khi làm việc thực là kiếm được
Lúc từ rồi khó nỗi xở xoay
Mấy lời tôi cặn kẽ với u mày
Cứ hoang mãi có ngày chết đói
(Mẹ Đốp vào mời ra việc làng)

Lời dẫn:

Như nhân vật trước.

14. THỢ MỘC

(Ghi theo bác Phụ)

Thợ mộc: Được đất ở con Kim
Phát ra tài phó mộc
Lách cách thiện tay tràng đục
Le te giữ mực dọc ngang
Một vùng này tiếng khéo đã vang
Vừa ba bận làm đền... mấy nỗi.
Đế: Làm đền thờ à?

Thợ mộc: Làm hỏng phải vác của nhà đi mà đền ấy chứ!
Còn vác mặt nên danh thợ cả
Máu tham ăn bắt nét phó hai
Rủ cánh nhà, con cháu mấy người
Sắp tràng đục ta đi làm thợ.

(hát) Làm thợ xưa nay
Nói rằng: công khoán, công ngày nào hơn?
Nhà nghèo đóng bén, bào trơn
Nhà giầu đục chạm câu lơn con rồng
Bào ngang, bào dọc, bào trung
Xỏ ngang, xỏ dọc phải dùng đến cưa
Xà ngang đục chạm cho vừa...

Lời dẫn:

Nhân vật này là nhân vật ngoài tích của phường Khuốc (Cổ Khúc - Thái Bình) - không rõ tác giả.

15 - THỢ MỘC

(Ghi theo bác Phụ)

Sáng rửa cưa
Trưa mài đục
Nhất nghề thợ mộc là khéo khôn
Mắt từng quen lỗ đục vuông tròn
Tay mộng mẹo, tôi đóng vào khuôn, vào thước
Thế mới gọi là thầy mưu, thợ chước
Nhất là khi bão to, lắm kẻ rước, người mời
Vài năm nay, êm ả chiều giời
Không gió máy đổ nhà, không ai mượn
Nay có người mời đi phạt mộc
Mình chỉ kinh làm hỏng phải đền
Làm không xong, dùi đục họ khiền
Thế mới biết cắt gỗ lấy tiền mà hóc búa.
(Kiếm câu hát vặt)

Lời dẫn:

Như bài trên.

16. THỢ MỘC

(Ghi theo bác Mầm)

Thợ mộc: Mộ táng vào con Kim
Phát nên nghề thợ mộc
Đồ tôi sắm tốt thay đã lạ
Vỏ chân tràng gỗ bạc quang dầu
Dây kim tuyến tôi lấy làm dây mực tầu
Hòn chì nảy đúc bằng vàng cốm
....
Nửa ngày rồi tôi mới đi làm
Những vươn vai, ngáp vặt ra vào
Được một lúc cơm trưa tới miệng
Giầu thuốc chín đánh dăm ba miếng
Đoạn ra rồi chè đặc đốc thôi
Đục nhì nhằng chí chát vài hồi
Bàn chuyện hão lại vừa cơm tối.
....

Lời dẫn:

Nhân vật này do cụ Phạm Văn Duật sáng tác, dùng lần đầu tiên trong vở chèo vui ngắn: "Tướng công kỵ bà lão".

17. CHỦ QUÁN

(HÀNG CƠM)

(Ghi theo bác Phụ)

(A) **Chủ quán:** Quán Gạo quê nhà

Chính hàng cơm là mố

Bán hàng thành phố

Khách nào ăn cũng phải tùy người

Thầy ký ga, bác bếp, cậu bồi

Rượu Sen, Cúc, Văn khôi dựng lọ

Khách tổng lý vào hàng quán trọ

Cơm năm hào rượu để tính ngoài

Anh buôn xoàng đòn ống trốc vai

Ngồi đầu ghế là năm xu một bát

Chồng ngon ngọt thiện tay dao thớt

Vợ ngọt ngào khéo nấu cơm canh

Giọng chua ngoa theo lối thị thành

Mang cửu phẩm tính hay gian lận

(B) *(hát)* Quán tôi mỹ miều chẳng thiếu chi

Nếu quí khách muốn dụng cái vật gì

Có cơm nếp hấp, thịt gà ca-ri

Bánh mì rô-ti

Có cua mì xào

Có thịt phay luộc

Có cẳng heo hầm
Có rượu áp-xanh
Pip-tờ mác-tờ a-me-pi
Công-bác-đô sâm-banh dễ dụng
Xét-tờ bu-tây in-biết xanh-căng[1]
Bò bánh bò bánh xếp bình tiêu
Xào có cả củ lang, củ đâu
Thịt bò rang
Có bánh bồng lai
Bánh bí mứt gừng
Ăn cho ngon mồm... (a)

Lời dẫn:

Nhân vật này là nhân vật ngoài tích của phường Khuốc (Cố Khúc - Thái Bình) không rõ ở vở nào và không biết tác giả là ai.

Khảo dị:

Đoạn B, có thể thay bằng:

Ác quạ, trên cây
Riều (diều) vàng, ngó đen
Mấy con chim trĩ
Bò nông rú rí
Tu hú tang hang
Một cặp sáo sành

1. Tiếng Pháp nói theo kiểu bồi: Chai rượu này giá một đồng rưỡi.

Thêm con bìm bịp
Tươi mươi cá mực
Bạc má, chích choè
Cá chép, cá mè
Cá leo, cá lấu
Tôm rồng, tôm sấu
Vò vọ mực đen
Tôm bạc tôm vàng
Tôm vầng tôm mít.

18. CHỦ QUÁN

(HÀNG GIẢI KHÁT)

(Ghi theo bác Phụ)

Chủ quán: Nhân tiết mùa hè nóng nực
Mở ngôi hàng thực hiệu nước chanh
Hàng tôi bán vừa mát vừa lành
Giấy cáo bạch đã đăng vào nhật trình Trung-Bắc
Hàng tôi bán năm xu một chén xen-chi-cấu
Trà Ô Long nung nấu công phu
Các ngài có xơi thì xơi chí-mả-vù
Muốn lành dạ thì ăn sa-cóc-mảy
Lục tào xá ăn vào có lợi
Có sợ đầy uống cốc cà phê
Vào hàng tôi ăn uống thỏa thuê
Trong nhà phải kê toàn bàn ghế
Hàng tôi thực hiện văn minh tân chế
Các chư tôn người đã văn danh
Nhờ các ngài tôi được cậy trông
Cho buôn bán trọn vòng thịnh lợi
(hát) Dạ dám thưa người
Tôi xin kể cho người nghe
Trong hàng, hàng tôi bán
Rượu chát, chát cả ve

Có cả cà phê cùng là xíu mại
Cơm Tây cũng có
Cơm An-nam nào có thiếu chi
Thầy muốn dùng thức chi thầy dùng
Nào là vằn thắn
Nọ nọ sườn kho
Nem nộm có cả chả giò
Tôi xin dọn cho người xét đó chi
Ăn rồi lại có đét-xe
Lại có nước chè, ô tửu ba-tê
Có hành tây hạng nhì, hạng nhất
Lại theo cái cách cải lương...

Lời dẫn:

Không rõ tác giả là ai.

Nhân vật này là nhân vật ngoài tích trò.

19. ÔNG GIÁO

(Ghi theo bác Phụ)

Ông giáo: Nhân sinh ư thế thượng
Vạn sự xuất ư nho
Vốn tôi nay quê ở Hỏa Lò
Chính đồ Kiêu là chữ
Ngày còn bé tôi có chuyên môn về cái đằng quốc ngữ
Cho nên bây giờ tôi từng xem được Trung Bắc tân văn
Tôi lên trường kiêm bị để chuyên thụ học hành
Sau tôi được ngồi lớp Pờ-rê-pa-ra-toa Á[1]
Thầy giáo tôi là người cũng khá
Ngày bấm be mấy tiếng Phờ-răng-xe[2]
Tôi mới tuân luật trường lẳng lặng ngồi nghe
Thầy giáo đương ra bốn phép tính nhân chia trừ cộng

Sau thầy mới hỏi:

Tôi đố các anh biết ba lần ba là mấy?
Từ lớp nhất, lớp nhì, không ai trả lời được
Nguyên tôi là học khá
Tôi đứng lên tôi trả lời liền
Đế: Trả lời thế nào?

1. Chữ Pháp, có nghĩa: lớp dự bị A.
2. Chữ Pháp, có nghĩa: tiếng Pháp.

Ông giáo: Tôi trả lời rằng:

"Thưa thầy ba lần ba là sáu"!

Thầy giáo liền phát cáu

Tính toán mãi không ra

May bấy giờ mới gặp quan Đốc về khám trường, ông ấy về đến cửa trường, chống ba toong ông ghé hỏi:

Két-xe tuy là?[1]

Tôi lại đứng lên tôi trả lời liền:

Mơ-xi-ơ, tờ-roa phùa tờ-roa-phông xít[2]

Ông ấy phê ngay cho một con "đít"[3]

Sẵn dê-rô[4] bớt một con "oong"[5]

Thấy tôi đây có chí học khôn

Cự ông giáo, lôi tôi về trường Cao đẳng.

Tưởng về đấy ngày một, ngày hai ông ấy bổ tôi đi làm việc ở đâu, ai ngờ ông ấy hỏi tiếng tây, một chữ cắn đôi tôi không biết.

Ông ấy liền tát xiếc

Tôi đi nằm ô-pi-tan[6] đến nửa tháng.

Lời dẫn:

Nhân vật này cũng là nhân vật ngoài tích, không rõ tác giả là ai.

---

1. Chữ Pháp, có nghĩa: Mày làm gì đấy?
2. Chữ Pháp, có nghĩa: Thưa ông, ba lần ba là sáu.
3. Chữ Pháp, có nghĩa: Điểm mười (10).
4. Chữ Pháp, có nghĩa: Điểm không (0).
5. Chữ Pháp, có nghĩa: Điểm một (1).
6. Chữ Pháp, có nghĩa: Bệnh viện.

20. NHIÊU VĂN

(Ghi theo bác Mược)

Nhiêu Văn: Dạ, thưa bác, Văn tôi nay là:

Ân thượng chất, Chu thượng văn[1]
Đức Khổng tử quá hóa tồn thần[2]
Thất thập sĩ văn chương khả đắc
Mừng giời nay nam thanh vằng vặc
Bốn phương đều văn vật nhất tâm
Thói dã man hủ lậu chi dân
Tiến phát văn minh chi tục
Văn con: Chu Văn Chu Úc[3]
Chẳng như ai tiền vô nhất văn[4]
Tổ tôm thua bán ruộng viết quanh
Cũng được chữ xảo thông văn tự[5]

Mừng các thầy khóa làng ta:

---

1. Nhà Ân chuộng chất (nội dung), nhà Chu chuộng văn (hình thức).
2. Qua đâu cảm hóa đó, nghĩ gì thần diệu nấy. Sách *Mạnh tử* chép: "Phù quân tử, sở quá giả hóa, Sở tồn giả thần", nghĩa là: "Ôi! Người quân tử đi đến đâu là cảm hóa đến đó, lưu tâm nghĩ điều gì là thần diệu điều ấy". Đó là lời khen bậc thánh nhân có những thịnh đức như vậy. Ở đây, nghệ sĩ đã rút câu đó thành "Quá hóa tồn thần".
3. Chu Văn Chu Úc: có lẽ ở đây mượn câu trong sách *Luận ngữ*: "Chu giám ư nhi đại, úc úc hồ văn tai!". Nghĩa là: "Nhà Chu noi gương hai đời trước (Hạ và Thương) văn vẻ rực rỡ thay!".
4. Tiền không một đồng.
5. Tinh thông văn tự.

A, bê, xê (a,b,c) cùng bài quốc ngữ
Sách thiên văn địa lý nhẩm tường
Đi tuyển sinh văn đủ "nốt" trường
Được sắc hạ văn bằng tốt nghiệp
Mừng thầy lý, thầy chánh binh lương thanh thỏa
Sắc vua ban cửu phẩm văn giai
Nào những ai văn học chi tài
Ra mà giúp văn minh chi thế

Vậy có thơ rằng:

Văn chương bất nguyện danh thiên hạ
Đãn nguyện văn chương trúng khảo quan[1]

Lời dẫn:

Nhân vật Nhiêu Văn lần đầu tiên được dùng trong vở Thôi Thao, sau đó trở thành nhân vật ngoài tích trò.

1. Không mong văn chương nổi tiếng thiên hạ chỉ mong văn chương đủ để thi đỗ.

III



PHỤ LỤC

I. HAI SỒI

(Ghi theo bác Phụ)

Hai Sồi: Chốn Tự do quê ngụ
Nơi Hạnh phúc là nhà
Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa
Đấy mới thực là quê cha đất tổ
Nền độc lập xây thành kiên cố
Đấy mới là nơi căn cứ của tôi
Tên tôi gọi Hai Sồi
Nghề cày cuốc tôi đây rất giỏi.
Tôi, tuy thế này, nhưng còn hiềm một nỗi vợ con chưa có.
Tôi còn đợi nơi nào sen ngó đào tơ
Khi ấy sẽ dò la ướm hỏi.

Anh em họ cứ bảo:

"Sao anh không kiếm một tí vợ cho nó như đũa có đôi?"

Đế: Thế anh nói sao?

Hai Sồi: Nhưng mà tôi chưa đồng ý ai cả. Rồi một hôm đi chợ tôi thấy một cô con gái... Không biết làm sao mà cô ta lại đẹp đến thế?

Đẹp xôn đẹp xao
Đẹp lộn xuống ao
Đẹp nhao lên bờ

Tôi để ý yêu cô ta nhưng cô ta lại không yêu tôi mới

giở cái khoa tán ra...

Đế: Tán làm sao nào?

Hai Sồi: Tôi mới tán rằng:

Này quí nương ơi,

Tôi với quí nương

Nhân bữa trước là tình cờ gặp gỡ

Nhân bữa nay là ngẫu nhĩ trùng phùng

Không biết tôi với mợ có duyên nợ gì không?

Trông thấy mặt là lòng vương tơ rối

Nay tôi muốn hỏi mấy lời đường đột

Để giây loan nối lấy duyên lành

Cho phỉ nguyện ba sinh

Để đẹp duyên đôi lứa

Thế mà cô ta trông thấy tôi, cô ta ghét dơ đi không trả lời, cô ta bỏ đi...

Đế: Thế rồi anh làm thế nào?

Hai Sồi: Tôi mới theo về đến tận nhà. Không biết nghĩ đi, nghĩ lại làm sao, cô ta mới trả lời tôi...

Đế: Trả lời làm sao?

Hai Sồi: Tôi cũng yêu anh nhưng... thầy u tôi sắp về... Anh cứ về đi, rồi mai tôi gửi cho anh một bức thư... Thành ra từ khi tôi được hân hạnh tấc giao gắn bó với cô ta tôi hóa ra tương tư, ngày quên ăn, đêm quên ngủ. Bẩy, tám hôm nay tôi chẳng ăn được hột cơm nào...

Đế Vậy thì nhịn à?

Hai Sồi: Không, tôi độc ăn xôi với phở!

Tôi lại hỏi thăm người ta thì ra cô ta cũng tương tư tôi, thành ra đêm cô ta không ngủ mà ngày cô ta cũng không ăn...

Đế: Nhớ anh mà không ăn hay sao?

Hai Sồi: Nào có phải là cô ta nhớ. Tôi hỏi thăm thấy bảo là cô ta nghĩ đến tôi, cô ta mới... tởm, cô ta không ăn được. Quả tình mấy hôm sau, cô ta gửi cho tôi bức thư thật. Tôi bắt được cái thư của cô ta, trong lòng nửa mừng nửa lo.

Đế: Sao mừng mà lại còn lo?

Hai Sồi: Mừng là mừng sắp sửa có người yêu quí đích đáng rồi mà lo là lo không biết mượn ai xem hộ cái thư...

Đế: Thế ra anh không biết chữ à?

Hai Sồi: Có biết nhưng mà chưa học. Mượn người anh em bạn đọc hộ thì ra cô ta cũng cảm tôi thực.

Đế: Thư làm sao?

Hai Sồi: Thư rằng:

(ví von) Này anh Cả ơi,

Mau về mà học đi thôi

Kẻo không biết chữ là người hổ thân

Mau mau ra lớp bình dân

Học cho biết chữ mười phân vẹn mười

(hát) Mắt trông, miệng đọc hơn người

Kẻo mai mang tiếng là người đần ngu.

(Ví Kiều lẩy) Anh về thưa với thầy u

Rằng em chẳng lấy chồng mù chữ đâu...

Đế: Thế là cô ta bỉ anh rồi!

Hai Sồi: Thế cho nên tôi ngồi tôi nghĩ, giá biết được ít chữ là lấy được cô ta, vì cô ta chỉ chê tôi là người mù chữ. Cho nên đêm nằm tôi mới nghĩ: không biết chữ nó lợi hại thế.

Cho nên người ta có câu nói rằng:

(ngâm) Học là bộ máy đúc hồn

Học giầu cho nước, học khôn cho mình.

Suy cho cùng: nếu tôi mà biết chữ thì cũng là viên gạch xây dựng cho nền tảng quốc gia đấy chứ!?

Lời dẫn:

Trích đoạn này do bác Vũ Văn Phụ, nghệ sĩ dân gian ở phường Khuốc (Cổ Khúc - Thái Bình) ứng diễn trong một đêm liên hoan cổ động bình dân học vụ ở xã, cuối năm 1945.

2. XƯỞNG LUYỆN KIM

(ĐỘC TẤU)

Ngọc Thạc

(Bộ đội hậu cần)

(Diễn viên trang phục quân nhân, cầm một chiếc kim được khuếch đại to bằng chiếc bơi chèo).

Nghe giới thiệu "Xưởng luyện kim", chắc các đồng chí tưởng tôi là công nhân khu gang thép.

Nhưng không!

Tôi là chiến sĩ kho, thuộc Tổng cục Hậu cần

Trông cái này có vẻ dị hình

Có đồng chí tưởng là cái xà beng, hoặc lại tưởng cái bơi chèo bằng gỗ,

Chính nó là chiếc kim khâu bao xinh xinh nho nhỏ

Tôi đã khuếch đại lên, không biết là gấp mấy ngàn lần.

Vì hôm nay họp mặt rất là đông

Nếu mang kim thật lên, e rằng... không đủ kính hiển vi để phát cho khán giả.

Ở kho tôi rất có nhiều chuyện lạ,

Trên tận tuyến chuyển hàng, góp lửa với tiền phương

Nếu kể hết, e rằng đến lúc móm răng!

Tôi chỉ xin kể câu chuyện cái "xưởng luyện kim" do tôi phụ trách.

Chả là kho tôi một thời gian có nhiều bao bì rách...
Rách không phải vì xếp dỡ nặng tay đâu
Các đồng chí xếp dỡ hàng rất thận trọng nâng niu
Vác gạo lên xe mà cứ như bế con đặt vào lòng võng
Bao rách đây là vì mảnh bom, mảnh đạn
Của máy bay thù đánh phá đêm ngày.
Cùng họ, cùng dòng với giặc Mỹ ở chốn này
Là lũ chuột cũng đêm ngày cắn phá
Chuột ở kho tôi thật là nhiều quá xá:
Có con to như thể bố con mèo,
Có con thì bé tí bé teo
Nếu không tinh là không nhìn thấy hắn.
Họ nhà chuột thì đông đúc lắm,
Chuột cống, chuột đất, chuột nhắt, chuột vàng.
Con ở trong hang,
Con nằm trong bụi,
Con thì ăn tối,
Con thì ăn ngày,
Còn các loại hôi hám, mõm dài
Là loại chuột chù, hễ thấy người là vừa đi vừa chửi... giả.
Có lần điếu thuốc lá tôi đang hút dở
Để ở bàn mà chuột tấn công ngay
Đêm ngủ trong màn, chuột đến nhấm cả ngón tay
Lại còn hỏi vay lương khô về ăn cho lạ miệng.

Có những con chi ly tính toán
Định xây "nhà hạnh phúc" ở gần kho
Thấy vắng người là lên cắn tự do
May mà con chuột chỉ có bốn răng
Chứ nếu đủ hai hàm thì gạo phải bỏ vào hòm sắt.
Những người ở kho không đành nhìn bao rách
Vì mỗi hạt gạo rơi mang biết bao năm tháng mồ hôi

Thế là cái sáng kiến diệt chuột được phát minh và cái "xưởng luyện kim" tôi phụ trách ra đời.

"Giám đốc" với "công nhân" chỉ có tôi là một.
"Xưởng" của tôi không cần máy móc
Chỉ cần cái đinh mười phân với một cái búa con,
Cùng một ít dây thép cuộn tròn.
Tôi cứ việc cắt dần mà sản xuất
Mài một tua là đầu kim nhọn hoắt
Tôi vừa làm vừa tức cảnh ngâm Kiều:
Khó nào cản được đôi tay
Có công mài "dây thép" có ngày nên "dùi"
Vì mới mài nhọn đầu thì chỉ mới có thể gọi là dùi
Phải ghè bẹp đít ra, đục thủng mới thành cái kim hoàn chỉnh!
"Xưởng" của tôi càng làm càng uy tín!

Không ngờ, kim của tôi lại được "xuất khẩu" sang cho các kho lân cận, tổng cộng đến nay không biết là bao nhiêu

Tôi dặn mọi người phải quý, phải yêu

Đừng có để cho kim rơi mất
Và nhớ là năng mài cho sắc
Đừng để kim cùn, đâm bao mắc chẳng sang
Rồi tức lên, đâm quáng đâm quàng
Chỗ đâm chẳng đâm, lại đâm vào tay thì có mà rách thịt
Cái kim khâu áo mà đâm vào tay còn buốt lên đến nách
Huống chi là cái kim khâu bao mà nó đâm vào tay chỉ có mà buốt đến... dạ dày!
Thế nên mỗi khi cầm chiếc kim khâu bao ở trên tay
Tôi quý, tôi yêu, quý yêu biết mấy
Và nhớ đến chiếc kim khâu vá ở đây cũng thấy
Những bàn tay cần mẫn thân thương
Những người chị vá áo cho em giữa lửa đạn chiến trường
Những người mẹ vá áo cho con giữa nơi ụ pháo
Rồi chiếc kim thêu của người thương tiễn chồng đi chiến đấu
Một sợi chỉ hồng cũng nâng cánh chim bay
Cũng đẹp như chiếc kim khâu bao của tôi ở nơi đây
Bao nhiêu bao rách tôi khâu lành lại tiệt.
Về sau này hàng nguy trang, máy bay thù không biết:
Chuột chết sạch sành sanh nhưng kim nọ vẫn không thừa.
Kim vẫn bên người có mặt sớm trưa
Mỗi mũi kim - một chiến công thầm kín,
Mỗi đường khâu là nghĩa tình thương mến,
Thắt chặt hai miền Nam Bắc bên nhau

Mỗi đường kim chắc mịn, ta khâu
Là cả tấm lòng ta gửi vào trong đó
Công việc của tôi cỏn con có rứa
Mà vừa rồi tổng kết được "tuyên dương"!
Thú thực với các đồng chí, ngày đầu được giao cái nhiệm vụ "luyện kim"
Tôi cứ áy náy phải làm nghề vụn vặt
Nhưng càng làm, tôi càng yêu, đến nỗi có lúc tôi mải mê, đục mệt,
Bởi hiểu việc làm mang ý nghĩa lớn lao
Khán giả ngồi đây, có ai muốn làm chiếc kim khâu bao
Xin mời đến Tổng cục Hậu cần, nhân danh
"Giám đốc xưởng luyện kim" tôi sẵn sàng hướng dẫn.

Mục lục

LỜI NGƯỜI SƯU TẦM 5

DẪN LUẬN 7

GIÁO ĐẦU 9

MẤY NÉT LỊCH SỬ 12

NỘI DUNG HỀ CHÈO 17

QUAN ĐIỂM CỦA HỀ CHÈO 29

NGHỆ THUẬT CỦA HỀ CHÈO 34

BIỂU DIỄN CỦA HỀ CHÈO 53

HẠN CHẾ CỦA HỀ CHÈO 59

ĐỘC TẤU CHÈO, MỘT HÌNH THỨC PHÁT TRIỂN CỦA HỀ CHÈO TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY 63

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHỌN LỌC MẪU HỀ 65

II. CÁC MẪU HỀ

A. HỀ ĐI HẦU (HỀ ÁO NGẮN) 71

HỀ GẬY 73

1. CÂU RA TRÒ 75
2. CÂU RA TRÒ 79
3. CÂU RA TRÒ 81
4. NHIÊU LAI 82
5. NHIÊU XUÂN 85
6. NHIÊU NHẤT 87
7. NHIÊU ĐỒNG 89
8. NHIÊU HẢ 90
9. NHIÊU THẬP 92
10. NHIÊU TAM 96
11. NHIÊU NHO 100
12. NHIÊU CHI 102
13. NHIÊU TẢI 104

14. NHIÊU LẠC 106

15. HỀ THEO TỬ THỨC 108

16. HỀ THEO KIM NHAM 112

17. HỀ THEO TẤT CHÁNH 115

18. HỀ THEO LƯU BÌNH 122

19. HỀ THEO NGOÀI TÍCH 125

20. HỀ THEO NGOÀI TÍCH 128

21. HỀ THEO NGOÀI TÍCH 130

22. HỀ THEO NGOÀI TÍCH 136

23. HỀ THEO NGOÀI TÍCH 140

HỀ MỒI 143

1. CÂU RA TRÒ 144

2. CÂU RA TRÒ 148

3. CÂU ĐỐ ĐÁ 153

4. CÂU XƯNG DANH 156

5. CÂU XƯNG DANH 157

6. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN 159

7. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN 161

8. CÂU MÀO ĐẦU HẦU CHUYỆN QUAN 163

9. CHUYỆN THUỐC ĐÁNH BẠC 167

10. CHUYỆN CÂY CỐI 171

11. HỀ ĐỐ QUAN 173

12. LÝ SỰ VÔ CÙNG 175

13. TAM ĐẠI DỞ HƠI 178

14. OAN XIN SỮA 180

15. MẤT TRỘM TRÂU 182

16. MẤT VẠC TRẢ CÒ 184

17. CHUYỆN XÔI MUỐI 185

18. THƠ BÁT NHÁO 187

19. ĐÁNH QUAN 191

20. TRANH HƠN 192

21. BÀN GIAO CANH 193
22. CÁC CÂU ĐỐ CỦA HỀ MỜI 195
B. HỀ TÍNH CÁCH 203
LỜI DẪN 205
1. LÃO SAY 206
2. LÃO SAY 211
3. ÔNG MĂNG 215
4. LÃO MỐC 218
5. CẢ SỨT 220
6. ÔNG TƠ HỒNG 225
7. CHÚ TIỂU 229
8. KHÁN THỦ 236
9. XÃ DỐT 239
10. THẦY BÓI 243
11. THẦY ĐỒ 252
12. PHÙ THỦY 262
13. MỤ QUÁN - THẰNG KHOÈO 278
14. HỒ NGHI VÀ TOEN HOÊN 281
15. MẸ ĐỐP - XÃ TRƯỞNG 285
C. HỀ VĂN MINH VÀ HỀ CẢI LƯƠNG 291
LỜI DẪN 293
1. ÔNG LANG CÓT 294
2. ÔNG LANG 299
3. ÔNG LANG BEN 302
4. LANG THANG 305
5. ĐỀ LẠI 307
6. ĐỀ LẠI 309
7. THẦY BÓI 310
8. THỔ CÔNG 313
9. THỔ ĐỊA 315
10. HỌC TRÒ DỐT 317

11. TRƯƠNG TUẦN 320
12. LÝ ĐƯƠNG 321
13. LÝ TRƯỞNG CỰU 322
14. THỢ MỘC 323
15 - THỢ MỘC 324
16. THỢ MỘC 325
17. CHỦ QUÁN 326
18. CHỦ QUÁN 329
19. ÔNG GIÁO 331
20. NHIÊU VĂN 333

PHỤ LỤC 335
1. HAI SỐI 337
2. XƯỞNG LUYỆN KIM 341

HỀ CHÈO

HÀ VĂN CẦU

Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. QUÁCH THU NGUYỆT
Biên tập:
CÚC HƯƠNG
Bìa:
MAI QUẾ VŨ
Sửa bản in:
PHƯƠNG CHI
Kỹ thuật vi tính:
THU HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 9316289 - 9350973 - 9316211 - 8465595 - 8465596
Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@ hcm.vnn.vn
Website: http://www. nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Số 20 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
ĐT: (04) 7734544 - Fax: (04) 7734544
E-mail: vanphongnxbtre@ hn.vnn.vn

In 1.000 cuốn, khổ 14 x 20cm tại Nhà in Thanh Niên, 62 Trần Huy Liệu - Q.PN-TP. HCM - ĐT : 8440038 - 8445308. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 539/65-CXB do Cục Xuất bản cấp ngày 20/04/2005 và giấy trích ngang KHXB số 1984/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2005.



HỀ CHÈO

"Khi cuốn sách này đến tay bạn thì các nghệ nhân có tên trong sách đã "đi" gần hết …

Việc các bác ra đi cũng tất yếu như trái rụng vào lúc phải rụng, song các bác đi rồi, lửa hoa thơm quả ngọt tiếp sau chưa phải đã có nhiều.

Tôi trân trọng báo tin đó để bạn suy nghĩ với tấm lòng mong mỏi rằng: bạn sẽ góp phần tích cực vào việc tiếp nối truyền thống của cha ông, duy trì lấy một phần vốn quý của dân tộc Việt Nam ta …

Mong rằng ***Hề chèo*** *sẽ được các bạn làm sân khấu ngày nay cải biên và cách mạng hóa nó, để nhằm đưa tiếng cười vốn lành mạnh và khoẻ khoắn ấy phục vụ cho cuộc sống xã hội chủ nghĩa đang đi lên của chúng ta"*

Tác giả

THÀNH ĐOÀN TP.HCM
NXB TRẺ

Hề chèo
8 934974 051374
Giá : 41.000 đ